**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

**CỬ NHÂN CHÍNH QUY**

**NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ**

**DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

**Đồng Nai – tháng năm 2020**

**MỤC LỤC**

1. GIỚI THIỆU CHUNG 1

1.1 Mục tiêu đào tạo 1

1.2 Vị trí và khả năng làm việc sau tốt nghiệp 1

1.3 Quan điểm xây dựng chương trình đào tạo 1

1.4 Hình thức và thời gian đào tạo 2

2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH 2

3. CHUẨN ĐẦU RA 2

3.1 Kiến thức 2

3.2 Kỹ năng 3

3.3 Thái độ 3

4. CÁC MÔN HỌC VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI CHUẨN ĐẦU RA 4

4.1 Các môn học đại cương 4

4.2 Các môn học cơ sở ngành 4

4.3 Các môn học chuyên ngành 5

5. CÁC CHUỖI MÔN HỌC 7

6. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 7

6.1 Tỷ lệ các khối kiến thức 7

6.2 Khối kiến thức giáo dục đại cương 7

6.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 8

6.3.1 Nhóm các môn học cơ sở ngành 8

6.3.2 Nhóm các môn học chuyên ngành 9

6.4 Khối kiến thức tốt nghiệp 10

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY 10

8. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP 13

9. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC hoặc ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT 13

9.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương 13

9.2 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 257

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**Tên chương trình: Chương trình đào tạo hệ Cử nhân chính quy**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**

**Mã ngành đào tạo: 7810103**

**Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung**

**Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển năm 2020**

**Thời điểm xây dựng | cập nhật CTĐT: 2020**

# 1. GIỚI THIỆU CHUNG

## 1.1 Mục tiêu đào tạo

- PEO1: Biết những kiến thức hiện đại về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- PEO2: Vận dụng những bài học kinh nghiệm quản lý, điều hành và nghiệp vụ của các nhà doanh nghiệp, quản lý trong và ngoài nước để phục vụ công việc.

- PEO3: Vận dụng những kỹ năng và phẩm chất phù hợp để quản lý, điều hành và thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong doanh nghiệp du lịch – lữ hành một cách khoa học và có hiệu quả cao.

## 1.2 Vị trí và khả năng làm việc sau tốt nghiệp

Người tốt nghiệp chương trình có đủ khả năng làm việc tại các vị trí của doanh nghiệp du lịch lữ hành như: quản lý, chuyên viên phụ trách các bộ phận lưu trú, nhà hàng, tiếp thị, chăm sóc khách hàng, tổ chức hội nghị - sự kiện; quản trị - điều hành - thiết kế tour tại các công ty trong và ngoài nước hoặc các tổ chức phi chính phủ; hướng dẫn viên du lịch hoặc; chuyên viên tại các Sở, Ban, Ngành về Du lịch hoặc nghiên cứu, giảng dạy về du lịch tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu,…

## 1.3 Quan điểm xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự tham khảo chương trình đào đạo của một số trường như: Đại học Hà Nội, Đại học KHXH-NV Hà Nội, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Đại Học Văn Hóa TP Hồ Chí Minh, Đại học Quốc tế ….

## 1.4 Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: chính quy tập trung.

- Thời gian đào tạo : 3.5 năm.

# 2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Đối tượng 1: Xét tuyển điểm thi PTTH Quốc Gia

- Đã tốt nghiệp THPT

- Đạt điểm sàn theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Đối tượng 2: Xét tuyển học bạ lớp 12

- Đã tốt nghiệp THPT

- Tổng điểm cả năm lớp 12 của ba môn xét tuyển >=18

# 3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn đầu ra sau:

**3.1 Kiến thức**

**- ELO1:** Trình bày được những kiến thức cơ bản về triết học, pháp luật, chính trị, xã hội nói chung và hoạt động kinh tế nói riêng; các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

**- ELO2:** Vận dụng được kiến thức nền tảng về các lĩnh vực ứng dụng cơ bản như: kinh tế học, thống kê ứng dụng trong du lịch và xác suất – thống kê.

- **ELO3:** Sử dụng được tiếng Anh và hiểu một ngoại ngữ Châu Á khác (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) trong học tập, nghiên cứu và công việc. Ứng dụng được kiến thức và kỹ năng căn bản về công nghệ thông tin như: hệ điều hành, phần cứng, phần mềm trong du lịch..., sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng như Microsoft Word, Excel, Power Point, khai thác và sử dụng Internet, Email.

- **ELO4:** Biết những kiến thức cơ bản về văn hóa, lịch sử, thực trạng, xu hướng thay đổi hoạt động kinh tế quốc gia và quốc tế: kinh tế học, quản trị học, lịch sử văn minh thế giới, lễ hội - phong tục - tín ngưỡng, tâm lý…

- **ELO5:** Vận dụng những kiến thức pháp luật, kinh tế, du lịch cơ bản để Quản trị nhân sự; quản trị dự án, quản trị hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp du lịch – lữ hành.

- **ELO6:** Vận dụng những kiến thức về quản trị nhà hàng, khách sạn, lữ hành nhằm xây dựng, thiết kế, điều hành, bán và thực hiện các sản phẩm du lịch trong doanh nghiệp du lịch – lữ hành.

**3.2 Kỹ năng**

**- ELO7:** Vận dụng kiến thức để tổ chức thực hiện chiến lược, ý tưởng kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, tổ chức, triển khai, giám sát và kế hoạch marketing... cho doanh nghiệp du lịch lữ hành.

**- ELO8:** Vận dụng kiến thức để lên kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng sản phẩm dịch vụ du lịch... cho doanh nghiệp.

**- ELO9:** Vận dụng kiến thức để quản lý, điều hành, bán và thực hiện kỹ năng hướng dẫn du lịch, lễ tân, buồng, bàn, bar… trong các doanh nghiệp du lịch và lữ hành.

**3.3 Thái độ**

**- ELO10:** Nhận định về thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; tác phong công nghiệp, tinh thần tiên phong và tinh thần hợp tác, tôn trọng sự đa dạng và khác biệt về văn hóa.

**- ELO11:** Nhận định được xu hướng, khả năng cập nhật kiến thức và sáng tạo trong công việc.

**4. CÁC MÔN HỌC VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI CHUẨN ĐẦU RA**

## 4.1 Các môn học đại cương

| **S**  **T**  **T** | **Mã môn học** | **Tên**  **môn học** | **Chuẩn đầu ra** | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ELO1** | **ELO2** | **ELO3** | **ELO4** | **ELO5** | **ELO6** | **ELO7** | **ELO8** | **ELO9** | **ELO10** | **ELO11** |
| 1 | 102063 | Triết học Mác - Lênin | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 102064 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 102065 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 102055 | English 1 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | 102014 | Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet} |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 102056 | English 2 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 102037 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | 102057 | English 3 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | 102006 | Pháp luật đại cương | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | 102033 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | 102058 | English 4 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | 102066 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | 102059 | English 5 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | 102060 | English 6 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |

## 4.2 Các môn học cơ sở ngành

| **S**  **T**  **T** | **Mã môn học** | **Tên**  **môn học** | **Chuẩn đầu ra** | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ELO1** | **ELO2** | **ELO3** | **ELO4** | **ELO5** | **ELO6** | **ELO7** | **ELO8** | **ELO9** | **ELO10** | **ELO11** |
| 1 | 125045 | Kinh tế học |  | x |  |  |  |  | x |  |  |  | x |
| 2 | 100002 | Marketing cơ bản |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 126029 | Cơ sở văn hóa Việt Nam |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 100003 | Quản trị học |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | 126055 | Tổng quan du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 125012 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | x |  |  |  |  |  | x |  |  | x | x |
| 7 | 126033 | Lễ hội - Phong tục - Tín ngưỡng Việt Nam |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | 126045 | Thuyết minh tại điểm đến |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| 9 | 126030 | Du lịch bền vững |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | 126005 | Địa lý du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | 125062 | Tin học ứng dụng trong kinh tế |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | 126037 | Quản trị đa văn hóa |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 13 | 126057 | Văn hóa ẩm thực |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | 125021 | Quản trị nguồn nhân lực |  |  |  |  | x |  |  | x |  | x |  |
| 15 | 125022 | Quản trị rủi ro và khủng hoảng |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| 16 | 125052 | Khởi nghiệp và ứng dụng |  |  |  |  |  | x | x |  |  | x |  |
| 17 | 126011 | Lịch sử văn minh thế giới |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |

## 4.3 Các môn học chuyên ngành

| **S**  **T**  **T** | **Mã môn học** | **Tên**  **môn học** | **Chuẩn đầu ra** | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ELO1** | **ELO2** | **ELO3** | **ELO4** | **ELO5** | **ELO6** | **ELO7** | **ELO8** | **ELO9** | **ELO10** | **ELO11** |
| 1 | 126043 | Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong KD du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 126046 | Tiếng Hàn cho du lịch 1 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 126050 | Tiếng Nhật cho du lịch 1 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 126034 | Marketing du lịch |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 5 | 126038 | Quản trị dự án du lịch |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 6 | 126008 | Kinh tế du lịch |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 126012 | Luật du lịch |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| 8 | 126047 | Tiếng Hàn cho du lịch 2 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | 126051 | Tiếng Nhật cho du lịch 2 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | 126039 | Quản trị kinh doanh dịch vụ lưu trú |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 11 | 126041 | Quản trị kinh doanh lữ hành |  |  |  | x |  | x |  |  |  |  |  |
| 12 | 126015 | Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn |  |  |  |  |  | x |  |  | x |  |  |
| 13 | 126048 | Tiếng Hàn cho du lịch 3 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | 126052 | Tiếng Nhật cho du lịch 3 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | 126032 | Kỹ năng hoạt náo - sơ cứu |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| 16 | 126036 | Quản trị bán hàng trong du lịch |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 17 | 126027 | Anh văn chuyên ngành du lịch |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 | 126035 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  | x |  |  |
| 19 | 126044 | Thiết kế và điều hành tour |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 20 | 126040 | Quản trị kinh doanh dịch vụ nhà hàng |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 21 | 126056 | Tuyến điểm du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 22 | 126049 | Tiếng Hàn cho du lịch 4 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 23 | 126053 | Tiếng Nhật cho du lịch 4 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 24 | 126042 | Quản trị sự kiện và lễ hội |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 25 | 126028 | Bảo vệ môi trường du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |

# 5. CÁC CHUỖI MÔN HỌC

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ELO4** | HK1 | HK2 | HK3 | HK4 | HK5 | HK6 |
| **KT cơ bản du lịch** |  | Tổng quan du lịch | Địa lý du lịch | Kinh tế du lịch |  |  |
| **KT chuyên ngành du lịch** |  |  |  |  | Quản trị kinh doanh lữ hành |  |
| **KT về nghiệp vụ du lịch** |  |  |  |  |  | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch |

# 

# 6. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 6.1 Tỷ lệ các khối kiến thức

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khối kiến thức** | | **Tổng số**  **tín chỉ** | **Ghi chú** |
| Khối kiến thức giáo dục đại cương | Lý luận chính trị | 11 |  |
| Khoa học xã hội | 2 |  |
| Ngoại ngữ | 12 |  |
| Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên, Công nghệ | 5 |  |
| Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | Cơ sở ngành | 33 |  |
| Chuyên ngành | 45 |  |
| Tốt nghiệp | Khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp | 10 |  |
| Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa  (Không bao gồm số tín chỉ Giáo dục thể chất) | | **118** |  |

## 6.2 Khối kiến thức giáo dục đại cương

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã MH** | **Môn học** | **Số tín chỉ** | | | | **Số tiết** | **Ghi chú** |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 102002 | Giáo dục thể chất 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 30 |  |
| 102063 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 102064 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102065 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102055 | English 1 | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102003 | Giáo dục thể chất 2 | 1 | 0 | 0 | 1 | 30 |  |
| 102014 | Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet} | 3 | 2 | 1 | 0 | 75 |  |
| 102056 | English 2 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102004 | Giáo dục thể chất 3 | 1 | 0 | 0 | 1 | 30 |  |
| 102037 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 2 | 1 | 1 | 0 | 60 |  |
| 102057 | English 3 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102006 | Pháp luật đại cương | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102033 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102058 | English 4 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102066 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102059 | English 5 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102060 | English 6 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| **TỔNG CỘNG** | | **33** | **23** | **2** | **8** | **675** |  |

## 

## 6.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

### 6.3.1 Nhóm các môn học cơ sở ngành

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã MH** | **Môn học** | **Số tín chỉ** | | | | **Số tiết** | **Ghi chú** |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 125045 | Kinh tế học | 3 | 2 | 0 | 1 | 60 |  |
| 100002 | Marketing cơ bản | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126029 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 100003 | Quản trị học | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126055 | Tổng quan du lịch | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 125012 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126033 | Lễ hội - Phong tục - Tín ngưỡng Việt Nam | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126045 | Thuyết minh tại điểm đến | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 126030 | Du lịch bền vững | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126005 | Địa lý du lịch | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 125062 | Tin học ứng dụng trong kinh tế | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 125052 | Khởi nghiệp và ứng dụng | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126011 | Lịch sử văn minh thế giới | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| **Môn tự chọn** | |  |  |  |  |  |  |
| 126037 | Quản trị đa văn hóa | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK3 |
| 126057 | Văn hóa ẩm thực |
| 125021 | Quản trị nguồn nhân lực | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK4 |
| 125022 | Quản trị rủi ro và khủng hoảng |
| **TỔNG CỘNG** | | **33** | **21** | **0** | **12** | **675** |  |

### 6.3.2 Nhóm các môn học chuyên ngành

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã MH** | **Môn học** | **Số tín chỉ** | | | | **Số tiết** | **Ghi chú** |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 126043 | Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong KD du lịch | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126034 | Marketing du lịch | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126038 | Quản trị dự án du lịch | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126008 | Kinh tế du lịch | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126012 | Luật du lịch | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126039 | Quản trị kinh doanh dịch vụ lưu trú | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126041 | Quản trị kinh doanh lữ hành | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126015 | Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126027 | Anh văn chuyên ngành du lịch | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126035 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126044 | Thiết kế và điều hành tour | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126040 | Quản trị kinh doanh dịch vụ nhà hàng | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126056 | Tuyến điểm du lịch | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| **Môn tự chọn** | |  |  |  |  |  |  |
| 126046 | Tiếng Hàn cho du lịch 1 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK3 |
| 126050 | Tiếng Nhật cho du lịch 1 |
| 126047 | Tiếng Hàn cho du lịch 2 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK4 |
| 126051 | Tiếng Nhật cho du lịch 2 |
| 126048 | Tiếng Hàn cho du lịch 3 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK5 |
| 126052 | Tiếng Nhật cho du lịch 3 |
| 126032 | Kỹ năng hoạt náo - sơ cứu | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK5 |
| 126036 | Quản trị bán hàng trong du lịch |
| 126049 | Tiếng Hàn cho du lịch 4 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK6 |
| 126053 | Tiếng Nhật cho du lịch 4 |
| 126042 | Quản trị sự kiện và lễ hội | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK6 |
| 126028 | Bảo vệ môi trường du lịch |
| **TỔNG CỘNG** | | **45** | **33** | **0** | **12** | **855** |  |

## 6.4Khối kiến thức tốt nghiệp

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã MH** | **Môn học** | **Số tín chỉ** | | | | **Số tiết** | **Ghi chú** |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 66666 | Tốt nghiệp | 10 | 10 | 0 | 0 | 150 |  |
| **TỔNG CỘNG** | | **10** | **10** | **0** | **0** | **150** |  |

# 

# 7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

## Sơ đồ mối liên hệ thứ tự học giữa các môn

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HK1 (19TC)** | **HK2 (19TC)** | | **HK3 (16TC)** | | **HK4 (19TC)** | | **HK5 (20TC)** | |
| 102002 1(0,0,1)    Giáo Dục Thể Chất 1  00000 4(0,4,0)    Giáo dục Quốc phòng | 102003 1(0,0,1)    Giáo Dục Thể Chất 2 | | 102004 1(0,0,1)    Giáo Dục Thể Chất 3 | | 126045 2(1,0,1)    Thuyết minh tại điểm đến  102006 2(2,0,0)    Pháp luật đại cương | | 102066 2(2,0,0)    Lịch sử Đảng CS Việt Nam  125052 2(1,0,1)    Khởi nghiệp và ứng dụng | |
| 125045 3(2,0,1)    Kinh tế học | 126055 3(3,0,0)    Tổng quan du lịch | | 102037 2(1,1,0)    Lý thuyết xác suất thống kê | | 126038 2(1,0,1)    Quản trị dự án du lịch | | 126011 2(1,0,1)    Lịch sử văn minh thế giới | |
| 102063 3(3,0,0)    Triết học Mác - Lênin | 125012 2(1,0,1)    PP nghiên cứu khoa học | | 126043 3(3,0,0)    Tâm lý & NTGT, ƯXTKDDL | | 126008 2(1,0,1)    Kiinh tế du lịch | | 126039 3(3,0,0)    QT kinh doanh dịch vụ lưu trú | |
| 102065 2(2,0,0)    Chủ nghĩa xã hội khoa học  102064 2(2,0,0)    Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 126033 2(1,0,1)    Lễ hội – P. tục – T. ngưỡng VN | | 126005 2(1,0,1)    Địa lý du lịch | | 126012 2(1,0,1)    Luật du lịch | | 126041 3(3,0,0)    QT kinh doanh lữ hành | |
| 100002 2(1,0,1)    Marketing cơ bản | 126034 2(2,0,0)    Marketing du lịch  102014 3(2,1,0)    Tin học đại cương  102014 3(2,1,0)    Tin học đại cương | | 125062 2(1,0,1)    Tin học ứng dụngtrong kinh tế | | 102033 2(2,0,0)    Tư tưởng Hồ Chí Minh | | 126015 2(1,0,1)    N. vụ nhà hàng – khách sạn | |
| 126029 2(1,0,1)    Cơ sở văn hóa Việt Nam | 126030 2(1,0,1)    Du lịch bền vững | | 2(1,1,0)    Môn tự chọn | | 2(1,1,0)    Môn tự chọn | | 2(1,1,0)    Môn tự chọn | |
| 100003 3(3,0,0)    Quản trị học  102055 2(2,0,0)    English 1 | 102014 3(2,1,0)    Tin học đại cương | | 102057 2(1,0,1)    English 3  2(1,1,0)    Môn tự chọn | | 102058 2(1,0,1)    English 4  2(1,1,0)    Môn tự chọn | | 102059 2(1,0,1)    English 5  2(1,0,1)    Môn tự chọn | |
|  | 102056 2(1,0,1)    English 2 | |  | |  | |  | |
| **HK6 (17TC)** | | | **HK7 (10TC)** | | **TỰ CHỌN (TT)** | | **TỰ CHỌN (TT)** | |
|  | | | 66666 10(10,0,0)    Tốt nghiệp | | **TỰ CHỌN HỌC KỲ 4**  **Chọn 2/4 tín chỉ**  126047 2(1,0,1)    Tiếng Hàn cho DL 2  **TỰ CHỌN HỌC KỲ 3**  **Chọn 2/4 tín chỉ**  126046 2(1,0,1)    Tiếng Hàn cho DL 1 | | 125022 2(1,0,1)    Quản trị rủi ro và khủng hoảng  126051 2(1,0,1)    Tiếng Nhật cho DL 2  125021 2(1,0,1)    Quản trị nguồn nhân lực | |
| 126027 2(1,0,1)    Anh văn chuyên ngành du lịch  126035 3(3,0,0)    Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | | |  | | 126050 2(1,0,1)    Tiếng Nhật cho DL 1 | |
| 126044 3(3,0,0)    Thiết kế và điều hành tour | | |  | | 126036 2(1,0,1)    Quản trị bán hàng trong DL  126032 2(1,0,1)    Kỹ năng hoạt náo – sơ cứu  126052 2(1,0,1)    Tiếng Nhật cho DL 3  126057 2(1,0,1)    Văn hóa ẩm thực  126037 2(1,0,1)    Quản trị đa văn hóa | |
| 126040 3(3,0,0)    Quản trị KD DV nhà hàng | | |  | | **TỰ CHỌN HỌC KỲ 6**  **Chọn 2/4 tín chỉ**  126049 2(1,0,1)    Tiếng Hàn cho DL 4  **TỰ CHỌN HỌC KỲ 5**  **Chọn 2/4 tín chỉ**  126048 2(1,0,1)    Tiếng Hàn cho DL 3 | |
| 126056 3(3,0,0)    Tuyến điểm du lịch | | |  | |  | |
| 2(1,0,1)    Môn tự chọn | | |  | |  | |
| 102060 2(1,0,1)    English 6  2(1,0,1)    Môn tự chọn | | |  | |  | | 126053 2(1,0,1)    Tiếng Nhật cho DL 4  126042 2(1,0,1)    Quản trị sự kiện và lễ hội  126028 2(1,0,1)    Bảo vệ môi trường du lịch | |
|  | | |  | |  | |

# 8. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên đủ điều kiện được xét tốt nghiệp khi hoàn tất các yêu cầu sau:

* + - Bằng tốt nghiệp cấp 3 (chứng thực không quá 6 tháng).
    - Hoàn thành đủ số TC theo qui định (không còn nợ bất cứ TC nào).
    - Có đầy đủ 2 chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng theo qui định của Bộ.
    - Có Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao và B Ngoại ngữ theo qui định của Trường.

# - Có đủ các chứng nhận Kỹ năng mềm theoqui định của Trường.

# 9. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC HOẶC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

## 9.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**<102063 – TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN >**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | **Triết học Mác - Lênin** |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Marxist-Leninist philosophy |
| Mã môn học: | 102063 |
| Thuộc khối kiến thức: | Đại cương |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Bộ môn cơ bản |
| Giảng viên phụ trách: | TS. Ngô Thị Huyền  Email: [huyenngo@lhu.edu.vn](mailto:huyenngo@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | TS. Ngô Thị Huyền; ThS. Lê Sơn Quang; ThS. Trần Tiến |
| Số tín chỉ: | 3 |
| Tổng số tiết: | 45 tiết |
| Số tiết giảng lý thuyết: | 15 tiết |
| Hướng dẫn tự thảo luận và làm bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị gồm có 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; Giai cấp và dân tộc; Nhà nước và cách mạng xã hội; Ý thức xã hội; Triết học về con người.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CO1. Kiến thức: Phát biểu các nội dung cơ bản, chủ yếu về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác – Lênin; | ELO1 |
| CO2. Kỹ năng: Giải thích các vấn đề phát sinh trong xã hội trên cơ sở vận dụng các quan điểm và phương pháp nhận thức của triết học Mác - Lênin. | ELO1 |
| CO3. Thái độ: Có niềm tin vào tương lai, vào đường lối cách mạng của Đảng, triển vọng của chủ nghĩa xã hội; có tinh thần tự học, làm chủ bản thân và ý chí vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống. | ELO1 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy [3]** |
| CO1 (ELO1) | Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản của triết học Mác – Lênin. | I, T |
| CO2 (ELO2) | Giải thích được các vấn đề phát sinh trong xã hội trên cơ sở các quan điểm và phương pháp nhận thức của triết học Mác – Lênin; Rút ra những bài học và nguyên tắc cơ bản trong nhận thức và hành động | T,U |
| CO3 (ELO3) | Bước đầu biết vận dụng các quan điểm và phương pháp luận triết học Mác – Lênin vào việc học tập. Hình thành thái độ lạc quan và tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng và vào tương lai của chủ nghĩa xã hội. | U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **[1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học**  **[4]** | **Hoạt động đánh giá [5]** |
| **1** | **Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội**  ***I. Triết học và vấn đề cán bộ của triết học***  1. Khái lược triết học  2. Vấn đề cơ bản của triết học  3. Biện chứng và siêu hình  ***II. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội***  1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin  2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin  3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Khái lược lịch sử triết học; Vấn đề cơ bản của triết học; Điều kiện hình thành triết học Mác – Lênin  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **2,3** | **Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng**  ***I. Vật chất và ý thức***  1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất  2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức  3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức  ***II. Phép biện chứng duy vật***  1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật  2. Nội dung của phép biện chứng duy vật  ***III. Lý luận nhận thức***  1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng  2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức  3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức  4. Các giai đoạn của quá trình nhận thức  5. Tính chất của chân lý. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Phạm trù vật chất, các thuộc tính của vật chất; Phạm trù ý thức: Nguồn gốc, bản chất của ý thức; Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.  Nội dung và ý nghĩa: 2 nguyên lý, 3 quy luật, 6 cặp phạm trù.  Thực tiễn và vai trò của nó đối với nhận thức  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **3,4** | **Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử**  ***I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội***  1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội  2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất  3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng  4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên  ***II. Giai cấp và dân tộc***  1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp  2. Dân tộc  3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại  ***III. Nhà nước và cách mạng xã hội***  1. Nhà nước  2. Cách mạng xã hội  ***IV. ý thức xã hội***  1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội  2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội  ***V. Triết học về con người*** 1. Khái niệm con người và bản chất con người  2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người  3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử  4. Vấn đề con người trong cách mạng Việt Nam | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Vai trò của sản xuất; Các khái niệm và mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất; Các khái niệm và mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng.  Quá trình lịch sử - tự nhiên của hình thái kinh tế - xã hội  Vấn đề nhà nước, cách mạng xã hội; Khái niệm và mối quan hệ giữa tồn tại xã hội, ý thức xã hội;  Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người và bản chất con người  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 5.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá**  **[1]** | **CĐRMH (Gx)**  **[2]** | **Tỷ lệ (%)**  **[3]** |
| A1. Chuyên cần. | CO1,CO2, CO3 | 10% |
| A2. Quá trình (tham gia xây dựng bài, thảo luận trong lớp) và làm bài kiểm tra giữa kỳ (Tiểu luận). | CO1,CO2, CO3 | 30% |
| A3. Thi trắc nghiệm cuối kỳ. | CO1,CO2, CO3 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

* Dự lớp: theo quy định của môn học
* Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.
* Thảo luận: Tham gia thảo luận về những vấn đề cần đọc thêm theo hướng dẫn của giáo viên.
* Thi giữa kỳ: Làm bài tập nhóm (tiểu luận).
* Thi cuối kỳ: Thi trắc nghiệm trên máy.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Giáo trình triết học Mác – Lênin*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

**Tài liệu tham khảo**

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2007). *Giáo trình triết học Mác - Lênin.* Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[3]. C.Mác & Ph.Ăngghen. (1995). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[4]. V.I.Lênin. (2005). *Toàn tập.* Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[5]. Đại học Quốc gia Hà Nội. (2008). *Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tập 1*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[6]. *Tạp chí Cộng sản* - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[7]. *Tạp chí Triết học* - Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

[8]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

* Phấn, bảng;
* Máy chiếu.
* Zoom; Heyhi; Zalo; Facebook; LMS

*Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn** |  | **Giảng viên biên soạn**  TS Ngô Thị Huyền |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<102064 – KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN >**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | **Kinh tế chính trị Mác - Lênin** |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Marxist-Leninist political economy |
| Mã môn học: | 102064 |
| Thuộc khối kiến thức: | Đại cương |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Bộ môn cơ bản |
| Giảng viên phụ trách: | TS. Ngô Thị Huyền  Email: [huyenngo@lhu.edu.vn](mailto:huyenngo@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | TS. Ngô Thị Huyền; ThS. Lê Sơn Quang; ThS. Trần Tiến |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Tổng số tiết: | 30 tiết |
| Số tiết giảng lý thuyết: | 15 tiết |
| Hướng dẫn tự thảo luận và làm bài tập: | 15 tiết |
| Tính chất của môn học : | Bắt buộc đối với sinh viên |
| Môn học tiên quyết: | Triết học Mác - Lênin |
| Môn học trước: | Triết học Mác - Lênin |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin gồm 6 chương: Chương 1 khái quát về đối tượng, phương pháp và sự cần thiết nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 5 bàn về các nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh mới, chẳng hạn: Hàng hóa, thị trường, các quy luật của kinh tế thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay,…

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CO1. Trình bày được những nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin, vấn đề kinh tế chính trị trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới ngày nay. | ELO1 |
| CO2. Có kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường | ELO1 |
| CO3. Có lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin. | ELO1 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy [3]** |
| CO1 (ELO1) | Sinh viên có những kiến thức cốt lõi về kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới. | I |
| CO2 (ELO2) | Sinh viên có tư duy lý luận, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. | T,U |
| CO3 (ELO3) | Sinh viên có lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin đối với sinh viên. | U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **[1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học**  **[4]** | **Hoạt động đánh giá [5]** |
| **1** | **Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin**  ***1.1. Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong dòng chảy tư tưởng kinh tế của nhân loại***  Giai đoạn thứ nhất: Từ thời cổ đại đến thế kỷ XVIII  Giai đoạn thứ hai: Từ sau thế kỷ XVIII đến nay  ***1.2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu kinh tế chính trị Mác - Lênin***  Đối tượng và mục đích nghiên cứu  Phương pháp nghiên cứu  ***1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin***  Chức năng nhận thức  Chức năng thực tiễn  Chức năng tư tưởng  Chức năng phương pháp luận | **CO1** | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Lịch sử hình thành và phát triển kinh tế chính trị; Sự ra đời của kinh tế chính trị Mác – Lênin; Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Cộng điểm khuyến khích vào 30% bằng câu hỏi trắc nghiệm tại chỗ. |
| **1** | **Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường**  ***2.1. Lý luận của C.Mác về hàng hóa và sản xuất hàng hóa***  2.1.1. Sản xuất hàng hóa  2.1.2. Hàng hóa  2.1.3. Tiền  2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt  ***2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường***  2.2.1. Thị trường  2.2.2. Vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Hàng hóa, các thuộc tính của hàng hóa; Nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền; Thị trường  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **2** | **Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường**  ***3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư***  3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư  3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư  3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa  ***3.2. Tích lũy tư bản***  3.2.1. Bản chất  3.2.2. Nhân tố  3.2.3. Hệ quả  ***3.3. Các hình thức biểu hiện giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường***  3.3.1. Lợi nhuận  3.3.2. Lợi tức  3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Nguồn gốc, bản chất và các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư; Các hình thái biểu hiện của giá trị thặng dư.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **2** | **Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường**  ***4.1. Quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường***  ***4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường***  4.2.1. Lý luận của Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường  Nguyên nhân  Đặc điểm  Tác động  4.2.2. Lý luận của Lênin về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản  Nguyên nhân  Bản chất  Biểu hiện chủ yếu  Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Quan hệ cạnh tranh, độc quyền trong kinh tế thị trường; Độc quyền trong chủ nghĩa tư bản  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **3** | **Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ kinh tế ở Việt Nam**  **5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**  Khái niệm  Tính tất yếu khách quan phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam  Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  **5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**  Sự cần thiết  Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường trên một số khía cạnh chủ yếu  **5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam**  Lợi ích kinh tế  Quan hệ lợi ích kinh tế  Vai trò của nhà nước trong điều hòa lợi ích kinh tế. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Khái niệm, tính tất yế và đặc trưng của kinh tế thị trường ở Việt Nam; Sự cần thiết hoàn thiện kinh tế thị trường ở Việt Nam  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **4** | **Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam**  ***6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam***  6.1.1. Khái quát các cuộc cách mạng công nghiệp  6.1.2. Tính tất yếu và nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0  ***6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế***  6.2.1. Hội nhập và các hình thức của nó  6.2.2. Tác động  6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Các cuộc cách mạng trong lịch sử (đặc điểm, nội dung, tác động); Tính tất yếu và lịch sử công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam – thành tựu, hạn chế.  Hội nhập kinh tế và thành tựu  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 5.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá**  **[1]** | **CĐRMH (Gx)**  **[2]** | **Tỷ lệ (%) [3]** |
| A1. Chuyên cần. | CO1,CO2, CO3 | 10% |
| A2. Quá trình (tham gia xây dựng bài, thảo luận trong lớp) và làm bài kiểm tra giữa kỳ (Tiểu luận). | CO1,CO2, CO3 | 30% |
| A3. Thi trắc nghiệm cuối kỳ. | CO1,CO2, CO3 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

* Dự lớp: Theo quy định của môn học
* Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.
* Thảo luận: Tham gia thảo luận về những vấn đề cần đọc thêm theo hướng dẫn của giáo viên.
* Thi giữa kỳ: Làm bài tập nhóm (tiểu luận).
* Thi cuối kỳ: Thi trắc nghiệm trên máy.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo. (2019). *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin.* Hà Nội: Chính trị quốc gia.

**Tài liệu tham khảo**

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2007). *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin.* Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[3]. C.Mác-Ăngghen. (1995). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[4]. V.I.Lênin. (2005). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[5]. Đại học Quốc gia Hà Nội. (2008). *Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tập 1.* Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[6]. *Tạp chí Cộng sản* - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[7]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

* Phấn, bảng;
* Máy chiếu.
* Zoom; Heyhi; Zalo; Facebook; LMS

*Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn** |  | **Giảng viên biên soạn**  **TS. Ngô Thị Huyền** |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<102065 – CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC >**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | **Chủ nghĩa xã hội khoa học** |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Scientific socialism |
| Mã môn học: | 102065 |
| Thuộc khối kiến thức: | Đại cương |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Bộ môn cơ bản |
| Giảng viên phụ trách: | TS. Ngô Thị Huyền  Email: [huyenngo@lhu.edu.vn](mailto:huyenngo@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | TS. Ngô Thị Huyền; ThS. Lê Sơn Quang; ThS. Trần Tiến |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Tổng số tiết: | 30 tiết |
| Số tiết giảng lý thuyết: | 15 tiết |
| Hướng dẫn tự thảo luận và làm bài tập: | 15 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc |
| Môn học tiên quyết: | Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin. |
| Môn học trước: | Kinh tế chính trị Mác - Lênin |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị gồm có 8 chương, trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính chất nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển). Từ chương 2 đến chương 8 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội theo mục tiêu môn học.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CO1. Kiến thức: Sinh viên trình bày được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu về chủ nghĩa xã hội khoa học – một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin; | ELO1 |
| CO2. Kỹ năng: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. | ELO1 |
| CO3. Thái độ: Sinh viên có thái độ chính trị đúng đắn về môn học và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung, có niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. | ELO1 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy [3]** |
| CO1 (ELO1) | Sinh viên có thể trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học. | I, T |
| CO2 (ELO2) | Giải thích được các vấn đề phát sinh trong xã hội trên cơ sở các quan điểm và phương pháp nhận thức của chủ nghĩa xã hội khoa học. | T,U |
| CO3 (ELO3) | Bước đầu biết vận dụng các quan điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc học tập. Hình thành thái độ lạc quan và tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng và vào tương lai của chủ nghĩa xã hội. | U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **[1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học**  **[4]** | **Hoạt động đánh giá [5]** |
| **1** | **Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học**  ***1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học***  - Khái niệm  - Hoàn cảnh ra đời  - Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen  ***2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học***  - Thời kỳ C.Mác và Ph.Ăngghen  - Thời kỳ V.I.Lênin  - Thời kỳ hậu V.I.Lênin  ***3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học*** | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Khái niệm chủ nghĩa xã hội khoa học; Điều kiện hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Trắc nghiệm, cộng điểm khuyến khích  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **1** | **Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**  ***1. Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh của giai cấp công nhân***  - Quan niệm, đặc điểm của giai cấp công nhân  - Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  - Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  ***2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay***  - Giai cấp công nhân hiện nay  - Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay  ***3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam***  - Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam  - Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  - Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay  - Phê phán một số quan điểm sai trái xuyên tạc sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh của giai cấp công nhân; Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay; Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam; Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **2** | **Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**  ***1. Chủ nghĩa xã hội***  - Điều kiện ra đời  - Đặc trưng  ***2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội***  - Tính tất yếu của TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội  - Đặc trưng của TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội  ***3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam***  - Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa  - Đặc trưng và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | CO1, CO2, CO3. | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Điều kiện ra đời và đặc trưng của chủ nghĩa xã hội; Tính tất yếu của TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội; Tính tất yếu và đặc trưng của TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **2** | **Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa**  ***1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa***  - Khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển của dân chủ  - Dân chủ xã hội chủ nghĩa  ***2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa***  - Sự ra đời, bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa  -Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa  ***3. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam***  - Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  - Phát huy dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Khái niệm dân chủ; Dân chủ xã hội chủ nghĩa; Bản chất nhà nước xã hội chủ nghĩa và mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Vấn đề dân chủ và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **3** | **Chương 5:** **Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**  ***1. Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp trong TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội***  - Cơ cấu xã hội  - Cơ cấu xã hội - giai cấp  ***2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam***  - Tính tất yếu của liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội.  - Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội.  ***3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội***  - Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  - Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung:  Nội hàm khái niệm: Cơ cấu xã hội; Cơ cấu xã hội - giai cấp.  Tính tất yếu và nội dung của liên minh giai cấp – trường hợp ở Việt Nam.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **3** | **Chương 6: Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**  ***1. Quan điểm mác xít về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc***  - Khái niệm, đặc trưng của dân tộc  - Hai xu hướng của sự phát triển dân tộc  - Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin  - Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và vấn đề dân tộc  ***2. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam***  - Đặc điểm dân tộc Việt Nam  - Quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc  - Nội dung chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước Việt Nam | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Khái niệm dân tộc; Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin; Tư tưởng Hồ Chí về vấn đề dân tộc; Đạc điểm của vấn đề dân tộc ở Việt Nam; Chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **3,4** | **Chương 7: Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**  ***1. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo***  - Khái niệm, bản chất của tôn giáo  - Nguồn gốc, tính chất, chức năng của tôn giáo  ***2. Giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội***  - Nguyên nhân tồn tại của tô giáo trong TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội  - Nguyên tắc cơ bản ứng xử với vấn đề tôn giáo trong TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội  ***3. Vấn đề tôn giáo trong TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam***  - Đặc điểm của tôn giáo ở Việt Nam  - Tư tưởng Hồ Chí Minh, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung:  Khái niệm tôn giáo, nguồn gốc, chức măng của tôn giáo; Tính tất yếu của tồn tại tôn giáo tong Chủ nghĩa xã hội; Nguyên tắc đối xử và giải quyết vấn đề tôn giáo;  Đặc điểm của tôn giáo ở Việt Nam và chính sách ứng xử với tôn giáo của Việt Nam: từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến chính sách của Đảng ta hiện nay.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **4** | **Chương 8: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**  ***1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình***  - Khái niệm gia đình và các hình thức gia đình trong lịch sử  - Vị trí của gia đình trong xã hội  - Chức năng cơ bản của gia đình  ***2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội***  - Cơ sở kinh tế - xã hội  - Cơ sở chính trị - xã hội  - Cơ sở văn hóa  - Chế độ hôn nhân tiến bộ  ***3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội***  - Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội  - Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội  - Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung:  Khái niệm và chức năng của gia đình; Các cơ sở xây dựng gia đình – kinh tế là cơ sở tiền đề quyết định; Những tác động và biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 5.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá**  **[1]** | **CĐRMH (Gx)**  **[2]** | **Tỷ lệ (%) [3]** |
| A1. Chuyên cần. | CO1,CO2, CO3 | 10% |
| A2. Quá trình (tham gia xây dựng bài, thảo luận trong lớp) và làm bài kiểm tra giữa kỳ (Tiểu luận). | CO1,CO2, CO3 | 30% |
| A3. Thi trắc nghiệm cuối kỳ. | CO1,CO2, CO3 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

* Dự lớp: theo quy định của môn học
* Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.
* Thảo luận: Tham gia thảo luận về những vấn đề cần đọc thêm theo hướng dẫn của giáo viên.
* Thi giữa kỳ: Làm bài tập nhóm (tiểu luận).
* Thi cuối kỳ: Thi trắc nghiệm trên máy.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

**Tài liệu tham khảo**

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2008). *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[3]. C.Mác & Ph.Ăngghen. (1995). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[4]. V.I.Lênin. (2005). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[5]. Hồ Chí Minh. (2000). *Toàn tập (16 tập).* Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[6]. Đại học Quốc gia Hà Nội. (2008). *Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tập 1*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[7]. *Tạp chí Cộng sản* - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[8]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

* Phấn, bảng;
* Máy chiếu.
* Zoom; Heyhi; Zalo; Facebook; LMS

*Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn** |  | **Giảng viên biên soạn**  TS Ngô Thị Huyền |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<102033 – TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH >**

## THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | **Tư tưởng Hồ Chí Minh** |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Ho Chi Minh’s ideology |
| Mã môn học: | 102033 |
| Thuộc khối kiến thức: | Đại cương |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Bộ môn cơ bản |
| Giảng viên phụ trách: | TS. Ngô Thị Huyền  Email: [huyenngo@lhu.edu.vn](mailto:huyenngo@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | TS. Ngô Thị Huyền; ThS. Lê Sơn Quang; ThS. Trần Tiến |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Tổng số tiết: | 30 tiết |
| Số tiết giảng lý thuyết: | 15 tiết |
| Hướng dẫn tự thảo luận và làm bài tập: | 15 tiết |
| Tính chất của môn học : | Bắt buộc đối với sinh viên |
| Môn học tiên quyết: | Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| Môn học trước: | Chủ nghĩa xã hội khoa học |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 7 chương: Chương 1 khái quát về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày cơ sở hình thành, những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh, gồm: Tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản Việt Nam và về Nhà nước; Về đại đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế: Về văn hóa, đạo đức, con người.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CO1. Trình bày được những cơ sở và quá trình hình thành, những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. | ELO1 |
| CO2. Có thể phân tích, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. | ELO1 |
| CO3. Yêu nước, có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn, biết học tập suốt đời. | ELO1 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy [3]** |
| CO1 (ELO1) | Trình bày được các điều kiện và các thời kỳ hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh. | I |
| CO2 (ELO2) | Vận dụng được các khối kiến thức về Tư tưởng Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế - chính trị, văn hóa – xã hội và đạo đức trong đời sống và công việc. | T,U |
| CO3 (ELO3) | Có tinh thần yêu nước, có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn, ham tìm hiểu và học tập suốt đời. | U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **[1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học**  **[4]** | **Hoạt động đánh giá [5]** |
| **1** | **Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh**   1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Đối tượng nghiên cứu 3. Phương pháp học tập và nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh 4. Ý nghĩa việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh | **CO1** | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh; ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Cộng điểm khuyến khích vào 30% bằng câu hỏi trắc nghiệm tại chỗ. |
| **1** | **Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh**   1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh  * Cơ sở thực tiễn * Cơ sở lý luận * Nhân tố chủ quan  1. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh  * Thời kỳ trước 1911 * Thời kỳ 1911-1930 * Thời kỳ 1931-1941 * Thời kỳ 1941-1969  1. Giá trị TT Hồ Chí Minh  * Đối với CM Việt Nam * Đối với CM thế giới | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Nhấn mạnh vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Nhân tố chủ quan, bản lĩnh tuyệt vời của lãnh tụ dân tộc.  Hoạt động của Hồ Chí Minh từng thời kỳ; Ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và nhân loại.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **2** | **Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**   1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc  * Vấn đề độc lập dân tộc * Về cách mạng GPDT  1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  * Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội * Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam * Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội  * Độc lập dân tộc – cơ sở tiền đề của CNXH * Chủ nghĩa xã hội – điều kiện để độc lập dân tộc được vững chắc  1. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam hiện nay | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh độc lập dân tộc, về chủ nghĩa xã hội và mối quan hệ giữa ĐLDT và CNXH  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **2, 3** | **Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân**   1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam  * Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam * Đảng phải trong sạch, vững mạnh  1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân  * Nhà nước dân chủ * Nhà nước pháp quyền * Nhà nước trong sạch, vững mạnh  1. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và Nhà nước  * Xây dựng Đảng thật trong sạch, vững mạnh * Xây dựng Nhà nước | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Yêu cầu của Hồ Chí Minh về Đảng và Nhà nước; Sự vận dụng hiện nay của Đảng Cộng sản Việt Nam  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **3** | **Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc**   1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc  * Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc * Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc * Điều kiện xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc * Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc * Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết  1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế  * Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế * Lực lượng và hình thức tổ chức đoàn kết quốc tế * Nguyên tắc đoàn kết QT  1. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay  * Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong hoạch định chủ trương, đường lối cua Đảng * Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng * Đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Điều kiện để đoàn kết, vai trò của đoàn kết; Sự vận dụng hiện nay của Đảng Cộng sản Việt Nam  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **4** | **Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người**   1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đạo đức. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như thế nào.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 5.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá**  **[1]** | **CĐRMH (Gx)**  **[2]** | **Tỷ lệ (%)**  **[3]** |
| A1. Chuyên cần. | CO1,CO2, CO3 | 10% |
| A2. Quá trình (tham gia xây dựng bài, thảo luận trong lớp) và làm bài kiểm tra giữa kỳ (Tiểu luận). | CO1,CO2, CO3 | 30% |
| A3. Thi trắc nghiệm cuối kỳ. | CO1,CO2, CO3 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

* Dự lớp: theo quy định của môn học
* Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.
* Thảo luận: Tham gia thảo luận về những vấn đề cần đọc thêm theo hướng dẫn của giáo viên.
* Thi giữa kỳ: Làm bài tập nhóm (tiểu luận).
* Thi cuối kỳ: Thi trắc nghiệm trên máy.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo. (2019). *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh.* Hà Nội: Chính trị quốc gia.

**Tài liệu tham khảo**

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh.* Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[3]. Hồ Chí Minh. (2000). *Toàn tập (16 tập).* Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[4]. *Tạp chí Cộng sản* - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[5]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>/

<https://www.bqllang.gov.vn/>

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

* Phấn, bảng;
* Máy chiếu.
* Zoom; Heyhi; Zalo; Facebook; LMS

*Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn** |  | **Giảng viên biên soạn**  **TS. Ngô Thị Huyền** |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<102066 – LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM >**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | **Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam** |
| Tên môn học (tiếng Anh): | The History of the Vietnamese Communist Party |
| Mã môn học: | 102066 |
| Thuộc khối kiến thức: | Đại cương |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Bộ môn cơ bản |
| Giảng viên phụ trách: | TS. Ngô Thị Huyền  Email: [huyenngo@lhu.edu.vn](mailto:huyenngo@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | TS. Ngô Thị Huyền; ThS. Lê Sơn Quang; ThS. Trần Tiến |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Tổng số tiết: | 30 tiết |
| Số tiết giảng lý thuyết: | 15 tiết |
| Hướng dẫn tự thảo luận và làm bài tập: | 15 tiết |
| Tính chất của môn học : | Bắt buộc đối với sinh viên |
| Môn học tiên quyết: | Sinh viên phải học xong các môn Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh |
| Môn học trước: | Tư tưởng Hồ Chí Minh. |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 5 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu. Từ chương 2 đến chương 4 cung cấp, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về sự ra đời của Đảng; Quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành chính quyền (1930-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1954); Quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018). Chương 5 khẳng định những thành công, nêu lên những hạn chế và tổng kết các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, nâng cao nhận thức, niềm tin của người học đối với đường lối của Đảng và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công việc và đời sống, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CO1. Trình bày được những nội dung cơ bản về quá trình hình thành Đảng cộng sản Việt Nam; Sự lãnh đạo của Đảng qua các thờ kỳ khác nhau, từ 1930 đến nay. | ELO1 |
| CO2. Vận dụng kiến thức môn học một cách chủ động, tích cực trong nhận diện, phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại,…của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. | ELO1 |
| CO3. Thái độ đúng đắn, tôn trọng sự thật khách quan, lập trường vững vàng, biết bồi đắp lòng yêu nước và niềm tự hào về lịch sử hào hùng của dân tộc. | ELO1 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy [3]** |
| CO1 (ELO1) | Sinh viên hiểu và trình bày một cách cơ bản quá trình thành lập Đảng, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam. | I |
| CO2 (ELO2) | Sinh viên có thể vận dụng kiến thức môn học một cách chủ động, tích cực trong nhận diện, phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại,…của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. | T,U |
| CO3 (ELO3) | Có ý thức tôn trọng sự thật khách quan, lập trường vững vàng, biết bồi đắp lòng yêu nước và niềm tự hào về lịch sử hào hùng của dân tộc. | U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **[1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học**  **[4]** | **Hoạt động đánh giá [5]** |
| **1** | **Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**  ***1. Đối tượng nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam***  - Đối tượng  - Phạm vi  ***2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam***  **-** Chức năng  - Nhiệm vụ  ***3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam***  - Phương pháp chung  - Phương pháp cụ thể | **CO1** | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Cộng điểm khuyến khích vào 30% bằng câu hỏi trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **1** | **Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền**  ***1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930)***  - Bối cảnh lịch sử  - Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng  - Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng  - Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng  ***2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)***  - Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932-1935  - Phong trào dân chủ 1936-1939  - Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945  - Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc chuẩn bị thành lập Đảng; Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên  Sự chỉ đạo của Đảng trong từng thời kỳ đấu tranh 1930 - 1935, 1936 - 1939, 1939 -1945;  Những ý nghĩa, giá trị của Cách mạng tháng Tám 1945.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **2** | **Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)**  ***1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)***  - Xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946  - Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ 1946-1950  - Đẩy mạnh cuộc kháng chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954  - Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ  ***2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước***  - Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965  - Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 – 1975  - Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Hoàn cảnh lịch sử và đường lối của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ; Những giá trị và bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo cách mạng của Đảng.  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **3** | **Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)**  ***1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)***  - Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)  - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá đổi mới kinh tế (1982-1986)  ***2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)***  - Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1986-1996)  - Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 91996-2018)  - Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (những khó khăn, hạn chế và bước đầu có những sự thay đổi về tư duy); Quá trình lãnh đạo đất nước đổi mới (sự thay đổi mạnh mẽ trong đường lối lãnh đạo, những thành tựu của công cuộ đổi mới).  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |
| **4** | **Chương 4: Kết luận**  ***1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam***  - Thắng lợi trong cách mạng tháng Tám 1945 và sự ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa  - Thắng lợi của cuộc kháng chiến oanh liệt giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc  - Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới  ***2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng***  - Bài học nắm vũng ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội  - Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân  - Tăng cường đại đoàn kết trong nước và quốc tế  - Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh của thời đại  - Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV chuẩn bị bài giảng online và đưa lên hệ thống LMS của Trường.  Tại lớp, đặt câu hỏi cho SV, giải đáp thắc mắc và giảng dạy kiến thức để làm rõ các nội dung: Nhấn mạnh ý nghĩa của mỗi thắng lợi đối với tiến trình cách mạng dân tộc; Những bài học quý giá trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam  **Học ở lớp**: SV trả lời câu hỏi GV đưa ra, nêu thắc mắc, nghe giảng.  **Học ở nhà**: Xem trước các video bài giảng trên LMS và các tài liệu khác trên hệ thống LMS. | **A1 (10%):**  Điểm danh.  **A2 (30%):** Xây dựng chủ đề làm tiểu tiểu luận; trắc nghiệm tại chỗ.  **A3 (60%):**  Câu hỏi trắc nghiệm |

## 

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 5.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá**  **[1]** | **CĐRMH (Gx)**  **[2]** | **Tỷ lệ (%)**  **[3]** |
| A1. Chuyên cần. | CO1,CO2, CO3 | 10% |
| A2. Quá trình (tham gia xây dựng bài, thảo luận trong lớp) và làm bài kiểm tra giữa kỳ (Tiểu luận). | CO1,CO2, CO3 | 30% |
| A3. Thi trắc nghiệm cuối kỳ. | CO1,CO2, CO3 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

* Dự lớp: theo quy định của môn học
* Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.
* Thảo luận: Tham gia thảo luận về những vấn đề cần đọc thêm theo hướng dẫn của giáo viên.
* Thi giữa kỳ: Làm bài tập nhóm (tiểu luận).
* Thi cuối kỳ: Thi trắc nghiệm trên máy.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo (2019). *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.* Hà Nội: Chính trị quốc gia.

**Tài liệu tham khảo**

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.* Hà Nội: Chính trị Quốc gia.

[3]. Hội đồng Trung ương Chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia (2008), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.

[4]. Đại học Quốc gia Hà Nội (2008), *Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.

[5]. Các Văn kiện Đại hội, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội đại biểu lần thứ I đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII

[6]. *Tạp chí Cộng sản* - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[7]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

* Phấn, bảng;
* Máy chiếu.
* Zoom; Heyhi; Zalo; Facebook; LMS

*Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn** |  | **Giảng viên biên soạn**  **TS. Ngô Thị Huyền** |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**<102006 – PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG >**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG |
| Tên môn học (tiếng Anh): |  |
| Mã môn học: | 102006 |
| Thuộc khối kiến thức: | Pháp Luật đại cương |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Bộ môn Cơ bản |
| Giảng viên phụ trách: | Ths. Lý Khánh Hòa  Email: lslykhanhhoa@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | Ths. Lý Khánh Hòa |
| Số tín chỉ: | 02 |
| Lý thuyết: | 30 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Tự học: | 0 |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với tất cả sinh viên |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Học xong những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học này trình bày những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; Đại cương về các lãnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, gồm các lĩnh vức: Pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật lao động, Pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và tố tụng hành chính, pháp luật kinh doanh, pháp luật đất đai và môi trường; Đại cương về pháp luật quốc tế.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1. Hiểu và nắm được các lý luận chung về nhà nước và pháp luật | ELO1 |
| CEO2. Hiểu và nắm sự ra đời của nhà nước nhà nước, vai trò của nhà nước và pháp luật. | ELO1 |
| CEO3. Hiểu khái quát về pháp luật và thống pháp luật Việt Nam | ELO1 |
| CEO4. Hiểu việc tuân thủ pháp luật và vận dụng các quy định pháp luật vào các quan hệ pháp luật Dân sư, Lao động, Hình sự, kinh doanh, Phòng chống tham nhũng | ELO1 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy**  **[3]** |
| CO1 (ELO1) | Hiểu và nắm được các lý luận chung về nhà nước và pháp luật | I, |
| CO2 (ELO1) | Hiểu và nắm sự ra đời của nhà nước và pháp luật; vai trò của nhà nước và pháp luật. | I |
| CO3 (ELO1) | Hiểu khái quát về pháp luật và thống pháp luật Việt Nam và nắm được việc tuân thủ pháp luật | I |
| CO4 (ELO1) | Sinh viên vận dụng các quy định của pháp luật vào các quan hệ pháp luật Dân sư, Lao động, Hình sự, Luật kinh doanh, phòng chống tham nhũng | I,T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

## a. Lý thuyết

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học (***4* **tiết) [1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học [4]** | **Hoạt độngđánh giá [5]** |
| Buổi 1 | Chương 1 – Những khái niệm chung về nhà nước 1.1 Khái niệm và đặc trương nhà nước  1.2 Chức năng nhà nước  1.3 Hình thức nhà nước  1.4 Bộ máy nhà nước Công hòa xã hội chủ nghĩa VN | CO1, CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và đặt câu hỏi nhỏ  **Học ở lớp**:  Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.1**  Đưa những câu hỏi nhỏ và cho điểm cộng *(10%)* |
| Buổi 2 | Chương 2 – Những khái niệm chung về pháp luật 2.1 Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật.  2.2 Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật  2.3 Quan hệ pháp luật  2.4 Thực hiện pháp | CO1,CO2,CO3 | GV cung **Dạy**: GV thuyết giảng và đặt câu hỏi nhỏ.  **Học ở lớp**:  Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  Xem trước tài liệu cấp trước ở nhà. | **A1.2**  Đưa những câu hỏi nhỏ và cho điểm cộng *(10% hoặc 30% tùy GV)* |
| Buổi  3 | Chương 2 – Những khái niệm chung về pháp luật 2.3 Quan hệ pháp luật  2.4 Thực hiện pháp, Vi phạm pháp luật, và trách nhiệm pháp lý | CO1,CO2,CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và đặt câu hỏi nhỏ.  **Học ở lớp**:  Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.3**  Đưa những câu hỏi nhỏ và cho điểm cộng *(10% hoặc 30% tùy GV)* |
| Buổi  4 | Chương 3 – Pháp luật về Dân sự và tố tụng dân sự 3.1 Những quy định chung về pháp luật Dân sự  3.2 Những chế định cụ thể của pháp luật dân sự.  3.3 Những vấn đề chung của pháp luật tố tụng dân sự  3.4 Thủ tục tố tụng dân sự | CO1,CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và đặt câu hỏi nhỏ.  **Học ở lớp**:  Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.4**  Đưa những câu hỏi nhỏ và cho điểm cộng *(10% hoặc 30% tùy GV)* |
| Buổi  5 | Chương 4 – Pháp luật Lao động 4.1 Những vấn đề chung về pháp luật Lao động  4.2 Những vấn đề cơ bản được điều chỉnh bởi pháp luật lao động | CO1,CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và đặt câu hỏi nhỏ.  **Học ở lớp**:  Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.5**  Đưa những câu hỏi nhỏ và cho điểm cộng *(10% hoặc 30% tùy GV)* |
| Buổi  6 | Chương 5 – Pháp luật về Hình sự và tố tụng hình sự 5.1 Khái niệm chung về luật hình sự  5.2 Một số tội phạm trong luật hình sự  5.3 Khái niệm luật Tố tụng hình sự  5.4 Thủ tục giải quyết vụ án hình sự | CO1,CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và đặt câu hỏi nhỏ.  **Học ở lớp**:  Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.6**  Đưa những câu hỏi nhỏ và cho điểm cộng *(10% hoặc 30% tùy GV)* |
| Buổi  7 | Chương 6 – Pháp luật về phòng chống tham nhũng 6.1 Khái quát chung về tham nhũng  6.2 Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng  6.3 Ý nghĩa và mục đích của công tác PCTN  6.4 Trách nhiệm của công dân trong việc PCTN | CO1,CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và đặt câu hỏi nhỏ.  **Học ở lớp**:  Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.7**  Đưa những câu hỏi nhỏ và cho điểm cộng *(10% hoặc 30% tùy GV)* |
| Buổi  8 | Chương 7. Pháp Luật về kinh Doanh 7.1 Pháp luật về doanh nghiệp  7.1.1 Khái quát về pháp luật DN và các loại hình doanh nghiệp  7.1.2 Những vấn đề pháp lý cơ bản về DN  7.1.3 Thành lập DN, tổ chức lại DN, chấm dứt DN  7.2. Pháp luật về thương mại  7.2.1 Các Vấn đề chung  7.2.2 Các hoạt động thương mại chủ yếu  7.2.3 Chế tài trong thương mại | CO1,CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và đặt câu hỏi nhỏ.  **Học ở lớp**:  Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.8**  Đưa những câu hỏi nhỏ và cho điểm cộng *(10% hoặc 30% tùy GV)* |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 5.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá [1]** | **CĐRMH (Gx) [2]** | **Tỷ lệ (%) [3]** |
| A1.1-A1.8 Quá trình (Kiểm tra trên lớp, bài tập, đồ án, …) | CO1,CO2, CO3,CO4 | *10%* |
| A2. Kiểm tra giữa kỳ | CO1,CO2, CO3,CO4 | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1,CO2, CO3,CO4 | *60%* |

## 7.QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

* Dự lớp: theo quy định của nhà trường
* Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.
* Thảo luận: Tham gia thảo luận về những vấn đề cần đọc thêm theo hướng dẫn của giáo viên.
* Thi giữa kỳ: Làm bài kiểm tra .
* Thi cuối kỳ: Thi viết

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

1. Bộ Giáo dục và Đào Tạo (2014). Giáo trình Pháp luật đại cương. Nơi xuất bản: Đại học Sư phạm.

**Tài liệu tham khảo**

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

* Phấn, bảng
* Máy chiếu

*Đồng Nai, ngày ...... tháng ...... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**102002– GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Giáo dục thể chất 1 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Physical Education 1 |
| Mã môn học: | 102002 |
| Thuộc khối kiến thức: | Đại cương |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Bộ môn Giáo dục thể chất |
| Giảng viên phụ trách: | Đèo Đăng Khoa  Email: giaoducthechatlhu@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | Phan Văn Đạo  Lý Quốc Hiền |
| Số tín chỉ: | 1 |
| Lý thuyết: | 4 tiết |
| Thực hành: | 26 tiết |
| Tự học: | 00 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Sinh viên được chọn 01 trong 03 môn: Bóng Chuyền, Bóng Đá, Bóng Rổ và học xuyên suốt trong toàn bộ chương trình học GDTC. Sau khi học xong môn học, người học sẽ được trang bị một khối lượng kiến thức cơ bản về môn học đã chọn. Tác dụng của việc tập luyện đối với sức khỏe con người. Một số điều luật cơ bản trong thi đấu.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi học xong môn học, sinh viên:

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| **Mục tiêu chung:** Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội; củng cố và hoàn thiện kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành một số môn thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên. |  |
| **Mục tiêu cụ thể:**  - Về kiến thức: Có hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của Giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục thể thao trong hoạt động giáo dục đại học;  - Về Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật cơ bản một số môn thể dục thể thao trong chương trình, biết một số phương pháp tự tập luyện, để rèn luyên thể chất, bảo vệ sức khoẻ.  - Về thái độ hành vi: Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen vận động, tập luyện thể dục thể thao; rèn luyện thể chất thường xuyên. |  |
| **Mục tiêu của học phần Giáo dục thể chất 1**  Hiểu được lịch sử ra đời và sự phát triển của môn bóng mà sinh viên đã chọn.  Nắm được nguyên lý kỹ thuật:   * Bóng chuyền: chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) phát bóng thấp tay trước mặt. * Bóng đá: Tâng bóng, đá và nhận bóng bằng lòng bàn chân, đá bóng bằng má trong bàn chân. * Bóng rổ: Nhồi bóng tại chổ và các bài tập làm quen với bóng, dẫn bóng, kỹ thuật ném rổ tại chổ một tay trên vai (ném phạt).   Hiểu một số điều luật cơ bản và vận dụng được trong quá trình tập luyện và thi đấu. |  |

## 4.

## CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy [3]** |
|  | Hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của Giáo dục thể chất  Hiểu được lịch sử ra đời và sự phát triển của môn bóng mà sinh viên đã chọn. | **I** |
|  | Nắm được nguyên lý kỹ thuật:   * Bóng chuyền: chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) phát bóng thấp tay trước mặt. * Bóng đá: Tâng bóng, đá và nhận bóng bằng lòng bàn chân, đá bóng bằng má trong bàn chân. * Bóng rổ: Nhồi bóng tại chổ và các bài tập làm quen với bóng, dẫn bóng, kỹ thuật ném rổ tại chổ một tay trên vai (ném phạt). | **T,U** |
|  | Hiểu một số điều luật cơ bản và vận dụng được trong quá trình tập luyện và thi đấu. | **U** |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Đặc thù giờ học của môn Giáo dục thể chất, các học phần mang tính hỗn hợp cả lý thuyết và thực hành kỹ thuật chuyên môn, không mang tính chất thực hành đơn thuần

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học (tiết) [1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học [4]** | **Hoạt động đánh giá [5]** |
| 1 | Giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển của môn học.  1. Vị trí, vai trò của viện rèn luyện TDTT. 2. Hướng dẫn bài tập khởi động chung và chuyên môn. 3. Tập luyện các bài tập bổ trợ cảm giác bóng và các bước di chuyển. 4. Giới thiệu và phân tích kỹ thuật:  * Bóng chuyền: Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. * Bóng đá: Kỹ thuật tưng bóng, không chế bóng, đá và nhận bóng bằng lòng bàn chân. * Bóng rổ: Kỹ thuật nhồi bóng tại chổ và di chuyển. |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. Phân tích từng giai động của kỹ thuật.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1 và 2.  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 2 | Mục địch chung của nền TDTT nước ta.  1. Những chức năng cơ bản của TDTT. 2. Tập luyện kỹ thuật đã học kết hợp với những bài tập bổ trợ và phân tích sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải. |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải. **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1 và 2.  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 3 | Những nguyên tắc trong tập luyện TDTT.  1. Giới thiệu và phân tích kỹ thuât:   - Bóng chuyền: Kỹ thuật phat bóng thấp tay trước mặt.  - Bóng đá: Kỹ thuật đá bóng bằng má trong.  - Bóng rổ: kỹ thuật ném rổ tại chổ một tay trên vai (ném phạt). |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. Phân tích từng giai động của kỹ thuật.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1 .  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 4 | Phương tiện TDTT và nhưng phương tiện TDTT thường dùng.  1. Một số điều luật cơ bản của môn thể thao. 2. Tập luyện kỹ thuật đã học kết hợp với những bài tập bổ trợ và phân tích sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải. |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. Sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1 và 2.  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 5, 6 | Tập luyện kỹ thuật đã học kết hợp với những bài tập phối hợp hổ trợ thi đấu và phân tích sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải. |  | **Dạy:** Sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 7, 8 | Tập luyện kỹ thuật đã học kết hợp ứng dụng vào thi đấu thực tế. |  | **Dạy:** hướng dẫn sinh viên cách thức thi đấu dựa trên luật đã học.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 9 | Ôn tập những kỹ thuật đã học |  | **Dạy:** Sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 10 | Kiểm tra cuối kỳ |  | **Dạy:** Không.  **Học ở lớp:** Không  **Học ở nhà:** Không | **A1** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên theo nhưng yêu cầu kỹ thuật. |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 4.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá [1]** | **CĐRMH (Gx)**  **[2]** | **Tỷ lệ (điểm)**  **[3]** |
| A1. Chuyên cần |  | 1 |
| A2. Kiểm tra môn học |  | 3 |
| A3. Quá trình học tập |  | 6 |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

## Dự lớp: theo quy định của trường.

## Phải đến lớp đúng giờ và đảm bảo đúng đồng phục do Nhà trường quy định.

* Sinh viên phải đạt đủ 80% tổng số tiết có mặt trên lớp mới đủ điều kiện hoàn thành môn học.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình Giáo dục thể chất trường Đại Học Lạc Hồng.

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

* Bóng.
* Sân tập luyện.
* Các công cụ hỗ trợ khác.

*Đồng Nai, ngày ...... tháng ...... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**102003 – GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2**

## THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Giáo dục thể chất 2 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Physical Education 2 |
| Mã môn học: | 102003 |
| Thuộc khối kiến thức: | Đại cương |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Bộ môn Giáo dục thể chất |
| Giảng viên phụ trách: | Đèo Đăng Khoa  Email: giaoducthechatlhu@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | Phan Văn Đạo  Lý Quốc Hiền |
| Số tín chỉ: | 1 |
| Lý thuyết: | 4 tiết |
| Thực hành: | 26 tiết |
| Tự học: | 00 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên |
| Môn học tiên quyết: | Giáo dục thể chất 1 |
| Môn học trước: | Giáo dục thể chất 1 |

## MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Sinh viên tiếp tục theo học môn thể thao đã chọn trong nội dung Giáo dục thể chất 1

## MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi học xong môn học, sinh viên:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| **Mục tiêu chung:** Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội; củng cố và hoàn thiện kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành một số môn thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên. |  |
| **Mục tiêu cụ thể:**  - Về kiến thức: Có hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của Giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục thể thao trong hoạt động giáo dục đại học;  - Về Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật cơ bản một số môn thể dục thể thao trong chương trình, biết một số phương pháp tự tập luyện, để rèn luyên thể chất, bảo vệ sức khoẻ.  - Về thái độ hành vi: Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen vận động, tập luyện thể dục thể thao; rèn luyện thể chất thường xuyên. |  |
| **Mục tiêu của học phần Giáo dục thể chất 2**   * Củng cố kiến thức đã học * Tác dụng của việc tập luyện TDTT đối với sức khoẻ con người và y học TDTT. * Cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về môn thể thao đã chọn và từng bước tiếp cận với những kỹ thuật hiện đại. * Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về phát triển thể lực chung và từng bước phát triển thể lực chuyên môn. * Củng cố và nâng cao trình độ kỹ thuật và làm quen, chiến thuật cơ bản. |  |

## CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH**  **(mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy [3]** |
|  | Củng cố kiến thức đã học  Tác dụng của việc tập luyện TDTT đối với sức khoẻ con người.  Cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về môn thể thao đã chọn và từng bước tiếp cận với những kỹ thuật hiện đại. | **I** |
|  | Nắm được nguyên lý kỹ thuật:   * Bóng chuyền: kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt. * Bóng đá: kỹ thuật đá và nhận bóng bằng má ngoài bàn chân, kỹ thuật đá và nhận bóng bằng mu bàn chân. * Bóng rổ: kỹ thuật chuyền bóng bằng 2 tay trước mặt, kỹ thuật nhảy ném. | **T,U** |
|  | Nhận biết được một số chiến thuật cơ bản | **U** |

## NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Đặc thù giờ học của môn Giáo dục thể chất, các học phần mang tính hỗn hợp cả lý thuyết và thực hành kỹ thuật chuyên môn, không mang tính chất thực hành đơn thuần

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học (tiết) [1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học [4]** | **Hoạt động đánh giá [5]** |
| 1 | Tác dụng của việc tập luyện TDTT đối với cơ thể.  1. Ôn tập những kỹ thuật đã học trong phần Giáo dục thể chất 1 |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1.  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 2 | Khái niệm và nhiệm vụ của y học thể dục thể thao  1. Giới thiệu và phân tích kỹ thuật:  * Bóng chuyền: kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt. * Bóng đá: kỹ thuật đá và nhận bóng bằng má ngoài bàn chân. * Bóng rổ: kỹ thuật chuyền bóng bằng 2 tay trước mặt. |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. Phân tích từng giai động của kỹ thuật.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1.  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 3 | Khái niệm và nhiệm vụ của kiểm tra y học.  1. Tập luyện kỹ thuật đã học kết hợp với những bài tập bổ trợ và phân tích sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải. |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1.  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 4 | Phương pháp kiểm tra đánh giá mức độ thể lực.  1. Giới thiệu và phân tích kỹ thuật:   - Bóng chuyền: kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt.  - Bóng đá: kỹ thuật đá và nhận bóng bằng mu bàn chân.  - Bóng rổ: kỹ thuật nhảy ném. |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. Phân tích từng giai động của kỹ thuật.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV.  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học. | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1.  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 5, 6 | Tập luyện kỹ thuật đã học kết hợp với những bài tập phối hợp hổ trợ thi đấu và phân tích sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải. |  | **Dạy:** Sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 7, 8 | Tập luyện kỹ thuật đã học, nhận biết một số chiến thuật cơ bản và kết hợp ứng dụng vào thi đấu thực tế. |  | **Dạy:** hướng dẫn sinh viên cách thức thi đấu dựa trên luật đã học.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Đánh giámức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 9 | Ôn tập những kỹ thuật đã học |  | **Dạy:** Sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 10 | Kiểm tra cuối kỳ |  | **Dạy:** Không.  **Học ở lớp:** Không  **Học ở nhà:** Không | **A1** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên theo nhưng yêu cầu kỹ thuật. |

## ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 4.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá [1]** | **CĐRMH (Gx) [2]** | **Tỷ lệ (điểm)**  **[3]** |
| A1. Chuyên cần |  | 1 |
| A2. Kiểm tra môn học |  | 3 |
| A3. Quá trình học tập |  | 6 |

## QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

## Dự lớp: theo quy định của trường.

## Phải đến lớp đúng giờ và đảm bảo đúng đồng phục do Nhà trường quy định.

* Sinh viên phải đạt đủ 80% tổng số tiết có mặt trên lớp mới đủ điều kiện hoàn thành môn học.

## TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình Giáo dục thể chất trường Đại Học Lạc Hồng.

## PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

* Bóng.
* Sân tập luyện.
* Các công cụ hỗ trợ khác.

*Đồng Nai, ngày ...... tháng ...... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**102004 – GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3**

## THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Giáo dục thể chất 3 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Physical Education 3 |
| Mã môn học: | 102004 |
| Thuộc khối kiến thức: | Đại cương |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Bộ môn Giáo dục thể chất |
| Giảng viên phụ trách: | Đèo Đăng Khoa  Email: giaoducthechatlhu@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | Phan Văn Đạo  Lý Quốc Hiền |
| Số tín chỉ: | 1 |
| Lý thuyết: | 4 tiết |
| Thực hành: | 26 tiết |
| Tự học: | 00 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên |
| Môn học tiên quyết: | Giáo dục thể chất 2 |
| Môn học trước: | Giáo dục thể chất 2 |

## MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Sinh viên tiếp tục theo học môn thể thao đã chọn trong nội dung Giáo dục thể chất.

## MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi học xong môn học, sinh viên:

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| **Mục tiêu chung:** Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội; củng cố và hoàn thiện kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành một số môn thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên. |  |
| **Mục tiêu cụ thể:**  - Về kiến thức: Có hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của Giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục thể thao trong hoạt động giáo dục đại học;  - Về Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật cơ bản một số môn thể dục thể thao trong chương trình, biết một số phương pháp tự tập luyện, để rèn luyên thể chất, bảo vệ sức khoẻ.  - Về thái độ hành vi: Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen vận động, tập luyện thể dục thể thao; rèn luyện thể chất thường xuyên. |  |
| **Mục tiêu của học phần Giáo dục thể chất 1**Hiểu được Nhận biết và cách xử lý một số chân thương thông thường  Hiểu được phương pháp tổ chức thi đấu  Củng cố và nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật thi đấu.  Xu hướng phát triển của môn thể thao  Nắm được nguyên lý kỹ thuật:   * Bóng chuyền: đập bóng chính diện theo phương lấy đà, kỹ thuật chắn bóng cá nhân, đồng đội. * Bóng đá: kỹ thuật động tác giả, kỹ thuật đá bóng cầu môn, kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật tranh cướp bóng. * Bóng rổ: kỹ thuật 2 bước ném rổ 1 tay trên vai, kỹ thuật kèm người.   Vận dụng thành thục một số chiến thuất thi đấu cơ bản. |  |

## CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy [3]** |
|  | Nhận biết và cách xử lý một số chân thương thông thường  Hiểu được phương pháp tổ chức thi đấu | I |
|  | Nắm được nguyên lý kỹ thuật:   * Bóng chuyền: đập bóng chính diện theo phương lấy đà, kỹ thuật chắn bóng cá nhân, tập thể. * Bóng đá: kỹ thuật động tác giả, kỹ thuật đá bóng cầu môn, kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật tranh cướp bóng. * Bóng rổ: kỹ thuật 2 bước ném rổ 1 tay trên vai, kỹ thuật kèm người. * Vận dụng thành thục một số chiến thuất thi đấu cơ bản. | T,U |
|  | Nhận biết xu hướng phát triển của thể thao hiện đại. | U |

## NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Đặc thù giờ học của môn Giáo dục thể chất, các học phần mang tính hỗn hợp cả lý thuyết và thực hành kỹ thuật chuyên môn, không mang tính chất thực hành đơn thuần

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học (tiết) [1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học [4]** | **Hoạt động đánh giá [5]** |
| 1 | Nhận biết và cách xử lý một số chân thương thông thường.  Ôn tập những kỹ thuật đã học trong phần Giáo dục thể chất 1. |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải**.**  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1.  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 2 | 1. Nhận biết và cách xử lý một số chân thương thông thường. 2. Giới thiệu và phân tích kỹ thuật:  * Bóng chuyền: đập bóng chính diện theo phương lấy đà. * Bóng đá: kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật tranh cướp bóng. * Bóng rổ: kỹ thuật 2 bước ném rổ 1 tay trên vai. |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. Phân tích từng giai đoạn của kỹ thuật.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1.  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 3 | Nhận biết và cách xữ lý một số chấn thương thông thườngTập luyện kỹ thuật đã học. |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. Phân tích từng giai động của kỹ thuật.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1 .  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 4 | Phương pháp tổ chức thi đấu thể thao.  1. Giới thiệu và phân tích ký thuật:  * Bóng chuyền: kỹ thuật chắn bóng cá nhân, tập thể. * Bóng đá: kỹ thuật động tác giả, kỹ thuật đá bóng cầu môn. * Bóng rổ: kỹ thuật kèm người. |  | **Dạy:** GV thuyết giảng và thị phạm động tác. Phân tích từng giai đoạn của kỹ thuật.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Hỏi nhưng câu hỏi ngắn về mục 1 và 2.  **A2** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 5, 6 | Tập luyện kỹ thuật đã học kết hợp với những bài tập phối hợp hổ trợ thi đấu và phân tích sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải. Thực hiện một số chiến thuật cơ bản trong thi đấu. |  | **Dạy:** Sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 7, 8 | Tập luyện kỹ thuật đã học, kết hợp ứng dụng vào thi đấu thực tế. |  | **Dạy:** hướng dẫn sinh viên cách thức thi đấu dựa trên luật đã học.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 9 | Ôn tập những kỹ thuật đã học |  | **Dạy:** Sửa chữa nhưng lỗi sai thưởng mắc phải.  **Học ở lớp:** Trao đổi nhưng vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu. Tập luyện kỹ thuật theo sự hướng dẫn của GV  **Học ở nhà:** tự tập luyện kỹ thuật đã học | **A1** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên. |
| 10 | Kiểm tra cuối kỳ |  | **Dạy:** Không.  **Học ở lớp:** Không  **Học ở nhà:** Không | **A1** Đánh giá mức độ thực hiện động tác kỹ thuật đối với sinh viên theo nhưng yêu cầu. |

## ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 4.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá [1]** | **CĐRMH (Gx) [2]** | **Tỷ lệ (điểm)**  **[3]** |
| A1. Chuyên cân |  | 1 |
| A2. Kiểm tra môn học |  | 3 |
| A3. Quá trình học tập |  | 6 |

## QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

## Dự lớp: theo quy định của trường.

## Phải đến lớp đúng giờ và đảm bảo đúng đồng phục do Nhà trường quy định.

* Sinh viên phạt đạt đủ 80% tổng số tiết có mặt trên lớp mới đủ điều kiện hoàn thành môn học.

## TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình Giáo dục thể chất trường Đại Học Lạc Hồng.

## PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

* Bóng.
* Sân tập luyện.
* Các công cụ hỗ trợ khác.

*Đồng Nai, ngày ...... tháng ...... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**<102014 – TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG>**

**1. THÔNG TIN CHUNG (General information)**

Tên môn học (tiếng Việt): TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Tên môn học (tiếng Anh):

Mã môn học: 102014

Thuộc khối kiến thức: Cơ bản

Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Cơ Bản

Giảng viên phụ trách: Ths. Đỗ Sĩ Trường

Email: sitruong@lhu.edu.vn

Giảng viên tham gia giảng dạy:

Pham Công Xuyên Thạc sĩ

Phan Hữu Tiếp Thạc sĩ

Cao Nguyễn Thủy Tiên Thạc sĩ

Trần Bình Long Thạc sĩ

Trần Thị Hải Yến Thạc sĩ

Nguyễn Ngọc Điệp Thạc sĩ

Nguyễn Trọng Vinh Thạc sĩ

Trần Đức Toàn Thạc sĩ

Trần Công Chiến Thạc sĩ

Trần Thanh Phương Thạc sĩ

Số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 30

Thực hành: 45

Tự học: 0

Tính chất của môn: Bắt buộc đối với sinh viên các ngành

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Môn học bao gồm 3 phần: những hiểu biết cơ bản về tin học; tin học văn phòng; sử dụng internet và e-mail.

* Phần những hiểu biết cơ bản về tin học trình bày các kiến thức như:
* Các khái niệm cơ bản về thiết bị phần cứng, phần mềm,…
* Các khái niệm về hệ điều hành;
* Các thao tác cơ bản sử dụng hệ điều hành Windows;
* Quản lý cây thư mục và dữ liệu;
* Gõ dấu tiếng Việt trong Windows;
* Phần tin học văn phòng trình bày ba phần mềm thông dụng của hãng

Microsoft là MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.

* Phần sử dụng internet và E-mail trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.

**3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)**

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin; thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng:

**Bảng 1.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục Tiêu [1]** | **Mô tả**  **[2]** | **Ánh xạ CĐR của CTĐT [3]** |
| CEO1 | Sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows | ELO3 |
| CEO2 | Soạn thảo văn bản, trình bày văn bản bằng Microsoft Word |
| CEO3 | Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel |
| CEO4 | Trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint |
| CEO5 | Sử dụng Internet và E-mail |

**4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)**

**Bảng 2.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH  [1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể)  [2]** | **Mức độ giảng dạy [3]** |
| CO1 (ELO3) | Nắm các khái niệm cơ bản về hệ điều hành (HĐH), HĐH Windows | I |
| CO2 (ELO3) | Sử dụng HĐH Windows ở mức độ cơ bản | T,U |
| CO3 (ELO3) | Soạn thảo được văn bản tiếng Việt | T, U |
| CO4 (ELO3) | Trình bày, định dạng các biểu mẫu văn bản bằng phần mềm MS Word | T, U |
| CO5 (ELO3) | Nắm vững và ứng dụng thành thạo các hàm xử lý bảng tính bằng MS Excel | T, U |
| CO6 (ELO3) | Sử dụng thành thạo MS Power Point trình bày các báo cáo | T, U |
| CO7 (ELO3) | Sử dụng thành thạo các công cụ để truy cập Internet, duyệt Web, tìm kiếm thông tin | T, U |
| CO8 (ELO3) | Sử dụng các công cụ để tạo, gửi và nhận Email | T, U |

**5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)**

**a. Lý thuyết**

**Bảng 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(4 tiết) [1]** | **Nội dung**  **[2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động  dạy và học [4]** | **Hoạt động đánh giá [5]** |
| **Buổi 1** | **Phần 1: những hiểu biết cơ bản về tin học**   * 1. Các khái niệm cơ bản   2. Hệ điều hành   3. Hệ điều hành Windows   4. Sử dụng tiếng việt trong windows | CO1, CO2 | **Dạy:** Giáo viên giảng bài, Demo bằng máy chiếu, trả lời câu hỏi của sinh viên, cho câu hỏi thảo luận tại lớp, cho bài tập về nhà  **Học ở lớp:** sinh viên nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi thảo luận.  **Học ở nhà:** Làm bài tập về nhà, chuẩn bị câu hỏi với giáo viên nếu có phần nào chưa làm được trong buổi thực hành. | A1: Đặt những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4; cho điểm cộng 10% |
| **Buổi 2, 3** | **Phần 2: Tin học văn phòng soạn thảo văn bản với Microsoft Word**   * 1. Giới thiệu microsoft word   2. Nhập, điều chỉnh và định dạng văn bản   3. Các lệnh xử lý tập tin   4. Định dạng (format)   5. Chèn hình ảnh, biểu đồ, biểu tượng   6. Header and footer   7. Định dạng trang văn bản | CO3, CO4 | **Dạy:** Giáo viên giảng bài, Demo bằng máy chiếu, trả lời câu hỏi của sinh viên, cho câu hỏi thảo luận tại lớp, cho bài tập về nhà  **Học ở lớp:** sinh viên nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi thảo luận.  **Học ở nhà:** Làm bài tập về nhà, chuẩn bị câu hỏi với giáo viên nếu có phần nào chưa làm được trong buổi thực hành. | A1: Đặt những câu hỏi nhỏ về mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7; cho điểm cộng 10% |
| **Buổi 3, 4,5** | **Phần 3: Xử lý bảng tính với microsoft excel**   * 1. Khái niệm cơ bản trong excel   2. Các thao tác cơ bản   3. Hàm trong excel   4. Thao tác định dạng dữ liệu   5. Định dạng bảng tính | CO5 | **Dạy:** Giáo viên giảng bài, Demo bằng máy chiếu, trả lời câu hỏi của sinh viên, cho câu hỏi thảo luận tại lớp, cho bài tập về nhà  **Học ở lớp:** sinh viên nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi thảo luận.  **Học ở nhà:** Làm bài tập về nhà, chuẩn bị câu hỏi với giáo viên nếu có phần nào chưa làm được trong buổi thực hành. | A1: Đặt những câu hỏi nhỏ về mục 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5; cho điểm cộng 10% |
| Buổi 6, 7 | Phần 4: Tình bày báo cáo, thuyết trình bằng Microsoft powerpoint   * 1. Giới thiệu microsoft powerpoint   2. Tạo Slide trình chiếu cơ bản   3. Các đối tượng Inser, Design, Transitions, Animations,   4. Định dạng file trình chiếu | CO6 | **Dạy:** Giáo viên giảng bài, Demo bằng máy chiếu, trả lời câu hỏi của sinh viên, cho câu hỏi thảo luận tại lớp, cho bài tập về nhà  **Học ở lớp:** sinh viên nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi thảo luận.  **Học ở nhà:** Làm bài tập về nhà, chuẩn bị câu hỏi với giáo viên nếu có phần nào chưa làm được trong buổi thực hành. | A1: Đặt những câu hỏi nhỏ về mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4; cho điểm cộng 10% |
| **Buổi 8**  **(2 tiết)** | **Phần 5: Internet và Email**   * 1. Giới thiệu về internet   2. Tìm kiếm và khai thác thông tin trên internet   3. Tìm hiểu và sử dụng Email | CO7, CO8 | **Dạy:** Giáo viên giảng bài, Demo bằng máy chiếu, trả lời câu hỏi của sinh viên, cho câu hỏi thảo luận tại lớp, cho bài tập về nhà  **Học ở lớp:** sinh viên nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi thảo luận.  **Học ở nhà:** Làm bài tập về nhà, chuẩn bị câu hỏi với giáo viên nếu có phần nào chưa làm được trong buổi thực hành. | A1: Đặt những câu hỏi nhỏ về mục 5.1, 5.2, 5.3; cho điểm cộng 10% |

**b. Thực hành**

**Bảng 4.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học [1] (*5* tiết)** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động  dạy và học [4]** | **Hoạt độngđánh giá [5]** |
| **Buổi 1** | *Bài thực hành 1:*   * 1. *Hướng dẫn các thao tác cơ bản sử dụng hệ điều hành Windows*   2. *Tạo, quản lý thư mục, tập tin*   3. *Tìm kiếm dữ liệu trong Windows*   4. *Nhập văn bảng tiếng Việt* | CO1, CO2 | **Dạy:** Giáo viên cho bài tập, hướng dẫn, làm mẫu; giải thích cho sinh viên những vấn đề chưa hiểu trong quá trình thực hành; Cho bài tập thêm về nhà  **Học ở lớp:** Sinh viên làm bài tập thực hành; trao đổi, thảo luận với giáo viên những vấn đề chưa nắm.  **Học ở nhà:** Làm thêm bài tập về nhà, tìm hiểu thêm kiến thức trên mạng, trao đổi với giáo viên những vấn đề thắc mắc | A1: cho những bài tập mở rộng về mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4; cho điểm cộng 10% |
| **Buổi 2,3** | *Bài thực hành 2:* *Soạn thảo văn bản tiếng việt bằng Microsoft Word; Các thao tác cơ bản trên Word*  * 1. Định dạng Font, Paragraph, Style   2. Chèn và định dạng Table, Hình ảnh, biểu đồ, Tiêu đề đầu trang, cuối trang, công thức toán học…   3. Tìm kiếm và thay thế dữ liệu   4. Định dạng khổ giấy, trang in | CO3,4 | **Dạy:** Giáo viên cho bài tập, hướng dẫn, làm mẫu; giải thích cho sinh viên những vấn đề chưa hiểu trong quá trình thực hành; Cho bài tập thêm về nhà  **Học ở lớp:** Sinh viên làm bài tập thực hành; trao đổi, thảo luận với giáo viên những vấn đề chưa nắm.  **Học ở nhà:** Làm thêm bài tập về nhà, tìm hiểu thêm kiến thức trên mạng, trao đổi với giáo viên những vấn đề thắc mắc | A1: cho những bài tập mở rộng về mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5; cho điểm cộng 10% |
| **Buổi 4, 5, 6** | *Bài thực hành 3:*  * 1. *Nhập dữ liệu và các thao tác cơ bản bằng Microsoft Excel;*   2. *Bài tập thực hành nhóm hàm toán học*   3. *Bài tập thực hành nhóm hàm Logic*   4. *Bài tập thực hành nhóm hàm điều kiện*   5. *Bài tập thực hành nhóm hàm xử lý chuỗi*   6. *Bài tập thực hành nhóm hàm dò tìm*   7. *Bài tập thực hành nhóm hàm thống kê*   8. *Trích lọc dữ liệu*   9. *Sắp xếp dữ liệu*   10. *Định dạng bảng tính*   11. *Định dạng trang in* | CO5 | **Dạy:** Giáo viên cho bài tập, hướng dẫn, làm mẫu; giải thích cho sinh viên những vấn đề chưa hiểu trong quá trình thực hành; Cho bài tập thêm về nhà  **Học ở lớp:** Sinh viên làm bài tập thực hành; trao đổi, thảo luận với giáo viên những vấn đề chưa nắm.  **Học ở nhà:** Làm thêm bài tập về nhà, tìm hiểu thêm kiến thức trên mạng, trao đổi với giáo viên những vấn đề thắc mắc | A1: cho những bài tập mở rộng về mục 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 3.9, 3.10, 3.11; cho điểm cộng 10% |
| **Buổi 7, 8** | *Bài thực hành 4:*  * 1. *Tạo Slide trình chiếu*   2. *Nhập và định dạng nội dung*   3. *Chèn và định dạng các đối tượng: bảng biểu, biểu đồ, hình ảnh, video,…*   4. *Các hiệu ứng chuyển động Animations*   5. *Các hiệu ứng chuyển trang Transition*   6. *Định dạng* Slide Master | CO6 | **Dạy:** Giáo viên cho bài tập, hướng dẫn, làm mẫu; giải thích cho sinh viên những vấn đề chưa hiểu trong quá trình thực hành; Cho bài tập thêm về nhà  **Học ở lớp:** Sinh viên làm bài tập thực hành; trao đổi, thảo luận với giáo viên những vấn đề chưa nắm.  **Học ở nhà:** Làm thêm bài tập về nhà, tìm hiểu thêm kiến thức trên mạng, trao đổi với giáo viên những vấn đề thắc mắc | A1: cho những bài tập mở rộng về mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6; cho điểm cộng 10% |
| **Buổi 9** | *Bài thực hành 5:*  * 1. *Sử dụng các trình duyệt Web thông dụng*   2. *Tìm kiếm thông tin trên Internet*   3. *Tạo tài khoản Email*   4. *Gửi và nhận mail bằng các phần mềm thông dụng và trình duyệt* Web | CO7, CO8 | **Dạy:** Giáo viên cho bài tập, hướng dẫn, làm mẫu; giải thích cho sinh viên những vấn đề chưa hiểu trong quá trình thực hành; Cho bài tập thêm về nhà  **Học ở lớp:** Sinh viên làm bài tập thực hành; trao đổi, thảo luận với giáo viên những vấn đề chưa nắm.  **Học ở nhà:** Làm thêm bài tập về nhà, tìm hiểu thêm kiến thức trên mạng, trao đổi với giáo viên những vấn đề thắc mắc | A1: cho những bài tập mở rộng về mục 5.1, 5.2, 5.3, 5.4; cho điểm cộng 10% |

**6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC**

**Bảng 5.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá  [1]** | **CĐRMH (Gx)**  **[2]** | **Tỷ lệ (%)**  **[3]** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | *CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8* | *10%* |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | *CO3, CO4, CO5* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | *CO1, CO2, CO4, CO5, CO6* | *60%* |

**7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)**

* Dự lớp: sinh viên không được vắng quá 2 buổi (cả lý thuyết và thực hành)
* Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.
* Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% của sinh viên.

**8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO**

1. IIG Việt Nam (Oct 2013). Microsoft Office Word 2010 – Sách học viên. TPHCM. Fahasa. ISBN: 978-604-58-0896-2

2. IIG Việt Nam (Oct 2013). Microsoft Office Excel 2010 – Sách học viên. TPHCM. Fahasa. ISBN: 978-604-58-0896-2

3. IIG Việt Nam (Oct 2013). Microsoft Office PowerPoint 2010 – Sách học viên. TPHCM. Fahasa. ISBN: 978-604-58-0896-2

**9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH**

1. Microsoft (2015). Microsoft Windows 10
2. Microsoft (2010). Microsoft Office 2010.

*Đồng Nai, ngày ...... tháng ...... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**<102037 – LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN>**

## THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Lý thuyết Xác suất thống kê |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Probability Statistics Theory. |
| Mã môn học: | 102037 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ bản |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Bộ môn Cơ Bản – Phòng Đào Tạo |
| Giảng viên phụ trách: | Trần Văn Hoan  Email: [tranhoan.math@gmail.com](mailto:tranhoan.math@gmail.com) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | Trần Đình Ánh |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 |
| Thực hành: | 45 |
| Tự học: | 00 |
| Tính chất của môn | *Bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản trị, Công nghệ thông tin, Tài chính, Kế toán* |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Toán cao cấp C |

## MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Học phần này trang bị các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng trong kinh tế gồm : Xác suất và các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê.

## MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên, xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê. | ELO2 |
| CEO2: Khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán xác suất thống kê và khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên. | ELO2 |
| CEO3: Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vần đề trong nhóm cũng như trước lớp. | ELO2 |

## CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy [3]** |
| *CO1 (ELO2)* | Xác định được không gian mẫu và các biến cố ngẫu nhiên của thí nghiệm ngẫu nhiên. Phát biểu được định nghĩa xác suất và trình bày được các công thức tính xác suất | T |
| *CO2 (ELO2)* | Nêu được khái niệm biến ngẫu nhiên, bảng phân phối xác suất, hàm mật độ, hàm phân phối xác suất và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. | T |
| *CO3 (ELO2)* | Phân biệt được mẫu ngẫu nhiên và số liệu thống kê. | I |
| *CO4 (ELO2)* | Viết được công thức ước lượng khoảng của tỷ lệ, trung bình và phương sai. Phân biệt được khoảng tin cậy và giá trị của khoảng tin cậy. | T |
| *CO5 (ELO2)* | Xác định được giả thiết và đối thiết của bài toán kiểm định giả thiết, hiểu được sai lầm loại 1, sai lầm loại 2 và mức ý nghĩa của miền tiêu chuẩn | I |
| *CO6 (ELO2)* | Sử dụng được giải tích tổ hợp để tính xác suất theo quan điểm đồng khả năng. | U |
| *CO7 (ELO2)* | Sử dụng được các công thức tính xác suất, đặc biệt là xác suất có điều kiện ứng dụng giải quyết các bài toán ứng dụng. | U |
| *CO8 (ELO2)* | Lập được bảng phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc. Sử dụng được hàm phân phối xác suất và hàm mật độ xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục. | T |
| *CO9 (ELO2)* | Tính định được kỳ vọng, phương sai, median, mod của đại lượng ngẫu nhiên và cách sử dụng các số đặc trưng này. | T |
| *CO10 (ELO2)* | Sử dụng được phân phối siêu bội, nhị thức, Poisson, chuẩn và mối liên hệ giữa các phân phối này. | I |
| *CO11 (ELO2)* | Tính được giá trị của trung bình mẫu, phương sai mẫu bằng máy tính bỏ túi và phần mềm Excel. | T |
| *CO12 (ELO2)* | Tìm được (giá trị) của khoảng tin cậy cho tỷ lệ , trung bình và phương sai ứng với số liệu thu được. | T |
| *CO13 (ELO2)* | Sử dụng được các tiêu chuẩn kiểm định giả thiết để giải quyết các bài toán liên quan và áp dụng được trong kinh tế, kĩ thuật. | I |
| *CO14 (ELO2)* | Có thái độ tích cực hợp tác với giáo viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập. | I |
| *CO15 (ELO2)* | Phân công công việc trong một nhóm một cách hiệu quả. | T |
| *CO16 (ELO2)* | Có khả năng thuyết trình và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp. | T |

## NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học (***4* **tiết) [1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học [4]** | **Hoạt động đánh giá [5]** |
| **1** | **Chương I. Đại Cương Về Xác Suất** |  |  |  |
| 1.1. Giải tích tổ hợp  1.1.1. Quy tắc cộng  1.1.2. Quy tắc nhân  1.1.3. Hoán vị  1.1.4. Chỉnh hợp  1.1.5. Tổ hợp | *CO1, CO6* | **Dạy:** GV thuyết giảng  **Học ở lớp:** Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà:** Xem trước slide bài giảng của chương và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách. | A1.1 Hỏi những câu hỏi ngắn cho điểm cộng. [10%] |
| **2** | **Chương I (tt)** |  |  |  |
| 1.2. Phép thử và biến cố  1.2.1. Khái niệm phép thử và biến cố  1.2.2. Phân loại biến cố  1.2.3. Quan hệ giữa các biến cố  1.2.4. Các phép toán đối với các biến cố | *CO1, CO6* | **Dạy:** Dạy: GV thuyết giảng và cho các ví dụ minh họa  **Học ở lớp:** Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà:** Xem trước slide bài giảng của chương và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách. | A1.1 Hỏi những câu hỏi ngắn cho điểm cộng. [10%] |
| **3** | **Chương I (tt)** |  |  |  |
| 1.3. Xác suất của biến cố  1.3.1. Định nghĩa xác suất  1.3.2. Xác suất có điều kiện  1.3.3. Biến cố độc lập | *CO1, CO6* | **Dạy:** GV thuyết giảng  **Học ở lớp:** Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà:** Xem trước slide bài giảng của chương và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách. | A1.1 Hỏi những câu hỏi ngắn cho điểm cộng. [10%] |
| **4** | **Chương I (tt)** |  |  |  |
| 1.4. Công thức tính xác suất  1.4.1. Công thức cộng xác suất  1.4.2. Công thức nhân xác suất | *CO1, CO7* | **Dạy:** GV thuyết giảng  **Học ở lớp:** Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà:** Xem trước slide bài giảng của chương và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách. | A1.1 Hỏi những câu hỏi ngắn cho điểm cộng. [10%] |
| **5** | **Chương I (tt)** |  |  |  |
| 1.4. Công thức tính xác suất (tt)  1.4.3. Công thức Bernoulli  1.4.4. Công thức xác suất đầy đủ và công thức Bayes | *CO2, CO6* | **Dạy:** GV thuyết giảng, đưa các ví dụ minh họa và cung cấp các bài tập về nhà cho sinh viên  **Học ở lớp:** Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà:** Xem trước slide bài giảng của chương và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách. | A1.2 Đưa một số bài tập nhỏ tại lớp. Cho điểm SV hoàn thành nhanh và đúng. [20%] |
| **6** | Bài tập chương 1 | *CO1,*  *CO2 CO6,*  *CO7,*  *CO14, CO15, CO16* | **Dạy:** Hướng dẫn giải bài tập.  **Học ở lớp:** Yêu cầu nhóm trình bày kết quả trước lớp.  **Học ở nhà:** Làm bài tập ở nhà. | A1.3 Đánh giá bài tập nhóm về nhà. [10%] |
| 7 | **Chương II. Đại Lượng Ngẫu Nhiên** |  |  |  |
| 2.1. Các khái niệm cơ bản  2.1.1. Đại lượng ngẫu nhiên của phép thử  2.1.2. Bảng phân phối xác suất  2.1.3. Hàm mật độ xác suất  2.1.4. Hàm phân phối xác suất | *CO2, CO8* | **Dạy:** GV thuyết giảng  **Học ở lớp:** Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà:** Xem trước slide bài giảng của chương và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách | A1.1 Hỏi những câu hỏi ngắn cho điểm cộng. [10%] |
|  | **Chương II (tt)** |  |  |  |
| 8 | 2.2. Hàm của đại lượng ngẫu nhiên  2.2.1. Hàm của một đại lượng ngẫu nhiên  2.2.2. Hàm của hai đại lượng ngẫu nhiên  2.3. Các tham số đặc trưng  2.3.1. Kỳ vọng  2.3.2. Phương sai  2.3.3. Mode | *CO2,*  *CO8, CO9* | **Dạy:** GV thuyết giảng  **Học ở lớp:** Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà:** Xem trước slide bài giảng của chương và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách. | A1.1 Hỏi những câu hỏi ngắn cho điểm cộng. [10%] |
| 9 | **Chương II (tt)** |  |  |  |
| 2.4. Đại lượng ngẫu nhiên có phân phối xác suất đặc biệt  2.4.1. Phân phối Poisson  2.4.2. Phân phối nhị thức  2.4.3. Phân phối siêu bội  2.4.4. Phân phối chuẩn  2.4.5. Phân phối “Chi - bình phương”  2.4.6. Phân phối Student | *CO10, CO16* | **Dạy:** GV thuyết giảng, đưa các ví dụ minh họa. Cung cấp các bài tập về nhà cho sinh viên.  **Học ở lớp:** Làm bài tập theo nhóm tại lớp.  **Học ở nhà:** Chuẩn bị bài tập nhóm để báo cáo. | A1.1 Hỏi những câu hỏi ngắn cho điểm cộng. [10%] |
| 10 | Bài tập chương 2 | *CO2,*  *CO8, CO9,*  *CO10, CO14, CO15, CO16* | **Dạy:** Hướng dẫn giải bài tập.  **Học ở lớp:** Yêu cầu nhóm trình bày kết quả trước lớp.  **Học ở nhà:** Làm bài tập ở nhà. | A1.3 Đánh giá bài tập nhóm về nhà. [10%] |
|  | Kiểm tra giữa kì | *CO1,*  *CO2 CO4,*  *CO6, CO7, CO10* | **Dạy:** Không  **Học ở lớp:** Không  **Học ở nhà:** Làm bài tập, xem trước slide bài giảng của các chương đã học và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách. | A2.1 Đề thi gồm những câu hỏi trắc nghiệm từ kết quả giải bài tập. [20%]  A2.2 Câu hỏi tự luận để đánh giá và phân biệt khả năng của từng SV. [20%] |
| 11 | **Chương III. Thống Kê Toán** |  |  |  |
| 3.1. Lý thuyết mẫu  3.1.1. Khái niệm tổng thể và mẫu  3.1.2. Phân loại mẫu  3.1.3. Các số đặc trưng mẫu của mẫu cũ thể  3.1.4. Phương pháp tính số đặc trưng bằng bảng  3.1.5. Phương pháp tính số đặc trưng bằng máy tính | *CO3, CO11* | **Dạy:** GV thuyết giảng, giải thích các dạng bài tập, đặt những câu hỏi ngắn kiểm tra mức độ hiểu của sinh viên. Cung cấp thêm các bài tập tương tự, liên quan cho sinh viên  **Học ở lớp:** Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học. Sinh viên lên bảng làm bài.  **Học ở nhà:** Làm bài tập, xem trước slide bài giảng của chương và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách. | A1.1 Hỏi những câu hỏi ngắn cho điểm cộng. [10%] |
| 12 | **Chương III(tt)** |  |  |  |
| 3.2. Ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể  3.2.1. Các khái niệm cơ bản  3.2.2. Khoảng ước lượng của các số đặc trưng tổng thể  3.2.3. Xác định độ tin cậy trong ước lượng  3.2.4. Xác định kích thước mẫu trong ước lượng | *CO4, CO12* | **Dạy:** GV thuyết giảng, giải thích các dạng bài tập, đặt những câu hỏi ngắn kiểm tra mức độ hiểu của sinh viên. Cung cấp thêm các bài tập tương tự, liên quan cho sinh viên  **Học ở lớp:** Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học. Sinh viên lên bảng làm bài.  **Học ở nhà:** Làm bài tập, xem trước slide bài giảng của chương và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách. | A1.1 Hỏi những câu hỏi ngắn cho điểm cộng. [10%] |
| 13 | **Chương III(tt)** |  |  |  |
| 3.3. Kiểm định giả thiết thống kê  3.2.1. Bài toán kiểm định giả thiết thống kê  3.2.2. Bài toán kiểm định giả thiết về tỉ lệ  3.2.3. Bài toán kiểm định giả thiết về trung bình  3.2.4. Bài toán kiểm định giả thiết về phương sai | *CO5, CO13* | **Dạy:** GV thuyết giảng, giải thích các dạng bài tập, đặt những câu hỏi ngắn kiểm tra mức độ hiểu của sinh viên. Cung cấp và hướng dẫn bài tập nhóm.  **Học ở lớp:** Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học. Sinh viên lên bảng làm bài.  **Học ở nhà:** Làm bài tập, xem trước slide bài giảng của chương và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách.. | A1.1 Hỏi những câu hỏi ngắn cho điểm cộng. [10%] |
| 14 | Bài tập chương 3 | *CO3,*  *CO4, CO5,*  *CO11, CO12, CO13,*  *CO14, CO15, CO16* | **Dạy:** Hướng dẫn giải bài tập.  **Học ở lớp:** Yêu cầu nhóm trình bày kết quả trước lớp.  **Học ở nhà:** Làm bài tập ôn tập | A1.3 Đánh giá bài tập nhóm về nhà. [10%] |
| 15 | **Ôn tập** | *CO1,*  *CO2*  *CO3,*  *CO4, CO5,*  *CO11, CO12, CO13,*  *CO16* | **Dạy:** Hướng dẫn giải bài tập.  **Học ở lớp:** Yêu cầu nhóm trình bày kết quả trước lớp.  **Học ở nhà:** Làm bài tập ở nhà. | A1.2 Đưa một số bài tập nhỏ tại lớp. Cho điểm SV hoàn thành nhanh và đúng. [20%] |
|  | **Thi cuối kì** | *CO6,*  *CO7, CO8,*  *CO9, CO10,*  *CO11, CO12* | **Dạy:** Không  **Học ở lớp:** Không  **Học ở nhà:** Làm bài tập, xem trước slide bài giảng của các chương đã học và đọc thêm tài liệu tham khảo trong sách. | **A4.1** Đề thi gồm những câu hỏi trắc nghiệm từ kết quả giải bài tập.  **A4.2** Câu hỏi tự luận để đánh giá và phân biệt khả năng của từng SV.*[60%]* |

## ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá [1]** | **CĐRMH (Gx)**  **[2]** | **Tỷ lệ (%)**  **[3]** |
| A1. Quá trình (Kiểm tra trên lớp, bài tập, …) | *CO1,CO2 CO4,CO6, CO7,CO10*  *CO15,CO16* | *10%* |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | *CO1,CO2 CO4,CO6, CO7,CO10* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | *CO6,CO7, CO8,CO9, CO10,CO11, CO12* | *60%* |

## QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

* Dự lớp: theo qui đinh chung của trường
* Sinh đọc trước slide bài giảng của môn học và những tài liêu theo yêu c̣ ầu của giảng viên trước mỗi buổi hoc.̣
* Làm bài tập về nhà và trả lời các câu hỏi ngắn trên lớp: điểm này sẽ được đánh giá vào cột điểm quá trình của sinh viên.

## TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

1. Đặng Hấn (1996), Xác suất thống kê, Nhà xuất bản thống kê.

Tài liệu tham khảo

2. Lê Khánh Luận, Nguyễn Thanh Sơn (2009), Lý thuyết xác suất thống kê, Nhà xuất bản Tổng hợp TPHCM.

3. Nguyễn Văn Hộ (2001), Xác suất thống kê, Nhà xuất bản Giáo dục.

4. Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận, Phạm Trí Cao (2010), Bài tập Xác suất thống kê, Nhà xuất bản ĐH Quốc Gia TPHCM.

*Đồng Nai, ngày ...... tháng ...... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<102055 – ENGLISH 1>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | | Anh văn 1 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | | English 1 |
| Mã môn học: | | 10055 |
| Thuộc khối kiến thức: | | Cơ bản |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | | Khoa Đào tạo Anh văn đại cương |
| Giảng viên phụ trách: | | Hoàng Vĩnh Lộc  Email: [hvloclhu@gmail.com](mailto:hvloclhu@gmail.com)  Nguyễn Ao Quang Vinh  Email: [vinhnguyen@lhu.edu.vn](mailto:vinhnguyen@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | | 1. Lê Đức Thịnh  2. Trần Hồ Anh Phong  3. Nguyễn Minh Phú  4. Phạm Hồng Thái  5. Lê Thanh Bình  6. Bùi Minh Hương  7. Võ Thị Thanh Lan  8. Đặng Thi  9. Đoàn Kim Phụng |
| Số tín chỉ:  Lý thuyết: | (30 tiết)  2 tín chỉ (30 tiết) | |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với tất cả sinh viên hệ đại học chính quy không chuyên ngành ngôn ngữ | |
| Môn học tiên quyết: | Không | |
| Môn học trước: | Không | |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học giới thiệu cho sinh viên cách nhận biết và phát âm đúng theo hệ thống phiên âm quốc tế, cách nhấn trọng âm của từ và các loại ngữ điệu phổ biến trong văn nói.

Môn học giới thiệu cho sinh viên phương pháp học tiếng Anh, các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, cách sử dụng các loại từ điển.

Môn học Anh văn 1 (English 1) gồm 10 bài – 30 tiết (3 tiết/bài).

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Nắm bắt và áp dụng được các phương pháp học tiếng Anh hiệu quả | ELO3 |
| CEO2: Nhận biết được và phát âm đúng các nguyên âm và phụ âm khó trong hệ thống phiên âm quốc tế của tiếng Anh | ELO3 |
| CEO3: Sử dụng những câu đơn giản với ngữ điệu phù hợp với tình huống giao tiếp. | ELO3 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH**  **(mục tiêu cụ thể)** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | **Nắm bắt** và **vận dụng** được các phương pháp học tiếng Anh hiệu quả. | I,U |
| CO2 (ELO3) | **Nhận biết** và **phát âm** đúng các nguyên âm và phụ âm trong hệ thống phiên âm quốc tế của tiếng Anh. | T, U |
| CO3 (ELO3) | **Sử dụng** những mẫu câu đơn giản với ngữ điệu phù hợp với tình huống giao tiếp hằng ngày. | T, U |

**5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY**

**(Course content, Lesson plan)**

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(3tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt độngđánh giá** |
| 01 | **Bài 1: Giới thiệu các phương pháp học tiếng Anh, cách sử dụng các loại từ điển và hệ thống phiên âm quốc tế trong tiếng Anh; nguyên âm /i:/ và /I/**  1.1. Giới thiệu các phương pháp học tiếng Anh, cách sử dụng các loại từ điển và hệ thống phiên âm quốc tế trong tiếng Anh  1.1.1. Giới thiệu các phương pháp học tiếng Anh hiệu quả.  1.1.2. Giới thiệu cách sử dụng các từ điển tiếng Anh.  1.1.3.Giới thiệu hệ thống phiên âm quốc tế trong tiếng Anh, gồm: 12 nguyên âm, 08 nhị trùng âm và 24 phụ âm.  1.2. Phát âm đúng bảng chữ cái tiếng Anh, từ A đến Z.  1.3. Nguyên âm /i:/ và /I/  1.3.1. Phát âm nguyên âm dài /i:/: Thực hành phát âm nguyên âm /i:/ trong các vị trí khác nhau của một từ.  1.3.2. Phát âm nguyên âm ngắn /i/: So sánh nguyên âm /i:/ và /I/trong các cặp từ minimal pairs.  1.3.3. Cách nhận biết hai nguyên âm này trong các từ vựng.  1.3.4. Bài tập nghe để phân biệt nguyên âm /i:/ và /I/. | CO1  CO2 | **Dạy**:  - GV thuyết giảng và hướng dẫn sinh viên vận dụng ngay tại lớp.  - GV làm mẫu và hướng dẫn các hoạt động và bài tập vận dụng.  **Học ở lớp**:  - Sinh viên trao đổi và chia sẻ các phương pháp học tiếng Anh trước đây. Tham gia vào các nhóm tập sử dụng các loại từ điển do giảng viên cung cấp. Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng.  - Thực hành theo hướng dẫn của GV.  - Trao đổi với GV các vấn đề chưa rõ.  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Sinh viên làm việc theo nhóm tại mục 1.3 được cộng điểm theo nhóm vào điểm 30%.  - Sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, thực hành đọc các âm đang học tại mục 1.2.1.và 1.2.2. GV cho điểm cộng vào 30% (tùy GV) theo khả năng của mỗi sinh viên.  - Sinh viên làm bài tập theo cá nhân tại mục 1.2.4 và được cộng điểm vào điểm 30% |
| 02 | **Bài 2: Nguyên âm /e/ và** /**æ/**  2.1. Phát âm nguyên âm /e/  2.1.1. Phân biệt nguyên âm /e/ và nguyên âm /i/  2.1.2. Thực hành phát âm nguyên âm /e/ trong các ký tự của bảng chữ cái và ở các vị trí khác nhau của từ vựng.  2.2. Phát âm nguyên âm /æ/  2.2.1. So sánh nguyên âm /e/ và /æ/ trong các cặp từ minimal pairs.  2.3. Bài tập nghe để phân biệt nguyên âm /e/ và /æ/.  2.4. Cách nhận biết nguyên âm /e/ và /æ/ trong các từ vựng.  2.5. Phát âm đúng các số đếm từ 01 đến 100. Cách phát âm đúng các con số về năm. | CO2 | **Dạy**: GV làm mẫu và hướng dẫn các hoạt động và bài tập vận dụng.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng.  - Thực hành theo hướng dẫn của GV.  - Trao đổi với GV các vấn đề chưa rõ.  **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. * Làm bài tập GV giao về nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, thực hành đọc các âm đang học tại mục 2.1.1, 2.1.2 và 2.2.1. GV cho điểm cộng vào 30% (tùy GV) theo khả năng của mỗi sinh viên.  - Sinh viên làm bài tập theo cá nhân tại mục 2.3 được cộng điểm thưởng vào điểm 30%. |
| 3 | **Bài 3: Nguyên âm /ɒ/,** /**ɑː/ và /ɔː/**  3.1. Phát âm nguyên âm /ɒ/  3.1.1. Phân biệt nguyên âm / ɒ / và nguyên âm /æ/  3.2. Phát âm nguyên âm /ɑ**ː/**  3.2.1. Phát âm nguyên âm /ɑ**ː/** ở các vị trí khác nhau trong từ vựng.  3.3. Phát âm nguyên âm /ɔː/  3.3.1. So sánh nguyên âm /ɔː/ và /ɒ/ trong các cặp từ minimal pairs.  3.4. Bài tập nghe để nhận biết nguyên âm /ɔː/ và /ɒ/ trong các câu đàm thoại đơn giản.  3.5. Cách nhận biết nguyên âm /ɒ/, /ɑː/ và /ɔː/trong các từ vựng.  3.6. Phát âm đúng các số thứ tự, từ thứ nhất đến thứ 100. Phát âm đúng các ngày trong tháng, từ ngày 01 đến ngày 31. | CO2 | **Dạy**: GV làm mẫu và hướng dẫn các hoạt động và bài tập vận dụng.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng.  - Thực hành theo hướng dẫn của GV.  - Trao đổi với GV các vấn đề chưa rõ.  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Làm bài tập GV giao về nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, thực hành đọc các âm đang học tại mục 3.1.1, 3.2.1 và 3.3.1. GV cho điểm cộng vào 30% theo khả năng của mỗi sinh viên.  - Sinh viên làm bài tập theo cá nhân tại mục 3.4 được cộng điểm thưởng vào điểm 30%. |
| 4 | **Bài 4: Nguyên âm /ʌ/, /ɜː/, và /ə/**  4.1. Phát âm nguyên âm /ʌ/  4.1.1. Phân biệt nguyên âm /æ/ và nguyên âm /ʌ/  4.1.2. Thực hành phát âm nguyên âm /ʌ/ ở các vị trí khác nhau của từ vựng.  4.2. Phát âm nguyên âm /ɜː/  4.2.1. So sánh nguyên âm /ɔ**ː**/ và /ɜː/ trong các cặp từ minimal pairs.  4.3. Thực hành phát âm nguyên âm /ɜː/ trong các câu mô tả hoạt động sinh hoạt thường ngày.  4.4. Cách nhận biết nguyên âm /ʌ/ và /ɜː/ trong các từ vựng.  4.5. Phát âm nguyên âm /ə/  4.5.1 Thực hành phát âm nguyên âm /ə/ ở các vị trí khác nhau trong các từ vựng. (Shopping list)  4.5.2. Bài tập nghe phân biệt nguyên âm /ə/ với các nguyên âm còn lại trong nhóm.  4.5.3. Nhấn trong từ (Word stress):  4.5.3.1. Nhấn trong từ có 2 âm tiết)  4.5.3.2. Nhấn trong từ có hơn 2 âm tiết.  4.5.4. Nhấn trong câu.  4.5.4.1. Thực hành dấu nhấn trong các câu phát biểu ngắn.  4.5.4.2 Thực hành dấu nhấn trong câu hỏi Yes/ No.  4.6. Phát âm đúng các thứ trong tuần: từ thứ Hai đến Chủ nhật. | CO2  CO3 | **Dạy**: GV làm mẫu và hướng dẫn các hoạt động và bài tập vận dụng.  **Học ở lớp**:   * Làm bài tập vận dụng. * Thực hành theo hướng dẫn của GV. * Trao đổi với GV các vấn đề chưa rõ.   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. * Làm bài tập GV giao về nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, thực hành đọc các âm đang học tại mục 4.1.1, 4.1.2 4.2.1, 4.5.3, 4.5.1, 4.5.3.1, 4.5.3.2, 4.5.4.1, 4.5.4.2. GV cho điểm cộng vào 30% tùy GV) theo khả năng của mỗi sinh viên.  - Sinh viên làm việc theo cá nhân tại mục 4.3, 4.5.2 được cộng điểm thưởng vào điểm 30%. |
| 5 | **Bài 5: Nhị trùng âm**  5.1. Giới thiệu 08 nhị trùng âm (diphthongs) trong hệ thống phiên âm tiếng Anh  5.2. Thực hành phát âm nhị trùng âm /ɪə/, /eə/ và /ʊə/.  5.2.1. Bài tập nghe để phân biệt nhị trùng âm /ɪə/, /eə/ và /ʊə/ với các nguyên âm khác.  5.3. Thực hành phát âm nhị trùng âm /ɑʊ/ và /əʊ/.  5.3.1. Thực hành ngữ điệu câu hỏi “WH-/ H-” trong câu hỏi: ‘How many … are there?’.  5.4. Thực hành phát âm nhị trùng âm /eɪ/, /ɔɪ/, /aɪ/  5.4.1. Bài tập nghe để phân biệt nhị trùng âm /eɪ/, /ɔɪ/, /aɪ/ với các nguyên âm khác.  5.5. Cách nhận biết các nhị trùng âm /ɪə/, /eə/, /ʊə/,/ɑʊ/, /əʊ/, /eɪ/, /ɔɪ/, và /aɪ/ trong các từ vựng.  5.6. Phát âm đúng các tháng trong năm, từ tháng 01 đến tháng 12. | CO2  CO3 | **Dạy**: GV làm mẫu và hướng dẫn các hoạt động và bài tập vận dụng.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng.  - Thực hành theo hướng dẫn của GV.  - Trao đổi với GV các vấn đề chưa rõ.  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Làm bài tập GV giao về nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, thực hành đọc các âm đang học và làm bài tập nghe theo cá nhân hoặc nhóm tại mục 5.2.1, 5.3.1, 5.4.1. GV cho điểm cộng vào 30% tùy GV) theo khả năng của mỗi sinh viên. |
| 6 | **Bài 6: Phụ âm /p/ và /b/; Phụ âm /t/ và /d/**  6.1. Phát âm phụ âm /p/ và /b/  6.1.1. Thực hành phát âm phụ âm /p/ ở các vị trí khác nhau trong từ vựng.  6.1.2. Bài tập nghe và điền vào chỗ trống các từ vựng có chứa phụ âm /p/.  6.1.3. Phát âm phụ âm /b/  6.1.4. Phân biệt phụ âm /b/ và /p/ qua các cặp từ minimal pairs.  6.1.5. Thực hành phụ âm /p/ và /b/ trong đoạn đối thoại ngắn.  6.2. Phát âm phụ âm /t/ và /d/  6.2.1. Thực hành phát âm phụ âm /t/ ở các vị trí khác nhau trong từ vựng.  6.2.2. Bài tập nghe để nhận biết phụ âm /t/ bị câm trong một số từ vựng.  6.2.3. Phát âm phụ âm /d/  6.2.4. Phân biệt phụ âm /t/ và /d/ qua các cặp từ minimal pairs.  6.2.5. Thực hành hỏi và trả lời theo mẫu câu “Do you like…?” với các từ vựng có chứa phụ âm /t/ và /d/.  6.2.6. Bài tập nghe để phân biệt các từ vựng có chứa phụ âm /t/ và /d/ trong các câu ngắn. | CO2  CO3 | **Dạy**: GV làm mẫu và hướng dẫn các hoạt động và bài tập vận dụng.  **Học ở lớp**:   * Làm bài tập vận dụng. * Thực hành theo hướng dẫn của GV. * Trao đổi với GV các vấn đề chưa rõ.   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. * Làm bài tập GV giao về nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, thực hành đọc các âm đang học và làm bài tập nghe theo cá nhân hoặc nhóm tại mục 6.1.1, 6.1.2, 6.1.4 6.1.5, 6.2.1, 6.2.2. 6.2.4, và 6.2.5. GV cho điểm cộng vào 30% (tùy GV) theo khả năng của mỗi sinh viên. |
| 7 | **Bài 7: Phụ âm /k/ và /g/; Phụ âm /s/ và /z/**  7.1. Phát âm phụ âm /k/ và /g/  7.1.1. Bài tập nghe để nhận biết phụ âm /k/ trong các từ vựng thông qua bài đối thoại ngắn.  7.1.2. Thực hành phát âm phụ âm /k/ ở các vị trí khác nhau trong từ vựng.  7.1.3. Phát âm phụ âm /g/  7.1.4. Phân biệt phụ âm /k/ và /g/ qua các cặp từ minimal pairs.  7.1.5. Bài tập nghe để nhận biết phụ âm /g/ bị câm trong một số từ vựng.  7.1.6. Bài tập nghe và nói theo cấu trúc câu: “Gabby likes và doesn’t like…” với các từ vựng có chứa phụ âm /k/ và /g/.  7.2. Phát âm phụ âm /s/ và /z/  7.2.1 Thực hành hỏi và trả lời theo mẫu câu: “What’s number…? It’s a/ an…”  7.2.2. Bài tập nghe tìm ra phụ âm /s/ trong các từ vựng của một đoạn đối thoại ngắn.  7.2.3. Bài tập nghe tìm ra phụ âm /s/ bị câm trong một số từ vựng.  7.2.4. Phát âm phụ âm /z/  7.2.5. Phân biệt phụ âm /s/ và /z/ qua các cặp từ minimal pairs.  7.2.6. Thực hành hỏi và trả lời theo cấu trúc: “Is this a/ an …? No, it isn’t. It’s a/ an …”  7.2.7. Thực hành phát âm phụ âm /s/ và /z/ trong cấu trúc: “These are…” và “Those are…”  7.2.8. Cách nhận biết phụ âm /s/ và /z/ trong các từ vựng. | CO2  CO3 | **Dạy**: GV làm mẫu và hướng dẫn các hoạt động và bài tập vận dụng.  **Học ở lớp**:   * Làm bài tập vận dụng. * Thực hành theo hướng dẫn của GV. * Trao đổi với GV các vấn đề chưa rõ.   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. * Làm bài tập GV giao về nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, thực hành đọc các âm đang học và làm bài tập nghe theo cá nhân hoặc nhóm tại mục 7.1 và 7.2. GV cho điểm cộng vào 30% (tùy GV) theo khả năng của mỗi sinh viên.  - Kiểm tra giữa kỳ hình thức nghe và viết, điểm này tính vào điểm 30% của khóa học. |
| 8 | **Bài 8: Phụ âm /ʃ/ và /ʒ/; phụ âm /tʃ/ và /dʒ/**  8.1. Phát âm phụ âm /ʃ/ và /ʒ/  8.1.1. Phân biệt phụ âm /s/ và /ʃ/ qua các cặp từ minimal pairs.  8.1.2. Thực hành hỏi và trả lời theo cấu trúc: “Is she … or ….?” “She’s…” Ngữ điệu câu hỏi lựa chọn “or”.  8.1.3.Thực hành phát âm phụ âm /ʃ/ ở các vị trí khác nhau trong từ vựng.  8.1.4. Phát âm phụ âm /ʒ/  8.1.5. Bài tập nghe điền các từ vựng có chứa phụ âm /ʒ/ vào đoạn đối thoại ngắn.  8.1.6. Thực hành hỏi và trả lời theo cấu trúc: “What does Sue usually do on Saturdays?” “She usually…”  8.1.7. Bài tập nghe phận biệt phụ âm /s/, /ʃ/ và /ʒ/  8.1.8. Cách nhận biết phụ âm /ʃ/ và /ʒ/ trong các từ vựng.  8.2. Phát âm phụ âm /tʃ/  8.2.1. Phân biệt phụ âm /ʃ/ và phụ âm /tʃ/ qua các cặp từ minimal pairs.  8.2.2. Phát âm phụ âm /tʃ/ ở các vị trí khác nhau của từ vựng.  8.2.3. Phát âm phụ âm /dʒ/.  8.2.4. Phân biệt phụ âm /tʃ/ và /dʒ/.qua các cặp từ minimal pairs.  8.2.5. Phát âm phụ âm /dʒ/ ở các vị trí khác nhau của từ vựng.  8.2.6.Thực hành hỏi và trả lời theo cấu trúc: “Where are … ?” và “Where’s … ?”  8.2.7.Đọc một mục quảng cáo ngắn có các từ vựng chứa phụ âm /ʃ/, /tʃ/ và /dʒ/.  8.2.8.Cách nhận biết phụ âm /tʃ/ và /dʒ/ trong các từ vựng. | CO2  CO3 | **Dạy**: GV làm mẫu và hướng dẫn các hoạt động và bài tập vận dụng.  **Học ở lớp**:   * Làm bài tập vận dụng. * Thực hành theo hướng dẫn của GV. * Trao đổi với GV các vấn đề chưa rõ.   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. * Làm bài tập GV giao về nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, thực hành đọc các âm đang học và làm bài tập nghe theo cá nhân hoặc nhóm tại mục 8.1 và 8.2. GV cho điểm cộng vào 30% (tùy GV) theo khả năng của mỗi sinh viên. |
| 09 | **Bài 9: Phụ âm /θ/ và /ð/**  9.1. Phát âm phụ âm /θ/  9.1.1. Phân biệt phụ âm /s/ và /θ/ qua các cặp từ minimal pairs.  9.1.2. Phát âm phụ âm /θ/ trong các số thứ tự.  9.1.3. Phát âm phụ âm /θ/ ở các vị trí khác nhau của từ vựng.  9.2. Phát âm phụ âm /ð/  9.2.1. Thực hành giới thiệu về các thành viên trong gia đình với các từ vựng có chứa phụ âm / ð/.  9.2.2. Phát âm phụ âm /ð/ ở các vị trí khác nhau của từ vựng.  9.2.3. Bài tập nghe để phân biệt phụ âm /θ/ và /ð/.  9.3. Cách nhận biết phụ âm /θ/ và /ð/ trong các từ vựng. | CO2  CO3 | **Dạy**: GV làm mẫu và hướng dẫn các hoạt động và bài tập vận dụng.  **Học ở lớp**:   * Làm bài tập vận dụng. * Thực hành theo hướng dẫn của GV. * Trao đổi với GV các vấn đề chưa rõ.   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. * Làm bài tập GV giao về nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, thực hành đọc các âm đang học và làm bài tập nghe theo cá nhân hoặc nhóm tại mục 9.1.1, 9.1.2, 9.1.3, 9.2.1, 9.2.2, 9.2.3. GV cho điểm cộng vào 30% (tùy GV) theo khả năng của mỗi sinh viên. |
| 10 | **Bài 10: Phụ âm /w/, /j/, and /r/**  10.1. Phát âm phụ âm /w/  10.1.1. Thực hành hỏi và trả lời theo cấu trúc: “What’s the weather like today?” “It’s…”  10.1.2. Thực hành hỏi và trả lời theo cấu trúc: “What’s the time?” “It’s…”  10.2. Phát âm phụ âm /j/  10.2.1. Phân biệt phụ âm /dʒ/ và /j/ qua các cặp từ minimal pairs.  10.2.2. Thực hành đoạn đối thoại có các từ vựng chứa phụ âm /j/.  10.2.3. Bài tập nghe tìm ra các từ có chứa phụ âm /j/ trong nhóm các từ cho trước.  10.3. Phát âm phụ âm /r/  10.3.1. Phát âm phụ âm /r/ ở các vị trí khác nhau trong từ vựng.  10.3.2. Bài tập nghe nhận biết phụ âm /r/ bị câm trong một số từ vựng.  10.3.3. Thực hành phát âm phụ âm /r/ bị câm trong một số từ vựng. | CO2  CO3 | **Dạy**: GV làm mẫu và hướng dẫn các hoạt động và bài tập vận dụng.  **Học ở lớp**:   * Làm bài tập vận dụng. * Thực hành theo hướng dẫn của GV. * Trao đổi với GV các vấn đề chưa rõ.   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. * Làm bài tập GV giao về nhà. * Sinh viên ký tên xác nhận điểm 10% và 30%. * Gv giải đáp thắc mắc về điểm 10% và 30% của sinh viên (nếu có). * Sinh viên ôn tập chương trình học để chuẩn bị thi cuối kỳ. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, thực hành đọc các âm đang học và làm bài tập nghe theo cá nhân hoặc nhóm tại mục 10.1, 10.2, và 10.3. GV cho điểm cộng vào 30% (tùy GV) theo khả năng của mỗi sinh viên.  **A1.**  - Công bố bảng điểm (10%);  **A2.**  - Công bố bảng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 4.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH (Gx)** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Tham gia đầy đủ các buổi học |  | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ/ Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1  CO2  CO3 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ  *- Nghe hiểu, viết (30%)*  *- Nói (30%)* | CO2, CO3 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc trước tài liệu do giảng viên cung cấp trước các buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình tự học 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

1. Baker, A. (2006). *Tree or Three? An Elementary Pronunciation Course(2nd edition)*. Cambridge: Cambridge University Press.

**Tài liệu tham khảo**

1. *350 câu bài tập trọng âm.* Truy xuất từ <https://download.com.vn/docs/tuyen-tap-350-cau-bai-tap-trong-am-on-thi-thpt-quoc-gia/download>
2. *400 câu bài tập phát âm*. Truy xuất từ <https://tienganh247.info/400-cau-trac-nghiem-bai-tap-ngu-am-tieng-anh-cuc-hayco-dap-an-a4281.html>
3. Baker, A. (2006). *Ship or Sheep? An Intermediate Pronuniciation Course   
   (3rd edition)*. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Marks, J. (2007). *English Pronunciation in Use Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ MÔN HỌC

- Bảng, phấn hoặc bút, mi-crô

- Máy vi tính, máy chiếu, máy nghe đĩa, ti vi,…

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ...... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng Khoa**  Lê Đức Thịnh | **Giảng viên biên soạn 1**  Hoàng Vĩnh Lộc | **Giảng viên biên soạn 2**  Nguyễn Ao Quang Vinh |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<102056 – ENGLISH 2>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Anh văn 2 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | English 2 |
| Mã môn học: | 102056 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ bản |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Khoa Đào tạo Anh văn đại cương |
| Giảng viên phụ trách: | Đặng Thi  Email: teedanglhu@gmail.com  Bùi Minh Hương  Email: bminhhuong@yahoo.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | 1. Lê Đức Thịnh  2. Trần Hồ Anh Phong  3. Nguyễn Minh Phú  4. Phạm Hồng Thái  5. Lê Thanh Bình  6. Võ Thị Thanh Lan  7. Nguyễn Ao Quang Vinh  8. Hoàng Vĩnh Lộc  9. Đoàn Kim Phụng |
| Số tín chỉ:  Lý thuyết:  Bài tập:  Thực hành: | 2 (45 tiết)  1 tín chỉ (15 tiết)  1 tín chỉ (30 tiết)  00 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với tất cả sinh viên không chuyên ngành ngôn ngữ |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | English 1 |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Môn học này cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết (200 – 300 từ) và các cấu trúc câu ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tựgiới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, đồ vật, hỏi về thời gian, nói về khả năng, phát biểu cảm nghĩ thích hoặc không thích điều gì, thức ăn, diễn đạt những việc đã làm trong quá khứ v.v.

Môn học English 2 gồm 7 bài (7 units) – 45 tiết.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Tích lũy và sử dụng được những từ vựng giao tiếp thông dụng, để có thể nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày. | ELO3 |
| CEO2: Sử dụng thành thạo các mẫu câu tiếng Anh đơn giản trong những tình huống giao tiếp thực tế hằng ngày. | ELO3 |
| CEO3: Giao tiếp tiếng Anh (nói và nghe) ở trình độ sơ cấp. | ELO3 |

**4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)**

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH**  **(mục tiêu cụ thể)** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | **Hiểu** và **sử dụng** những từ vựng giao tiếp thông dụng, để nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày. | T, U |
| CO2 (ELO3) | **Sử dụng** thành thạo các mẫu câu tiếng Anh đơn giản trong những tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu bản thân, cung cấp thông tin cá nhân, v.v., khi người cùng đối thoại nói chậm và rõ ràng. | T, U |
| CO3 (ELO3) | **Nói và nghe** được tiếng Anh ở trình độ sơ cấp. | U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

## (Course content, Lesson plans)

## Lý thuyết và bài tập

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(3tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động dạy**  **và học** | **Hoạt độngđánh giá** |
| 1 | **Unit 1: People and Places**   * 1. Chào hỏi      1. Giới thiệu các mẫu câu chào hỏi      2. Thực hành theo cặp   1.2. Giới thiệu bản thân  1.2.1. Giới thiệu các mẫu câu giới thiệu bản thân, hỏi lại họ tên nếu chưa rõ  1.2.2. Thực hành theo cặp cấu trúc để hỏi và trả lời về tên và họ  1.2.3. Thực hành hỏi lại họ, tên nếu không nghe rõ  1.2. Thực hành hỏi và trả lời về quốc gia, quốc tịch  1.2.1. Thực hành cấu trúc hỏi và trả lời về quốc tịch  1.2.2. Thực hành cấu trúc hỏi và trả lời về tên quốc gia, quốc tịch  1.3. Bài tập nghe để nhận biết các tình huống giao tiếp về chào hỏi xã giao, và hỏi về quốc tịch  1.4. Hoạt động nhóm: từng thành viên đặt câu hỏi yes/no cho các thành viên khác trả lời đến khi có thể đoán ra quốc tịch được giáo viên ghi trên mỗi mảnh giấy là gì. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo nhóm, cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 2 | **Unit 1: People and Places (Cont.)**  2.1. Đánh vần tên, họ  2.1.1. Ôn tập bảng chữ cái, giới thiệu các mẫu câu hỏi và đáp về đánh vần tên, họ  2.1.2. Thực hành theo cặp, sử dụng cấu trúc hỏi và trả lời về đánh vần  2.2. Grammar focus  2.2.1. Hướng dẫn cách dùng “a,an”  2.2.2. Hướng dẫn cách chia thì hiện tại với “to be” – thể khẳng định và nghi vấn. Cho sinh viên bài tập thực hành.  2.3. Hỏi và đáp về nghề nghiệp, địa chỉ nhà và thư điện tử  2.3.1. Giới thiệu các mẫu câu hỏi và đáp về nghề nghiệp, địa chỉ nhà và thư điện tử  2.3.2. Thực hành theo cặp, sử dụng cấu trúc hỏi và trả lời về nghề nghiệp, địa chỉ nhà và thư điện tử  2.4. Nghe và điền thông tin vào biểu mẫu các thông tin về họ tên, số điện thoại, địa chỉ nhà, địa chỉ thư điện tử, và nghề nghiệp  2.5. Thực hành theo cặp: Hỏi và trả lời để hoàn tất thông tin cá nhân còn thiếu trên các hồ sơ cho sẵn. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân   - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV  **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 3 | **Unit 2: People and Things**  3.1. Nói về các vật dụng cần thiết hằng ngày  3.1.1. Giới thiệu từ vựng về các vật dụng cần thiết hằng ngày.  3.1.2. Thực hành phát âm từ vựng.  3.2. Grammar focus 1  3.2.1. Giới thiệu đại từ chỉ định và hình thức sở hữu cách.  3.2.2. SV làm bài tập về các đại từ chỉ định  3.3 Grammar focus 2  3.3.1. Giới thiệu cấu trúc “has got/have got” và làm bài tập liên quan.  3.4 Giới thiệu từ vựng về các thành viên trong gia đình. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 4 | **Unit 2: People and Things (Cont.)**  4.1. Hỏi thông tin của các thành viên trong gia đình  4.1.1. Giới thiệu cấu trúc hỏi và đáp về tình trạng hôn nhân và số con  4.1.2. Thực hành theo cặp để hỏi về tình trạng hôn nhân và số con  4.2. Luyện tập đọc: Đọc bài viết ngắn và trả lời các câu hỏi về bối cảnh gia đình của nhân vật trong bài viết.  4.3. Thực hành cấu trúc “have got/has got” theo cặp sinh viên sử dụng cấu trúc để giới thiệu thành viên trong gia đình, vật dụng sở hữu.  4.4 Thực hành theo cặp hỏi đáp điền thông tin vào hồ sơ sinh viên cho sẵn . | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 5 | **Unit 3: Your Life**  5.1. Đọc hiểu (Giới thiệu chi tiết về bản thân và gia đình)  5.1.1. Giới thiệu từ vựng nơi ở.  5.1.2. Giới thiệu từ vựng về các giới từ chỉ nơi chốn  5.1.3 Đọc bài và làm bài tập cho sẵn.  5.2. Giới thiệu các động từ mô tả sinh hoạt hằng ngày  5.2.1. Sinh viên làm bài tập liên quan.  5.2.2. Thực hành nói theo cặp hỏi đáp về các hoạt động thường ngày.  5.3. Grammar focus – Giới thiệu và giải thích cách dùng thì hiện tại đơn ở thể khẳng định và nghi vấn, làm bài tập liên quan. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 6 | **Unit 3: Your Life (Cont.)**  6.1. Grammar focus (Thì hiện tại đơn)  6.1.1. làm bài tập nghe trả lời các câu hỏi cho sẵn  6.1.2. Thực hành nói theo cặp cách đặt câu hỏi và trả lời bằng thì hiện tại  6.1.3. Thực hành theo nhóm: hỏi và trả lời về nơi ở, cách sinh hoạt của các thành viên.  6.2. Hỏi và trả lời thời gian  6.2.1. Giới thiệu cách nói giờ.  6.2.2. Thực hành hỏi và trả lời về giờ giấc theo cặp: với các mốc thời gian cho sẵn.  6.3. Hỏi và đáp về thời gian sinh hoạt cá nhân.  6.3.1. Giới thiệu các cấu trúc hỏi đáp về thời gian sinh hoạt cá nhân.  6.3.2. Thực hành hỏi và trả lời về thời gian sinh hoạt cá nhân: Dựa trên bảng thông tin cho sẵn và sinh viên có thể phát triển thêm.  6.4. Giới thiệu các từ vựng về một số nơi công cộng thông dụng.  6.4.1 Làm bài tập đọc hiểu và trả lời các câu hỏi cho sẵn.  6.5. Làm bài tập nghe cho sẵn và trả lời các câu hỏi tổng hợp về thời gian, địa điểm. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 7 | **Unit 4: Likes and Dislikes**  7.1. Miêu tả hoạt động giải trí  7.1.1. Giới thiệu các từ vựng về các hoạt động giải trí.  7.1.2. Giới thiệu các cấu trúc dùng để hỏi và đáp về việc thích hay không thích những hoạt động giải trí cụ thể.  7.2. Luyện tập nghe  7.21. Hỏi sinh viên các thông tin về ca sĩ Adele  7.2.2. Làm bài tập nghe cho sẵn về ca sĩ Adele  7.2.3. Thảo luận theo cặp về việc liệu Adele có phải là một ca sĩ nhạc Pop điển hình hay không!?  7.3. Grammar Focus: Thì hiện tại ở thể khẳng định và phủ định với ngôi thứ 3 số ít. Thực hành với bài tập cho sẵn | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 8 | **Unit 4: Likes and Dislikes (Cont.)**  8.1. Trạng từ chỉ tần suất  8.1.1. Giới thiệu trạng từ chỉ tầng suất  8.1.2. Làm bài tập đọc hiểu về các trạng từ chỉ tầng suất cho sẵn.  8.1.3. Thực hành theo cặp: Vận dụng trạng tự chỉ tầng suất để nói về các hoạt động hằng ngày.  8.3. Grammar Focus: Thực hành thì hiện tại đơn – thể nghi vấn và trả lời.  8.3.1 Làm bài tập đọc hiểu về Denise Lewis  8.4. Luyện tập nói theo cặp: Thực hành hỏi đáp với các thông tin cho sẵn sử dụng thì hiện tại đơn. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 9 | **Unit 5: From A to B**  9.1. Các phương tiện giao thông.  9.1.1. Giới thiệu các từ vựng về các phương tiện giao thông.  9.1.2. Làm bài tập từ vựng về các phương tiện giao thông.  9.1. Luyện đọc  9.1.1. Đọc bài viết và làm bài tập đọc hiểu cho sẵn  9.1.2. Ôn lại cách phát âm đối với âm /ə/  9.3. Grammar focus: “can” và “can’t”  9.3.1. Giới thiệu cách sử dụng “can” và “can’t”  9.3.2 Làm bài tập thực hành do giáo viên chuẩn bị. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 10 | **Unit 5: From A to B (Cont.)**  10.1. Grammar Focus: “can” và “can’t”  10.1.1. làm bài tập nghe xác định “can” hay “can’t”  10.1.2. Hướng dẫn cách phát âm “can” và “can’t”  10.1.3. Thực hành theo cặp sử dụng “can” và “can’t”  10.2. Grammar Focus 2: Mạo từ  10.2.1. Giới thiệu cách sử dụng các mạo từ “a, an, the”  10.2.2. Luyện tập đọc: Đọc bài và làm bài tập về mạo từ cho sẵn.  10.2.3. Luyện tập nói theo cặp hỏi và trả lời sử dụng mạo từ trong câu trả lời.  10.2.4: Làm bài tập quiz về Mexico bằng cách điền a, an hoặc the vào các khoảng trống cho sẵn.  10.3. Luyện tập nói: Nói theo cặp hỏi đáp sử dụng bảng thông tin cho sẵn. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 11 | **Unit 6: Food and Drink**  11.1. Từ vựng  11.1.1. Giới thiệu từ vựng về trái cây và thức ăn  11.1.2. Sinh viên thực hành phát âm và tham gia các hoạt động đố vui về trái cây và thức ăn.  11.2. Grammar focus: There are/ there is – Some/any  11.2.1. Giới thiệu cấu trúc There are/ there is – Some/any  11.2.2. Làm bài tập cho sẵn về các cấu trúc trên.  11.2.3 Luyện tập nói: Thực hành hỏi và trả lời về vị trí các vật dụng trong các bức tranh cho sẵn.  11.3. Luyện tập nghe: Nghe và làm bài tập “true, false” về các bức tranh trái cây và thức ăn cho sẵn. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 12 | **Unit 6: Food and Drink (Cont.)**  12.1. Luyện tập đọc hiểu  12.1.1. Đọc bài về các cách ăn uống có lợi cho sức khỏe ở các nơi trên thế giới và làm bài tập cho sẵn.  12.2.2. Giới thiệu các từ vựng về ẩm thực và các vật dụng nhà bếp, thực hành phát âm các từ vựng đó.  12.1.2. Thực hành nói sử dụng các cặp danh từ.  12.2. Grammar focus 2: how much và how many  12.2.1. Giới thiệu cách sử dụng how much và how many.  12.2.2. Làm bài tập đố vui về how much và how many  12.2.3. Thực hành nói theo cặp: luân phiên hỏi lẫn nhau sử dụng các câu hỏi how much và how many cho sẵn. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 13 | **Unit 7: Life Stories**  13.1. Bàn về các nhân vật nổi tiếng  13.1.1. Làm bài tập trắc nghiệm về các nhân vật nổi tiếng  13.1.2. Giới thiệu các từ vựng về danh hiệu  13.2. Grammar Focus (Thì quá khứ đơn)  13.2.1. Giới thiệu cách dùng và cách chia thì quá khứ đơn với động từ (was và were)  13.2.2. Thực hành các bài tập điền từ với thì quá khứ đơn  13.3. Luyện phát âm: hướng dẫn cách phát âm động từ “was” và “were”.  13.4. Thực hành nói theo cặp sử dụng was và were với các câu hỏi cho sẵn.  13.5 Từ vựng: Giới thiệu các từ vựng về các sự kiện trong cuộc sống. (life events)  13.6 Cho sinh viên thực hành theo cặp sử dụng các từ vựng vừa học để sắp xếp theo thứ tự các sự kiện xảy ra đối với bản thân mình. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 14 | **Unit 7: Life Stories (Cont.)**  14.1. Luyện tập đọc hiểu  14.1.1. Sinh viên đọc bài viết về Ben Silbermann theo cặp và trả lời các câu hỏi và bài tập liên quan  14.1.2. Thực hành nhóm bằng cách thảo luận các câu hỏi gợi ý sau bài đọc.  14.2. Grammar Focus 2 (Thì quá khứ đơn với động từ thường và động từ bất quy tắc)  14.2.1. Giới thiệu cách thành lập thì quá khứ đơn với động từ thường và động từ bất quy tắc.  14.2.2. Làm bài tập thực hành chia động từ thường và động từ bất quy tắc với các bài tập cho sẵn và bài tập của GV soạn thêm.  14.3. Luyện tập nghe: Nghe về câu chuyện của Jackie Kennedy Onassis và làm các bài tập điền từ, trả lời câu hỏi cho sẵn.  14.4. Luyện tập nói theo cặp: Luân phiên hỏi nhau về các hoạt động đã làm trong ngày hôm qua. | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV * **Học ở nhà**: * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Hoàn thành bài tập GV yêu cầu sau khi học xong nội dung trên lớp * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 15 | **ÔN TẬP** | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau để ôn tập chương trình đã học từ Unit 1 đến Unit 7. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần ôn tập, thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:  - Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu với bạn cùng lớp và GV  - Công bố bảng điểm 10% và bảng điểm 30% của sinh viên.  - Sinh viên ký tên xác nhận điểm chuyên cần 10% và tự học 30%  - Giảng viên giải thích hoặc/và chỉnh sửa điểm ngay tại lớp (nếu có thắc mắc/sai sót)  **Học ở nhà**:  - Ôn tập chuẩn bị thi cuối kỳ. | **A1.**  - Công bố bảng điểm (10%);  **A2.**  - Công bố bảng điểm (30%) |

**6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)**

Bảng 4.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH (Gx)** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Tham gia đầy đủ các buổi học. |  | 10% |
| A2. Thi, kiểm tra, bài tập lớn giữa kỳ, bài tập suốt quá trình học (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1  CO2  CO3 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ  *- Nghe (30%)*  *- Nói (30%)* | CO1  CO2  CO3 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc trước tài liệu do giảng viên cung cấp trước các buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình tự học 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

1. Cunningham, S., Moor, P., Crace, A. (2013). *Cutting Edge: Elementary   
(3rd edition)*. England: Pearson Education Limited.

**Tài liệu tham khảo**

1. Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.
2. Redston, C., Cunningham, G. (2008). *Face2face: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.
3. Richards, J.C. & Bohlke, D. (2013). *Four Corners 1*. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 1*. New York: Oxford University Press.
5. Richards, J. C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 1*  
   *(3rd edition)*. New York: Oxford University Press.
6. Stephenson, H., Dummett, P., & Hughes, J. (2016). *Life: Elementary*. China: RR Donnelley.

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ MÔN HỌC

- Bảng, phấn hoặc bút, mi-crô

- Máy vi tính, máy chiếu, máy nghe đĩa, ti vi,…

*Đồng Nai, ngày ..... tháng..... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng Khoa**  Lê Đức Thịnh | **Giảng viên biên soạn 1**  Đặng Thi | **Giảng viên biên soạn 2**  Bùi Minh Hương |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<102057 – ENGLISH 3>**

## THÔNG TIN CHUNG (General Information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Anh văn 3 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | English 3 |
| Mã môn học: | 102057 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ bản |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Khoa Đào tạo Anh văn đại cương |
| Giảng viên phụ trách: | 1. Bùi Minh Hương  Email: minhhuong@lhu.edu.vn  2. Đặng Thi  Email: teedanglhu@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | 1. Lê Đức Thịnh  2. Trần Hồ Anh Phong  3. Nguyễn Minh Phú  4. Hoàng Vĩnh Lộc  5. Lê Thanh Bình  6. Phạm Hồng Thái  7. Võ Thị Thanh Lan  8. Nguyễn Ao Quang Vinh  9. Đoàn Kim Phụng |
| Số tín chỉ: | 02 (45 tiết)  Lý thuyết (01 tín chỉ) + Bài tập (01 tín chỉ) |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên không chuyên ngành ngôn ngữ hệ đại học chính quy |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | English 1 và English 2 |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course Description)

Môn học English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1và English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp (Elementary). Qua đó, người học có khả năng luyện tập nghe và nói những bài hội thoại, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề và tình huống thực tế như:

* sắp xếp một buổi tối ra ngoài giải trí với bạn
* nói về một món quà mang đặc trưng của đất nước mình để tặng cho gia đình một người bạn ở nước ngoài
* mô tả ngoại hình, quần áo và tính cách
* hỏi về hàng hóa và dịch vụ
* nói về những dự định và kế hoạch trong tương lai
* nói về học hành và sự nghiệp
* nói chuyện qua điện thoại về những chủ đề khác nhau

**3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)**

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

**Bảng 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mô tả** | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Nắm bắt từ vựng và các mẫu câu cơ bản trong giao tiếp hằng ngày | ELO3 |
| CEO2: Nghe hiểu những tình huống về những chủ đề đã học | ELO3 |
| CEO3: Vận dụng kiến thức vào việc giao tiếp trong những tình huống thông thường của cuộc sống | ELO3 |

**4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC(Course Learning Outcomes)**

**Bảng 2.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CO1 (ELO3) | **Hiểu, nhận biết** và **sử dụng** được từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu tiếng Anh ở trình độ sơ cấp (Elementary) trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày | I, U |
| CO2 (ELO3) | **Nghe hiểu** được ý của người nói thông qua những tình huống liên quan đến các chủ đề đã được học | T, U |
| CO3 (ELO3) | **Vận dụng** được kiến thức (từ vựng, thành ngữ, mẫu câu, …) đã học vào việc **bày tỏ** và **diễn đạt** thành công cảm nghĩ, ý kiến, và quan điểm bằng tiếng Anh trong giao tiếp phù hợp với từng tình huống cụ thể | T, U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

## (Course Content, Lesson Plan)

**Bảng 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(3tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động dạy và học** | **Hoạt độngđánh giá** |
| 1 | **Unit 8:**  **FACT OR FICTION?**  **1.1. Từ vựng:** Các tính từ để mô tả sự kiện và các cụm từ về các hoạt động giải trí.  **1.2. Ngữ pháp:** Thì quá khứ đơn  **1.3. Phát âm:1.3.1.** Luyện phát âm các động từ thì quá khứ có chứa ***–ed***.  **1.3.2.** Luyện tập nối từ ***did***và ***you/your***trong các câu hỏi về các sự kiện xảy ra trong quá khứ.  **1.4. Nghe hiểu:** 1.4.1. Chương trình radio nói về ban nhạc huyền thoại, Queen.  1.4.2. Lauren, Daniel, Karl nói về một buổi tối ở nhà hoặc đi ra ngoài.  **1.5. Nói:** Luyện tập theo cặp kể về một buổi tối tuyệt vời hoặc tồi tệ mà bạn đã trải qua. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV tổ chức trò chơi nhằm giúp SV có vốn từ vựng và nắm được cấu trúc câu; hướng dẫn SV làm bài tập nghe hiểu, và luyện tập thực hành nói theo cặp.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập phần từ vựng, ngữ pháp, nghe hiểu.  - Luyện tập chủ đề nói theo cặp/ nhóm theo hướng dẫn của GV.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà (Trang 152-153)  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 2 | **Unit 8: FACT OR FICTION? (cont.)**  **2.1. Từ vựng:** Các cụm từ sử dụng để sắp xếp một cuộc hẹn đi chơi tối với bạn.  **2.2. Video:** Xem video Andy sắp xếp một buổi hẹn tối với đồng nghiệp, trả lời câu hỏi cho sẵn và viết xuống các lý do chấp nhận hoặc từ chối lời đề nghị về buổi hẹn.  **2.3. Nói:** Luyện tập nói theo cặp sắp xếp một buổi hẹn ra ngoài chơi tối | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**:  - GV tổ chức trò chơi nhằm giúp SV có vốn từ vựng và nắm được cấu trúc một cuộc hẹn; hướng dẫn SV làm bài tập, và luyện tập thực hành nói theo cặp.  **Học ở lớp**:  - Thảo luận bài tập về nhà của buổi học trước và ôn bài cũ.  - Làm bài tập phần từ vựng và video.  - Luyện tập chủ đề nói theo cặp/ nhóm theo hướng dẫn của GV.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 3 | **UNIT 9:**  **BUY AND SELL**  **3.1. Từ vựng:** Tính từ mô tả đồ vật, cửa hàng và các dịch vụ.  **3.2. Ngữ pháp:**  Cấu trúc so sánh hơn và so sánh nhất của tính từ và trạng từ.  **3.3. Phát âm:**  Trọng âm trong các cụm từ và câu so sánh.  **3.4. Đọc hiểu:** Đọc và làm bài tập về bài đọc “Top five unusal shops”.  **3.5. Nghe hiểu:**  The Taylor family  **3.6. Nói:** Thảo luận về món quà lưu niệm mang đặc trưng của đất nước bạn mà hai bạn sẽ tặng cho một gia đình nước ngoài. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**:  - GV tổ chức trò chơi nhằm giúp SV có vốn từ vựng và nắm được cấu trúc so sánh khi lựa chọn mua quà lưu niệm; hướng dẫn SV làm bài tập và luyện tập thực hành nói theo cặp.  **Học ở lớp**:  - Thảo luận bài tập về nhà của buổi học trước.  - Làm bài tập cá nhân, hoặc theo cặp/nhóm theo hướng dẫn của GV.  - Luyện tập chủ đề nói theo cặp.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Ghi âm hoặc quay phim phần nói về các món quà lưu niệm mà bạn chọn.  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 4 | **UNIT 9:**  **BUY AND SELL (cont.)**  **4.1. Từ vựng:**  Các chợ và siêu thị nổi tiếng trên thế giới.  **4.2. Video:**  Famous markets  **4.3. Thuyết trình:** Tìm hiểu và thuyết trình theo nhóm về một trong các chợ hoặc siêu thị nổi tiếng trên thế giới hoặc ở Việt Nam. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn SV làm bài tập về từ vựng, về video và chuẩn bị bài thuyết trình.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập phần từ vựng và video theo hướng dẫn của GV.  - Chuẩn bị và thuyết trình theo nhóm.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 5 | **UNIT 10:**  **LOOK GOOD**  **5.1. Từ vựng:**  Quần áo, màu sắc, tính cách  **5.2. Ngữ pháp:**  Thì hiện tại tiếp diễn  **5.3. Nghe hiểu:**  5.3.1. Clothes at work  5.3.2. Analyse your personality  **5.4. Nói:** Làm đoạn hội thoại hỏi và trả lời về màu sắc yêu thích và tính cách của bản thân. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV tổ chức trò chơi để SV có vốn từ vựng và nắm được cấu trúc ngữ pháp; hướng dẫn SV làm bài tập phần nghe và thực hành chủ đề nói về tính cách và màu sắc.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập phần từ vựng, ngữ pháp, nghe hiểu.  - Luyện tập chủ đề nói theo cặp.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 6 | **UNIT 10:**  **LOOK GOOD (cont.)**  **6.1. Từ vựng:** hàng hóa và dịch vụ  **6.2. Ngữ pháp:** Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn  **6.3. Video:** Asking for goods and services  **6.4. Nói:** Đóng vai để làm một đoạn hội thoại hỏi và trả lời về dịch vụ tại tiệm cắt tóc hoặc mua hàng tại cửa hàng quần áo. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV tổ chức trò chơi để SV có vốn từ vựng và nắm được các cụm từ khóa; hướng dẫn SV làm bài tập ngữ pháp, video và thực hành chủ đề nói.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập phần từ vựng, ngữ pháp, video.  - Luyện tập chủ đề nói theo cặp.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 7 | **UNIT 11: NATURE**  **7.1. Từ vựng:** Động vật và các số lớn  **7.2. Đọc hiểu:** Working animals  **7.3. Ngữ pháp:**  Từ hỏi (question words)  **7.4. Nghe hiểu:**  Intelligent animals  **7.5. Nói:** Các nhóm sẽ tự thiết kế các câu đố về kiến thức chung và tổ chức chơi theo đội. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn SV làm bài tập từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu, nghe hiểu và tổ chức trò chơi để vận dụng từ vựng và ngữ pháp.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập phần từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu, nghe hiểu.  - Luyện tập đặt câu hỏi, nghe và trả lời câu hỏi.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 8. | **UNIT 11:**  **NATURE (cont.)**  **8.1. Từ vựng:** Animals in danger  **8.2. Ngữ pháp:**  Lượng từ: a lot of, a little, a few, not any, not much, not many  **8.3. Nghe hiểu:** South Africa  **8.4. Video:** Animals in danger  **8.5. Nói:** Tìm hiểu về các loài động vật đã tuyệt chủng và thuyết trình theo cặp/nhóm. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn SV làm bài tập từ vựng, ngữ pháp, nghe hiểu, video và hướng dẫn SV chuẩn bị phần thuyết trình theo cặp/nhóm.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập phần từ vựng, ngữ pháp, nghe hiểu, video.  - Luyện tập nói về các loài động vật tuyệt chủng.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 9 | **UNIT 12:**  **GOOD TIMES**  **9.1. Từ vựng:** Các lễ kỷ niệm và buổi tiệc  **9.2. Ngữ pháp:**  Going to, want to và would like to  **9.3. Đọc hiểu:** Celebrating the seasons  **9.4. Nghe hiểu:**  The 15th annual Auldhay festival  **9.5. Nói:** Lên kế hoạch tổ chức một lễ hội. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn SV làm bài tập từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu, nghe hiểu và luyện tập nói theo cặp.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập phần từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu, nghe hiểu.  - Luyện tập nói về một lễ hội mà bạn sẽ tổ chức.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 10 | **UNIT 12:**  **GOOD TIMES (cont.)**  **10.1. Phát âm:**  Luyện tập nói các cụm từ trong các câu đề nghị.  **10.2. Video:** Birthday  **10.3. Nói:** Bạn lên kế hoạch tổ chức sinh nhật cho một người bạn cùng lớp/cùng phòng. Đưa ra và thảo luận ít nhất 3 lời đề nghị. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn SV luyện phát âm, làm bài tập về video và luyện tập nói theo cặp.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập phần video.  - Luyện tập nói theo chủ đề.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 11 | **UNIT 13:**  **LIVE AND LEARN**  **11.1. Từ vựng:**  Các môn học ở trường  **11.2. Ngữ pháp:** Have to và don’t have to  **11.3. Nghe hiểu:**  Two career paths  **11.4. Đọc hiểu:**  From slates to iPads  **11.5. Nói:** Thảo luận về việc học ngoại ngữ của bạn sử dụng các câu hỏi gợi ý ở trang 118. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn SV làm bài tập từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu, nghe hiểu và luyện tập nói theo cặp.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập và tham gia hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - Luyện tập nói về việc học ngoại ngữ theo cặp.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 12 | **UNIT 13: LIVE AND LEARN (cont.)**  **12.1. Đọc hiểu:** Hoàn thành bảng câu hỏi về nghề nghiệp  **12.2. Nghe hiểu:**  Nghe 2 người thảo luận về bảng câu hỏi và trả lời câu hỏi.  **12.3. Video:**  A dream comes true  **12. 4. Nói:** Thảo luận về việc học và nghề nghiệp phù hợp nhất với bạn. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn SV làm bài tập các phần đọc hiểu, nghe hiểu, video và luyện tập nói theo cặp.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập và tham gia hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - Luyện tập nói về việc học và nghề nghiệp phù hợp nhất  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học  - Làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 13 | **UNIT 14:**  **KEEP IN TOUCH**  **13.1. Từ vựng:** Các phương tiện giao tiếp  **13.2. Ngữ pháp:** Thì hiện tại hoàn thành  **13.3. Đọc hiểu:**  Mind-blowing facts about modern communication  **13.4. Nghe hiểu:** Technology  **13.5. Nói:**  **13.5.1. Preparation:** Nghe hai người chơi nói chuyện và đánh dấu các cụm từ hoặc mẫu câu cần thiết.  **13.5.2. “Talk for one minute” game** | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn SV làm bài tập các phần ngữ pháp, đọc hiểu, nghe hiểu và hướng dẫn SV chuẩn bị cho phần trò chơi *Talk in one minute* (nói trong 1 phút).  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập và tham gia hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà. | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 14 | **UNIT 14: KEEP IN TOUCH (cont.)**  **14.1. Video: Telephoning**  Xem 3 phần khác nhau của video và làm các bài tập theo hướng dẫn.  **14.2. Phát âm:** Luyện tập các cụm từ khóasử dụng cho giao tiếp qua điện thoại.  **14.3. Nói:** Xem lại đoạn hội thoại trong phần video để làm một đoạn hội thoại tương tự và thêm các chi tiết khác nhau. | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn SV làm bài tập các phần video, phát âm và nói.  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập và tham gia hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học.  **Học ở nhà:**  - Ôn lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (cộng vào cột điểm 30%). |
| 15 | **ÔN TẬP** | CO1, CO2, CO3 | **Dạy**:  - GV hướng dẫn sinh viên ôn tập lại các chủ đề nói  - Ôn tập và giải đáp những vấn đề chưa rõ của môn học.  - Công bố bảng điểm 10% và bảng điểm 30% của sinh viên.  **Học ở lớp**:  - Ôn tập lại các chủ đề nói.  - Sinh viên ký tên xác nhận điểm chuyên cần 10% và tự học 30%  - Giảng viên giải thích hoặc/và chỉnh sửa điểm ngay tại lớp (nếu có thắc mắc/sai sót)  **Học ở nhà**:  Ôn lại nội dung đã học trong suốt khóa học để chuẩn bị thi cuối kỳ kết thúc môn. | **A1.**  - Công bố bảng điểm (10%);  **A2.**  - Công bố bảng điểm (30%); |

**6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC(Course Assessment)**

**Bảng 4.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH (Gx)** | **Tỷ lệ (%)** |
| **A1.** Chuyên cần |  | 10% |
| **A2.** Làm bài tập, thuyết trình, thảo luận, thực hành cá nhân, cặp, nhóm, kiểm tra giữa kỳ,… | CO1,CO2, CO3 | 30% |
| **A3.** Thi cuối kỳ  - Nghe + Viết (30%)  - Nói (30%) | CO1,CO2, CO3 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course Requirements and Expectations)

* Dự lớp: Tối thiểu 80% thời lượng học trên lớp theo quy định của nhà trường
* Sinh viên đọc, nghiên cứu tài liệu và làm bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên trước mỗi buổi học.
* Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi và tham gia các hoạt động trên lớp sẽ được cho điểm cộng vào điểm tự học (điểm quá trình) 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

Cunningham S., Moor P., & Crace A. (2013). *Cutting Edge (3rd edition): Elementary*. Harlow: Pearson Education Limited.

**Tài liệu tham khảo**

1. Craven, M. (2013). *Breakthrough Plus 1*. Macmillan Education.
2. Merdinger, P., Barton, L. (2015). *NorthStar: Listening & Speaking Level 1(3rd edition).* New York: Pearson Education, Inc.
3. Redston, C., Cunningham, G. (2008). *Face2face: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 2*. New York: Oxford University Press.
5. Richards, J. C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 1(3rd edition).* New York: Oxford University Press.
6. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L.A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited: Elementary Coursebook*. Cambridge: Cambridge University Press.

## 9. PHẦN MỀM, CÔNG CỤ HỖ TRỢ MÔN HỌC

* Bảng, phấn hoặc bút, mi-crô
* Máy vi tính, máy chiếu, máy nghe đĩa, ti vi,…

*Đồng Nai, ngày ..... tháng..... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng Khoa**  Lê Đức Thịnh | **Giảng viên biên soạn 1**  Bùi Minh Hương | **Giảng viên biên soạn 2**  Đặng Thi |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<102058 – ENGLISH 4>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Anh văn 4 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | English 4 |
| Mã môn học: | 102058 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ bản |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Khoa Đào tạo Anh văn đại cương |
| Giảng viên phụ trách: | 1. Phạm Hồng Thái  Email: [thaipham16@gmail.com](mailto:thaipham16@gmail.com)  2. Nguyễn Minh Phú  Email: [richie06av2@gmail.com](mailto:richie06av2@gmail.com) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | 1. Lê Đức Thịnh  2. Nguyễn Ao Quang Vinh  3. Trần Hồ Anh Phong  4. Võ Thị Thanh Lan  5. Lê Thanh Bình  6. Bùi Minh Hương  7. Hoàng Vĩnh Lộc  8. Đặng Thi  9. Đoàn Kim Phụng |

|  |  |
| --- | --- |
| Số tín chỉ:  Lý thuyết + Bài tập: | 02 (01LT + 01BT)  45 tiết |

|  |  |
| --- | --- |
| Tính chất của môn : | Bắt buộc đối với tất cả sinh viên không chuyên ngành ngôn ngữ (Hệ đại học chính quy). |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | English 1, 2, |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học English 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, và English 3 đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh cũng như các kỹ năng ngôn ngữ khác như đọc, viết ở mức độ tiền trung cấp về các lĩnh vực/chủ đề:

+ Giải trí và Thể thao

+ Những sự kiện đã xảy ra

+ Làm việc và nghỉ ngơi

+ Những ngày trọng đại

+ Miêu tả ngoại hình

+ Du lịch

+ Sự thành công

Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các thì ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khiếm khuyết.

Môn học English 4 gồm 7 bài – 45 tiết.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course goals)

**Bảng 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mô tả** | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Sử dụng được tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu và công việc ở trình độ tiền trung cấp | ELO3 |
| CEO2: Có kỹ năng nghe, nói tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp theo định hướng giao tiếp quốc tế | ELO3 |
| CEO3: Vận dụng kiến thức để thực hiện được những nhiệm vụ giao tiếp, thường nhật đòi hỏi việc trao đổi thông tin trực tiếp về những vấn đề quen thuộc thông thường | ELO3 |

## 4.CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

**Bảng 2.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể)** | **Mức độ giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | **Nắm bắt** từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu cơ bản trong giao tiếp hằng ngày | I, T |
| CO2 (ELO3) | Nghe **hiểu** những tình huống liên quan đến những chủ đề đã học | T, U |
| CO3 (ELO3) | **Vận dụng** kiến thức đã học vào việc **nói** về cảm nghĩ, ý kiến, và mong muốn trong giao tiếp, nhằm trao đổi thông tin với người sử dụng tiếng Anh | T, U |
| CO4 (ELO3) | **Vận dụng** kiến thức tiếng Anh học được để **nghe** và **nói**ở trình độ tiền trung cấpvề các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày như công việc, sở thích, ngoại hình, du lịch, thành công, … | T, U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

**Bảng 3.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(3 tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động dạy**  **và học** | **Hoạt động đánh giá** |
| Buổi 1 | **Unit 1: Leisure and Sport** **1. Khởi động:**  GV hỏi sinh viên về một số hoạt động giải trí mà họ đã làm vào hôm trước.  **2. Speaking and Vocabulary:**  2.1. Sinh viên làm việc theo cặp hoặc nhóm để nối các hoạt động cho sẵn trong sách giáo khoa với các hình tương ứng.  2.2. Sinh viên nghe các hoạt động lúc rảnh rỗi và lặp lại  2.3. Sinh viên nghe và làm bài tập về khảo sát các hoạt động mọi người ở độ tuổi 16-24 làm lúc rảnh rỗi ở Vương quốc Anh  2.4. Sinh viên nghe 2 người trả lời khảo sát và làm bài tập điền vào chỗ trống  2.5. Sinh viên làm việc theo cặp và hỏi ít nhất 3 hoạt động mà bạn mình làm và 3 hoạt động không làm lúc rảnh rỗi (có thể xem danh sách các hoạt động trong mục 2.1.)  **3. Grammar focus 1:**  3.1. GV hướng dẫn SV ôn lại một số cấu trúc câu hỏi và làm bài tập liên quan  3.2. GV hướng dẫn SV các dấu nhấn trong câu hỏi, các âm /w/, /v/ và cho SV thực hành theo cặp hoặc nhóm. | CO1, CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận ***về các hoạt động thường làm lúc rảnh rỗi***, nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập liên quan  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.** - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| Buổi 2 | **Unit 1: Leisure and Sport (Cont.)** **4. Reading and Vocabulary**  4.1. GV hướng dẫn SV quan sát hình trong sách và thảo luận theo cặp 6 môn thể thao phổ biến ở quốc gia của họ  4.2. SV thảo luận các câu hỏi về các môn thể thao và làm bài tập liên quan  4.3. SV đọc các thảo luận theo nhóm hoặc cặp các câu hỏi về các môn thể thao đặc biệt  **5. Grammar Focus 2**  GV hướng dẫn SV ôn lại thì hiện tại đơn và làm bài tập liên quan  **6. Do a 60-sencond interview**  6.1. SV xem hình và đoán xem người trong hình là ai và tại sao cô ta lại nổi tiếng  6.2. SV làm việc theo cặp và nghĩ 5 câu hỏi để hỏi thông tin về người trong hình  6.3. SV nghe và trả lời các câu hỏi về người trong hình  6.4. SV thực hành phỏng vấn theo cặp để hỏi thông tin về nhau, sử dụng các mẫu câu đã thảo luận ở trên và các mẫu câu trong Useful Language hoặc bất kỳ mẫu câu nào để khai thác thông tin về nhau. SV sau đó có thể tham gia với các cặp khác để hỏi thêm thông tin của nhau **7. World Culture** 7.1. SV làm việc theo cặp và tìm thông tin về Thành phố New York ở Mỹ với một số gợi ý trong sách giáo khoa và tìm hiểu xem một số môn thể thao phổ biến ở Mỹ  7.2. SV xem đoạn video về môn thể thao stickball (một hình thức bóng chày) và làm bài tập liên quan  7.3. SV thực hành nói bày tỏ quan điểm về các môn thể thao | CO1, CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận ***về các môn thể thao phổ biến ở Mỹ và cách khai thác thông tin cá nhân,*** nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập phần nghe  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà bằng cách viết một đoạn ngắn về môn thể thao mà SV chọn theo gợi ý trong sách  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.** - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| Buổi 3 | **Unit 2: Firsts and Lasts** **1. Khởi động:**  GV hỏi sinh viên về một số chương trình hoặc thể loại truyền hình mà họ biết và thảo luận các câu hỏi liên quan  **2. Reading: TV first**  2.1. Sinh viên làm việc theo cặp hoặc nhóm và đọc lướt bài đọc để tìm ý chính và trả lời câu hỏi liên quan  2.2. GV hướng dẫn SV cách đọc các năm trong tiếng Anh và làm bài tập liên quan  **3. Grammar focus 1:**  GV hướng dẫn SV ôn lại thì quá khứ với các cụm từ thời gian như: **at, on, in, ago**, ... và làm bài tập liên quan  3.2. GV hướng dẫn SV cách phát âm các từ trong quá khứ có đuôi **“ed”** và làm bài tập liên quan  **4. Grammar focus 2:**  GV hướng dẫn SV ôn lại các dạng câu hỏi **WH** trong quá khứ và làm bài tập liên quan | CO1, CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng , cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận ***về công nghệ và truyền hình,*** nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập phần nghe  - Thảo luận theo nhóm về các chương trình hoặc thể loại truyền hình  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.** - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| Buổi 4 | **Unit 2: Firsts and Lasts (Cont.)** **5. Vocabulary**  GV hướng dẫn SV cách sử dụng các từ vựng miêu tả cảm xúc và làm bài tập liên quan  **6. Task: Describe a first and last time**  6.1. GV hỏi SV về những trải nghiệm lần đầu và lần cuối mà họ làm  6.2. SV nghe đoạn ghi âm trong sách giáo khoa về những trải nghiệm lần đầu mà Helen và Mark làm và làm bài tập liên quan  6.3. SV trình bày một câu chuyện về những trải nghiệm lần đầu hoặc lần cuối mà bản thân làm theo những câu hỏi gợi ý trong sách giáo khoa và trong phần Useful Language  6.4. SV làm việc theo nhóm và lần lượt trình bày về những trải nghiệm của bản thân  **7. Language Live: Writing and Speaking**  7.1. SV làm việc theo cặp và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa về cách thức đi du lịch và làm thế nào để làm quen với những người bạn mới  7.2. SV đọc bài về chuyến du lịch của Jack và học cách kết nối ý tưởng trong một đoạn văn tường thuật với các từ nối như**: but, so, because, then**, và **and** và làm các bài tập liên quan  7.3. SV viết một đoạn văn ngắn khoảng 100-120 từ kể về một chuyến đi của bản thân  7.4. SV thảo luận theo cặp các câu hỏi về du lịch  7.5. SV xem một đoạn video về điều cần nhớ khi đi du lịch và làm các bài tập liên quan  7.6. SV làm việc theo cặp và chuẩn bị một đoạn hội thoại ngắn sử dụng các từ hoặc cụm từ trong phần bài tập **3a** và ý tưởng của mình để nói | CO1, CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận ***về cách miêu tả cảm xúc,*** nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập phần nghe  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.** - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| Buổi 5 | **Unit 3: Work and Rest** **1. Khởi động:**  GV hỏi SV một số hoạt động hàng ngày mà họ làm  **2. Vocabulary:**  2.1. SV làm việc theo cặp và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa về các hoạt động thường ngày và cuối tuần  2.2. GV hướng dẫn SV một số từ mới trong các cụm từ, sau đó SV làm việc theo nhóm, và tìm những người trong nhóm phù hợp với các câu gợi ý trong sách giáo khoa  **3. Reading and Speaking:**  3.1. SV làm việc theo cặp và thảo luận các câu hỏi về giấc ngủ  3.2. SV đọc bài đọc về những người ngủ nhiều và ngủ ít và làm bài tập liên quan  3.3. SV làm việc theo cặp và bày tỏ quan điểm, ý kiến với các câu cho sẵn về giấc ngủ trong sách giáo khoa  **4. Grammar focus 1:**  4.1. GV hướng dẫn SV phát âm và sử dụng **should** và **shouldn’t** và làm bài tập liên quan  4.2. SV làm việc theo cặp và thảo luận những điều nên và không nên làm của mỗi nhân vật trong các tình huống cho sẵn trong sách giáo khoa | CO1, CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận ***về các hoạt động hàng ngày,*** nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập theo hướng dẫn của GV  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.** - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| Buổi 6 | **Unit 3: Work and Rest (Cont.)** **5. Listening: Unusual job**  5.1. SV làm việc theo cặp và thảo luận các câu hỏi dựa vào poster trong sách giáo khoa  5.2. SV nghe đoạn phỏng vấn về công việc của Kirsty và làm bài tập liên quan  5.3. SV làm việc theo cặp và bày tỏ quan điểm, ý kiến về công việc của Kirsty  **6. Grammar focus 2:**  GV hướng dẫn SV cách phát âm và sử dụng **can, can’t, have to, don’t have to** và cho SV làm bài tập liên quan  **7. Vocabulary: Jobs:**  SV làm việc theo cặp, nối các bức hình trong sách giáo khoa với các nghề tương ứng và làm bài tập liên quan  **8. Decide on the best job: Listening and Speaking**  8.1. SV làm việc theo cặp, nghĩ về một công việc và miêu tả công việc đó bằng cách dùng **can**, **can’t, have to** và **don’t have to** để bạn có thể đoán được  8.2. SV làm việc theo nhóm và thảo luận các công việc  thích và không thích  8.3. SV nghe và làm bài tập liên quan về công việc  8.4. SV làm việc theo nhóm và nói về công việc yêu thích kèm theo những lý do tại sao yêu thích công việc đó, sử dụng phần Useful Language  **9. World Culture:**  9.1. SV làm việc theo cặp và thảo luận những thành phố nào ở quốc gia của họ có hệ thống tàu điện ngầm  9.2. SV làm việc theo nhóm, thảo luận về hệ thống tàu điện ngầm ở Luân Đôn với các câu hỏi trong sách giáo khoa và có thể tra cứu thêm nguồn trên Internet  9.3. SV xem đoạn video về những người làm việc đêm tại hệ thống tàu điện ngầm tại Luân Đôn và làm bài tập liên quan. GV hướng dẫn SV một số từ mới trong sách giáo khoa trước khi xem  9.2. SV nói về hệ thống tàu điện của các quốc gia theo hướng dẫn trong sách giáo khoa | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận ***về công việc,*** nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập phần nghe  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà bằng cách viết về tàu điện theo gợi ý trong sách giáo khoa  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.** - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| **Buổi 7** | **Unit 4: Special Days**  **1. Khởi động:** GV cho SV ôn lại cách nói ngày tháng bằng những câu hỏi về ngày sinh nhật hoặc những ngày lễ trong năm. Sửa lỗi phát âm cho sinh viên (đặc biệt là cách phát âm và trọng âm của các tháng trong năm và âm cuối /θ/ ở các ngày).  **2. Vocabulary:**  2.1. SV làm việc theo cặp để nối các từ cho sẵn thành những cụm động từ có liên quan đến một số ngày đặc biệt trong năm và sau đó GV cho sinh viên nghe đoạn băng để kiểm tra kết quả và thực hành phát âm.  2.2. SV làm bài tập điền vào chỗ trống bằng những từ cho sẵn. Nghe và kiểm tra kết quả.  **3. Reading & Speaking**  3.1. Trả lời những câu hỏi liên quan đến bài đọc cho sẵn.  3.2. Trả lời câu hỏi bày tỏ quan điểm (đồng ý hay không đồng ý) và đưa ra lý do.  **4. Grammar Focus:** Present Simple and Present Continuous  4.1. Trả lời những câu hỏi liên quan đến bài đọc cho sẵn.  4.2. Công thức và cách sử dụng của 2 thì Present Simple and Present Continuous.  4.3. Làm bài tập chia thì của động từ. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận ***các ngày lễ đặc biệt,*** nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng. Sửa bài tập về nhà cho sinh viên.  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập và kiểm tra kết quả thông qua phần nghe  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.** - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| **Buổi 8** | **Unit 4: Special Days (Cont.)**  **5. Listening**  5.1. Thảo luận theo cặp về những bức tranh cho sẵn.  5.2. Đọc những câu gợi ý và dự đoán những thông tin trong bài tập Listening.  5.3. Nghe và hoàn thành bài tập cho sẵn.  **6. Vocabulary**  6.1. Phân loại những từ vựng cho sẵn thành những chủ đề: Thức ăn, không khí, thời tiết.  6.2. Hoàn thành câu bằng những từ vựng vừa học.  6.3. Làm việc theo cặp và trả lời câu hỏi cho sẵn.  **7. Grammar focus:** Present continuous for future arangements.  7.1. Làm việc theo căp hoàn thành bài tập điền vào chỗ trống.  7.2. Nghe và kiểm tra kết quả.  7.3. Học cách sử dụng của thì Hiện tại tiếp diễn.  7.4. Hoàn thành bài tập chia thì đồng từ.  **8. Speaking: Describe your special days**  8.1. Preparation: Học từ vựng về một số ngày đặc biệt khác trong năm.  8.2. Nghe và điền thông tin về các ngày lễ ở Anh và Mỹ.  8.3. Mô tả các ngày lễ đặc biệt và các hoạt động diễn ra trong những ngày lễ đó tại Việt Nam.  9. **Xem video** về những ngày đặc biệt và hoàn thành phần bài tập cho sẵn  **\*Homework:** Dựa theo bài mẫu cho sẵn, viết 1 thiệp mời gửi đến một người bạn. Nêu rõ lý do, thời gian và địa điểm tổ chức sự kiện. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận ***những ngày lễ ở Việt Nam,*** nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập phần nghe  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà: viết một tấm thiệp mời cho một người bạn.  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.** - Cho sinh viên điểm cộng (30%) nếu có đáp án nhanh và chính xác;  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| **Buổi 9** | **Unit 5: Your Look**  **1. Reading and Vocabulary:** Học từ vựng mô tả ngoại hình thông qua các bài đọc hiểu và bài tập cho sẵn.  **2. Grammar Focus: Comparative and Superlative Adjectives**  Học công thức, cách sử dụng và làm bài tập về 2 dạng so sánh của tính từ.  **3. Pronunciation: Weak forms**  Cách phát âm dạng yếu của các giới từ: *than, from, to, as, like*  **4. Listening and Speaking: Special Clothes**  Thực hành nghe nói về các loại quần áo được mặc vào những dịp khác nhau. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận ***mô tả ngoại hình và trang phục,*** nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập phần nghe  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1**  **-** Tham dự buổi học *(10%)*  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| **Buổi 10** | **Unit 5: Your Look (Cont.)**  **5. Vocabulary**  Từ vựng về các bộ phận trên cơ thể người  **6. Grammar focus**  Những mẫu câu được dùng để hỏi ngoại hình: *How, What, What…like?*  **7. Speaking**  Dựa vào bài đọc, câu hỏi cho sẵn và các gợi ý để thực hiện 1 cuộc khảo sát những thành viên trong lớp về ngoại hình và thời trang.  **8. Xem video** và hoàn thành phần bài tập cho sẵn về màu sắc và các phong cách thời trang khác nhau.  **\*Homework:**  Viết một đoạn miêu tả ngắn về ngoại hình và phong cách trang phục của một người quen hoặc một người nổi tiếng. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận ***các bộ phận trên cơ thể người, các dạng câu hỏi về ngoại hình,*** nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập phần nghe  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà: viết một đoạn miêu tả về ngoại hình và phong cách trang phục của một người.  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1**  **-** Tham dự buổi học *(10%)*  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| **Buổi 11** | **Unit 6: Going Away**  **1. Warm-up:**  Hỏi SV về kỳ du lịch gần đây nhất và những thứ SV đã mang theo trong kỳ du lịch đó.  **2. Vocabulary**  Các loại hình du lịch và những thứ cần thiết khi đi du lịch.  **3. Grammar focus: Plans and intentions**  Dùng những mẫu câu “I want to, I intend to, I’d like to, I’m going to…” để diễn tả dự định hoặc kế hoạch.  **4. Reading:**  Hoàn thành những bài tập đọc hiểu và học thêm các cụm từ miêu tả những kỳ nghỉ/ du lịch. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên **nói về kế hoạch, dự định,** nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng.  - Sửa bài tập về nhà về miêu tả ngoại hình của một người.  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập phần nghe  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1**  **-** Tham dự buổi học *(10%)*  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| **Buổi 12** | **Unit 6: Going Away (Cont.)**  **4. Grammar focus**  Cách sử dụng “will” và “won’t” để dự đoán trong tương lai  **5. Pronunciation**  Cách phát âm *‘ll và ‘d*  **6. Listening**  6.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi mà Anabel và Maria chọn để đi du lịch.  6.2. Nghe và thực hành những mẫu câu về ý muốn và sở  **7. Speaking**  Làm việc theo nhóm hoặc theo cặp, cho biết sự lựa chọn địa điểm du lịch, mô tả chi tiết và nêu lý do bạn chọn nơi đó cho kỳ nghỉ của mình.  **8. Watch the video**  **Making requests and asking for permission.**  Hoàn thành bài tập cho sẵn  **\* Homework**  Dùng những cấu trúc và cụm từ cho sẵn để viết 1 tấm bưu thiếp cho 1 người bạn. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận, nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập phần nghe  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Làm bài tập về nhà: Viết bưu thiếp cho một người bạn.  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1**  **-** Tham dự buổi học *(10%)*  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| **Buổi 13** | **Unit 7: Success**  **1. Vocabulary and Speaking**  Những động từ và cụm từ chỉ ước mơ, hoài bão  **2. Reading and Speaking**  2.1. Làm việc theo cặp trả lời những câu hỏi cho sẵn về những “Bí quyết để thành công”  2.2. Thảo luận và bày tỏ quan điểm cá nhân về “thành công”.  **3. Grammar focus**  Thì hiện tại hoàn thành và Thì quá khứ đơn.  **4. Pronunciation**  Cách phát âm “for” và “have” trong câu. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận, nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập phần nghe  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp  - Xem trước nội dung bài học buổi kế tiếp ở nhà | **A1**  **-** Tham dự buổi học *(10%)*  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| **Buổi 14** | **Unit 7: Success (Cont.)**  **5. Grammar focus**  Thì hiện tại hoàn thành và Thì quá khứ đơn với những trạng từ chỉ thời gian khác.  **6. Reading and Vocabulary: The Internet**  Làm bài tập đọc hiểu và học thêm từ vựng về việc sử dụng internet.  **7. Listening**  Nghe đoạn băng về một chương trình phát thanh về việc tìm kiếm sự nổi tiếng trên Internet và làm bài tập cho sẵn.  **8. Speaking**  Nói về ước mơ và hoài bão.  **9. Xem video**  Xem video về vận động viên thể thao và hoàn thành những bài tập cho sẵn. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, cung cấp mẫu câu, từ vựng và hướng dẫn sinh viên thảo luận, nghe hiểu và cung cấp đáp án đúng  **Học ở lớp**:  - Thảo luận theo cặp, nhóm theo hướng dẫn của GV  - Làm bài tập phần nghe  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Ôn và nghe lại nội dung đã học trên lớp | **A1**  **-** Tham dự buổi học *(10%)*  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| **Buổi 15** | **REVIEW**  - Bài tập ôn tập liên quan đến những bài đã học trong học kỳ.  - Ôn lại tất cả các chủ đề tình huống nói để chuẩn bị thi cuối kỳ. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | - Ôn tập và giải đáp thắc mắc từ sinh viên  - Sinh viên ký tên xác nhận điểm chuyên cần 10% và tự học 30%  - Giảng viên giải thích hoặc/và chỉnh sửa điểm ngay tại lớp (nếu có thắc mắc/sai sót). | **A1**  **-** Tham dự buổi học *(10%)* |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

**Bảng 4.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1: Chuyên cần |  | 10% |
| A2. Làm bài tập, thuyết trình, thảo luận, thực hành cá nhân, cặp, nhóm, kiểm tra giữa kỳ | CO1; CO2  CO3; CO4 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ  *- Nghe hiểu (30%)*  *- Nói (30%)* | CO1; CO2  CO3; CO4 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

* Dự lớp: Tối thiểu 80% thời lượng học trên lớp theo quy định của nhà trường
* Sinh viên đọc, nghiên cứu tài liệu và làm bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên trước mỗi buổi học.
* Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp sẽ được cho điểm cộng vào điểm tự học (điểm quá trình) 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

Cunningham, S., Moor, P. & Crace, A. (2013). *Cutting Edge  
(3rd edition): Pre-Intermediate.* England: Pearson Education Limited.

**Tài liệu tham khảo**

1. Craven, M. (2012). *Breathough Plus 2 (3rd edition).* London: Macmillan Education.
2. Richards, J. C. (2003). *Developing Tactics for Listening*. New York: Oxford University Press.
3. Taylor, L. (2004). *International Express: Pre-intermediate Student’s Book*. New York: Oxford University Press.
4. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L., A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited: Pre-intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

**9. PHẦN MỀM, CÔNG CỤ HỖ TRỢ MÔN HỌC**

* Bảng, phấn hoặc bút, mi-crô
* Máy vi tính, máy chiếu, máy nghe đĩa, ti-vi, …

*Đồng Nai, ngày ..... tháng..... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng Khoa**  Lê Đức Thịnh | **Giảng viên biên soạn 1**  Phạm Hồng Thái | **Giảng viên biên soạn 2**  Nguyễn Minh Phú |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<102059 – ENGLISH 5>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Anh văn 5 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | English 5 |
| Mã môn học: | 102059 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ bản |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Khoa Đào tạo Anh văn đại cương |
| Giảng viên phụ trách: | Nguyễn Ao Quang Vinh  Email: [vinhnguyen@lhu.edu.vn](mailto:vinhnguyen@lhu.edu.vn)  Hoàng Vĩnh Lộc  Email: [hvloclhu@gmail.com](mailto:hvloclhu@gmail.com) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | 1. Lê Đức Thịnh  2. Trần Hồ Anh Phong  3. Nguyễn Minh Phú  4. Phạm Hồng Thái  5. Lê Thanh Bình  6. Bùi Minh Hương  7. Võ Thị Thanh Lan  8. Đặng Thi  9. Đoàn Thị Kim Phụng |
| Số tín chỉ:  Lý thuyết:  Bài tập:  Thực hành: | 2 (45 tiết)  1 tín chỉ (15 tiết)  1 tín chỉ (30 tiết)  00 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với tất cả sinh viên hệ đại học chính quy không chuyên ngành ngôn ngữ |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | English 1, 2, 3, 4 |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course Description)**

English 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, 2, 3 và 4, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ-trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: miêu tả các đặc điểm địa lý các vùng miền, miêu tả và so sánh đời sống xưa và nay, chăm sóc sức khỏe, những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống, miêu tả vật dụng, miêu tả tính cách con người, và nói về tiền bạc.

Môn học English 5 gồm 7 bài (7 units: Từ Unit 8 đến Unit 14) – 45 tiết.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Tích lũy và sử dụng được những từ vựng giao tiếp thông dụng, để có thể nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày. | ELO3 |
| CEO2: Sử dụng thành thạo các mẫu câu tiếng Anh đơn giản trong những tình huống giao tiếp thực tế hằng ngày, trình độ sơ-trung cấp. | ELO3 |
| CEO3: Giao tiếp tiếng Anh (nói và nghe) ở trình độ sơ-trung cấp. | ELO3 |

**4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course Learning Outcomes)**

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH**  **(mục tiêu cụ thể)** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | **Hiểu** và **sử dụng** từ vựng giao tiếp thông dụng, để nói và nghe được trong các tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày. | T, U |
| CO2 (ELO3) | **Sử dụng** thành thạo các mẫu câu tiếng Anh trong những tình huống giao tiếp thực tế, trình độ sơ-trung cấp. | T, U |
| CO3 (ELO3) | **Nói và nghe** được tiếng Anh ở trình độ sơ-trung cấp. | U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

## (Course content, Lesson plans)

## Lý thuyết và bài tập

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(3tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động dạy**  **và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **Unit 8. PLACES TO LIVE**  1.1. Trọng điểm ngữ pháp  Sử dụng mạo từ và lượng từ với danh từ đếm được và không đếm được  1.2. Từ vựng:  - Đời sống thành thị  - Các đặc trưng về địa lý  1.3. Kĩ năng đọc: Top 5 nơi khắc nghiệt nhất trên thế giới | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo nhóm, cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:  - Làm bài tập Practice 1 và 2, trang 152-153 trong sách giáo khoa.  - Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 2 | **Unit 8. PLACES TO LIVE (Cont.)**  2.1. Phát âm: Các cách phát âm và ngữ điệu của chữ ***i***  2.2. Nhiệm vụ: Làm một bài phát biểu về đất nước Canada  2.3. Ngôn ngữ sống: Hỏi và chỉ đường | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Remember these words, trang 153 trong sách giáo khoa. * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 3 | **Unit 9. OLD AND NEW**  3.1. Trọng điểm ngữ pháp  - Sử dụng các động từ khiếm khuyết *may*, *might*, *willdefinitely* để nói về khả năng  - Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian (Dùng động từ hiện tại đơn sau *if*, *when*, etc.)  3.2. Từ vựng:  - Thiết bị hiện đại  - Tính từ miêu tả nơi chốn  3.3. Kĩ năng:  - Đọc: Đời sống cách đây 100 năm như thế nào?  - Nghe: Cách dọn dẹp nhà trong 3 phút | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:  - Làm bài tập Practice 1 và 2, trang 154-155 trong sách giáo khoa.   * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 4 | **Unit 9. OLD AND NEW (Cont.)**  4.1. Phát âm: Trọng âm trong danh từ ghép  4.2. Nhiệm vụ: Lên kế hoạch tân trang lại quán cà phê  4.3. Văn hóa thế giới: Video và nghiên cứu: Các thành phố xanh | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Remember these words, trang 155 trong sách giáo khoa. * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 5 | **Unit 10. TAKE CARE**  5.1. Trọng điểm ngữ pháp  - Thì quá khứ tiếp diễn  - *Used to*  5.2. Từ vựng:  - Tai nạn và chấn thương  - Các loại bệnh  5.3. Kĩ năng:  - Đọc: Bụi bẩn có lợi cho bạn | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Practice 1 và 2, trang 156-157 trong sách giáo khoa. * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 6 | **Unit 10. TAKE CARE (Cont.)**  6.1. Phát âm: Ngữ điệu của *used to* và *didn’t use to*  6.2. Nhiệm vụ: Nói về câu chuyện hài hước nhất  6.3. Ngôn ngữ sống:  - Nói về sức khỏe | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Remember these words, trang 157 trong sách giáo khoa. * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 7 | **Unit 11. THE BEST THINGS**  7.1. Trọng điểm ngữ pháp  - *like* và *would like*  - Câu điều kiện  7.2. Từ vựng:  - Giới từ đi sau tính từ  - Các vật dụng sinh tồn  7.3. Kĩ năng:  - Đọc: Những thứ tốt nhất trên đời | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Practice 1 và 2, trang 158-159 trong sách giáo khoa. * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 8 | **Unit 11. THE BEST THINGS (Cont.)**  8.1. Phát âm: Ngữ điệu trong lời mời  8.2. Nhiệm vụ: Tham gia cuộc khảo sát  8.3. Văn hóa thế giới: *Vàng trắng* | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Remember these words, trang 159 trong sách giáo khoa. * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 9 | **Unit 12. BRAND NEW**  9.1. Trọng điểm ngữ pháp  - Hiện tại đơn và quá khứ đơn, thể bị động  9.2. Từ vựng:  - Các loại sản phẩm  - Các vật dụng cá nhân  9.3. Kĩ năng:  - Đọc: Điều gì làm nên một thương hiệu tốt? | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Practice 1 và 2, trang 160-161 trong sách giáo khoa. * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 10 | **Unit 12. BRAND NEW (Cont.)**  10.1. Phát âm:  - Quá khứ phân từ có qui tắc  - Ngữ điệu trong đề nghị và đáp lại lời đề nghị  10.2. Nhiệm vụ: Giới thiệu một sản phẩm mới  10.3. Ngôn ngữ sống: đề nghị và đáp lại lời đề nghị | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Remember these words, trang 161 trong sách giáo khoa. * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 11 | **Unit 13. THE RIGHT PERSON**  11.1. Trọng điểm ngữ pháp  - Hiện tại hoàn thành tiếp diễn với *how long*, *for*, và *since*  *- Hiện tại hoàn thành* và *Hiện tại hoàn thành tiếp diễn*  11.2. Từ vựng:  - Tính cách  - Tìm việc  11.3. Kĩ năng:  - Đọc: Điều gì làm nên một thương hiệu tốt? | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Practice 1 và 2, trang 162-163 trong sách giáo khoa. * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 12 | **Unit 13. THE RIGHT PERSON (Cont.)**  12.1. Phát âm:  - Dạng viết tắt (hiện tại hoàn thành tiếp diễn)  12.2. Nhiệm vụ: Lựa chọn một đại sứ  12.3. Văn hóa thế giới: Mặc gì để ‘*cool*’ | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Remember these words, trang 163 trong sách giáo khoa. * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 13 | **Unit 14. MONEY**  13.1. Trọng điểm ngữ pháp  - Quá khứ hoàn thành  *-* Ôn tập các thì cho câu tường thuật  13.2. Từ vựng:  - Tiền bạc  - Các động từ và cụm từ liên quan đến tiền  13.3. Kĩ năng:  - Đọc: Các bộ phim về tiền | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Practice 1 và 2, trang 164-165 trong sách giáo khoa. * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 14 | **Unit 14. MONEY**  **(Cont.)**  14.1. Phát âm:  - Các con số  - Ngữ điệu trong lời yêu cầu  14.2. Nhiệm vụ: Kể một câu chuyện dựa vào tranh  14.3. Ngôn ngữ sống: Sử dụng tiền | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV chia lớp thành các cặp và nhóm để tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành và trao đổi với nhau. Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa phần thực hành nói cho sinh viên.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp, hoặc cá nhân * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học với bạn cùng lớp và GV   **Học ở nhà**:   * Làm bài tập Remember these words, trang 165 trong sách giáo khoa. * Ôn tập lại từ vựng và các cấu trúc đã học trên lớp * Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.**  **-** Tham dự buổi học (10%);  **A2.**  - Thực hành nói theo cặp, nhóm được cộng điểm thưởng cá nhân vào điểm 30%.  - Làm bài tập, thảo luận và thực hành cá nhân, cặp, nhóm (30%) |
| 15 | **REVIEW**  15.1. Ôn tập các chủ đề/tình huống nói và từ vựng liên quan để thi cuối kỳ  15.2. Ôn tập các bài nghe và từ vựng liên quan để thi cuối kỳ | CO1  CO2  CO3 | **Dạy**: GV giới thiệu lại dạng thức của một bài thi *nói* và *nghe* cuối kỳ  - Hướng dẫn lại cho sinh viên cách thực hiện các chủ đề/tình huống nói cuối kỳ.  **Học ở lớp**:   * Tích cực tham gia vào các hoạt động thực hành nói theo cặp * Tích cực tham gia vào các hoạt động ôn tập cho kĩ năng nghe * Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu về yêu cầu của đề thi cuối kỳ với GV   **Học ở nhà**:   * Tự học từ vựng, nghe lại bài đã học trong suốt học kỳ, luyện tập các chủ đề/tình huống nói cuối kỳ | **A1.**  - Công bố bảng điểm (10%);  **A2.**  - Công bố bảng điểm (30%) |

**6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)**

Bảng 4.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH (Gx)** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Tham gia đầy đủ các buổi học. |  | 10% |
| A2. Thi, kiểm tra, bài tập lớn giữa kỳ, bài tập suốt quá trình học (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1  CO2  CO3 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ  *- Nghe (30%)*  *- Nói (30%)* | CO1  CO2  CO3 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc trước tài liệu do giảng viên cung cấp trước các buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi và bài tập nhanh trên lớp sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình tự học 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

Cunningham, S., Moor P., & Crace, A. (2013). *Cutting Edge 3rd edition:   
Pre-Intermediate*. England: Pearson Education Limited.

**Tài liệu tham khảo**

1. Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Pre-Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.
2. Richards, J.C. & Bohlke, D. (2013). *Four Corners 3*. Cambridge: Cambridge University Press.
3. Richards, J.C., Bycina, D., & Wisnewska, I. (2005). *Person to Person 2 (3rd edition)*. Oxford: Oxford University Press
4. Richards, J.C. (2003). *Expanding Tactics for Listening (3rd edition)*. Oxford: Oxford University Press.
5. Stephenson, H., Dummett, P., & Hughes, J. (2016). *Life: Pre-Intermediate.* China: RR Donnelley.

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ MÔN HỌC

- Bảng, phấn hoặc bút, mi-crô

- Máy vi tính, máy chiếu, máy nghe đĩa, ti vi,…

*Đồng Nai, ngày ..... tháng..... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng Khoa**  Lê Đức Thịnh | **Giảng viên biên soạn 1**  Nguyễn Ao Quang Vinh | **Giảng viên biên soạn 2**  Hoàng Vĩnh Lộc |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<102060 – ENGLISH 6>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | | Anh văn 6 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | | English 6 |
| Mã môn học: | | **102060** |
| Thuộc khối kiến thức: | | Cơ bản |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | | Khoa Đào tạo Anh văn đại cương |
| Giảng viên phụ trách: | | 1. Hoàng Vĩnh Lộc  Email: hvloclhu@gmail.com  2. Nguyễn Ao Quang Vinh  Email: vinhnguyen@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | | 1. Lê Đức Thịnh  2. Nguyễn Minh Phú  3. Phạm Hồng Thái  4. Lê Thanh Bình  5. Bùi Minh Hương  6. Trần Hồ Anh Phong  7. Đặng Thi  8. Võ Thị Thanh Lan  9. Đoàn Kim Phụng |
| Số tín chỉ: | | 02 |
| Lý thuyết + Bài tập : | 45 tiết | | |
| Tính chất của môn : | Bắt buộc đối với tất cả sinh viên hệ đại học chính quy không chuyên ngành ngôn ngữ | | |
| Môn học tiên quyết: | Không | | |
| Môn học trước: | English 1, 2, 3, 4, 5 | | |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Học phần English 6 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, English 4, và English 5 đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ Trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: lối sống, ký ức tuổi thơ, du lịch, các sự kiện trong cuộc đời, tính cách cá nhân, nghề nghiệp và tường thuật lại câu chuyện.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course goals)

**Bảng 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Nắm bắt từ vựng, thành ngữ và các cấu trúc câu để bày tỏ quan điểm cá nhân trong các tình huống giao tiếp hằng ngày. | ELO3 |
| CEO2: Nghe hiểu những tình huống thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân thông qua các chủ đề giao tiếp hằng ngày. | ELO3 |
| CEO3: Vận dụng kiến thức vào thực tế giao tiếp ở trình độ Trung cấp. | ELO3 |

## 4.CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

**Bảng 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể)** | **Mức độ giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | **Hiểu,nhận biết** và **sử dụng** được từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu để thảo luận và chia sẻ ý kiến theo cặp và nhóm. | I, U |
| CO2 (ELO3) | **Hiểu, nhận biết** và **sử dụng** được từ vựng, thành ngữ và các mẫu câu ở trình độ trung cấp trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày. | T, U |
| CO3 (ELO3) | **Nghe hiểu** được chủ ý của người nói thông qua những tình huống liên quan đến các chủ đề đã được học. | T, U |
| CO4 (ELO3) | **Vận dụng** được kiến thức (từ vựng, thành ngữ, mẫu câu,…) đã học vào việc **bày tỏ** và **diễn đạt** ý kiến và quan điểm trong giao tiếp, phù hợp với từng tình huống cụ thể. | U, T |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

**Bảng 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(3 tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động dạy và học** | **Hoạt động đánh giá** |
| Buổi 1 | **Unit 1: Your World****Activity 1**: Thảo luận và nghe các tình huống giao tiếp thân mật và trang trọng. **Activity 2**: Học từ vựng về gia đình, công việc/ trường học, bạn thân, v.v. Nghe và làm bài tập trả lời thông tin về các chủ đề và từ vựng trên.  **Activity 3**: Thảo luận theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về gia đình, công việc/ trường học, bạn than, v.v.  **Activity 4**: Học từ vựng về các hoạt động hằng ngày. Thực hành hỏi và trả lời về các hoạt động hằng ngày. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói.  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  **Học ở nhà**:  - Đọc và làm bài tập 2a và 3a, trang 10 trong sách giáo khoa.  - Xem trước bài mới | **A1**  **-** Tham dự buổi học (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi gợi mở nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30% )*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 2 | **Unit 1: Your World (Cont.)** **Activity 1**: Đọc và hoàn thành bản câu hỏi khảo sát về việc sử dụng thời gian.  **Activity 2**: Nghe 5 người trả lời mẫu bản câu hỏi khảo sát. Đánh dấu vào các cụm từ hoặc câu trong phần Useful language box  **Activity 3**: Thảo luận theo cặp về việc sử dụng thời gian dựa vào bản câu hỏi khảo sát.  **Activity 4**: Xem video về cách giữ cho cuộc đối thoại được liên tục. Đánh dấu vào các chủ đề các người nói đề cập đến trong video. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  **Học ở nhà**:  - Ôn tập kiến thức đã học  - Xem trước bài mới | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 3 | **Unit 2: Memory**  **Activity 1**: Thảo luận theo cặp về 07 lời khuyên để cải thiện trí nhớ. Chia sẻ quan điểm cá nhân với cả lớp.  **Activity 2**: Nghe 05 người trả lời về các câu hỏi về trí nhớ. Đánh dấu và các câu hỏi mà mỗi người nói đề cập đến.  **Activity 3**: Hỏi và trả lời theo cặp về việc gặp gỡ một người quan trọng trong quá khứ.  **Activity 4**: Nghe 02 người nói về ký ức tuổi thơ và làm bài tập. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  **Học ở nhà**:  - Đọc và làm bài tập 4, trang 17 trong sách giáo khoa.  - Ôn tập kiến thức đã học  - Xem trước bài mới | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2.1**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 4 | **Unit 2: Memory (Cont.)** **Activity 1**: Nghe 03 người mô tả kỷ niệm cá nhân và làm bài tập.  **Activity 2**: Thảo luận theo cặp, chia sẻ về một kỷ niệm quan trọng của bản thân, sử dụng các câu hỏi gợi ý và các mẫu câu hữu dụng.  **Activity 3**: Thảo luận theo cặp, ghép các bức tranh với các sự kiện trong quá khứ.  **Activity 4:** Xem video về các sự kiện nổi bật trong quá khứ và thảo luận theo nhóm về các sự kiện quan trọng trong quá khứ ở Việt Nam. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  **Học ở nhà**:  - Ôn tập kiến thức đã học  - Xem trước bài mới | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 5 | **Unit 3: Across the Globe** **Activity 1**: Nghe thông tin về con người và các quốc gia trên thế giới, và chọn đáp án đúng.  **Activity 2**: Nghe theo 08 hướng dẫn, trả lời theo ý kiến cá nhân và chia sẻ thông tin theo cặp.  **Activity 3**: Học từ vựng về các nơi chốn và thực hành thảo luận về các địa danh nổi tiếng trên thế giới.  **Activity 4**: Nghe hai người nói về việc thành phố Shanghai đã thay đổi như thế nào và làm bài tập.  **Activity 5**: Nghe những câu mô tả về Times Square ở New York và làm bài tập. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  **Học ở nhà**:  - Đọc và làm bài tập 3 và 5 trang 28 – 29)  - Ôn tập kiến thức đã học  - Xem trước bài mới | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 6 | **Unit 3: Across the Globe (Cont.)** **Activity 1**: Nghe 02 người hỏi và trả lời về những hoạt động nên làm khi đến London và làm bài tập.  **Activity 2**: Thảo luận nhóm, đề cử một nơi bạn biết rõ, để du khách có thể đến tham quan khi họ đến Việt Nam. Các nhóm chia sẻ thông tin với nhau.  **Activty 3**: Xem video về những rắc rối bạn gặp phải khi đi du lịch và làm bài tập.  **Activty 4**: Thảo luận theo cặp, đóng vai làm những hành khách gặp những rắc rối khi đi du lịch. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  **Học ở nhà**:  - Ôn tập kiến thức đã học  - Xem trước bài mới | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 7 | **Unit 4: Real Lives**  **Activity 1**: Thảo luận nhóm về các thành tích cá nhân mà bạn cùng lớp chưa biết.  **Activity 2**: Nghe về thành tích bất ngờ của những người nổi tiếng và làm bài tập.  **Activity 3**: Thảo luận nhóm, trình bày quan điểm đồng ý hay không đồng ý.  **Activity 4:** Học từ vựng về các sự kiện trong cuộc sống.  **Activity 5:** Thảo luận theo cặp, chia sẻ về các sự kiện đã xảy ra và chưa xảy ra trong cuộc đời. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập 4, 5, 6, trang 38 - 39 trong sách giáo khoa.  - Ôn tập kiến thức đã học  - Xem trước bài mới | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 8 | **Unit 4: Real Lives (Cont.)** **Activity 1**: Học từ vựng về tính cách cá nhân.  **Activity 2**: Thảo luận theo cặp, chia sẻ ý kiến cá nhân về các loại tính cách.  **Activity 3**: Đọc về giải thưởng dành cho những người truyền cảm hứng, và thảo luận theo cặp về những người nổi tiếng được đề cử cho giải thưởng.  **Activity 4:**  Chọn 03 người nổi tiếng và nghe những lý do họ được đề cử cho giải thưởng.  Activity 5: Thảo luận nhóm, mỗi nhóm chọn ra một nhân vật nổi tiếng và trình bày một bài phát biểu đề cử cho nhân vật của mình. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  **Học ở nhà**:  - Ôn tập kiến thức đã học  - Tìm thông tin và tiểu sử của ba người nổi tiếng: Mother Teresa, Florence Nightingale, và Desmond Tutu. | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 9 | **Unit 4: Real Lives (Cont.)** **Activity 1**: Thảo luận thông tin về nhà văn Charles Dickens  **Activity 2**: Xem video về cuộc đời của nhà văn Charles Dickens và làm bài tập.  **Activity 3**: Xem video 04 người nói về nhà văn, nghệ sĩ hoặc nhà lãnh đạo nổi tiếng mà họ muốn gặp và làm bài tập.  **Activity 4**: Thảo luận nhóm, chia sẻ về lý do bạn muốn gặp một người nổi tiếng và những điều bạn hâm mộ về họ.  **Activity 5:** Các nhóm trình bày thông tin về cuộc đời của các nhân vật nổi tiếng. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  **Học ở nhà**:  - Ôn tập kiến thức đã học  - Xem trước bài đọc trang 46 - 47, làm bài tập 3. | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(10% hoặc 30% tùy GV)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 10 | **Unit 5: Go for it**  **Activity 1**: Thảo luận nhóm về những bí quyết quan trọng để vươn lên dẫn đầu trong công việc. So sánh ý kiến với các nhóm khác.  **Activity 2**: Học từ vựng về họ hàng từ. Điền từ còn thiếu vào các câu nói của những người nổi tiếng.  **Activity 3**: Thảo luận theo cặp, chia sẻ ý kiến cá nhân đối với những câu nói của những người nổi tiếng.  **Activity 4:** Thảo luận theo cặp, chia sẻ quan điểm cá nhân hoài bão trong cuộc sống. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  **Học ở nhà**:  - Ôn tập kiến thức đã học  - Xem trước bài mới | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 11 | **Unit 5: Go for it (Cont.)** **Activity 1**: Thảo luận theo cặp, thực hành nói về các kế hoạch cá nhân.  **Activity 2**: Học từ vựng về công việc.  **Activity 3**: Viết 03 công việc bạn thích làm, 03 công việc bạn không ngại làm và 03 công việc bạn không thích làm.  **Activity 4**: Thảo luận theo cặp, chia sẻ về công việc bạn thích làm, bạn không ngại làm và bạn không thích làm.  **Activity 5:** Thảo luận theo cặp, đề xuất những công việc lý tưởng cho bạn của mình, so sánh với những công việc bạn mình thích làm, không ngại làm và không thích làm. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  **Học ở nhà**:  - Ôn tập kiến thức đã học  - Xem trước bài mới | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 12 | **Unit 5: Go for it (Cont.)** **Activity 1**: Thảo luận theo cặp, chia sẻ về các dự định trong tương lai.  **Activity 2**: Nghe về ngã rẽ công việc và làm bài tập.  **Activity 3**: Thảo luận nhóm, trình bày quan điểm về những lựa chọn của các nhân vật trong bài nghe.  **Activity 4**: Chia sẻ trước lớp về những quyết định mà bạn, hoặc người bạn biết đã đưa ra. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  **Học ở nhà**:  - Ôn tập kiến thức đã học  - Đọc trước bài đọc trang 52. | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 13 | **Unit 5: Go for it (Cont.)** **Activity 1**: Nghe về việc lựa chọn những ứng viên tham gia vào vòng chung kết một cuộc thi và làm bài tập.  **Activity 2**: Đọc về thông tin của 04 ứng viên và cố nhớ càng nhiều thông tin về họ càng tốt.  **Activity 3**: Thảo luận theo nhóm, mỗi người chọn ra một ứng viên, trình bày điểm mạnh và điểm yếu của người ứng viên đó. Chia sẻ về lý do lựa chọn ứng viên của bạn với cả lớp.  **Activity 4**: Xem video về cách thực hiện một cuộc gọi trong tình huống trang trọng và thực hành tình huống thực hiện một cuộc gọi trang trọng theo cặp. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  **Học ở nhà**:  - Ôn tập kiến thức đã học  - Xem trước bài mới | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 14 | **Unit 6: True Stories**  **Activity 1**: Đọc bài đọc về những sự trùng hợp có thật. Thảo luận theo cặp dự đoán về kết thúc của mỗi câu chuyện. Nghe và so sánh dự đoán của bạn với những kết thúc thật sự của mỗi câu chuyện.  **Activity 2**: Học từ vựng: động từ say và tell, làm bài tập.  **Activity 3**: Chọn 8 câu hỏi từ hoạt động học từ vựng, thực hành hỏi và trả lời với bạn trong lớp.  **Activity 4:** Đọc một đoạn văn về những thảm họa có thật. Thảo luận theo cặp, hỏi và trả lời về những thông tin trong bài đọc. | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  **Học ở nhà**:  - Ôn tập kiến thức đã học  - Tìm kiếm thông tin về nước Chile, từ khóa: Chile fact file, Chile life expectancy | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |
| Buổi 15 | **Unit 6: True Stories (Cont.) and Review** **Activity 1**: Xem một video về việc giải cứu các thợ mỏ kẹt dưới lòng đất và làm bài tập.  **Activity 2**: Xem một video về một số sự kiện thu hút sự chú ý của cả thế giới ở một số quốc gia và làm bài tập.  **Activity 3**: Thảo luận theo nhóm về thời điểm xảy ra một sự kiện khiến cả thế giới chú ý đến Việt Nam trong quá khứ và chia sẻ với cả lớp về sự kiện đó.  **Activity 4**: Ôn tập | CO1, CO2, CO3,  CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn hoạt động nghe nói  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học và giải bài tập Nghe về các chủ đề trong bài học  - Thảo luận theo cặp, nhóm  - Ôn tập và giải đáp thắc mắc từ sinh viên  - Sinh viên ký tên xác nhận điểm chuyên cần 10% và tự học 30%  - Giảng viên giải thích hoặc/và chỉnh sửa điểm ngay tại lớp (nếu có thắc mắc/sai sót)  **Học ở nhà**:  Ôn lại nội dung đã học trong suốt khóa học để chuẩn bị thi cuối kỳ kết thúc môn. | **A1**  **-** Tham dự buổi học  (10%)  **A2**  - Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng nếu SV có đáp án nhanh và đúng *(30%)*  - Cho SV điểm cộng nếu tham gia tích cực, nói lưu loát, ít lỗi sai về ngữ pháp, từ vựng, phát âm *(30%)* |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

**Bảng 4.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Chuyên cần |  | 10% |
| A2. Thảo luận và thuyết trình theo cá nhân/cặp/nhóm, làm bài tập, kiểm tra giữa kỳ (Nói, Nghe) | CO1, CO2, CO3, CO4 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ, gồm:  - Nói (30%)  - Nghe (30%) | CO1, CO2, CO3, CO4 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

* Dự lớp: Tối thiểu 80% thời lượng học trên lớp theo quy định của nhà trường
* Sinh viên có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.
* Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp sẽ được cho điểm cộng vào điểm tự học (điểm quá trình) 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). *Cutting Edge 3rd edition: Intermediate*. Harlow: Pearson Education Limited.

**Tài liệu tham khảo**

1. Jones, L. (2008). *Let’s talk 3*. New York: Cambridge University Press.

2. Rea, D., & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

3. Redston, C., & Cunningham, G. (2008). *Face2face: Intermediate.* Cambridge: Cambridge University Press

4. Richards, J. C., & Bycina, D. (2005). *Person to Person 2: 3rd edition*.   
New York: Oxford University Press.

5. Stephenson, H., Dummett, P., & Hughes, J. (2016). *Life: Intermediate.* China: RR Donnelley.

**9. PHẦN MỀM, CÔNG CỤ HỖ TRỢ MÔN HỌC**

* Bảng, phấn hoặc bút lông, mi-crô
* Máy vi tính, máy chiếu, máy nghe đĩa, loa, ti-vi, …

*Đồng Nai, ngày ..... tháng..... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng Khoa**  Lê Đức Thịnh | **Giảng viên biên soạn 1**  Hoàng Vĩnh Lộc | **Giảng viên biên soạn 2**  Nguyễn Ao Quang Vinh |

## 9.2 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**< 125045 – KINH TẾ HỌC>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Kinh tế học |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Economics |
| Mã môn học: | 125045 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ sở ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | NCS. Lưu Ngọc Liêm  Email: liemln@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trần Thị Kim Chi  Email: [chittk@lhu.edu.vn](mailto:chittk@lhu.edu.vn) |
| Số tín chỉ: | 3 |
| Lý thuyết: | 30 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản để phân tích các hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế dưới góc độ vi mô và vĩ mô

Học phần kinh tế vi mô : kinh tế vi mô trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng quy luật kinh tế thị trường vào một số vấn đề như kế toán kiểm toán, quản trị kinh doanh, du lịch, tài chính ngân hàng và nghiên cứu khoa học. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, ứng dụng vào các môn học tiếp theo như kinh tế vĩ mô, kinh tế quốc tế, kinh tế lượng,…

Học phần kinh tế vĩ mô giới thiệu một số khái niệm cơ bản về kinh tế học vĩ mô bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô và vận dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái và chính sách thương mại vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.

## 3. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra môn học

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[3]** | **CĐR của chương trình** | **Mô tả CĐRMH** |
| CO1 | ELO11 | Thích nghi với hành vi của toàn bộ nền kinh tế tổng thể và hành vi của các chủ thể riêng lẻ trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động kinh tế: sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng các loại hàng hóa và dịch vụ  Thích nghi với các học thuyết để làm công cụ phân tích và dự đoán những xu hướng kinh tếnhằm làm sáng tỏ bức tranh hoạt động kinh tế được ứng dụng trong đời sống xã hội, trong thương mại, tài chính và hành chính công, giáo dục, xã hội học, luật học và nhiều ngành khoa học khác |
| CO2 | ELO2 | * + - Thích nghi việc đánh giá, dự báo được tác động của các yếu tố, đặc biệt là sự can thiệp của Chính phủ đến cầu, cung, giá và sản lượng cân bằng trên thị trường, từ đó, có những ứng phó phù hợp.     - Điều chỉnh các tính toán lợi nhuận của doanh nghiệp trong các thị trường khi hoạt động sản xuất kinh doanh của hãng gặp những biến động bất thường về chi phí sản xuất, giá thành, giá bán và chính sách của Nhà nước, từ đó có những đề xuất hiệu quả nhằm giảm chi phí, nâng cao lợi nhuận của hãng |
| CO3 | ELO2 | * + - Thích hợp cho việc phân tích, thảo luận và bình luận về những hiện tượng kinh tế - xã hội.   - Vận dụng được các lý thuyết trong Kinh tế học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.   * + - Cam kết cùng với Chính phủ sử dụng chính sách ở tầm vĩ mô và vi mô nhằm: (1): khắc phục những bất ổn của nền kinh tế vĩ mô (thất nghiệp, lạm phát), (2): nâng cao hiệu quả của thị trường như chính sách giá trần, giá sàn, thuế, trợ cấp. |
| CO4 | ELO7 | * + - Đi học đúng giờ, tuân thủ nội quy nhà trường, làm bài tập về nhà đầy đủ     - Hỗ trợ một số kỹ năng và ứng dụng lý thuyết trong phân tích chính sách làm cơ sở cho việc học các môn học khác. |

## 4. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 2. Kế hoạch giảng dạy

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về kinh tế học**  **1.1. Giới thiệu tổng quan về kinh tế học**  1.1.1. Kinh tế học và nền kinh tế  1.1.2 Đối tượng nghiên cứu của kinh tế học  1.1.3. Các bộ phận kinh tế học  1.1.4. Các mô hình kinh tế | CO1, CO4, | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1**Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 2 | **1.2. Lý thuyết lựa chọn kinh tế**  1.2.1. Bản chất của sự lựa chọn kinh tế  1.3.2. Tác động của một số quy luật kinh tế tới sự lựa chọn kinh tế | CO1, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 3 | Bài tập  + Thảo luận ví dụ về Chi phí cơ hội  + Thảo luận về qui luật CPCH tăng dần theo biểu diễn đường PPF | CO1, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống; Tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập tình huống theo nhóm  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Làm bài tập về nhà | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Làm bài tập vận dụng trên lớp cho điểm cộng, theo nhóm. |
| 4 | **CHƯƠNG 2:**  **CUNG CẦU VÀ THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM**  **2.1. Cầu**  2.1.1. Khái quát về cầu  2.1.2. Tác động của giá tới lượng cầu | CO1,CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 5 | 2.1.3. Tác động của các yếu tố khác tới cầu  2.1.3.1. Thu nhập người tiêu dùng  2.1.3.2. Giá các hàng hóa liên quan  2.1.3.3. Thị hiếu của người tiêu dùng  2.1.3.4. Kỳ vọng của người tiêu dùng  2.1.3.5. Số lượng người tiêu dùng  2.1.3.6. Một số yếu tố khác ảnh hưởng đến cầu  2.1.4. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu  2.1.4.1. Sự di chuyển của đường cầu  2.1.4.2. Sự dịch chuyển của đường cầu | CO1,CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 6 | Bài tập  + Xác định hàm số cầu của sản phẩm X | CO1, CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; Tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng theo nhóm  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Làm bài tập về nhà | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Làm bài tập vận dụng trên lớp cho điểm cộng, theo nhóm. |
| 7 | **2.2. Cung**  2.2.1. Khái quát về cung  2.2.2. Tác động của giá tới lượng cung  2.2.3. Tác động của các yếu tố khác tới tới cung  2.2.3.1 Giá các yếu tố đầu vào  2.2.3.2. Công nghệ sản xuất  2.2.3.3. Sự điều tiết của chính  2.2.3.4. Số lượng người sản xuất  2.2.3.5. Kỳ vọng của nhà sản xuất  2.2.3.6. Một số yếu tố khác ảnh hưởng đến cung.  2.2.4. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung | CO1,CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 8 | **2.3. Cân bằng thị trường**  2.3.1. Khái niệm và cách xác định TTCB  2.3.1. Khái niệm  2.3.2. Cách xác định  2.3.2. Trạng thái mất cân bằng trên thị trường  2.3.2.1. Trạng thái dư thừa  2.3.2.2. Trạng thái thiếu hụt  2.3.3. Sự tự điều chỉnh của thị trường  2.3.4. Sự thay đổi của trạng thái cân bằng  2.3.4.1. Tác động từ sự dịch chuyển của đường cầu  2.3.4.2. Tác động từ sự dịch chuyển của đường cung  2.3.4.3. Tác động từ sự dịch chuyển của cả đường cầu và đường cung  2.3.4.4. Vai trò của chính phủ tham gia vào thị trường | CO1,CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 9 | Bài tập  + Xác định hàm số cung của sản phẩm X  + Xác định giá cân bằng và lượng cân bằng của sản phẩm X | CO1, CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; Tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng theo nhóm  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Làm bài tập về nhà | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Làm bài tập vận dụng trên lớp cho điểm cộng, theo nhóm. |
| 10 | 2.4. Hệ Số Co Giãn Của Cung Và Cầu  2.4.1. Hệ số co giãn của cầu theo giá  Màu đỏ là thay đổi  2.4.2. Hệ số co giãn và doanh thu | CO1, CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 11 | **Bài tập**  + Xác định hệ số co giãn của cung và cầu từ đó phân tích kết quả và đề ra các giải pháp cải thiện | CO1, CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; Tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng theo nhóm  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Làm bài tập về nhà | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Làm bài tập vận dụng trên lớp cho điểm cộng, theo nhóm. |
| 12 | **CHƯƠNG 3** [**LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI**](#_bookmark37) [**CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG**](#_bookmark38) **- LÝ THUYẾT VỀ SẢN SUẤT**  **3.1. Những vấn đề chung về tiêu dùng**  **3.2. Lý thuyết lợi ích**  3.2.1. Quy luật lợi ích cận biên giảm dần  3.2.2. Lợi ích cận biên và đường cầu  3.2.3. Thặng dư tiêu dùng | CO1, CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 13 | **3.3. Lý thuyết bàng quan - ngân sách**  3.3.1. Đường bàng quan  3.3.2. Đường ngân sách  3.3.3. Sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng | CO1, CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 14 | **Bài tập**  **+ Xác định lợi ích tối ưu của người tiêu dùng** | CO1, CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; Tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng theo nhóm  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Làm bài tập về nhà | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Làm bài tập vận dụng trên lớp cho điểm cộng, theo nhóm. |
| 15 | **3.4. Lý thuyết sản xuất**  3.4.1.Các khái niệm  3.4.2. Sản xuất với một đầu vào biến đổi (sản xuất trong ngắn hạn)  **3.5. Lý thuyết chi phí**  3.5.1. Khái niệm và phân loại chi phí  3.5.2. Các chi phí ngắn hạn | CO1, CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 16 | **3.6 Lý thuyết lợi nhuận**  3.6.1. Khái niệm và công thức tính  3.6.2. Những yếu tố tác động đến lợi nhuận  3.6.3. Quyết định sản xuất của doanh nghiệp  3.6.1.1. Trường hợp có mục tiêu là tối đa hóa doanh thu  3.6.1.2. Trường hợp có mục tiêu là tối đa hóa lợi nhuận | CO1, CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 17 | **Bài tập**  **+** Xác định kết hợp vốn và lao động để DN SX đầu ra tối ưu | CO1, CO2, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; Tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng theo nhóm  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Làm bài tập về nhà | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Làm bài tập vận dụng trên lớp cho điểm cộng, theo nhóm. |
| 18 | **Kiểm tra** | CO1,CO2 | **Dạy**: GV ra đề kiểm tra  **Học ở lớp**:  - SV tham gia làm bài kiểm tra  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Xem lại các bài tập về nhà | **A2** Đánh giá kết quả bài kiểm tra |
| 19 | **CHƯƠNG 4:**  **ĐO LƯỜNG SẢN LƯỢNG QUỐC GIA**  **trong nước GDP**  4.1. Khái niệm và nguyên tắc xác định GDP  4.2.Ý nghĩa của GDP trong phân tích kinh tế  4.3. Các phương pháp xác định GDP  4.4.GDP và các chỉ tiêu đo lường thu nhập khác | CO1, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 20 | **Bài tập**  + Xác định các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia SNA | CO1, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Làm bài tập về nhà | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Làm bài tập vận dụng trên lớp cho điểm cộng. |
| 21 | **CHƯƠNG 5:**  **CHÍNH SÁCH TÀI KHOÁ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ**  5.1 Các thành phần của tổng cầu  5.2 Sản lượng cân bằng và mô hình số nhân  5.3 Chính sách ngoại thương  5.3.1 Chính sách gia tăng xuất khẩu  5.3.2 Chính sách hạn chế nhập khẩu | CO1, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 22 | 5.4 Chính sách tài khóa  5.4.1 Chính sách tài khóa mở rộng  5.4.2 Chính sách tài khóa thu hẹp  5.4.3 Định lượng cho chính sách tài khóa | CO1, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 23 | Bài tập tình huống  Phân tích sự can thiếp của Chính phủ sử dụng chính sách ở tầm vĩ mô và vi mô nhằm:khắc phục những bất ổn của nền kinh tế vĩ mô | CO1, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập phân tích tình huống theo nhóm  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Làm bài tập về nhà | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Làm bài tập vận dụng trên lớp đánh giá kết quả theo nhóm cho điểm cộng |
| 24 | 5.5 Chính sách tiền tệ  5.5.1 Tiền và các chức năng cơ bản của tiền  5.5.2 Hệ thống ngân hàng  5.5.3Tiền ngân hàng và số nhân của tiền  5.5.4 Thị trường tiền tệ | CO1, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 25 | 5.6 Chính sách tiền tệ  5.6.1 Chính sách tiền tệ mở rộng  5.6.2 Chính sách tiền tệ tu hẹp  5.6.3 Định lượng cho chính sách tiền tệ | CO1, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
| 26 | Bài tập tình huống  Phân tích sự can thiếp của NHTW sử dụng chính sách ở tầm vĩ mô và vi mô nhằm:khắc phục những bất ổn của nền kinh tế vĩ mô | CO1, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập phân tích tình huống theo nhóm  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Làm bài tập về nhà | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Làm bài tập vận dụng trên lớp thông qua việc phân tích tình huống theo đồ thị đánh giá kết quả theo nhóm cho điểm cộng |
| 27 | **CHƯƠNG 6**  **MÔ HÌNH IS - LM**  6.1 Đường IS  6.2 Đường LM  6.3 Tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô | CO1, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2**Phân tích tình huống theo đồ thị theo nhóm cho điểm cộng |
| 28 | Bài tập tình huống  Phân tích sự can thiếp của Chính phủ và NHTW sử dụng chính sách ở tầm vĩ mô và vi mô nhằm:khắc phục những bất ổn của nền kinh tế vĩ mô thông qua mô hình IS và LM | CO1, CO3, CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập phân tích tình huống theo nhóm  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Làm bài tập về nhà | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Làm bài tập vận dụng trên lớp thông qua việc phân tích tình huống theo đồ thị đánh giá kết quả theo nhóm cho điểm cộng |
| 29 | **Kiểm tra** | CO1,CO2, CO4 | **Dạy**: GV ra đề kiểm tra  **Học ở lớp**:  - SV tham gia làm bài kiểm tra  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp  - Xem lại các bài tập về nhà | **A2** Đánh giá kết quả bài kiểm tra |
| 30 | **Ôn tập** | CO1,CO2, CO3, CO4, | **Dạy**: GV thuyết giảng, hỏi lại các câu hỏi nhanh và đưa ra tình huống phân tích để tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Thảo luận nhóm | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng |
|  | ***Thi cuối kỳ*** | *CO1,CO2,CO3, CO4* | **Dạy**: không  **Học ở lớp**: không  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A3 (60%)**  Đề thi cuối kỳ là đề thi tự luận gồm có tính toán và phân tích |

## 5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình | *CO4* | *10%* |
| A2. Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | *CO1,CO2,CO3* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | *CO1,CO2,CO3* | *60%* |

## 6. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

1. Dương Tấn Diệp (2011),*Kinh Tế Vĩ Mô*, NXB Thống Kê, HN.

2. Nguyễn Văn Dần (2009), *Hướng dẫn thực hành môn Kinh tế học vĩ mô,* NXB Tài Chính TP. HCM

3. Lê Bảo Lâm (2011), Giáo trình kinh tế vi mô, NXB Tổng Hợp TP. HCM.

4. Nguyễn Văn Dần (2009), *Hướng dẫn thực hành môn Kinh tế học vi mô,* NXB Tài Chính TP. HCM

*Đồng Nai, ngày tháng năm 2018*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<100002 – MARKETING CƠ BẢN>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Marketing Cơ Bản |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Basic marketing |
| Mã môn học: | 100002 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Trần Ngọc Thủy  Email: [thuytn@lhu.edu.vn](mailto:thuytn@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | TS. Nguyễn Văn Dũng  Email: [dungnv@lhu.edu.vn](mailto:dungnv@lhu.edu.vn)  ThS. Trần Ngọc Thùy  Email: [thuytn@lhu.edu.vn](mailto:thuytn@lhu.edu.vn) |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn Marketing căn bản được giảng dạy nhằm cung cáp các kiến thức cơ bản trong nghệ thuật Marketing đối với khách hàng, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các phương án giải quyết nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng.

Marketing căn bản cung cấp cho học viên những kiến căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh bao gồm:

Những khái niệm cơ bản về nghệ thuật Marketing.

Những yếu tố môi trường tác động đến hành vi mua sắm của khách hàng.

Những yếu tố nằm trong phối thức Marketing.

Giải quỵết những khúc mắc trong hệ thống Marketing.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Cung cấp các kiến thức cơ bản trong nghệ thuật Marketing đối với khách hàng, | ELO2 |
| CEO2: Giúp doanh nghiệp nhận diện khách hàng của mình và đề ra các phương án giải quyết nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng. |
| CEO3: Giúp doanh nghiệp nhận diện các yếu tố môi trường sẽ ảnh hưởng đến hoạt động doanh nghiệp |
| CEO4: Lên kế hoạch và tổ chức thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO6) | Hiểu được những khái niệm tầm quan trọng, bản chất, các chức năng cơ bản của Marketing đối với các doanh nghiệp | I |
| CO2 (ELO6) | Phân tích các yếu tố môi trường tác động đến hoạt động marketing của doanh nghiệp | T |
| CO3 (ELO6) | Thấu hiểu được hành vi mua hàng của khách hàng trong thị trường | T, U |
| CO4 (ELO6) | Biết phân đoạn thị trường theo nhiều tiêu thức khác nhau, lựa chọn thị trường mục tiêu | T, U |
| CO5 (ELO6) | Nắm bắt và phân tích được mô hình và đặc trưng các giai đoạn của chu kỳ sống sản phẩm; mô tả được cấu tạo sản phẩm theo quan điểm Marketing, qua đó đưa ra được những chính sách sản phẩm hiệu quả | T, U |
| CO6 (ELO6) | Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá của doanh nghiệp, nắm được các phương pháp định giá cơ bản và các chính sách định giá cho sản phẩm mới. | T,U |
| CO7 (ELO6) | Nhận thức được một cách khái quát về kênh phân phối, các thành viên của kênh, các loại kênh và các chính sách phân phối. | T, U |
| CO8 (ELO6) | Hiểu rõ bản chất, vai trò của hoạt động xúc tiến hỗn hợp và các công cụ của xúc tiến trong hoạt động kinh doanh | T, U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MARKETING**  1.1 Sự ra đời và phát triển của marketing.  1.2 Sự cần thiết của các hoạt động marketing.  1.3 Vai trò của marketing. | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1; 1.2; 1.3 cho điểm cộng (10%) |
| 2 | 1.4 Các định nghĩa về marketing.  1.5 Phân loại marketing. | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.4 và 1.5 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2: MÔI TRƯỜNG MARKETING**  2.1 Môi trưởng vĩ mô | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 2.2 Môi trường vi mô | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.3** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.2 cho điểm cộng (10%)  **A3.2** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 5 | 2.2 Môi trường vi mô | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.4** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.2 cho điểm cộng (10%)  **A3.3** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 6 | **CHƯƠNG 3: HÀNH VI KHÁCH HÀNG**  3.1 Hành vi mua của người tiêu dùng  3.1.1 Mô hình hành vi người tiêu dùng  3.1.2 Động lực dẫn đến hành vi mua hàng  3.1.3 Các yếu tố tác động dến người tiêu dùng  3.1.4 Tiến trình mua hàng  3.1.5 Mô hình ra quyết định mua hàng | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu trả lời đúng các câu hỏi (30%)  **A3.4** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 7 | 3. 2 Hành vi mua của tổ chức  3.2.1 Tiến trình mua hàng của tổ chức  3.2.2 những người tham gia vào việc mua hàng của tổ chức | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu trả lời đúng các câu hỏi (30%)  **A3.5** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 8 | **CHƯƠNG 4: PHÂN PHÚC THỊ TRƯỜNG**  4.1 Khái quát chung về thị trường và phân loại thị trường | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu trả lời đúng các câu hỏi (30%)  **A3.6**Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 9 | 4.2 Phân đoạn thị trường  4.3 Các tiêu thức phân đoạn thị trường | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.5**Cho SV điểm cộng nếu trả lời đúng các câu hỏi (30%)  **A3.7** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 10 | 4.4 Xác định thị trường mục tiêu | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.6**Cho SV điểm cộng nếu trả lời đúng các câu hỏi (30%)  **A3.8** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 11 | **CHƯƠNG 5: CHÍCH SÁCH SẢN PHẨM**  5.1 Khái niệm về sản phẩm   * 1. Các cấp độ của sản phẩm   2. Phân loại sản phẩm, dòng sản phẩm | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu trả lời đúng các câu hỏi (30%)  **A3.9** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 12 | 5.4 Các quyết định liên quan đến sản phẩm  5.5 Chiến lược phát triển sản phẩm mới | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8** Cho SV điểm cộng nếu trả lời đúng các câu hỏi (30%)  **A3.10** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 13 | 5.6 Các chiến lược marketing theo chu kỳ sống sản phẩm | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Thảo luận tình huống  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.9** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | **CHƯƠNG 6: CHÍNH SÁCH GIÁ**  6.1 Khái niệm  6.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc định giá  Yếu tố bên trong  Yếu tố bên ngoài | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Thảo luận tình huống  - **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa nhữngcâu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 6.3 Các phương pháp định giá | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
|  | 6.3 Các phương pháp định giá | CO6 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 6.3 Các phương pháp định giá | CO6 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | 6.4 Chính sách phân biệt giá  6.5 Chính sách định giá cho sản phẩm mới | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 6.6 Chính sách thay đổi giá | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.15** Đưa nhữngcâu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | **CHƯƠNG 7: CHÍNH SÁCH PHÂN PHỐI**  7.1Bản chất, tầm quan trọng của kênh phân phối marketing  7.2 Các loại hình kênh phân phối | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Trả lời tình huống  **Học ở nhà**:  - Thảo luận tình huống  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.16** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | 7.3 Các quyết định thiết kế kênh phân phối  7.4 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn kênh phân phối | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Thảo luận tình huống  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.17** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.17** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 21 | 7.5 Đánh giá hiệu quả kênh phân phối. | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18** Cho SV điểm cộng nếu trả lời đúng các câu hỏi (30%) |
| 22 | **CHƯƠNG 8:**  **CHÍNH SÁCH CHIÊU THỊ**  8.1 Bản chất, vai trò của xúc tiến hỗn hợp  8.2 Các công cụ của chiêu thị:  Quảng cáo 8.3 Khuyến mãi  Quan hệ công chúng Bán hàng trực tiếp  Marketing trực tiếp | CO8 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.19** Cho SV điểm cộng nếu trả lời đúng các câu hỏi (30%) |
| 23 | * 1. Tầm quan trọng của các công cụ chiêu thị trong thị trường. | CO8 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.20** Cho SV điểm cộng nếu trả lời đúng các câu hỏi (30%)  **A3.18** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 24 | 8.4 Lập kế hoạch chi phí cho các hoạt động cổ động – chiêu thị. |  | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.21** Cho SV điểm cộng nếu trả lời đúng các câu hỏi (30%)  **A3.19** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | *CO1,CO2,CO3,CO4,*  *CO5,CO6,CO7,CO8* | *10%* |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | *CO2,CO3,CO4,CO5,*  *CO6,CO7,CO8* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | *CO1,CO2,CO3,CO4,*  *CO5,CO6,CO7,CO8* | *60%* |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

1. Quách Thị Bửu Châu, Đinh tiên Minh, Nguyễn Công Dũng, Đào Hoài Nam,Nguyễn Thị Liên Diệp, Hồ Đức Hùng, Phạm Văn Nam (2005), *Marketing Căn bản*, NXB Thống Kê.

2. Trần Minh Ðạo (2012), *Marketing căn bản*, NXB ĐHKTQD, Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Hùng, Huỳnh Văn Hồng, Phùng Ngọc Sơn (2013), *Marketing Căn bản*, NXB Kinh Tế, Tp HCM.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng..... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

# <126029 – CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM>

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Cơ sở văn hóa Việt Nam |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Cultural base of Viet Nam |
| Mã môn học: | 126029 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ sở ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Việt Nam học |
| Giảng viên phụ trách: | Ths. Phạm Thị Bích Hằng  Email: minhtruc218@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | Ths. Trương Cẩm Tú |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 |
| Thực hành:  Bài tập : | 0  30 |
| Tự học: | 0 |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

## Môn Văn hóa Việt Nam dành cho sinh viên các ngành thuộc khoa Đông Phương và các ngành học liên quan đến du lịch, nhằm trình bày những đặc trưng cơ bản, các quy luật hình thành và phát triển của một nền văn hóa cụ thể. Cơ sở văn hóa Việt Nam trang bị những hiểu biết cơ bản về nền văn hóa dân tộc Việt. Để sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia một cách có ý thức vào việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về:- Lịch sử hình thành văn hóa Việt Nam - Các thành tố cấu thành văn hóa Việt Nam  - Những giá trị văn hóa Việt Nam truyền thống được bảo lưu và phát triển. | ELO4 |
| CEO2: Biết và vận dụng những kiến thức văn hóa trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này. | ELO4 |
| CEO3: Có kỹ năng học tập tích cực như kỹ năng đọc và tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm. | ELO4 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy**  **[3]** |
| CO1 (ELO4) | Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến văn hóa học. | I,T |
| CO2 (ELO4) | Nắm được kiến thức tổng quan về tiến trình văn hóa Việt Nam từ sơ khai đến hiện đại | I,T |
| CO3 (ELO4) | Phân tích các giá trị văn hóa trong từng giai đoạn lịch sử. | T,U |
| CO4 (ELO4) | Phân tích các thành tố cấu thành bản sắc văn hóa Việt Nam | T,U |
| CO5 (ELO4) | Ứng dụng các giá trị văn hóa trong ứng xử. | T,U |
| CO6 (ELO4) | Nhận diện sự khác biệt giữa văn hóa Việt Nam với các nền văn hóa điển hình khác trên thế giới và ứng dụng khi dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. | T,U |
| CO7 (ELO4) | Xây dựng kế hoạch làm việc nhóm, nghiên cứu độc lập và thuyết trình trước đám đông | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học (**2 **tiết) [1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học [4]** | **Hoạt độngđánh giá [5]** |
| Buổi 1 | Chương 1. Văn hóa và văn hóa học – cách tiếp cận văn hóa Việt Nam - Các cách hiểu về văn hóa  - Các cách định nghĩa “văn hóa  - Phân biệt các khái niệm: văn hóa, văn hiến, văn vật, văn minh | CO1. | **Dạy**: Nêu khái niệm, giải thích. Đặt câu hỏi về định nghĩa văn hóa và những thuật ngữ liên quan.  **Học ở lớp**: trao đổi về cách hiểu các định nghĩa  **Học ở nhà**: Đọc trước chương 1 trong giáo trình | A1:  A.1.1  - Mỗi câu hỏi chọn 3 sv trả lời để so sánh.  - So sánh các câu trả lời  (10%) |
| Buổi 2 | Chương 1: - Đặc trưng và chứng năng của văn hóa:  + Tính giá trị và chức năng điều chỉnh xã hội  + Tính hệ thống và chức năng tổ chức xã hội.  + Tính nhân sinh và chức năng giao tiếp + Tính lịch sử và chức năng giáo dục | CO1 | **Dạy**: giải thích về đặc trưng và chức năng  - Giúp sinh viên phân biệt văn hóa và các loại phi VH  - Yêu cầu SV chọn ví dụ minh họa  **Học ở lớp**: trao đổi về từng đặc trưng và chức năng của văn hóa  **Học ở nhà**: Tìm ví dụ thực tiễn minh họa | A1.2 (10%) |
| Buổi 3 | Chương 2 Văn hóa Việt Nam thời Tiền Sử và sơ sử  - Giới thiệu các giai đoạn văn hóa  - Những cứ liệu để biết về văn hóa VN thời tiền sử | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: giới thiệu tổng quan; ứng dụng hệ tọa độ văn hóa tìm ra tính chất của giai đoạn văn hóa  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A2.1 (30%) |
| Buổi 4 | Chương 2.Định vị văn hóa thời tiền sử: Niên đại, không gian phân bố và chủ thể văn hóa. | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: ứng dụng hệ tọa độ văn hóa tìm ra tính chất của giai đoạn văn hóa.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A2.1 (30%) |
| Buổi 5 | Chương 2.Những nền văn hóa tiêu biểu thời tiền sử: Sơn vi, Hòa Bình, Bắc Sơn. | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: giới thiệu những đặc điểm chính của từng nền văn hóa; phân tích để tìm ra đặc điểm chính.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A2.1 (30%) |
| Buổi 6 | Chương 2.Những nền văn hóa tiêu biểu thời tiền sử: Sơn vi, Hòa Bình, Bắc Sơn. (tt) | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: giới thiệu những đặc điểm chính của từng nền văn hóa; phân tích để tìm ra đặc điểm chính.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A2.1 (30%) |
| Buổi 7 | Chương 2.Văn hóa Việt Nam thời sơ sử Định vị: Niên đại, chủ thể, không gian phân bố. | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: Yêu cầu SV giải thích hệ tọa độ VH.  ứng dụng hệ tọa độ văn hóa tìm ra tính chất của giai đoạn văn hóa.  **Học ở lớp**: Ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A1.2 (10%)  - A2.1 (30%) |
| Buổi 8 | Chương 2.Văn hóa Việt Nam thời sơ sử:Nền Văn hóa Đông Sơn | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: Nêu những yếu tố chính SV cần nắm bắt. Giới thiệu, giải thích, nêu đặc điểm chính của nền VH.  **Học ở lớp**: tóm tắt phần đọc trước. Ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A2.1 (30%)  - A2.2 (30%) |
| Buổi 9 | Chương 2.Văn hóa Việt Nam thời sơ sử:Nền Văn hóa Sa Huỳnh | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: Nêu một số kiến thức lịch sử liên quan.  Giới thiệu, giải thích, nêu đặc điểm chính của nền văn hóa  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A2.1 (30%)  - A2.2 (30%) |
| Buổi 10 | Chương 2.Văn hóa Việt Nam thời sơ sử:Nền Văn hóa Đồng Nai | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: Nêu một số kiến thức lịch sử liên quan.  Giới thiệu, giải thích, nêu đặc điểm chính của nền văn hóa  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A2.1 (30%)  - A2.2 (30%) |
| Buổi 11 | Chương 3.Văn hóa Việt Nam thời thiên niên kỷ đầu công nguyên Quá trình hình thành tộc Việt và tiếng Việt | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: Hỏi và gợi lên một số kiến thức lịch sử liên quan.  Giới thiệu, giải thích, nêu đặc điểm chính của quá trình  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A1.2 (10%)  - A2.1 (30%)  - A2.2 (30%) |
| Buổi 12 | Chương 3.Văn hóa Việt Nam thời thiên niên kỷ đầu công nguyên- Văn hóa của các cộng đồng cư dân ở châu thổ Bắc Bộ  và Bắc Trung Bộ: Văn hóa vật chất | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: mô tả đặc điểm chính, giải thích mối tương quan giữa địa lý, lịch sử và con người để hình thành nên văn hóa vật chất.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề.  Tìm ví dụ minh họa  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A1.3 (10%)  - A2.1 (30%) |
| Buổi 13 | Chương 3.Văn hóa Việt Nam thời thiên niên kỷ đầu công nguyên- Văn hóa của các cộng đồng cư dân ở châu thổ Bắc Bộ  và Bắc Trung Bộ: Văn hóa tinh thần | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: mô tả đặc điểm chính, giải thích mối tương quan giữa địa lý, lịch sử và con người để hình thành nên văn hóa tinh thần.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề.  Tìm ví dụ  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A1.3 (10%)  - A2.1 (30%) |
| Buổi 14 | Chương 3.Văn hóa Việt Nam thời thiên niên kỷ đầu công nguyên- Văn hóa truyền thống và những biến đổi trong văn hóa của các cộng đồng cư dân ở châu thổ Bắc Bộ thời Bắc thuộc | CO2, CO3, CO4 | **Dạy**: Phân tích và so sánh để làm rõ sự biến đổi văn hóa.  **Học ở lớp**: nhận diện sự biến đổi. Tìm ví dụ làm rõ  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo. Tìm ví dụ minh họa | - A1.3 (10%)  - A2.1 (30%) |
| Buổi 15 | Thuyết trình nhóm | CO5, CO7 | - Làm bài nhóm:  + cách ứng dụng phương pháp đã học để nghiên cứu  + Thảo luận và viết bài. | - A2.3 (30%) |
| Buổi 16 | Chương 4 Văn hóa truyền thống Việt Nam thời Đại Việt  - Thời gian và không gian văn hóa  - Loại hình và cơ cấu xã hội | CO2, CO3, CO4, CO6 | **Dạy**: Yêu cầu SV giải thích hệ tọa độ VH.  ứng dụng hệ tọa độ văn hóa tìm ra tính chất của giai đoạn văn hóa.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A1.2 (10%)  - A2.1 (30%) |
| Buổi 17 | Chương 4 Văn hóa truyền thống Việt Nam thời Đại Việt  - Chủ thể văn hóa | CO2, CO3, CO4, CO6 | **Dạy**: giới thiệu, giải thích, nêu đặc điểm chính về thành phần tộc người ở Việt Nam.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A2.1 (30%) |
| Buổi 18 | Chương 4 Văn hóa truyền thống Việt Nam thời Đại Việt Văn hóa vật chất | CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 | **Dạy**: Mô tả đặc điểm chính, giải thích quá trình tiếp biến VH để hình thành nên văn hóa vật chất.  **Học ở lớp**: Nhận diện văn hóa vật chất của người Việt. Lấy ví dụ minh họa.  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A1.2 (10%)  - A1.3 (10%)  - A2.1 (30%) |
| Buổi 19 | Chương 4 Văn hóa truyền thống Việt Nam thời Đại Việt   * Văn hóa tinh thần | CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 | **Dạy**: Phân tích đặc điểm chính, giải thích quá trình tiếp biến VH để hình thành nên những giá trịvăn hóa tinh thần.  **Học ở lớp**: Nhận diện phong tục, ứng xử, tín ngưỡng trong văn hóa Việt. Tìm ví dụ.  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A1.3 (10%)  - A2.1 (30%) |
| Buổi 20 | Chương 4 Văn hóa truyền thống Việt Nam thời Đại Việt   * Văn hóa giao tiếp | CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 | **Dạy**: So sánh về phương diện ngôn ngữ, ứng xử của người Việt với một số nước Phương tây hay Đông Bắc Á  **Học ở lớp**: nhận diện sự khác biệt, tìm ví dụ minh họa  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A1.3 (10%)  - A2.1 (30%) |
| Buổi 21 | Chương 4 Văn hóa truyền thống Việt Nam thời Đại Việt Văn hóa tổ chức xã hội | CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 | **Dạy**: Phân tích một số mô hình tổ chức xã hội, nêu đặc điểm chính.  **Học ở lớp**: Nhận diện sự khác biệt. Nêu ví dụ minh họa  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | - A1.1 (10%)  - A1.3 (10%) |
| Buổi 22 | Chương 5 Văn hóa Việt Nam giai đoạn cận hiện đại   * Tiếp biến với văn hóa phương Tây | CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 | **Dạy**: Giải thích những yếu tố liên quan đến hội nhập văn hóa và tiếp biến văn hóa.  **Học ở lớp**: Đánh giá và nêu ý kiến phản hồi  **Học ở nhà**: Chuẩn bị cho phần ôn tập | - A1.1 (10%)  - A1.3 (10%)  - A2.2 (30%) |
| Buổi 23 | Ôn tập | CO1 – CO7 | **Dạy**: cung cấp đề cương ôn tập.  **Học ở lớp**: nghe giải thích, nêu thắc mắc  **Học ở nhà**: Soạn đề cương và học | - A1.2 (10%)  - A2.1 (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 5.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá [1]** | **CĐRMH (COx)**  **[2]** | **Tỷ lệ (%)**  **[3]** |
| A1.1 Trả lời câu hỏi trực tiếp để kiểm tra mức độ nhớ và hiểu.  A1.2 Trả lời câu hỏi liên quan đến kiến thức đã học.  A1.3 Nêu ví dụ minh họa cho phần học | CO1,CO2 | 10% |
| A2.1 Tóm tắt phần vừa học.  A2.2 Đọc giáo trình và trình bày ý chính.  A2.3 Thuyết trình bài tự nghiên cứu theo chủ đề cho trước. | CO3 – CO7 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1 – CO7 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

## - Sinh viên vắng trên 20% thời lượng của môn học sẽ không được tham gia thi cuối kỳ.

- Ngoài thời gian học trên lớp, người học phải tự học thêm ở nhà. Vận dụng những kiến thức được học ở lớp để có thể tự đọc thêm sách, và tự nghiên cứu tốt những loại sách liên quan đến văn hóa Việt Nam.

- Thực hành bài nghiên cứu liên quan đến môn học với sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn nhằm thực tập ứng dụng các phương pháp nghiên cứu đã học vào một đề tài cụ thể do giảng viên yêu cầu. Qua đó, học viên biết cách mở sách, đọc sách, truy tìm tài liệu, xử lý tài liệu và hệ thống hóa vấn đề.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

1. Chu Xuân Diên, Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB ĐHQG Thành Phố Hồ Chí Minh, 2008.

**Tài liệu tham khảo**

2. Lại Phi Hùng, Nguyễn Đình Hòa, Vũ Sơn Bằng, Đại cương Văn hóa Việt Nam, NXB. Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2013.

3. Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, 1999.

4. Trần Quốc Vượng, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, 2010.

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

1. Bảng, phấn hoặc bút lông.
2. Máy chiếu.
3. Laptop.

*Đồng Nai, ngày ...... tháng ..... năm 2018*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<100003 – QUẢN TRỊ HỌC>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Quản trị học |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Basic Management |
| Mã môn học: | 100003 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ sở ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Tạ Thị Thanh Hương  Email: huongttt@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Tạ Thị Thanh Hương  Email: huongttt@lhu.edu.vn  ThS. Phan Đặng Ngọc Yến Vân  Email: vanpdny@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 3 |
| Lý thuyết: | 3 |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 0 |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Quản trị học bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức và phối hợp hoạt động có hiệu quả của các cá nhân trong tổ chức nhằm đạt đến mục tiêu chung của cả tổ chức trong điều kiện biến động của môi trường kinh tế xã hội. Nội dung môn học gồm các vấn đề: Giới thiệu các khái niệm và vai trò của quản trị cũng như lịch sử hình thành của quản trị. Phân biệt hiệu quả và kết quả của quản trị, đồng thời nêu ra những phương pháp tiếp cận quản trị học trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn của quản trị. Cơ sở khoa học của quản trị: các lý thuyết quản trị, các nguyên tắc và phương pháp quản trị, thông tin và quyết định quản trị. Các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, phối hợp, kiểm tra, điều chỉnh và một số vấn đề về quản trị học hiện đại trong thế kỷ 21, chân dung các nhà quản trị & các kinh nghiệm quản trị của các công ty, doanh nghiệp trong nước và trên thế giới

Một số ứng dụng về lý luận quản trị học đang triển khai & ứng dụng có hiệu quả trong các doanh nghiệp công ty của ngành hàng không VN, và các công ty, hãng hàng không, cảng hàng không- sân bay của các nước tiên tiến trên thế giới.

## CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 1: Chuẩn đầu ra môn học

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **CĐR của chương trình** | **Mô tả CĐRMH** |
| CO1 | ELO1 | Liệt kê được các kiến thức cơ bản về quản trị (nhớ) |
| CO2 | ELO1 | Phân biệt được các trường phái quản trị (hiểu) |
| CO3 | ELO4 | Phân tích được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến doanh nghiệp (phân tích) |
| CO4 | ELO5 | Áp dụng được 4 chức năng quản trị vào hoạt động quản trị doanh nghiệp (ứng dụng) |

## NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 2: Kế hoạch giảng dạy

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2****tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ**  1.1 Khái niệm và chức năng quản trị | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh |
| 2 | 1.2 Nhà quản trị | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng  **A3 (60%)** Đề thi cuối kỳ là đề thi trắc nghiệm (60%) và tự luận (40%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC QUẢN TRỊ**  2.1 Bối cảnh lịch sử  2.2 Trường phái cổ điển | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh |
| 4 | 2.3 Trường phái tâm lý học xã hội  2.4 Trường phái định lượng trong quản trị | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh |
| 5 | 2.5 Trường phái hội nhập trong quản trị  2.6 Trường phái quản trị hiện đại | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh |
| 6 | **CHƯƠNG 3: MÔI TRƯỜNG CỦA TỔ CHỨC**  3.1 Khái niệm và phân loại | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn sinh viên thu thập thông tin về môi trường  **Học ở lớp**: Thảo luận nhóm  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng |
| 7 | 3.2 Vai trò và đặc điểm các loại môi trường | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và thảo luận nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Nghiên cứu câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng  **A3 (60%)** Đề thi cuối kỳ là đề thi trắc nghiệm (60%) và tự luận (40%) |
| 8 | 3.3 Kỹ thuật phân tích SWOT | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng thảo luận nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Phân tích ma trận SWOT  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem trước tình huống | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng  **A3 (60%)** Đề thi cuối kỳ là đề thi trắc nghiệm (60%) và tự luận (40%) |
| 9 | **CHƯƠNG 4: THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ** 4.1 Thông tin 4.2 Quyết định quản trị  4.3 Phân loại quyết định quản trị | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh |
| 10 | 4.4 Quy trình ra quyết định  4.5 Mô hình ra quyết định | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và thảo luận nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Thực hành quy trình ra quyết định theo nhóm  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng |
| 11 | CHƯƠNG 5: CHỨC NĂNG HOẠCH ĐỊNH  5.1 Khái niệm và tác dụng của hoạch định | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn thảo luận nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Thảo luận về tác dụng của hoạch định  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng |
| 12 | 5.2 Mục tiêu nền tảng của hoạch định 5.3 Quá trình cơ bản của hoạch định | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Thực hành Quy trình hoạch định  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu và bài tập tình huống | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)** Yêu cầu SV áp dụng được các bước hoạch định vào việc lập kế hoạch . |
| 13 | 5.4 Hoạch định chiến lược  5.5 Hoạch định tác nghiệp | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn thảo luận nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Thảo luận về các loại hoạch định  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng  **A3 (60%)** Đề thi cuối kỳ là đề thi trắc nghiệm (60%) và tự luận (40%) |
| 14 | **CHƯƠNG 6: CHỨC NĂNG TỔ CHỨC**  6.1 Khái niệm, vai trò và chức năng của tổ chức | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)** Yêu cầu sinh viên áp dụng được chức năng tổ chức vào việc lập kế hoạch. |
| 15 | 6.2 Xây dựng cơ cấu tổ chức | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Thảo luận về cơ cấu tổ chức của các loại hình doanh nghiệp  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  Yêu cầu sinh viên áp dụng được chức năng tổ chức vào việc lập kế hoạch. |
| 16 | 6.3 Các mô hình cơ cấu tổ chức | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Thảo luận về các mô hình cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp như: ưu, nhược điểm của từng loại cơ cấu tổ chức…  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  Yêu cầu sinh viên áp dụng được chức năng tổ chức vào việc lập kế hoạch.  **A3 (60%)** Đề thi cuối kỳ là đề thi trắc nghiệm (60%) và tự luận (40%) |
| 17 | **CHƯƠNG 7: CHỨC NĂNG ĐIỀU KHIỂN**  7.1 Khái niệm và nội dung của chức năng điều khiển  7.2 Tuyển dụng và đào tạo nhân viên | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)** Yêu cầu sinh viên áp dụng được chức năng lãnh đạo (điều khiển) vào việc lập kế hoạch. |
| 18 | 7.3 Lãnh đạo | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem trước tình huống | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  Yêu cầu sinh viên áp dụng được chức năng lãnh đạo (điều khiển) vào việc lập kế hoạch.  **A3 (60%)** Đề thi cuối kỳ là đề thi trắc nghiệm (60%) và tự luận (40%) |
| 19 | 7.4 Động viên | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem trước tình huống | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  Yêu cầu sinh viên áp dụng được chức năng lãnh đạo (điều khiển) vào việc lập kế hoạch. **A3 (60%)** Đề thi cuối kỳ là đề thi trắc nghiệm (60%) và tự luận (40%) |
| 20 | **CHƯƠNG 8: CHỨC NĂNG KIỂM TRA**  8.1 Khái niệm và các nguyên tắc xây dựng cơ chế kiểm tra  8.2 Các bước của quá trình kiểm tra | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Trả lời câu hỏi của GV  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)** Yêu cầu sinh viên áp dụng được chức năng kiểm tra vào việc lập kế hoạch. |
| 21 | 8.3 Các loại hình kiểm tra  8.4 Công cụ kiểm tra | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn thảo luận nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học  - Giải tình huống  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem trước tình huống | **A2 (30%)** Yêu cầu sinh viên áp dụng được chức năng kiểm tra vào việc lập kế hoạch.  **A3 (60%)** Đề thi cuối kỳ là đề thi trắc nghiệm (60%) và tự luận (40%) |
| 22 | Ôn tập |  | **Dạy**: Giải đáp, nêu các lỗi thường gặp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Ôn tập lý thuyết | **A2 (30%)**  - Đưa những câu hỏi tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng |

## 5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | *CO1,CO2,CO3, CO4* | *10%* |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | *CO1, CO3,CO4* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | *CO1, CO3,CO4* | *60%* |

## 6. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập tình huống ở nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập tình huống nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

* Phan Thị Minh Châu, “Giáo trình quản trị học” , NXB Phương Đông, 2011
* Nguyễn Thị Liên Diệp, *“Quản trị học”*, NXB Lao động xã hội, 2010
* James H. Donnelly, Vũ Trọng Hùng, Phan Thăng, “*Quản trị học*”, NXB Lao động xã hội, 2008
* Lưu Đan Thọ, “*Quản trị học trong xu thế hội nhập: những vấn đề cốt yếu của quản lý*” NXB Bộ Tài Chính, 2014

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC **<126055 – TỔNG QUAN DU LỊCH>** 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)  |  |  | | --- | --- | | Tên môn học (tiếng Việt): | Tổng quan du lịch | | Tên môn học (tiếng Anh): | Introduction to tourism | | Mã môn học: | 126055 | | Thuộc khối kiến thức: | Cơ sở ngành | | Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn | | Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn | | Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trần Thị Thu Hiền  Email: hienttt@lhu.edu.vn | | Số tín chỉ: | 3 | | Lý thuyết: | 45 tiết | | Thực hành: | 0 tiết | | Bài tập: | 0 | | Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành | | Môn học tiên quyết: | Không | | Môn học trước: | Không |   **2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**  Tổng quan du lịch là một môn học có vị trí quan trọng nhằm trang bị cho người học những kiến thức khái quát cơ bản nhất về các vấn đề liên quan đến lịch sử hình thành, phát triển của ngành du lịch trên thế giới cũng như ở Việt Nam. 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals) Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:   |  |  | | --- | --- | | Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** | | CEO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về du lịch, lịch sử hình thành và phát triển của ngành | ELO4 | | CEO2: Hiểu được những yếu tố tác động đến ngành du lịch | ELO4 | | CEO3: Hiểu được những điều kiện đề phát triển ngành du lịch | ELO4 | | CEO4: Vận dụng các nội dung trong môn học đề nhận định thực trạng và xu hướng phát triển của ngành hiện nay | ELO4 |  4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** | | CO1 (ELO4) | Hiểu được những khái niệm chung về du lịch | T | | CO2 (ELO4) | Hiểu được các giai đoạn hình thành và phát triển ngành du lịch | T | | CO3 (ELO4) | Hiểu được các loại hình và lĩnh vực kinh doanh trong ngành du lịch | T | | CO4 (ELO4) | Phân tích được những điều kiện để phát triển du lịch | T,U | | CO5 (ELO4) | Phân tích được những ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến các lĩnh vực khác | T,U | | CO6 (ELO4) | Vận dụng được kiến thức vào phát triển và quản lý du lịch | T,U |  5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** | | 1 | **CHƯƠNG 1: NHỮNG KHÁI NIỆM CHUNG VỀ DU LỊCH**  1.1. Khái niệm về du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  | | 2 | 1.2. Khách du lịch  1.3. Một số khái niệm cơ bản khác | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.3 cho điểm cộng (10%) | | 3 | **CHƯƠNG 2: CÁC GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH**  2.1. Sơ lược về sự hình thành và phát triển du lịch Thế giới | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 4 | 2.1. Sơ lược về sự hình thành và phát triển du lịch Thế giới (tiếp) | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 5 | 2.2. Sự hình thành và phát triển ngành du lịch Việt Nam | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 6 | 2.3. Các tổ chức du lịch trên Thế giới và ở Việt Nam | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 7 | **CHƯƠNG 3: CÁC LOẠI HÌNH VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH TRONG DU LỊCH**  3.1. Các loại hình du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 8 | 3.2. Các lĩnh vực kinh doanh trong ngành du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 9 | **CHƯƠNG 4: NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**  4.1. Điều kiện xuất hiện khách du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 10 | 4.2. Những điều kiện về cung du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 11 | 4.3. Tính mùa vụ trong du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 12 | 4.3. Tính mùa vụ trong du lịch (tiếp) | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 13 | **CHƯƠNG 5: ẢNH HƯỞNG CỦA HOẠT ĐỘNG DU LỊCH ĐẾN CÁC LĨNH VỰC KHÁC**  5.1. Những ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến kinh tế | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 14 | 5.2. Những ảnh hưởng của hoạt động du lịch đối với xã hội | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 15 | 5.3. Những ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến văn hóa | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 16 | 5.4. Những ảnh hưởng của hoạt động du lịch đối tự nhiên và môi trường | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 17 | **CHƯƠNG 6: PHÁT TRIỂN DU LỊCH**  6.1. Xu hướng phát triển du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 18 | 6.2. Dự án phát triển du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 19 | 6.3. Vai trò của Nhà nước và doanh nghiệp trong phát triển du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 20 | 6.3. Vai trò của Nhà nước và doanh nghiệp trong phát triển du lịch (tiếp) |  | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) | | 21  (5tiết) | Thực tế doanh nghiệp | CO6 | Ứng dụng các kiến thức đã học vào tìm hiểu thực tiễn | **A2.19**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |  6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** | | A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6 | 10% | | A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5 | 30% | | A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6 | 60% |  7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations) - Dự lớp: theo quy định của nhà trường  - Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.  - Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên. 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO **Giáo trình**  [1]. Phan Văn Hải (2015): Giáo trình Tổng quan du lịch. Đại học Lạc Hồng, Tài liệu lưu hành nội bộ.  [2]. [Lanquar Robert](https://lib.lhu.edu.vn/SearchResult/1/0/2/BK/Lanquar-Robert), [Phạm Ngọc Uyển](https://lib.lhu.edu.vn/SearchResult/1/0/2/BK/Ph%E1%BA%A1m-Ng%E1%BB%8Dc-Uy%E1%BB%83n), [Bùi Ngọc Chưởng](https://lib.lhu.edu.vn/SearchResult/1/0/2/BK/B%C3%B9i-Ng%E1%BB%8Dc-Ch%C6%B0%E1%BB%9Fng) (2002): Kinh tế du lịch. NXB Thế Giới, Hà Nội.  **Tài liệu tham khảo**  [1]. Trần Thị Mai (2006): Giáo trình Tổng quan về du lịch. NXB Lao động xã hội, Hà Nội.  [2]. Vũ Đức Minh (1999): Tổng quan về du lịch. NXB Giáo dục, Hà Nội.  [3]. Trần Đức Thanh (2000): Nhập môn khoa học du lịch, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.  *Đồng Nai, ngày ..... tháng ....năm 2020*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) | |
|  |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<125012 – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Research Methodology |
| Mã môn học: | 125012 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Trần Thị Mỹ Hương  Email: [huongttm@lhu.edu.vn](mailto:huongttm@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | TS. Phan Thành Tâm  Email: tampt@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 1 |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 1 |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học. Cách thu thập dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Cách xử lý dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu. Cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

## 3. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra môn học

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **CĐR của chương trình** | **Mô tả CĐRMH** |
| CO1 | EL01 | Áp dụng các kiến thức về thống kê, định lượng để phân tính đánh giá các dữ liệu, đưa ra các giải pháp, kiến nghị cho các vấn đề nghiên cứu của đề tài gắn với thực tiễn |
| CO2 | EL07 | Truyền đạt những ý tưởng giải pháp để viết và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học |
| CO3 | EL010 | Đi học đúng giờ, tuân thủ nội quy nhà trường, làm bài tập về nhà đầy đủ. |
| CO4 | EL011 | Làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề |

## 4. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 2. Kế hoạch giảng dạy

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2****tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  1.1 Khái niệm khoa học  1.2 Khái niệm nghiên cứu khoa học  **Bài tập**: Hãy nêu những đặc điểm cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học? | CO1,CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng.  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  -Điểm danh  **A2 (30%)**  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng |
| 2 | 1.3 Phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản  1.4 Cách tiếp cận nghiên cứu  **Bài tập:** Hãy phân tích các bước của quy trình thực hiện công trình nghiên cứu khoa học? | CO1,CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  - Làm bài tậptrên lớp cho điểm cộng. |
| 3 | **CHƯƠNG 2: XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**  2.1 Các khái niệm liên quan  2.1.1 Đề tài nghiên cứu khoa học  2.1.2 Vấn đề nghiên cứu  2.1.3 Mục tiêu và mục đích nghiên cứu  2.1.4 Đối tượng nghiên cứu, khách thể nghiên cứu và đối tượng khảo sát  2.1.5 Phạm vị nghiên cứu  2.1.6 Tổng quan tình hình nghiên cứu | CO1,CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  - Làm bài tậptrên lớp cho điểm cộng. |
| 4 | 2.2 Phương pháp phát hiện vấn đề khoa học  2.3 Lựa chọn và đặt tên đề tài nghiên cứu | CO1,CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  - Làm bài tậptrên lớp cho điểm cộng. |
| 5 | 2.4 Đặt giả thuyết khoa học để định hướng nghiên cứu  2.5 Cơ sở lý thuyết trong nghiên cứu | CO1,CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  - Làm bài tậptrên lớp cho điểm cộng. |
| 6 | 2.6 Xây dựng đề cương nghiên cứu  2.6.1 Tên đề tài  2.6.2 Lý do chọn đề tài  2.6.3 Tổng quan các vấn đề nghiên cứu có liên quan  2.6.4 Mục tiêu nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu  2.6.5 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu  2.6.6 Phương pháp nghiên cứu  2.6.7 Dự kiến bố cục đề tài  2.6.8 Tài liệu tham khảo  2.6.9 Những kết quả dự kiến của đề tài  2.6.10 Kế hoạch thực hiện đề tài  2.6.11 Dự kiến mục lục của đề tài  **Bài tập:** hãy phân tích nội dung của một đề cương nghiên cứu khoa học? | CO1,CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  - Làm bài tậptrên lớp cho điểm cộng. |
| 7 | 2.7 Quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học  2.7.1 Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu  2.7.2 Tìm hiểu cơ sở lý thuyết  2.7.3 Phát triển giả thuyết nghiên cứu  2.7.4 Xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu  2.7.5 Chọn mẫu nghiên cứu, thu thập và xử lý thông tin .  2.7.6 Phân tích dữ liệu và kiểm định giả thuyết  2.7.7 Viết báo cáo công trình nghiên cứu  **Bài tập:** Thực hiện đề cương nghiên cứu khoa học | CO1,CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  - Làm bài tậptrên lớp cho điểm cộng. |
| 8 | **CHƯƠNG 3: TỔNG HỢP CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ GIẢ THIẾT NGHIÊN CỨU**  3.1 Xây dựng cơ sở lý thuyết nghiên cứu  3.1.1 Khái niệm  3.1.2 Mục đích nghiên cứu cơ sở lý thuyết  3.1.3 Yêu cầu đối với việc xây dựng cơ sở lý thuyết nghiên cứu  3.1.4 Mục tiêu của việc xây dựng cơ sở lý thuyết  3.1.5 Phân loại các loại tài liệu phục vụ xây dựng cơ sở lý thuyết  3.1.6 Nguồn tài liệu cho xây dựng cơ sở lý luận  3.1.7 Phương pháp và quy trình xây dựng cơ sở lý luận  3.1.8 Cách hình thức trích dẫn tài liệu nghiên cứu | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng theo nhóm  - Thảo luận nhóm  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  *-* Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 9 | 3.2 Mô hình nghiên cứu | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng theo nhóm  - Thảo luận nhóm  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  *-* Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 10 | 3.3 Xây dựng giả thuyết nghiên cứu  3.3.1 Khái niệm  3.3.2 Đặc tính của giả thuyết  3.3.3 Mối quan hệ giữa giả thuyết và vấn đề nghiên cứu  3.3.4 Cấu trúc của một giả thuyết nghiên cứu  3.3.5 Cách đặt giả thuyết nghiên cứu  3.3.6 Kiểm nghiệm giả thuyết | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng theo nhóm  - Thảo luận nhóm  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  *-* Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 11 | 3.4 Xác định đối tượng và đặc tính nghiên cứu  3.4.1 Đối tượng nghiên cứu  3.4.2 Đặc tính nghiên cứu | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng theo nhóm  - Thảo luận nhóm  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  *-* Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 12 | 3.5 Lập kế hoạch nghiên cứu  3.6 Phân tích đề tài nghiên cứu  **Bài tập:** Trình bày quy trình xây dựng cơ sở lý thuyết? Cho ví dụ minh họa? | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng theo nhóm  - Thảo luận nhóm  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  *-* Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 13 | **CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP THU THẬP DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU**  4.1 Giới thiệu chung về dữ liệu  4.2 Phương pháp thu thập dữ liệu định tính  4.2.1 Kích thước mẫu nghiên cứu  4.2.2 Các phương pháp thu thập dữ liệu  4.2.3 Quy trình ghi chép dữ liệu  **Bài tập:** Hãy cho biết vai trò của nghiên cứu định tính | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm.  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 14 | 4.3 Phương pháp thu thập dữ liệu định lượng  4.3.1 Xác định quy mô mẫu  4.3.2 Phương pháp chọn mẫu  4.3.3 Phương pháp thiết kế thang đo  4.3.4 Phương pháp thiết kế bảng câu hỏi  **Bài tập:** Hãy cho biết vai trò của nghiên cứu định lượng | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm.  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 15 | 4.4 Phương pháp hỗn hợp  **Bài tập:** Hãy nêu sự khác biệt giữa phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng? | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm.  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 16 | **CHƯƠNG 5: XỬ LÝ DỮ LIỆU CHO ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU**  5.1 Xử lý dữ liệu định tính  5.1.2 Quy trình phân tích dữ liệu định tính  5.1.3 Xác nhận tính chính xác của các phát hiện  5.1.4 Tường thuật định tính  5.1.5 Các vấn đề về đạo đức | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm.  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng.  - Thảo luận nhóm  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 17 | 5.2 Xử lý dữ liệu định lượng  5.2.1 Thống kê dùng trong phân tích dữ liệu  5.2.2 Mô hình kinh tế lượng  **Bài tập:** Hãy phân biệt dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Cho ví dụ minh họa? | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm.  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng.  - Thảo luận nhóm  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 18 | **CHƯƠNG 6: VIẾT VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  6.1 Các bước triển khai viết bản thảo báo cáo nghiên cứu khoa học  6.1.1 Phác thảo lại dàn bài chi tiết  6.1.2 Viết bản thảo theo các giai đoạn  6.2 Cách thức sắp xếp bố cục  6.2.1 Phần khai tập  6.2.2 Phần về nội dung của công trình nghiên cứu khoa học | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm.  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng.  - Thảo luận nhóm  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 19 | 6.3 Quy cách trình bày đề tài nghiên cứu khoa học  6.3.1 Soạn thảo văn bản  6.3.2 Quy ước đánh số thứ tự cho phần nội dung chính  6.3.3 Bố trí tựa và chú thích ảnh, biểu đồ và bảng biểu  **Bài tập:** Trình bày cách thức trích dẫn và ghi tài liệu tham khảo trong nghiên cứu khoa học | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm.  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng.  - Thảo luận nhóm  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  -Tổ chức hoạt động nhóm, đánh giá làm việc nhóm  **-** Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 20 | 6.4 Cách trình bày danh mục tài liệu tham khảo  6.5 Cách thức trình bày một bài báo khoa học  **Bài tập:** Sinh viên viết báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn sinh viên viết bài báo cáo vận dụng; tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Làm đề tài về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  - Báo cáo tiểu luận  - Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 21 | **CHƯƠNG 7: ĐÁNH GIÁ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  7.1 Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu khoa học  7.1.1 Đạo đức trong nghiên cứu khoa học  7.1.2 Mục đích của việc tuân thủ đạo đức trong nghiên cứu khoa học  7.1.3 Các yêu cầu trong nghiên cứu khoa học  7.1.4 Đảm bảo pháp lý cho công trình khoa học  7.2 Các tiêu chí đánh giá kết quả nghiên cứu | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Thảo luận nhóm | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  - Báo cáo tiểu luận  -Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 22 | 7.3 Phương pháp đánh giá  7.4 Nhận xét phản biện khoa học | CO1, CO2, CO3,CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng, tổ chức hoạt động nhóm  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Thảo luận nhóm | **A1 (10%)**  - Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng  - Điểm danh  **A2 (30%)**  - Báo cáo tiểu luận  - Làm bài tập tại lớp cho điểm cộng. |
| 23 | ***Thi cuối kỳ*** | CO1, CO2 | **Dạy**: không  **Học ở lớp**: không  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A3 (60%)**  Đề thi cuối kỳ là đề thi tự luận gồm lý thuyết về lập kế hoạch nghiên cứu và thu thập dữ liệu;  Xử lý dữ liệu và trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học |

## 5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 3. Phương pháp đánh giá

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, tham gia thảo luận nhóm, đi học đúng giờ) | *CO3* | *10%* |
| A2. Viết tiểu luận nhóm, báo cáo nhóm trước lớp, làm bài tập tại lớp. | *CO1, CO2,CO4* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | *CO1,CO2* | *60%* |

## 6. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Đi học đều, đúng giờ, làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% của sinh viên.

- Làm việc nhóm, làm bài tập trên lớp, báo cáo tiểu luận được tính vào điểm 30%.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

1. Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Mỹ Hương (2014) *Phương pháp nghiên cứu khoa học*,Trường Đại học Lạc Hồng, Đồng Nai

**Tài liệu tham khảo**

1. Lê Huy Bá (2007), *Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học,* NXB Tp.HCM

2. Vũ Cao Đàm (2008), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học* Hà Hội, NXB Khoa Học Kỹ Thuật, Hà Nội

3. Nguyễn Xuân Nghĩa (2008), *Phương pháp và Kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội,* NXB Trẻ

4. Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Lao động Xã hội, Tp. HCM

5. Nguyễn Đình Thọ (2014), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB. Tài Chính, Tp. HCM

*Đồng Nai, ngày …… tháng …… năm ……*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

# <126033 – LỄ HỘI - PHONG TỤC – TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM>

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học(tiếng Việt): | Lễ hội – Phong tục – Tín ngưỡng Việt Nam |
| Tên môn học(tiếng Anh): | Customs - beliefs - festivals in Vietnam |
| Mã môn học: | 126033 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ sở ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| Giảng viên phụ trách: | Ths. Phạm Thị Bích Hằng  Email: minhtruc218@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trương Cẩm Tú |
| Số tín chỉ: | 2 TC |
| Lý thuyết: | 1 TC |
| Thực hành: | 0TC |
| Bài tập: | 1 TC |
| Tính chất của môn | Bắt buộc |
| Môn học tiên quyết: | không |
| Môn học trước: | Cơ sở văn hóa Việt Nam |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn Phong tục – tín ngưỡng – lễ hội Việt Nam trang bị kiến thức chuyên sâu về phong tục – tín ngưỡng và lễ hội truyền thống của người Việt. Để sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia một cách có ý thức vào việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, đồng thời giúp cho sinh viên biết khái quát hóa cũng như viết được những bài thuyết minh giới thiệu văn hóa Việt Nam cho khách du lịch.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu và nắm vững kiến thức về: - Phong tục  - Tín ngưỡng  - lễ hội của người Việt | ELO4 |
| CEO2: Nâng cao khả năng phân tích, so sánh để tìm ra đặc điểm chung và riêng của phong tục tín ngưỡng và lễ hội của các thành phần tộc người ở Việt Nam | ELO4 |
| CEO3: Có kỹ năng học tập tích cực như kỹ năng đọc và tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm. | ELO4 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy**  **[3]** |
| CO1 (ELO4) | Hiểu khái niệm, thuật ngữ phong tục, kiêng kỵ, tín ngưỡng, lễ hội, lễ tết. | I,T |
| CO2 (ELO4) | Nắm được nguồn gốc hình thành phong tục, những yếu tố tác động đến các phong tục truyền thống | I,T |
| CO3 (ELO4) | Phân tích nội hàm tín ngưỡng của người Việt. Đặc trưng tín ngưỡng cũng như cách thức thể hiện. | T,U |
| CO4 (ELO4) | Phân biệt các loại lễ hội, So sánh các loại lễ hội nhằm rút ra đặc điểm của từng loại lễ hội và phân tích làm rõ tính phong phú tiểm tàng trong lễ hội Việt Nam | T,U |
| CO5(ELO4) | Xây dựng kế hoạch làm việc nhóm, nghiên cứu độc lập và thuyết trình trước đám đông. | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học (**2**tiết) [1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học [4]** | **Hoạt động đánh giá [5]** |
| Buổi 1 | Chương 1 – Phong tục - Khái niệm  + Phong tục  + Tập quán  + Tục lệ  + Kiêng kỵ  - Đặc điểm của phong tục  - Các loại phong tục | CO1 | **Dạy**: Nêu khái niệm, giải thích. Đặt câu hỏi về những thuật ngữ liên quan.  Giới thiệu tài liệu tham khảo  **Học ở lớp**: trao đổi về cách hiểu các định nghĩa, đối tượng của môn học.  **Học ở nhà**: Đọc sách tham khảo.  Tìm ví dụ từ thực tiễn | A1.1 |
| Buổi 2 | Chương 1 (tt) - Vai trò của phong tục  - Khái quát về phong tục của người Việt  - Phong tục liên quan đến vòng đời | CO1, CO2 | **Dạy**: Trình bày nội dung học phần, yêu cầu SV tìm hiểu phong tục các tộc người mà GV giới thiệu  **Học ở lớp**: trao đổi về các vấn đề trong bài.  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo, quan sát thực tiễn. | A1.1  A2.1  A2.2 |
| Buổi 3 | Chương 1 (tt) - Phong tục liên quan đến vòng đời (tt) | CO1, CO2 | **Dạy**: Trình bày nội dung học phần, yêu cầu SV tìm hiểu phong tục các tộc người mà GV giới thiệu  **Học ở lớp**: trao đổi về các vấn đề trong bài.  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo, quan sát thực tiễn. | A1.1  A2.1  A2.2 |
| Buổi 4 | Chương 1 (tt) - Phong tục liên quan đến tổ chức gia đình  + Vị trí và vai trò của cha  + Vị trí và vai trò của mẹ  + Con nuôi lập tự | CO1, CO2 | **Dạy**: Trình bày nội dung học phần, yêu cầu SV tìm hiểu phong tục các tộc người mà GV giới thiệu  **Học ở lớp**: trao đổi về các vấn đề trong bài.  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo kết hợp với quan sát thực tiễn. | A2.1 |
| Buổi 5 | Chương 1: (tt)  - Cưới hỏi  + Các nghi lễ cưới hỏi truyền thống.  + Các nghi lễ còn tồn tại: nguyên do và ý nghĩa | CO1, CO2 | **Dạy**: Trình bày nội dung học phần, yêu cầu SV tìm hiểu phong tục các tộc người mà GV giới thiệu  **Học ở lớp**: trao đổi về các vấn đề trong bài.  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo kết hợp với quan sát thực tiễn. | A1.1 |
| Buổi 6 | Chương 1: (tt)  - Cưới hỏi  + Hôn nhân vô hiệu lực  + Ly dị  + Đặc điểm hôn nhân của người Việt | CO1, CO2 | **Dạy**: Trình bày nội dung học phần, yêu cầu SV tìm hiểu phong tục các tộc người mà GV giới thiệu  **Học ở lớp**: trao đổi về các vấn đề trong bài.  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo kết hợp với quan sát thực tiễn. | A1.1 |
| Buổi 7 | Chương 1 (tt) - Tang ma  + Các yếu tố cấu thành nghi lễ tang ma của người Việt  + Đặc điểm tang ma của người Việt | CO1, CO2 | **Dạy**: Trình bày nội dung học phần, yêu cầu SV tìm hiểu phong tục các tộc người mà GV giới thiệu  **Học ở lớp**: trao đổi về các vấn đề trong bài.  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo kết hợp với quan sát thực tiễn. | A1.1 |
| Buổi 8 | Chương 1 (tt) - Tang ma  + Mô tả từng nghi lễ trong tang ma truyền thống của người Việt  + Những nghi lễ còn tồn tại đến ngày nay: nguyên do và ý nghĩa | CO1, CO2 | **Dạy**: Trình bày nội dung học phần, yêu cầu SV tìm hiểu phong tục các tộc người mà GV giới thiệu  **Học ở lớp**: trao đổi về các vấn đề trong bài.  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo kết hợp với quan sát thực tiễn. | A1.1  A1.2  A2.1 |
| Buổi 9 | Chương 1 (tt) - Phong tục giao tiếp  + Tục kiêng tên  + Ngôn ngữ giao tiếp  + Chào hỏi | CO1, CO2 | **Dạy**: Trình bày nội dung học phần, yêu cầu SV tìm hiểu phong tục các tộc người mà GV giới thiệu  **Học ở lớp**: trao đổi về các vấn đề trong bài.  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo kết hợp với quan sát thực tiễn. | A2.1 |
| Buổi 10 | Chương 2. Tín ngưỡng - Khái niệm  - Đình thờ thần  + Khái niệm đình  + Các loại đình – đền  + Ý nghĩa | CO3 | **Dạy**: Giới thiệu về khái niệm tín ngưỡng, phân biệt các loại đình đền thờ thần của người Việt.  Yêu cầu sinh viên nêu ví dụ.  **Học ở lớp**: Ghi chép, tóm tắt phần học. Tìm ví dụ để cùng trao đổi với GV  **Học ở nhà**: Đọc sách tham khảo và làm bài thuyết trình. | A1.1  A2.1 |
| Buổi 11 | Chương 2 (tt) - Thế giới thần linh ở VN  + Các loại thần thánh trong tín ngưỡng của người Việt  + Tính dân tộc trong quan niệm thần linh của người Việt  + Khuynh hướng trọng nữ trong thế giới thần linh của người Việt | CO3 | **Dạy**: Giới thiệu về các nội dung trong bài. Phân tích làm rõ vấn đề.  Yêu cầu sinh viên nêu ví dụ.  **Học ở lớp**: Ghi chép, tóm tắt phần học. Tìm ví dụ để cùng trao đổi với GV  **Học ở nhà**: Đọc sách tham khảo và làm bài thuyết trình. | A2.1 |
| Buổi 12 | Chương 2 (tt) - Các loại hình tín ngưỡng của người Việt  + Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên | CO3 | **Dạy**: Giới thiệu về các nội dung trong bài. Phân tích làm rõ vấn đề.  Yêu cầu sinh viên nêu ví dụ.  **Học ở lớp**: Ghi chép, tóm tắt phần học. Tìm ví dụ để cùng trao đổi với GV  **Học ở nhà**: Đọc sách tham khảo và làm bài thuyết trình. | A2.1 |
| Buổi 13 | Chương 2 (tt) - Các loại hình tín ngưỡng của người Việt  + Tín ngưỡng cộng đồng | CO3 | **Dạy**: Giới thiệu về các nội dung trong bài. Phân tích làm rõ vấn đề.  Yêu cầu sinh viên nêu ví dụ.  **Học ở lớp**: Ghi chép, tóm tắt phần học. Tìm ví dụ để cùng trao đổi với GV  **Học ở nhà**: Đọc sách tham khảo và làm bài thuyết trình. | A2.1 |
| Buổi 14 | Chương 2 (tt) - Các loại hình tín ngưỡng của người Việt  + Tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp | CO3 | **Dạy**: Giới thiệu về các nội dung trong bài. Phân tích làm rõ vấn đề.  Yêu cầu sinh viên nêu ví dụ.  **Học ở lớp**: Ghi chép, tóm tắt phần học. Tìm ví dụ để cùng trao đổi với GV  **Học ở nhà**: Đọc sách tham khảo và làm bài thuyết trình. | A2.1 |
| Buổi 15 | Chương 3. Lễ hội ở Việt Nam - Khái niệm: lễ hội và lễ tết  - Giới thiệu các loại tết.  - Các loại lễ hội | CO4 | **Dạy**: Giới thiệu về các nội dung trong bài. Phân tích làm rõ vấn đề.  Yêu cầu sinh viên nêu ví dụ.  **Học ở lớp**: Ghi chép, tóm tắt phần học. Tìm ví dụ để cùng trao đổi với GV  **Học ở nhà**: Đọc sách tham khảo và làm bài thuyết trình. | A2.2  A2.3 |
| Buổi 16 | Chương 3 (tt) - Lễ hội nông nghiệp | CO4 | **Dạy**: Giới thiệu về các nội dung trong bài. Phân tích làm rõ vấn đề.  Yêu cầu sinh viên nêu ví dụ.  **Học ở lớp**: Ghi chép, tóm tắt phần học. Tìm ví dụ để cùng trao đổi với GV  **Học ở nhà**: Đọc sách tham khảo và làm bài thuyết trình. | A2.2  A2.3 |
| Buổi 17 | Chương 3 (tt)- Lễ hội lịch sử | CO4 | **Dạy**: Giới thiệu về các nội dung trong bài. Phân tích làm rõ vấn đề.  Yêu cầu sinh viên nêu ví dụ.  **Học ở lớp**: Ghi chép, tóm tắt phần học. Tìm ví dụ để cùng trao đổi với GV  **Học ở nhà**: Đọc sách tham khảo và làm bài thuyết trình. | A2.2  A2.3 |
| Buổi 18 | Chương 3 (tt)- Lễ hội văn hóa | CO4 | **Dạy**: Giới thiệu về các nội dung trong bài. Phân tích làm rõ vấn đề.  Yêu cầu sinh viên nêu ví dụ.  **Học ở lớp**: Ghi chép, tóm tắt phần học. Tìm ví dụ để cùng trao đổi với GV  **Học ở nhà**: Đọc sách tham khảo và làm bài thuyết trình. | A2.2  A2.3 |
| Buổi 19 | Thuyết trình- Nghiên cứu phong tục của một tộc điển hình vùng núi miền Bắc - Nghiên cứu phong tục của một tộc điển hình vùng núi miền Trung | CO1,CO2,CO5 | **Dạy**: Nghe và nhận định về bài thuyết trình, điều chỉnh những thông tin chưa chính xác, cập nhật những thông tin còn thiếu.  **Học ở lớp**: Nhóm trình bày, các nhóm khác nghe và nêu thắc mắc về đề tài, nhóm trình bày có nhiệm vụ giải đáp  **Học ở nhà**: Nhóm thuyết trình chỉnh sửa bài; các nhóm khác rút kinh nghiệm để chuẩn bị cho phần thuyết trình. | A2.2  A2.3 |
| Buổi 20 | Thuyết trình- Nghiên cứu phong tục của một tộc điển hình vùng núi miền Nam- Nghiên cứu tín ngưỡng của một tộc điển hình vùng núi miền Bắc | CO1,CO2,CO5 | **Dạy**: Nghe và nhận định về bài thuyết trình, điều chỉnh những thông tin chưa chính xác, cập nhật những thông tin còn thiếu.  **Học ở lớp**: Nhóm trình bày, các nhóm khác nghe và nêu thắc mắc về đề tài, nhóm trình bày có nhiệm vụ giải đáp  **Học ở nhà**: Nhóm thuyết trình chỉnh sửa bài; các nhóm khác rút kinh nghiệm để chuẩn bị cho phần thuyết trình. | A2.2  A2.3 |
| Buổi 21 | Thuyết trình- Nghiên cứu tín ngưỡng của một tộc điển hình vùng Tây nguyên - Nghiên cứu Lễ hội của một tộc điển hình vùng núi miền Bắc Trung Bộ | CO1,CO2,CO5 | **Dạy**: Nghe và nhận định về bài thuyết trình, điều chỉnh những thông tin chưa chính xác, cập nhật những thông tin còn thiếu.  **Học ở lớp**: Nhóm trình bày, các nhóm khác nghe và nêu thắc mắc về đề tài, nhóm trình bày có nhiệm vụ giải đáp  **Học ở nhà**: Nhóm thuyết trình chỉnh sửa bài; các nhóm khác rút kinh nghiệm để chuẩn bị cho phần thuyết trình. | A2.2  A2.3 |
| Buổi 22 | Thuyết trình- Nghiên cứu Lễ hội của một tộc điển hình vùng núi miền Tây Nam Bộ.- Rút kinh nghiệm trong nghiên cứu và ứng dụng kiến thức vào một chủ đề thực tiễn khi giới thiệu văn hóa cho khách du lịch. | CO3, CO5 | **Dạy**: Nghe và nhận định về bài thuyết trình, điều chỉnh những thông tin chưa chính xác, cập nhật những thông tin còn thiếu.  **Học ở lớp**: Nhóm trình bày, các nhóm khác nghe và nêu thắc mắc về đề tài, nhóm trình bày có nhiệm vụ giải đáp  **Học ở nhà**: Nhóm thuyết trình chỉnh sửa bài; các nhóm khác rút kinh nghiệm để chuẩn bị cho phần thuyết trình. | A2.2  A2.3 |
| Buổi 30 | Ôn tập | CO1 – CO5 | **Dạy**: khái quát những nội dung đã học và cho câu hỏi ôn tập  **Học ở lớp**: Ghi chép, nêu thắc mắc và trao đổi những gì chưa hiểu.  **Học ở nhà**: trả lời câu hỏi trong đề cương | A3 |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 5.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá [1]** | **CĐRMH (COx)**  **[2]** | **Tỷ lệ (%)**  **[3]** |
| A1.1 Trả lời câu hỏi trực tiếp để kiểm tra mức độ nhớ và hiểu.  A1.2 Trả lời câu hỏi liên quan đến kiến thức đã học.  A1.3 Nêu ví dụ minh họa cho phần học | CO1,CO2 | 10% |
| A2.1 Tóm tắt phần vừa học.  A2.2 Đọc giáo trình và trình bày ý chính.  A2.3 Thuyết trình bài tự nghiên cứu theo chủ đề cho trước. | CO3 – CO5 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1 – CO5 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

## - Sinh viên vắng trên 20% thời lượng của môn học sẽ không được tham gia thi cuối kỳ.

- Ngoài thời gian học trên lớp, người học phải tự học thêm ở nhà. Vận dụng những kiến thức được học ở lớp để có thể tự đọc thêm sách, và tự nghiên cứu tốt những loại sách được giảng viên giới thiệu.

- Thực hành bài nghiên cứu liên quan đến môn học với sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn nhằm thực tập ứng dụng các phương pháp nghiên cứu đã học vào một đề tài cụ thể do giảng viên yêu cầu. Qua đó, học viên biết cách mở sách, đọc sách, truy tìm tài liệu, xử lý tài liệu và hệ thống hóa vấn đề.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính, Việt Nam phong tục, NXB Văn học, 2017

2. Leopold Cadiere, Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt (3 tập), dịch giả: Đỗ Trinh Huệ, NXB. Thuận Hóa, 11/2015

3. Thạch Phương – Lê Trung Vũ, 60 lễ hội truyền thống Việt Nam, NXB. Tổng hợp TP.HCM, 2015

## 9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

1. Bảng, phấn hoặc bút lông.
2. Máy chiếu.
3. Laptop.

*Đồng Nai, ngày .... tháng ..... năm 2018*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126045 – THUYẾT MINH TẠI ĐIỂM ĐẾN>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Thuyết minh tại điểm đến |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Destinations guide |
| Mã môn học: | 126045 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Du lịch |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Vũ Đức Cường  Email: cuongvd@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 30 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 0 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Môn học này giúp sinh viên hiểu được các yêu cầu cần có của một người hướng dẫn viên du lịch, các khái niệm, quy trình và các phương pháp hướng dẫn du lịch, cách giải quyết các tình huống thực tế phát sinh trong hướng dẫn du khách tại điểm đến du lịch

Bên cạnh đó, môn học này giúp sinh viên thực hành nghiệp vụ hướng dẫn khách tham quan tại điểm đến du lịch, tự tin hơn trong giao tiếp, khả năng nói, thuyết minh và làm chủ một vấn đề đang nói, có khả năng giải quyết được các tình huống cơ bản thường gặp khi hướng dẫn khách…

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về hướng dẫn tại điểm đến du lịch | ELO9 |
| CEO2: Hiểu được các phương pháp tổ chức hướng dẫn tại điểm đến du lịch | ELO9 |
| CEO3: Vận dụng các kiến thức, phương pháp để rèn luyện kỹ năng hướng tại điểm đến du lịch | ELO9 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO9) | Hiểu được những kiến thức cơ bản về hướng dẫn du lịch và địểm đển du lịch | T |
| CO2 (ELO9) | Hiểu được quy trình và phương pháp hướng dẫn tại điểm du lịch | T |
| CO3 (ELO9) | Sử dụng ngôn ngữ hiệu quả trong hướng dẫn du lịch tại điểm | T,U |
| CO4 (ELO9) | Vận dụng kiến thức, phương pháp để hướng dẫn du lịch tại điểm có hiệu quả | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2****tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HƯỚNG DẪN DU LỊCH TẠI ĐIỂM**  **1.1. Du lịch**  1.1.1 Lịch sử ngành du lịch  1.1.2 Những nội dung cơ bản về công ty du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | **1.2. Hướng dẫn du lịch**  1.2.1 Lịch sử nghề hướng dẫn du lịch  2.2.2 Phân loại hướng dẫn viên du lịch  1.2.3. Hướng đẫn du lịch tại điểm | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **1.3. Những phẩm chất của hướng dẫn viên du lịch**  1.3.1 Phẩm chất chính trị  1.3.2 Phẩm chất cá nhân  **1.4. Điểm đến du lịch** | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | **CHƯƠNG 2: QUI TRÌNH; PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN DU LỊCH TẠI ĐIỂM**  **2.1. Qui trình**  2.1.1 Qui trình đón khách | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 2.1.2 Qui trình thực hiện chương trình  2.1.3 Qui trình tiễn và sau tiễn | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | **2.2. Các phương pháp hướng dẫn du lịch**  2.2.1 Phương pháp chung | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 2.2.1 Các phương pháp đặc biệt | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | **CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG NGÔN NGỮ TRONG HƯỚNG DẪN DU LỊCH TẠI ĐIỂM**  **3.1. Những vấn đề cơ bản của ngôn ngữ HDDL**  3.1.1 Ngôn ngữ có lời | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 3.1.2 Ngôn ngữ không lời | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | **3.2. Phương pháp sử dụng ngôn ngữ**  3.2.1 Theo chương trình | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | 3.2.2 Theo tính chất | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | **CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ TÌNH HUỐNG TRONG HƯỚNG DẪN DU LỊCH TẠI ĐIỂM**  **4.1. Các nguyên tắc**  4.1.1 Nguyên tắc chung | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 4.1.2 Nguyên tắc đặc thù | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | **4.2. Các phương pháp**  4.2.1 Trong chương trình | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 4.2.2 Thực tế theo tình huống | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | *CO1, CO2,CO3, CO4* | *10%* |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | *,CO3,CO4* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | *CO2,CO3, CO4* | *60%* |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Đinh Trung Kiên (2008), [*Nghiệp vụ Hướng Dẫn Du lịch*](http://thuvien.vanlanguni.edu.vn/component/content/article/69-sach/29852-nghiep-vu-huong-dan-du-lich-01?Itemid=363)*,* NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Văn Quảng, (2007), *Để trở thành người hướng dẫn viên du lịch giỏi*, NXB Trẻ

[2].<http://vietnamtourism.gov.vn/dmdocuments/VTOS2013TourGuidingVN.pdf> - VTOS, Tiêu chuẩn nghề Hướng dẫn du lịch

[3].<http://vietnamtourism.gov.vn/dmdocuments/VTOS2013OnsiteTourGuidingVN.pdf> - VTOS, Tiêu chuẩn nghề Thuyết minh du lịch

[4].<https://www.facebook.com/groups/169566599744287/?fref=nf> – Facebook

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126030 – DU LỊCH BỀN VỮNG>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Du lịch bền vững |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Sustainable Tourism |
| Mã môn học: | 126030 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| Giảng viên phụ trách: | NCS. Lưu Tiến Dũng  Email: [dunglt@lhu.edu.vn](mailto:dunglt@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trần Thị Thu Hiền  Email: hienttt@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: |  |
| Môn học trước: |  |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đạo tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung: khái quát về du lịch bền vững; nguyên tắc và chính sách phát triển du lịch bền vững; đánh giá tính bền vững của du lịch; phát triển bền vững một số loại hình du lịch.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Biết các kiến thức cơ bản và nâng cao về du lịch bền vững, quản lý du lịch bền vững. | EL04 |
| CEO2: Vận dụng kiến thức tổ chức, điều hành hoạt động của doanh nghiệp du lịch theo hướng bền vững. | EL04 |
| CEO3: Tổ chức kinh doanh các mô hình du lịch bền vững. | EL04 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (EL04) | Hiểu biết các nội dung cơ bản về du lịch bền vững | T |
| CO2 (EL04) | Đánh giá tính bền vững của du lịch và các tiêu chuẩn du lịch bền vững | T |
| CO3 (EL04) | Chính sách và mô hình phát triển du lịch bền vững | T |
| CO4 (EL04) | Phát triển bền vững một số loại hình du lịch | T |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH BỀN VỮNG**  1.1 Khái niệm  1.2 Ý nghĩa của du lịch bền vững  1.3 Các bên tham gia phát triển du lịch bền vững | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.2, 1.3 cho điểm cộng (10%) |
| 2 | **CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA DU LỊCH VÀ CÁC TIÊU CHUẨN DU LỊCH BỀN VỮNG**  2.1 Đánh giá tính bền vững của du lịch  2.2 Các tiêu chuẩn du lịch bền vững | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.1 và 2.2, 2.3 cho điểm cộng (30%) |
| 3 | **CHƯƠNG 3: CHÍNH SÁCH VÀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG**  3.1 Chính sách phát triển du lịch bền vững  3.2 Mô hình phát triển bền vững ở một số điểm đến du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | **CHƯƠNG 4: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG MỘT SỐ LOẠI HÌNH DU LỊCH**  4.1 Du lịch bền vững | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 4.2 Du lịch cộng đồng | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | 4.3 Du lịch bền vững ở một số vùng sinh thái nhạy cảm | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. 2014. Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.

Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương. 2008. Quản trị kinh doanh khách sạn. Hà Nội: NXB. ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.

John Swar Brooke. 1999. Sustainable Tourism Management. Cabi.

*Đồng Nai, ngày .... tháng ..... năm 2018*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126043 – TÂM LÝ VÀ NGHỆ THUẬT GIAO TIẾP,**

**ỨNG XỬ TRONG KINH DOANH DU LỊCH>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp,ứng xử trong kinh doanh du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Psychology and protocol, behavior in business trave |
| Mã môn học: | 126043 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ sở ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Lưu Tiến Dũng  Email: luutiendung@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 3 |
| Lý thuyết: | 45 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 0 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong du lịch là bộ môn quan trọng nhằm trang bị cho người học một số kiến thức tổng hợp về sự nảy sinh, quá trình hình thành và phát triển cũng như cơ chế hình thành tâm lý, các hiện tượng tâm lý của du khách trong quá trình du lịch, các nguyên tắc ứng xử và giao tiêp trong du lịch.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về tâm lý học | ELO4 |
| CEO2: Hiểu được quá trình hình thành, diễn biến và kết thúc của tâm lý khách du lịch | ELO4 |
| CEO3: Hiểu và vận dụng được những nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong du lịch | ELO4 |
| CEO4: Vận dụng các nội dung trongtâm lý để điều khiển hành vi, đạo đức của bản thân và quản lý nhân sự trong cuộc sống và công việc | ELO4 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO4) | Hiểu về các kiến thức cơ bản về tâm lý học | T |
| CO2 (ELO4) | Hiểu và phân tích được tâm lý khách du lịch | T |
| CO3 (ELO4) | Vận dụng được những phương pháp và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch | T,U |
| CO4 (ELO4) | Vận dụng được những kiến thức tâm lý trong việc xây dựng phong cách, đạo đức và phẩm chất nghề nghiệp của lao động du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÂM LÝ HỌC**  1.1. Vài nét về sự hình thành và phát triển cảu tâm lý học xã hội | CO1 | Dạy: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  Học ở lớp:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  Học ở nhà:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.2. Các hiện tượng tâm lý cơ bản và một số khái niệm quan trọng của tâm lý học | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | 1.3. Ảnh hưởng của một số hiện tượng tâm lý xã hội và các quý luật tâm lý trong du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 1.4. Vai trò của tâm lý học - xã hội trong du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 1.5. Vận dụng phương pháp nghiên cứu tâm lý xã hội trong du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | **CHƯƠNG 2: TÂM LÝ KHÁCH DU LỊCH**  2.1. Hành vi của người tiêu dùng du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 2.2. Các nhu cầu của khách du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 2.3. Sở thích và tâm trạng của khách du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 2.4. Những nét đặc trưng trong tâm lý của khách du lịch (tiếp) | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 2.4. Những nét đặc trưng trong tâm lý của khách du lịch  (tiếp) | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | 2.4. Những nét đặc trưng trong tâm lý của khách du lịch (tiếp) | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 2.4. Những nét đặc trưng trong tâm lý của khách du lịch (tiếp) | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | **CHƯƠNG 3: GIAO TIẾP TRONG DU LỊCH**  3.1. Lý luận cơ bản về giao tiếp | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 3.2. Quan hệ giữa người phục vụ và người tiêu dùng du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 3.3. Các hoạt động giao tiếp khác trong du lịch 4 | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 3.3. Các hoạt động giao tiếp khác trong du lịch  (tiếp) | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | **CHƯƠNG 4: YÊU CẦU PHẨM CHẤT CỦA LAO ĐỘNG DU LỊCH**  4.1. Khái quát chung về lao động trong du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 4.2. Đặc điểm lao động của nhân viên du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 4.3. Vấn đề đạo đức nghề nghiệp và tuyển chọn lao động trong du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | 4.3. Vấn đề đạo đức nghề nghiệp và tuyển chọn lao động trong du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 21  (5tiết) | Thực tế doanh nghiệp | CO8 | Ứng dụng các kiến thức đã học vào tìm hiểu thực tiễn | **A2.19**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Nguyễn Thị Thanh Hằng (1997). Tâm lý học đại cương. TP. Hồ Chí Minh, NXB TP Hồ Chí Minh.

[2]. Lê Thị Hoa (2009). Tâm lý học quản lý. TP. Hồ Chí Minh, NXB ĐHQG TP Hồ Chí Minh.

[3]. Nguyễn Quang Uẩn (2001). Tâm lý học đại cương, Hà Nội, NXB ĐHQG Hà Nội.

**Tài liệu tham khảo**

[1]. A.G. Côvaliốp (1971). Tâm lý học cá nhân (Tập I,II, Sách dịch). Hà Nội, NXB Giáo Dục.

[2]. B.R. Hergenhanh (2004). Nhập môn lịch sử tâm lý học (Sách dịch). Hà Nội, NXB Thống kê.

[3]. Phan Thị Kim Ngân (2012), Giáo trình tâm lý học đại cương, Hà Nội, NXB Hồng Đức.

[4]. Nguyễn Văn Mạnh (2012). Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp,ứng xử trong kinh doanh du lịch, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

*Đồng Nai, ngày .... tháng ..... năm 2018*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126005 – ĐỊA LÝ DU LỊCH>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Địa lý du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Geographic of tourism |
| Mã môn học: | 126005 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ sở ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Lưu Tiến Dũng  Email: luutiendung@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Địa lý du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về du lịch, quá trình hình thành và phát triển ngành du lịch, các điều kiện phát triển du lịch, công tác tổ chức lãnh thổ du lịch, cách phân vùng du lịch và các vùng du lịch ở Việt Nam.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về du lịch và địa lý du lịch | ELO4 |
| CEO2: Hiểu được các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch | ELO4 |
| CEO3: Hiểu được những yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ du lịch như: cầu, điểm đến, giao thông vận tải… | ELO4 |
| CO4: Hiểu được nguồn lực phát triển và các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch ở Việt Nam | ELO4 |
| CEO5: Vận dụng các nội dung trongđịa lý du lịch để tìm hiểu, khai thác các vùng du lịch ở nước ta | ELO4 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO4) | Hiểu được những kiến thức cơ bản về du lịch và địa lý du lịch | T |
| CO2 (ELO4) | Hiểu được các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch | T |
| CO3 (ELO4) | Hiểu được nội dung về cầu và điểm đến du lịch | T |
| CO4 (ELO4) | Hiểu được nội dung về dòng khách và hệ thống giao thông vận tải trong du lịch | T |
| CO5 (ELO4) | Phân tích được cơ sở của hoạt động tổ chức lãnh thổ ở Việt Nam | T,U |
| CO6 (ELO4) | Vận dụng được cơ sở lý luận của tổ chức lãnh thổ để khai thác thế mạnh và tạo sản phẩm du lịch của các vùng du lịch của đất nước | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: LỊCH SỬ HÌNH THÀNH , PHÁT TRIỂN VÀ VAI TRÒ CỦA ĐỊA LÝ DU LỊCH**  1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của địa lý du lịch  1.2. Đối tượng nhiệm vụ của địa lý du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.3. Các phương pháp nghiên cứu địa lý du lịch  1.4. Vai trò của địa lý du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH**  2. 1. Những vấn đề cơ bản về tổ chức lãnh thổ du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 2. 2. Các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | **CHƯƠNG 3: ĐỊA LÝ CẦU VÀ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH**  3.1. Cầu du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | 3.2. Điểm đến du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | **CHƯƠNG 4: ĐỊA LÝ DÒNG KHÁCH VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  4.1. Địa lý các dòng khách | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 4.1. Địa lý các dòng khách (tiếp) | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 4.2. Địa lý giao thông vận tải du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | **CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH Ở VIỆT NAM**  5.1. Nguồn lực phát triển du lịch Việt Nam | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | 5.1. Nguồn lực phát triển du lịch Việt Nam | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 5.2. Các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch ở Việt Nam | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | **CHƯƠNG 6: CÁC VÙNG DU LỊCH Ở VIỆT NAM**  6.1. Vùng du lịch Bắc Bộ | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 6.1. Vùng du lịch Bắc Bộ (tiếp) | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 6.1. Vùng du lịch Bắc Bộ (tiếp) | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 6.2. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | 6.2. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 6.3. Vùng du lịch Tây Nguyên | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 6.4. Vùng du lịch Đông Nam Bộ | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | 6.5. Vùng du lịch Tây Nam Bộ | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 21  (5tiết) | Thực tế doanh nghiệp | CO6 | Ứng dụng các kiến thức đã học vào tìm hiểu thực tiễn | **A2.19**  - Đưa những tình huống . Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5, CO6 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Minh Tuệ và nnk (2013), Địa lý du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội

[2]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (2008), Quy hoạch du lịch quốc gia và vùng, Khoa Du lịch, Viện Đại học Mở Hà Nội

[3]. Trần Đức Thanh (2017), Giáo trình Địa lý du lịch, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

*Đồng Nai, ngày .... tháng ..... năm 2018*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<125062 – TIN HỌC ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Tin học ứng dụng trong du lịch kinh tế |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Application information technology  in Economic Studies |
| Mã môn học: | **125062** |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Phương pháp NCKH |
| Giảng viên phụ trách: | TS. PHAN THÀNH TÂM  Email: phthtam74@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | TS. Phan Thành Tâm  Email: phthtam74@gmail.com |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: |  |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về áp dụng phần mềm thống kê SPSS, Excel nâng cao trong nghiên cứu các vấn đề du lịch, dịch vụ và lữ hành. Viết thuyết minh kết quả và đưa ra các hàm ý chính sách từ kết quả ứng dụng nghiên cứu trong quản trị du lịch, dịch vụ và lữ hành.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Sử dụng thành thạo phần mềm SPSS và Excel nâng cao trong xử lý dữ liệu nghiên cứu | EL03 |
| CEO2: Phân tích kết quả từ dữ liệu được phân tích | EL03, EL09 |
| CEO3: Kết nối các chính sách kinh tế, quản trị từ kết quả phân tích dữ liệu | EL09 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (EL03) | Hiểu rõ về phần mềm SPSS và Excel nâng cao | T |
| CO2 (EL09) | Nắm rõ các loại thang đo nghiên cứu và mã hóa thang đo | T |
| CO3 (EL03) | Nắm rõ việc mã hóa và nhập liệu | T |
| CO4 (EL03) | Nắm rõ các thao tác thực hiện đối với tập dữ liệu | T |
| CO5 (EL03) | Nắm rõ nội dung phân tích dữ liệu | T |
| CO6 (EL03) | Nắm rõ các phép tính thống kê, mô tả | T |
| CO7 (EL03) | Nắm rõ các phép kiểm định thống kê, phân tích nhân tố, phân tích hồi quy | T |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
|  | **CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM SPSS**  1.1 Giới thiệu về qui trình thu thập và xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1 cho điểm cộng (10%) |
| 1 | 1.2 Phương pháp thu thập thông tin đối với các nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn;  1.3 Ý nghĩa của phần mềm SPSS trong phân tích, xử lý, lưu trữ dữ liệu thống kê. | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.2, 1.3 cho điểm cộng (10%) |
|  | **CHƯƠNG 2: CÁC LOẠI DỮ LIỆU VÀ THANG ĐO**  2.1 Khái niệm về dữ liệu, biến và thang đo  2.2 Phân loại dữ liệu  2.3 Phân loại thang đo | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục cho điểm cộng (30%) |
| 2 | 2.4 Mối quan hệ giữa các loại dữ liệu  2.5 Mối liên hệ giữa dữ liệu và thang đo | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về các mục cho điểm cộng (30%) |
| 3 | 2.6 Phân loại biến trên bảng câu hỏi  2.7 Xử lý câu hỏi mở | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
|  | 2.8 Cách khởi tạo biến trên SPSS.  2.9 Xử lý giá trị khuyết của dữ liệu.  2.10 Cách khởi tạo biến Multiple | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | **CHƯƠNG 3: MÃ HÓA VÀ NHẬP LIỆU**  3.1 Nguyên tắc mã hóa dữ liệu  3.2 Xác định cấu trúc của dữ liệu  3.3 Xác lập bảng danh bảng mã hóa | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
|  | 3.4 Tiến hành mã hóa biến trên SPSS và Excel nâng cao | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những bài tập thực hành tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 3.5 Mục đích của việc mã lại biến  3.6 Kiểm tra dữ liệu nhập vào để làm sạch dữ liệu | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những bài tập thực hành tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
|  | 3.7 Cách tìm và sửa dữ liệu nhập sai | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những bài tập thực hành tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.8** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | **CHƯƠNG 4: CÁC THAO TÁC TRÊN BIẾN VÀ DỮ LIỆU**  4.1 Nhập dữ liệu trên SPSS và Excel nâng cao  4.2 Tìm và sửa dữ liệu sai sau khi nhập liệu  4.3 Lọc dữ liệu  4.4 Khởi tạo biến từ những biến đã có bằng các lệnh (Compute, Recode) | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những bài tập thực hành tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.9** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 4.5 Chuyển đổi dữ liệu  4.6 Tách và nối dữ liệu  4.7 Lấy dữ liệu từ phần mềm khác về SPSS và chuyển dữ liệu SPSS qua phần mềm khác. | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những bài tập thực hành tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | **CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU**  5.1 Mục đích của việc phân tích dữ liệu.  5.2 Bản chất của phân tích thông kê | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
|  | 5.3 Lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp với đề tài nghiên cứu | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | **CHƯƠNG 6: THỐNG KÊ MÔ TẢ**  6.1 Vai trò của phân tích thống kê mô tả trong nghiên cứu khoa học.  6.2 Những đại lượng thống kê mô tả thường được sử dụng  6.3 Lập bảng phân phối tần suất.  6.4 Lập bảng tổng hợp nhiều biến. | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những bài tập thực hành tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 6.5 Lập bảng phân tích một biến định tính và một biến định lượng  6.6 Lập bảng hai biến định tính và một biến định lượng  6.7 Lập bảng phân tích mối liên hệ giữa hai và ba biến định tính.  6.8 Lập bảng phân tích mối liên hệ khi có biến Multiple. | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những bài tập thực hành tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | **CHƯƠNG 7: KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT**  7.1 Mục đích, ý nghĩa của kiểm định  7.2 Kiểm định mối liên hệ hai biến định tính | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những bài tập thực hành tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 7.3 Kiểm định sự phân phối một mẫu  7.4 Kiểm định trung bình của 1 tổng thể. | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 7.5 Kiểm định trung bình của hai tông thể.  7.6 Kiểm định trung bình nhiều tổng thể. | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.15** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.17** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 7.7 Kiểm định chất lượng thang đo các khái niệm nghiên cứu | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.16** Đưa những bài tập thực hành tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.18** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
|  | 7.8 Phân tích nhân tố khám phá | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.17** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.19** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 7.9 Phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính  7.10 Ma trận Phân tích tương quan  7.11 Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.18** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.20** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO3, C04, CO5,CO6, CO7 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO3, C04, CO5,CO6, CO7 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Đỗ Văn Thắng và Phan Thành Huân (2012), Giáo trình: Sử dụng phần mềm SPSS. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS: dùng với SPSS các phiên bản 11.5, 13, 14, 15, 16. Tập 1. Tp. HCM: NXB Hồng Đức.

Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2014). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS: dùng với SPSS các phiên bản 11.5, 13, 14, 15, 16. Tập 2. Tp. HCM: NXB Hồng Đức.

*Đồng Nai, ngày .... tháng ..... năm 2018*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126046 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 1>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Tiếng Hàn cho du lịch 1 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Korean for Tourism 1 |
| Mã môn học: | 126046 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Nguyễn Hoàng Kim Ngân  Email: hoangngan65@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Nguyễn Hoàng Kim Ngân  Email: hoangngan65@gmail.com |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn |
| Môn học tiên quyết: | 0 |
| Môn học trước: | 0 |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bảng chữ Hangeul, cách ghép chữ, viết chữ đúng trật tự. Kết thúc học phần 1 sinh viên được phải nắm vững bảng chữ cái, cách ghép chữ và được trang bị khoảng 60 từ vựng mới. Trong quá trình học, học viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu và nắm vững bảng chữ cái | ELO3 |
| CEO2: Hiểu rõ các từ vựng,đọc, nghe và hiểu được những mẫu hội thoại tiếng Hàn ở mức độ tiền sơ cấp | ELO3 |
| CEO3: Nhận biết và phân biệt được âm tiết, ngữ điệu trong tiếng Hàn | ELO3 |
| CEO4: Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để giới thiệu bản thân, nghề nghiệp | ELO3 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | Hiểu được bảng chữ cái Hàn Quốc | T |
| CO2 (ELO3) | Hiểu được cách chào hỏi với người Hàn Quốc | T |
| CO3 (ELO3) | Hiểu được ngữ pháp Tiếng Hàn | T,U |
| CO4 (ELO3) | Hiểu và sử dụng tiếng Hàn sơ cấp trong giao tiếp du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(4tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | Nhập môn tiếng Hàn  Bảng chữ Hangeul | CO1 | -Nghiên cứu trước:  +Học thuộc bảng chữ  + Ôn tập các nguyên tắc đọc | **A1.1** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 2 | **제 1 과: 인사. Bài 1: Chào hỏi**  1.1  Tên bài:안녕하십니까?  Hoạt động chính: 이름말하기  Từ vựng:이름trang 6  Ngữ pháp: 입니다, 은/는 trang 4 | CO1 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.2** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 3 | 1.2  Tên bài:어느나라사람입니까?  Hoạt động chính: 국적말하기  Từ vựng:나라이름 trang 9  Ngữ pháp: 입니까? trang 10 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 4 | 1.3  Tên bài:회사원이아닙니다.  Hoạt động chính: 직업말하기  Từ vựng:직업이름 trang 15  Ngữ pháp: 이/가아니다. trang 16 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 5 | 1.4  Tên bài:반갑습니다  Hoạt động chính: 인사나누기  Từ vựng:동사 1 trang 21  Ngữ pháp: -습니다. -습니까? trang 22 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.4** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 6 | 1.5  Tên bài:정리해봅시다trang 26~29  Hoạt động chính: Ôn tập.  Nghe CD1: 13 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.5** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 7 | **제2과: 학교와집**  2.1  Tên bài:이것이교과서입니까?  Hoạt động chính: 물건이름말하기  Từ vựng:물건이름trang 33  Ngữ pháp: 이/가, 이, 그, 저 34 | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.6** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 8 | 2.2  Tên bài:지도도있습니까?  Hoạt động chính: 교실물건말하기  Từ vựng:교실물건이름, 형용사 1 trang 41, 42  Ngữ pháp: 도, 있다, 없다. Trang 43 | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.7** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 9 | 2.3  Tên bài:은행이어디에있습니까?  Hoạt động chính: 학교시설물위치말하기  Từ vựng:장소명사, 위치관련어휘trang 49, 50  Ngữ pháp: -에1 trang 51 | CO3 | Chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ, tự ôn tập | **A1.8** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 10 | 2.4  Tên bài:집이어디입니까?  Hoạt động chính: 집위치말하기  Từ vựng:장소이름trang 56  Ngữ pháp: 하고trang 57 | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.9** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 11 | **제 3 과: 가족과친구**  3.1  Tên bài:가족사진을봅니다  Hoạt động chính: 지금하고있는일말하기  Từ vựng:동사 2 trang 71  Ngữ pháp: 을/를trang 72 | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.10** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 12  **(1tiết)** | 3.2  Tên bài:부모님은어디에계십니까?  Hoạt động chính: 가족소개하기  Từ vựng:가족명칭, 존재어휘, 수 1 (하나 ~ 열) trang 77 ~ 80  Ngữ pháp: -(으)시trang 81 | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.11** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO2,CO3,CO4 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1] 연세한국어 1-1, YONSEI KOREAN 1-1 (English Version)연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007 [Tiếng Hàn 1-1 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007.]

[2] 연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version)연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007. [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007].

*Đồng Nai, ngày .... tháng ..... năm 2018*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126050 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 1>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Tiếng Nhật du lịch 1 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Japannish for Tourism 1 |
| Mã môn học: | 126050 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Nguyễn Thị Như Thường  Email: thuongntn@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Như Thường  Email: thuongntn@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn |
| Môn học tiên quyết: | 0 |
| Môn học trước: | 0 |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Học phần bao gồm bảng chữ Kana và 3 bài ( từ bài 1- bài 3) của sách Minna no nihongo shokyu I. Mỗi bài là một tình huống giao tiếp thực tế ở Nhật Bản nên qua bài học SV có thể nắm được cách giao tiếp với người Nhật; sử dụng từ vựng trong bài để chào hỏi người Nhật.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Đọc được tiếng Nhật, hiểu văn hóa ứng xử của người Nhật. | ELO3 |
| CEO2: Hiểu rõ các từ vựng được sử dụng trong các tình huống đơn giản của xã hội Nhật Bản. | ELO3 |
| CEO3:Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong giao tiếp | ELO3 |
| CEO4: Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để giới thiệu bản thân, nghề nghiệp | ELO3 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | Hiểu được cách chào hỏi với người Nhật | T |
| CO2 (ELO3) | Hiểu được bảng chữ cái Nhật Bản | T |
| CO3 (ELO3) | Hiểu được ngữ pháp Tiếng Nhật | T,U |
| CO4 (ELO3) | Hiểu và sử dụng tiếng Nhật sơ cấp trong giao tiếp du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(4tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | Giới thiều môn học, đề cương môn học.  Giới thiệu sơ qua nước Nhật.  Cách chào hỏi với người Nhật  Kanamoji  あ～た | CO1 | -Nghiên cứu trước:  +Học thuộc bảng chữ  + Ôn tập các nguyên tắc đọc | **A1.1** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 2 | **Ôn bảng chữ**  あ～た  Học chữ cái  な～ん | CO1 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.2** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **Ôn bảng chữ**  あ～た  Học chữ cái  な～ん  Giới thiệu bảng chữ Katakana  Hướng dẫn cách viết chữ Katakana | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 4 | **Ôn bảng chữ**  あ～た  Học chữ cái  な～ん  Giới thiệu bảng chữ Katakana  Hướng dẫn cách viết chữ Katakana | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 5 | **Ôn tập bảng chữ Hiragana**  **Katakana.**  **Nguyên tắc đọc tiếng Nhật** | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.4** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 6 | **Ôn tập cách đọc tiếng Nhật**  **Đọc từ vựng bài 1**  **Ngữ pháp bài 1** | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.5** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 7 | **Ngữ pháp bài 1 ( tiếp theo)**  **Renshu B 5,6,7** | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.6** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 8 | **Sửa bài tập mondai**  **Luyện nói**  **Renshu C** | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.7** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 9 | **Kiểm tra giữa kì** | CO3 | Chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ, tự ôn tập | **A1.8** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 10 | **Ôn tập ngữ pháp bài 1**  **Đọc từ vựng bài 2**  **Ngữ pháp bài 2** | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.9** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 11 | **Ngữ pháp bài 2 ( tiếp theo)**  **Renshu B 5,6,7,8** | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.10** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 12  **(1tiết)** | **Ôn tập** | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.11** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO2,CO3,CO4 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Minna nonihongo shoukyu I (2004),[みんなの日本語初級I,スリーエーネットワーク、2002 I]、NXB 3A Corporationスリーエーネットワーク.

[2]. みんなの日本語初級I標準問題集 (2002)　１ (Minna no Nihongo Shokyu I hyojun mondaishu 1), (NXB 3A Corporation.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126037 – QUẢN TRỊ ĐA VĂN HÓA>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Quản trị đa văn hóa |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Cross Culture Management |
| Mã môn học: | 126037 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| Giảng viên phụ trách: | NCS. Lưu Tiến Dũng  Email: [dunglt@lhu.edu.vn](mailto:dunglt@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trần Thị Thu Hiền  Email: hienttt@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: |  |
| Môn học trước: |  |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Học phần trang bị kiến thức về văn hóa, quản trị đa văn hóa, các khía cạnh văn hóa và ảnh hưởng của văn háo đến kinh doanh dịch vụ du lịch; trang bị kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa kinh doanh du lịch, về văn hóa giao tiếp và đàm phán, sự khác biệt trong giao tiếp và đàm phán qua các nền văn hóa khác nhau; trang bị các kiến thức và kĩ năng để vượt qua sự khác biệt văn hóa trong môi trường kinh doanh dịch vụ du lịch.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Biết các kiến thức, kĩ năng cơ bản và nâng cao về văn hóa, quản trị đa văn hóa trong kinh doanh du lịch. | EL06 |
| CEO2: Vận dụng kiến thức tổ chức, điều hành hoạt động của doanh nghiệp du lịch dựa trên sự hiểu biết về văn hóa. | EL06 |
| CEO3: Kiến thức, kĩ năng giải quyết sự khác biệt về văn hóa trong kinh doanh du lịch. | EL06 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (EL06) | Hiểu biết các nội dung cơ bản về văn hóa và quản trị đa văn hóa | T |
| CO2 (EL06) | Văn hóa doanh nghiệp và văn hóa đa quốc gia | T |
| CO3 (EL06) | Phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa khác nhau | T |
| CO4 (EL06) | Giao tiếp và đàm phán thương mại qua các nền văn hóa khác nhau | T |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA VÀ QUẢN TRỊ ĐA VĂN HÓA**  1.1 Khái quát chung về văn hóa  1.2 Các khía cạnh văn hóa  1.3 Văn hóa kinh doanh của một số quốc gia  1.4 Ảnh hưởng của đa văn hóa đến kinh doanh du lịch  1.5 Quản trị đa văn háo | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 cho điểm cộng (10%) |
| 2 | **CHƯƠNG 2: VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VÀ VĂN HÓA ĐA QUỐC GIA**  2.1 Khái quát về văn hóa doanh nghiệp  2.2 Các mô hình văn hóa doanh nghiệp  2.3 Cơ cấu tổ chức và văn hóa điển hình ở một số quốc gia | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.1 và 2.2, 2.3 cho điểm cộng (30%) |
| 3 | **CHƯƠNG 3: PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO QUA CÁC NỀN VĂN HÓA**  3.1 Khái quát về lãnh đạo  3.2 Các phong cách lãnh đạo | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 3.2 Phong cách lãnh đạo ở một số quốc gia trên thế giới | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | **CHƯƠNG 4: GIAO TIẾP VÀ ĐÀM PHÁN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ QUA CÁC NỀN VĂN HÓA**  4.1 Giao tiếp và ảnh hưởng của văn hóa đến giao tiếp | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | 4.2 Đàm phán thương mại quốc tế và ảnh hưởng của văn hóa đến đàm phán thương mại quốc tế | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. 2014. Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.

Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương. 2008. Quản trị kinh doanh khách sạn. Hà Nội: NXB. ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.

Fred Luthans, Jonathan P.Doh. 2012. International Management - Culture Strategy and Behavior. USA: McGraw-Hill Irwin.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**< 126057 – VĂN HÓA ẨM THỰC>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | VĂN HÓA ẨM THỰC |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Culture of cuisine |
| Mã môn học: | 126057 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Lưu Tiến Dũng  Email: luutiendung@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Văn hóa ẩm thực là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức khái quát về văn hoá, văn hoá ẩm thực Việt Nam và một số nước trên thế giới. Kiến thức này được vận dụng cho xây dựng thực đơn cũng như trong tổ chức phục vụ ăn uống trong du lịch

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về văn hoá, văn hoá ẩm thực Việt Nam | ELO4 |
| CEO2: Hiểu được những kiến thức cơ bản về văn hoá, văn hoá ẩm thực các nước trên thế giới | ELO4 |
| CEO3: Phân tích được sự ảnh hưởng của văn hóa đến ẩm thực | ELO4 |
| CEO4: Vận dụng cho xây dựng thực đơn cũng như trong tổ chức phục vụ ăn uống trong du lịch | ELO4 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO4) | Hiểu được khái quát chung về các nền văn hoá,văn hoá ẩm thực lớn trên Thế giới | T |
| CO2 (ELO4) | Hiểu được văn hoá ẩm thực Việt Nam | T |
| CO3 (ELO4) | Hiểu và vận dụng phục vụ được văn hóa ẩm thực cho số nền văn hoá ẩm thực quan trọng đối với du lịch Việt Nam | T,U |
| CO4 (ELO4) | Vận dụng được kiến thức về văn hóa ẩm thực đối với tôn giáo | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **Chương 1: Khái quát chung về các nền văn hoá,văn hoá ẩm thực lớn trên Thế giới**  1.1. Khái quát chung về các nền văn hoá lớn trên thế giới | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.2. Khái quát về văn hoá ẩm thực | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | 1.3. Ẩm thực trong xu hướng hội nhập | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | **Chương 2: Văn hoá ẩm thực Việt Nam**  2.1. Khái quát về văn hóa Việt Nam | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 2.2. Văn hoá ẩm thực Việt Nam | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | 2.2. Văn hoá ẩm thực Việt Nam | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | **Chương 3: Một số nền văn hoá ẩm thực quan trọng đối với du lịch Việt Nam**  3.1. Trung Quốc | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 3.1. Trung Quốc | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 3.2. Nhật Bản | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 3.2. Nhật Bản | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | 3.3. Hàn Quốc | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 3.4. Các nước Đông Nam Á | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 3.4. Các nước Đông Nam Á | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 3.5. Các nước khu vực Tây Á | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 3.5. Các nước khu vực Tây Á | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 3.6. Các nước khu vực Tây Âu | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | 3.6. Các nước khu vực Tây Âu | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 3.7. Mỹ | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 3.8. Nga | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | **Chương 4: Ẩm thực và tôn giáo**  4.1. Khái quát chung | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 21 | 4.2. Một số hình thức ẩm thực tôn giáo | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.19**  - Đưa những tình huống . Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 22  (3tiết) | 4.2. Một số hình thức ẩm thực tôn giáo | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.20**  - Đưa những tình huống . Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | *CO1, CO2,CO3, CO4* | *10%* |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | *CO2,CO3,CO4* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | *CO1, CO2,CO3, CO4* | *60%* |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Nguyệt Cầm (2008), *Giáo trình Văn hóa ẩm thực,* NXB Hà Nội

[2]. Nguyễn Thị Diệu Thảo (2007), *Giáo trình Văn hóa ẩm thực Việt Nam,* NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.

[3].Trần Quốc Vượng, Nguyễn Thị Bảy (2010) - *Văn Hóa Ẩm Thực Việt Nam - Nhìn Từ Lý Luận Và Thực Tiễn*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126034 – MARKETING DU LỊCH>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Marketing du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Marketing in Tourism |
| Mã môn học: | 126034 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trần Thị Thu Hiền  Email: hienttt@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 tiết |
| Bài tập: | 30 |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Marketing du lịch được giảng dạy nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu trong nghệ thuật Marketing đối với khách du lịch, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các chiến lược nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về Marketing trong du lịch | ELO6 |
| CEO2: Hiểu được những kiến thức cơ bản về Marketing hỗn hợp trong du lịch | ELO6 |
| CEO3: Hiểu được các chiến lược marketing tron g du lịch | ELO6 |
| CEO4: Hiểu được các công cụ Marketing trong du lịch | ELO6 |
| CEO5: Vận dụng được các công cụ Marketing trong du lịch | ELO6 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO6) | Hiểu về các kiến thức cơ bản về marketing trong du lịch | T |
| CO2 (ELO6) | Hiểu về các kiến thức cơ bản về marketing hỗn hợp trong du lịch | T |
| CO3 (ELO6) | Hiểu và vận dụng được các chiến lược Marketing trong du lịch | T,U |
| CO4 (ELO6) | Hiểu được công cụ Marketing trong du lịch | T |
| CO5 (ELO6) | Vận dụng được công cụ Marketing trong du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MARKETING TRONG DU LỊCH**  1.1. Tổng quan về du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.2. Tổng quan về Marketing du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ, cho điểm cộng (10%) |
| 3 | 1.3. Tổng quan về Marketing trong du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 1.4. Các yếu tốt ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 1.5. Hành vi mua hàng trong du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | **CHƯƠNG 2. MARKETING HỖN HỢP TRONG DU LỊCH** | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 2.1. Marketing hỗn hợp trong du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 2.2. Phân khúc thị trường trong du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 2.3. Sản phẩm trong du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 2.4. Vai trò của giá trong Marketing hỗn hợp | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | **CHƯƠNG 3: CHIẾN LƯỢC MARKETING TRONG DU LỊCH**  3.1. Định hướng Marketing | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 3.2. Tam giác Marketing dịch vụ | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 3.3. Chiến lược cạnh tranh | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 3.4. Chuỗi giá trị | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 3.5. Định vị trong thị trường | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | **CHƯƠNG 4. CÔNG CỤ MARKETING TRONG DU LỊCH**  4.1. Quảng cáo và truyền thông | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | 4.2. Khuyến mãi | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 4.3. Brochures và các in ấn phẩm | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 4.4. Kênh phân phối trong du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | 4.5. Marketing du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 21 | **CHƯƠNG 5. SỬ DỤNG CÔNG CỤ MARKETING TRONG DU LỊCH**  5.1. Marketing điểm đến du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.19**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 22 | 5.2. Marketing điểm tham quan | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.20**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 23  (1tiết) | 5.3. Marketing chương trình du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.21**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

Victor Middleton (2001), Marketing in Travel and Tourism, Oxford.

Scott McCabe (2009), Marketing Communications in Tourism and Hospitality – Concepts, Strategies and Cases, Oxford.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

# <126038 –QUẢN TRỊ DỰ ÁN DU LỊCH>

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Quản trị dự án du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Tourism project management |
| Mã môn học: | 126038 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Trương Lê Hoàng  Email: hoangtl@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Vũ Minh Nguyệt  Email: nguyetvm@lhu.edu.vn  ThS. Trương Lê Hoàng  Email: hoangtl@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về quản trị dự án du lịch: các phương pháp xây dựng ngân lưu, thẩm định dự án du lịch, quản lý dự án du lịch theo thời gian, cân đối nguồn lực khi thực hiện dự án du lịch,… qua đó nhận thức tầm quan trọng của việc quản trị dự án trong ngành du lịch và biết vận dụng những kiến thức môn học vào công việc và cuộc sống.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu các kiến thức cơ bản, những nội dung chủ yếu trong quản trị dự án du lịch. | ELO7 |
| CEO2: Xây dựng ngân lưu cho dự án và thẩm định dự án đầu tư trong ngành du lịch. | ELO7 |
| CEO3: Quản lý dự án du lịch theo thời gian bằng sơ đồ Gantt và sơ đồ mạng, phân bổ và cân đối nguồn lực cho dự án. | ELO7 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO7) | Hiểu về các kiến thức cơ bản trong quản trị dự án du lịch | T |
| CO2 (ELO7) | Hiểu về thiết lập dự án đầu tư ngành du lịch | T |
| CO3 (EL7) | Hiểu về thẩm định dự án đầu tư ngành du lịch | U |
| CO4 (ELO7) | Hiểu về thẩm định tài chính dự án đầu tư ngành du lịch trong điều kiện có lạm phát | U |
| CO5 (ELO7) | Biết cách xác định quy mô và thời thời điểm đầu tư torng ngành du lịch | T |
| CO6 (ELO7) | Vận dụng được cách quản lý thời gian thực hiện dự án du lịch | T,U |
| CO7 (ELO7) | Vận dụng quản lý việc bố trí và điều hòa nguồn nhân lực thực hiện dự án du lịch. | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DỰ ÁN DU LỊCH**  1.1 Một số khái niệm cơ bản về quản trị dự án du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1 cho điểm cộng (10%) |
| 2 | 1.2 Phương pháp xây dựng báo cáo ngân lưu  1.3 Giá trị của tiền tệ theo thời gian | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.2 và 1.3 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2: THIẾT LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG NGÀNH DU LỊCH**  2.1 Vai trò và yêu cầu của một dự án đầu tư ngành du lịch  2.2 Các giai đoạn triển khai và thực hiện một dự án đầu tư | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.3** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.1 và 2.2 cho điểm cộng (10%) |
| 4 | 2.3 Bố cục của một dự án du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn ví dụ vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.4** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.3 và điểm cộng (10%) |
| 5 | 2.4 Nghiên cứu một số nội dung chính của một dự án du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | **CHƯƠNG 3: THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGÀNH DU LỊCH**  3.1 Tổng quan về thẩm định dự án đầu tư ngành du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.5** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 3.1 và điểm cộng (10%) |
| 7 | 3.2 Thẩm định tài chính của dự án du lịch 3.3 Phân tích điểm hòa vốn | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 3.4 Thẩm định đầu tư theo các quan điểm khác nhau 3.5 Lựa chọn dự án | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và lấy ví dụ thực tiễn  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | **CHƯƠNG 4: THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN DU LỊCH TRONG ĐIỀU KIỆN CÓ LẠM PHÁT**  4.1 Tác động của lạm phát đối với việc thẩm định dự án đầu tư  4.2 Phương pháp xử lý lạm phát trong thẩm định dự án đầu tư trong ngành du lịch  4.3 Ví dụ minh hoạ | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.4**  - Đưa những bài tập tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 4.4 Phân tích rủi ro dự án du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.5**  - Đưa những bài tập tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | **CHƯƠNG 5: XÁC ĐỊNH QUY MÔ VÀ THỜI ĐIỂM ĐẦU TƯ**  5.1 Xác định quy mô đầu tư | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 5.2 Xác định thời điểm đầu tư | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | **CHƯƠNG 6: QUẢN LÝ THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN DU LỊCH**  6.1 Phương pháp sơ đồ Gantt | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 6.2 Phương pháp sơ đồ mạng CPM 6.3 Phương pháp sơ đồ mạng PERT | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.8**  Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 6.4 Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 6.5 Bố trí sử dụng nguồn lực thực hiện dự án du lịch 6.6 Điều hòa nguồn lực thực hiện dự án du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | **CHƯƠNG 7: MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA PHẦN MỀM MICROSOFT PROJECT TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN DU LỊCH**  **7.1 Xây dựng biểu đồ Gantt và PERT** | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 7.2 Phân bổ nguồn lực cho các công việc | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | Ôn tập |  | **Dạy**: Giải đáp, nêu các lỗi thường gặp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng | **A2.13**  - Đưa những bài tập tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO2,CO3 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5, CO6, CO7 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO2,CO3, CO6 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1] Nguyễn Văn Dung, Quản trị dự án hiện đại, NXB Tài chính, 2010.

[2] Nguyễn Văn Dung, Bài tập và bài giải quản trị dự án hiện đại, NXB Tài chính, 2010.

[3] Nguyễn Văn Dung, Quản trị đầu tư nhà hàng khách sạn, NXB Giao thông vận tải, 2011.

[4] [Nguyễn Văn Mạnh](https://lib.lhu.edu.vn/SearchResult/1/0/2/BK/Nguy%E1%BB%85n-V%C4%83n-M%E1%BA%A1nh), [Hoàng Thị Lan Hương](https://lib.lhu.edu.vn/SearchResult/1/0/2/BK/Ho%C3%A0ng-Th%E1%BB%8B-Lan-H%C6%B0%C6%A1ng), Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2013.

[5] [Nguyễn Xuân Thuỷ](https://lib.lhu.edu.vn/SearchResult/1/0/2/BK/Nguy%E1%BB%85n-Xu%C3%A2n-Thu%E1%BB%B7), Quản trị Dự án đầu tư, NXB Chính trị quốc gia, 1999.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Nguyễn Văn Dung, Quản trị dự án hiện đại, NXB Tài chính, 2010.

[2] Nguyễn Văn Dung, Quản trị đầu tư nhà hàng khách sạn, NXB Giao thông vận tải, 2011.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126008 – KINH TẾ DU LỊCH>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Kinh tế du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Economic tourism |
| Mã môn học: | 126008 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ sở ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Lưu Tiến Dũng  Email: luutiendung@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Môn học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về du lịch như các khái niệm về du lịch, lịch sử hình thành và phát triển của du lịch, những điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động đi du lịch của con người cũng như các hoạt động kinh doanh của con người, các điều kiện để phát triển du lịch , thời vụ du lịch và các nhân tố như cơ sở vật chất kỹ thuật, con người, đánh giá hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp du lịch.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về du lịch và sản phẩm du lịch | ELO4 |
| CEO2: Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển ngành du lịch | ELO4 |
| CEO3: Hiểu được những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ngành du lịch | ELO5 |
| CO4: Hiểu được công tác quy hoạch phát triển du lịch ở nước ta | ELO5 |
| CEO5: Vận dụng các nội dung trongkinh tế du lịch để tạo sản phẩm, quản lý doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả kinh tế trong kinh doanh du lịch | ELO5 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO4) | Hiểu được những kiến thức cơ bản và sản phẩm du lịch | T |
| CO2 (ELO4) | Hiểu được lịch sử hình thành và xu hướng cũng như tác động của du lịch | T |
| CO3 (ELO4) | Hiểu được nội dung về cầu và điểm đến du lịch | T |
| CO4 (ELO5) | Hiểu và phân tích được nội dung về lịch sử và nhu cầu trong du lịch | T,U |
| CO5 (ELO5) | Phân tích được điều kiện để phát triên du lịch | T,U |
| CO6 (ELO5) | Phân tích được đặc điểm cơ bản của lao động trong du lịch | T,U |
| CO7 (ELO5) | Hiểu và phân tích được vai trò và yêu cầu đối với cơ sở vật chất trong du lịch | T,U |
| CO8 (ELO5) | Vận dụng được nội dung vào công tác quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch | T,U |
| CO9 (ELO5) | Vận dụng được nội dung vào công tác đánh giá hiệu quả kinh tế trong kinh doanh du lịch | T,U |
| CO10(ELO5) | Vận dụng được cơ sở lý luận về kinh tế du lịch ứng dụng vào công tác quy hoạch du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | CHƯƠNG **1: SƠ LƯỢC MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ DU LỊCH**  1.1. Một số khái niệm về du lịch, khách du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.2. Sản phẩm du lịch và các đặc trưng | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | CHƯƠNG **2: LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ TÁC ĐỘNG KINH TẾ XÃ HỘI CỦA DU LỊCH**  2.1. Lịch sử hình thành và sự phát triển du lịch  2.2. Xu hướng phát triển của du lịch thế giới | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 2.3. Các tác động kinh tế- xã hội của du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 2.3. Các tác động kinh tế- xã hội của du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | CHƯƠNG **3: NHU CẦU, LOẠI HÌNH VÀ CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH DU LỊCH**  3.1. Nhu cầu du lịch  3.2. Các loại hình du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 3.3. Các lĩnh vực kinh doanh trong du lịch  3.4. Công nghiệp du lịch và các ngành kinh doanh trong du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | CHƯƠNG **4: ĐIỀU KIỆN ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**  4.1. Điều kiện chung | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 4.2. Các điều kiện đặc trưng | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 4.2. Các điều kiện đặc trưng | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | CHƯƠNG **5: TÍNH THỜI VỤ CỦA DU LỊCH**  5.1. Khái niệm  5.2. Các đặc điểm của thời vụ du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 5.3. Các nhận tố tác động đến thời vụ du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 5.4. Một số phương hướng và biện pháp làm giảm các tác động bất lợi của tính thời vụ trong du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | CHƯƠNG **6: LAO ĐỘNG TRONG DU LỊCH**  6.1. Vai trò và đặc trưng của nguồn nhân lực trong du lịch  6.2. Quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 6.3. Quản lý phát triển nguồn nhân lực ở doanh nghiệp du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | **CHƯƠNG 7: CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT CỦA DU LỊCH**  7.1. Khái niệm và vai trò của cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch  7.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch  7.3. Yêu cầu đối với cơ sở vật chất kĩ thuật công nghiệp du lịch | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | 7.4. Đánh giá cơ sở vật chất kĩ thuật công nghiệp du lịch  7.5. Xu hướng phát triển cơ sở vật chất kĩ thuật công nghiệp du lịch | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | **CHƯƠNG 8: CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ DU LỊCH**  8.1. Dịch vụ du lịch  8.2. Chất lượng dịch vụ du lịch | CO8 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 8.3. Quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch | CO8 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | **CHƯƠNG 9: HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DU LỊCH**  9.1. Hiệu quả và phân loại hiệu quả  9.2. Hiệu quả kinh tế của du lịch | CO9 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 21 | 9.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả của du lịch | CO9 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.19**  - Đưa những tình huống . Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 22  (3tiết) | **CHƯƠNG 10: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH**  10.1. Những vấn đề chung về quy hoạch và phát triển du lịch 10.2. Một số vấn đề cơ bản về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch | CO9 | Ứng dụng các kiến thức đã học vào tìm hiểu thực tiễn | **A2.20**  - Đưa những tình huống . Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4,CO5,CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4,CO5,CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Minh Tuệ và nnk (2013), Địa lý du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội

[2]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (2008), Quy hoạch du lịch quốc gia và vùng, Khoa Du lịch, Viện Đại học Mở Hà Nội

[3]. Trần Đức Thanh (2017), Giáo trình Địa lý du lịch, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126012 – LUẬT DU LỊCH>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Luật du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Tourism Law |
| Mã môn học: | 126012 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Luật kinh tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Huỳnh Thị Như Hiếu  Email: hieuhtn@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Huỳnh Thị Như Hiếu  Email: hieuhtn@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Pháp luật đại cương. |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Luật du lịch là môn khoa học pháp lý chuyên ngành. Luật du lịch nghiên cứu các quy định cơ bản và cần thiết về quyền lợi, nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, xúc tiến du lịch và hợp tác du lịch, vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch và hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những kiến thức lý luận cơ bản về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch | ELO5 |
| CEO2: Hiểu được sự cần thiết của quản lý nhà nước đối với lĩnh vực du lịch; các nguyên tắc và chính sách quản lý nhà nước về du lịch | ELO5 |
| CEO3: Hiểu được các loại hình kinh doanh du lịch; xúc tiến du lịch; vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch và hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch | ELO5 |
| CEO4: Phân tích được quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động du lịch | ELO5 |
| CEO5: Vận dụng các nội dung vào thực tiễn giải quyết các vấn đề lý thuyết liên quan, tham gia quản lý kinh doanh du lịch và quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch. | ELO5 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO5) | Hiểu về các kiến thức cơ bản về du lịch và đối tượng áp dụng luật du lịch | T |
| CO2 (ELO5) | Hiểu đươc công tác quản lý nhà nước, nội dung quản lý nhà nước về du lịch và các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch | T |
| CO3 (ELO5) | Hiểu được các khái niệm cơ bản về khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch và đô thị du lịch | T |
| CO4 (ELO5) | Hiểu được khái niệm khách du lịch, quyền và nghĩa vụ của khách du lịch cũng như công tác đảm bảo an toàn cho khách du lịch | T,U |
| CO5 (ELO5) | Phân tích được quyền, nghĩa vụ chung của tổ chức, cá nhân kinh doanh các lĩnh vực trong du lịch | T,U |
| CO6 (ELO5) | Hiểu được công tác xúc tiến và hơp tác quốc tế về du lịch | T |
| CO7 (ELO5) | Vận dụng được những quy đinh trong luật du lich để xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch và điều khiển hành vi trong kinh doanh du lịch | U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ LUẬT DU LỊCH**  1.1.Du lịch và vị trí của hoạt động du lịch  1.2.Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và vai trò của luật du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.3.Đặc trưng của luật du lịch  1.4.Tài nguyên du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH**  2.1. Khái niệm quản lý nhà nước và quản lý nhà nước về du lịch  2.2. Các nguyên tắc và chính sách quản lý nhà nước về du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 2.3. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch  2.4. Các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | **CHƯƠNG 3: KHU DU LỊCH, ĐIỂM DU LỊCH, TUYẾN DU LỊCH VÀ ĐÔ THỊ DU LỊCH**  3.1. Khu du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | 3.2. Điểm du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 3.3. Tuyến du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 3.4. Đô thị du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | **CHƯƠNG 4: KHÁCH DU LỊCH**  4.1. Khái niệm khách du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 4.2. Quyền và nghĩa vụ của khách du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | 4.3. Đảm bảo an toàn cho khách du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | **CHƯƠNG 5: HƯỚNG DẪN DU LỊCH**  5.1. Khái niệm hướng dẫn du lịch và hướng dẫn viên du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 5.2. Điều kiện hành nghề và tiêu chuẩn cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch  5.3. Thủ tục cấp, đổi, cấp lại, thu hồi thẻ hướng dẫn viên | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 5.4. Quyền và nghĩa vụ của hướng dẫn viên  5.5. Những điều cấm hướng dẫn viên không được làm | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | **CHƯƠNG 6: KINH DOANH DU LỊCH**  6.1. Khái niệm, ngành nghề kinh doanh du lịch và quyền, nghĩa vụ chung của tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch  6.2. Kinh doanh lữ hành | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 6.3. Kinh doanh vận chuyển khách du lịch  6.4. Kinh doanh lưu trú du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | 6.5. Kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch  6.6. Kinh doanh dịch vụ du lịch trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | **CHƯƠNG 7: XÚC TIẾN DU LỊCH VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ DU LỊCH**  7.1. Xúc tiến du lịch | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 7.2. Hợp tác quốc tế về du lịch | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.15** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.17** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | **CHƯƠNG 8: XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH**  8.1. Khái niệm vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch và các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động du lịch | CO8 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 21 | 8.2. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động du lịch | CO8 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.19**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 22 | 8.3. Thẩm quyền, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động du lịch | CO8 | **Dạy**: Giải đáp, nêu các lỗi thường gặp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng | **A2.20**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6, CO7, CO8 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO6,CO7, CO8 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6, CO7, CO8 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

Hoàng Anh (2006). Tìm hiểu pháp luật: Luật du lịch Việt Nam. Đồng Nai, NXB Đồng Nai.

Trịnh Xuân Dũng , Nguyễn Hữu Viện (2001). Luật kinh doanh du lịch. Hà Nội, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

Luật du lịch Việt Nam 2005. Hà Nội, NXB Chính trị quốc gia

**Tài liệu tham khảo**

Đình Trung Kiên (2001), Nghiệp vụ hướng dẫn Du lịch, Hà Nội, NXB Đại học quốc gia.

G. Cazes, R. Lanquar (2000), Quy hoạch Du Lịch, Hà Nội, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

Nghị định số 92/2007/NĐ-CP, quy định chi tiết một số điều của Luật du lịch – 01/06/2007.

Nghị định số 16/2012/NĐ-CP ngày 12/03/2012 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126047 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 2>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Tiếng Hàn cho du lịch 2 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Korean for Tourist 2 |
| Mã môn học: | 126047 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Nguyễn Hoàng Kim Ngân  Email: hoangngan65@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Nguyễn Hoàng Kim Ngân  Email: hoangngan65@gmail.com |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | 0 |
| Môn học trước: | 0 |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ sơ cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như gia đình, ăn uống, giờ giấc... Trong quá trình học, sinh viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Đọc được những tình huống giao tiếp tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp | ELO3 |
| CEO2: Biết sử dụng đúng mẫu câu tiếng Hàn trong giao tiếp căn bản | ELO3 |
| CEO3: Nghe và trả lời được những tình huống hỏi đáp theo gợi ý của giảng viên | ELO3 |
| CEO4: Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp để sử dụng đúng mẫu câu tiếng Hàn trong giao tiếp căn bản | ELO3 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | Đọc được những tình huống giao tiếp tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp | T |
| CO2 (ELO3) | Nghe và trả lời được những tình huống hỏi đáp theo gợi ý của giảng viên | T |
| CO3 (ELO3) | Hiểu được ngữ pháp Tiếng Hàn, sử dụng đúng mẫu câu tiếng Hàn trong giao tiếp căn bản | T,U |
| CO4 (ELO3) | Hiểu và sử dụng tiếng Hàn trong giao tiếp du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(4tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | Ôn tập lại  3.3공기도좋고조용합니다.  Hoạt động chính: 고향에관해말하기  Từ vựng:형용사2 trang 87  Ngữ pháp: -고. trang 88 | CO1 | -Nghiên cứu trước:  +Học thuộc bảng chữ  + Ôn tập các nguyên tắc đọc | **A1.1** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 2 | 3.4대학교에서경제학을공부합니다.  Hoạt động chính: 친구에관해말하기  Từ vựng:전공관련어위 trang 93  Ngữ pháp: 에서 trang 94 | CO1 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.2** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 3 | 3.5 정리해봅시다trang 98~103  Hoạt động chính: Ôn tập.  Luyện nghe CD1: 33 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 4 | **제4과: 음식**  4.1식당에갑니다  Hoạt động chính: 삭당에가기  Từ vựng:가다,오다,식당관련어휘trang 107, 108  Ngữ pháp: 에가다, -을까요?, -읍시다 trang 109 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 5 | 4.2무슨음식을좋아하십니까?  Hoạt động chính: 좋아하는음식말하기  Từ vựng:음식종류,맛관련어휘 trang 115, 116  Ngữ pháp: -지않다,무슨, ㄹ동사 trang 117, 118 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.4** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 6 | 4.3저는불고기를먹고싶습니다.  Hoạt động chính: 음식고르고권하기  Từ vựng:음식이름trang 123  Ngữ pháp: -고싶다, -겠- trang 124, 125 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.5** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 7 | 4.4여기물좀주십시오  Hoạt động chính: 음식주문하기  Từ vựng:수2 (일-십), 음식관련단위명사trang 131  Ngữ pháp: -으십시오-, -을까요? Trang 132, 133  4.5 정리해봅시다trang 138~141 | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.6** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 8 | **제5과: 하루생활**  5.1지금몇시예요?  Hoạt động chính: 시간말하기  Từ vựng:수3, 시간 trang 145, 146  Ngữ pháp: 까지, -어요 trang 147, 148 | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.7** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 9 | 5.2오늘이몇월며칠이에요?  Hoạt động chính: 날짜와요일말하기  Từ vựng:날짜,요일trang 153  Ngữ pháp: -지요?, -으세요 trang 154, 155 | CO4 | Chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ, tự ôn tập | **A1.8** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 10 | 5.3일곱시반에일아나요  Hoạt động chính: 하루생활말하기  Từ vựng:동사3 trang 161  Ngữ pháp: 에,부타~까지, -고 trang 162, 163 | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.9** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 11 | 5.4친구하고무엇을했어요?  Hoạt động chính: 과거시제(행동)말하기  Từ vựng: 시간관련어휘 trang 169  Ngữ pháp: -었-, ㅂ동사 trang 171, 172 | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.10** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 12  **(1tiết)** | 5.5 정리해봅시다trang 176~181  Hoạt động chính: Ôn tập. | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.11** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO2,CO3,CO4 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1] 연세한국어 1-1, YONSEI KOREAN 1-1 (English Version)연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007 [Tiếng Hàn 1-1 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007.]

[2] 연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version)연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007. [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007].

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126051 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 2>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Tiếng Nhật du lịch 2 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Japannish for Tourism 2 |
| Mã môn học: | 126051 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Nguyễn Thị Như Thường  Email: thuongntn@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Như Thường  Email: thuongntn@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | 0 |
| Môn học trước: | 0 |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học giúp sinh viên có thể đọc được tiếng Nhật và biết cách chào hỏi, giới thiệu bản thân. Biết sử dụng động từ và viết câu trong tiếng Nhật. Mỗi bài là một tình huống giao tiếp thực tế ở Nhật Bản nên qua bài học SV có thể nắm được cách giao tiếp với người Nhật; sử dụng từ vựng trong bài để chào hỏi người Nhật.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Đọc được tiếng Nhật, hiểu văn hóa ứng xử của người Nhật. | ELO3 |
| CEO2: Hiểu rõ các từ vựng được sử dụng trong các tình huống đơn giản của xã hội Nhật Bản. | ELO3 |
| CEO3:Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong giao tiếp | ELO3 |
| CEO4: Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để giới thiệu bản thân, nghề nghiệp | ELO3 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | Hiểu được cách chào hỏi với người Nhật | T |
| CO2 (ELO3) | Hiểu được ngữ pháp Tiếng Nhật | T,U |
| CO3 (ELO3) | Hiểu và sử dụng tiếng Nhật sơ cấp trong giao tiếp du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(4tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | Ôn tập ngữ pháp bài 1-bài 3  Ngữ pháp bài 4 | CO1 | -Nghiên cứu trước:  +Học thuộc bảng chữ  + Ôn tập các nguyên tắc đọc | **A1.1** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 2 | Ngữ pháp bài 4(tt)  Renshu B 4,5,6 | CO1 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.2** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 3 | Ngữ pháp bài 4( tt)  Hướng dẫn làm bài mondai | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 4 | Sửa bài mondai  Luyện tập renshu C  Nghe bài 4 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 5 | Đọc từ vựng bài 5  Ngữ pháp bài 5 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.4** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 6 | Ngữ pháp bài 5(tt)  Hướng dẫn làm bài mondai  Renshu C  Nghe bài 5 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.5** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 7 | Sửa bài mondai 5  Đọc từ vựng bài 6  Ngữ pháp bài 6 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.6** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 8 | Ngữ pháp bài 6 (tt)  Hướng dẫn làm bài tập mondai | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.7** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 9 | Sửa bài tập mondai  Renshu C  Nghe bài 6 | CO2 | Chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ, tự ôn tập từ | **A1.8** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 10 | Từ vựng bài 7  Ngữ pháp bài 7 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.9** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 11 | Ngữ pháp bài 7  Hướng dẫn làm mondai  Sửa bài mondai  Nghe bài 7 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.10** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 12  (1 tiết) | Luyện tập renshu C  Ôn tập cuối kì | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.11** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO2,CO3 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO1,CO2,CO3 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1,CO2,CO3 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Minna nonihongo shoukyu I 2004),[みんなの日本語初級I,スリーエーネットワーク、2002 I]、NXB 3A Corporationスリーエーネットワーク.

[2]. みんなの日本語初級I標準問題集 (2002)　１ (Minna no Nihongo Shokyu I hyojun mondaishu 1), NXB 3A Corporation.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**< 125021– QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Quản trị nguồn nhân lực |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Human resource management |
| Mã môn học: | 125021 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | NCS. Lưu Ngọc Liêm  Email: liemln@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Hoàng Thị Thanh Chung  Email: chunghtt@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: |  |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học Quản trị nguồn nhân lực cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò, chức năng, các hoạt động chủ yếu của quản trị nhân lực và các quan hệ lao động trong tổ chức.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Trang bị cho sinh viên các ngành quản tri kinh doanh, kinh tế, tài chính, kế toán… kiến thức về quản trị nguồn nhân lực (Human resource management) nhằm giúp các nhà quản trị tương lai nắm vững các nguyên tắc, kỹ năng, nghệ thuật quản lý nguồn nhân sự - tài nguyên quý giá nhất của doanh nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu các kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực | ELO5 |
| CEO2: Nắm bắt được chức năng, vai trò của quản trị nguồn nhân lực, những nội dung chủ yếu trong công tác quản trị quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp | ELO8 |
| CEO3: Vận dụng các nội dung trong quản trị quản trị nguồn nhân lực nhằm áp dụng trong việc tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân viên đồng thời đánh giá năng lực của từng nhân viên để có chính sách duy trì nguồn nhân lực hợp lý trong doanh nghiệp | ELO10 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO5) | Hiểu về các kiến thức cơ bản của quản trị nguồn nhân lực | T |
| CO2 (ELO5) | Hiểu về công tác hoạch định nguồn nhân lực | T |
| CO3 (ELO8) | Biết cách phân tích công việc cho từng vị trí | T,U |
| CO4 (ELO8) | Biết cách tuyển dụng nguồn nhân lực | T,U |
| CO5 (ELO8) | Tìm hiểu các phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực | T,U |
| CO6 (ELO8) | Đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên | T,U |
| CO7 (ELO10) | Biết các phương pháp trả công lao động cho phù hợp | T,U |
| CO8 (ELO9) | Biết được quan hệ lao động trong doanh nghiệp | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC**  1.1. Khái niệm, vai trò của quản trị nguồn nhân lực  1.2. Mục tiêu của quản trị nguồn nhân lực | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1 và 1.2 cho điểm cộng (10%) |
| 2 | 1.3. Các chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực  1.4. Nhiệm vụ của Quản trị Nguồn nhân lực  1.5. Những nguyên tắc cơ bản trong việc quản trị nguồn nhân lực | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.3. 1.4, 1.5 cho điểm cộng (10%)  **A3.1** Đưa những câu hỏi ôn tập của chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2: HOẠCH ĐỊNH NGUỒN NHÂN LỰC**  2.1. Khái niệm  2.2. Quá trình hoạch định nguồn nhân lực  2.3. Phương pháp hoạch định nguồn nhân lực | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.3** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.1; 2.2;2.3, cho điểm cộng (10%)  **A2.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.4; 2.5,  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%) |
| 4 | 2.4. Phân tích hiện trạng quản trị nguồn nhân lực  2.5. Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huốn vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.4; 2.5,  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%)  **A3.2** Đưa những câu hỏi ôn tập của chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 5 | **CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC**  3.1. Khái niệm và ý nghĩa phân tích công việc  3.2. Những thông tin cần thu thập trong phân tích công việc | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.4** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 3.1; 3.2 cho điểm cộng (10%)  **A2.3** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 3.1; 3.2  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%) |
| 6 | 3.3. Nội dung và trình tự phân tích công việc  3.4. Các phương pháp thu thập thông tin phân tích công việc | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.4** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 3.3; 3.4;3.5  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%)  **A3.3** Đưa những câu hỏi ôn tập của chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 7 | **CHƯƠNG 4: HOẠT ĐỘNG TUYỂN DỤNG**  4.1. Khái niệm  4.2. Xác định nguồn thu hút ứng viên | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.5** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 4.1; 4.2 cho điểm cộng (10%) |
| 8 | 4.3. Nội dung, trình tự của quá trình tuyển dụng | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.5** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 4.3  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%) |
| 9 | 4.3. Nội dung, trình tự của quá trình (tiếp theo) | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.6** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 4.3  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%) |
| 10 | 4.4. Các hình thức tuyển dụng nhân sự | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.7** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 4.3  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%)  **A3.4** Đưa những câu hỏi ôn tập của chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 11 | **CHƯƠNG 5: ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC**  5.1. Mục đích của việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực  5.2. Khái niệm về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 5.3. Phương pháp đào tạo | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.6** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 5.1; 5.2 ; 5.3 cho điểm cộng (10%) |
| 12 | 5.4. Quy trình đào tạo  5.5. Đánh giá hiệu quả đào tạo | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.6**  Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 5.4; 5.5  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%)  **A3.5** Đưa những câu hỏi ôn tập của chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 13 | **CHƯƠNG 6: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC**  6.1. Khái niệm, mục đích  6.2. Nội dung, trình tự thực hiện | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.7**  Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 6.1; 6.2 cho điểm cộng (10%) |
| 14 | 6.3. Phương pháp đánh giá kết quả thực hiện công việc | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.7**  Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 6.3; 6.4  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%) |
| 15 | 6.3. Phương pháp đánh giá kết quả thực hiện công việc (tiếp theo) |  | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.8**  Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 6.3;  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%) |
| 16 | 6.4. Nâng cao hiệu quả đánh giá nhân viên |  | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A3.6** Đưa những câu hỏi ôn tập của chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 17 | **CHƯƠNG 7: TRẢ CÔNG LAO ĐỘNG**  7.1. Khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến tiền lương  7.2. Cơ cấu thu nhập  7.3. Mục tiêu của hệ thống tiền lương | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.8**  Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 7.1; 7.2 cho điểm cộng (10%) |
| 18 | 7.4. Các hình thức trả lương  7.5. Nội dung, trình tự xây dựng bảng lương tổng quát trong các doanh nghiệp | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.9** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 5.4; 5.5  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%)  **A3.7** Đưa những câu hỏi ôn tập của chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 19 | **CHƯƠNG 8: QUAN HỆ LAO ĐỘNG**  8.1. Khái niệm quan hệ lao động  8.2. Thỏa ước lao động tập thể | CO8 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A1.9** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 8.1; 8.2 cho điểm cộng (10%) |
| 20 | 8.3. Tranh chấp lao động  8.4. Công nhân viên tham gia quản lý doanh nghiệp  8.5. Tìm hiểu, quan điểm, mức độ thõa mãn của nhân viên | CO8 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.10** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 5.4; 5.5  cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%)  **A3.8** Đưa những câu hỏi ôn tập của chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 21 | BÀI TẬP | CO3,CO4  CO5,CO6,CO7 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A3.9** Đưa những bài tập tình huống của các chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 22 | ÔN TẬP | CO3,CO4  CO5,CO6,CO7,CO8 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A3.10** Đưa những câu hỏi ôn tập, bài tập tình huống của các chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO8 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5,CO6,CO7 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5,CO6,CO7 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

* + Trần Kim Dung, “Quản trị nguồn nhân lực”, nhà xuất bản Thống Kê, 2009 tái bản lần thứ 7.
  + Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An, “Quản trị nguồn nhân lực”, nhà xuất bản Thống Kê, 2008.
  + Hương Huy, “Quản trị nguồn nhân lực – tập 1”, nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2007.
  + Hương Huy, “Quản trị nguồn nhân lực – tập 2”, nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2008.

Nguyễn Thanh Hội, “Quản trị nhân sự”, nhà xuất bản Thống Kê, 2002, tái bản lần 3.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<125022 – QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KHỦNG HOẢNG>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Quản trị rủi ro và khủng hoảng |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Risk and Crisis Management |
| Mã môn học: | 125022 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Vũ Minh Nguyệt  Email: nguyetvm@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trương Lê Hoàng  Email: hoangtl@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: |  |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Rủi ro là một vấn đề luôn xảy ra trong mọi hoạt động, từ hoạt động trong kinh doanh đến các hoạt động trong đời sống hằng ngày. Quản trị rủi ro là hành động không thể thiếu đối với các doanh nghiệp, giúp hoạt động của doanh nghiệp được duy trì, ổn định và giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra. Môn học quản trị rủi ro trình bày các vấn đề như: nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, tài trợ rủi ro nhằm giúp người học có thể xếp loại rủi ro và giảm thiểu rủi ro về tài chính, về giá và đầu tư.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu các kiến thức cơ bản về rủi ro và khủng hoảng, nhận diện được các vấn đề có yếu tố rủi ro, khủng hoảng trong hoạt động thương mại trong và ngoài nước | ELO4 |
| CEO2: Đo lường và phân tích các rủi ro và khủng hoảng trong doanh nghiệp | ELO5 |
| CEO3: Vận dụng các nội dung trong quản trị rủi ro và khủng hoảng nhằm đưa ra các cách thức để kiểm soát rủi ro, khủng hoảng và các giải pháp tài trợ cho rủi ro và khủng hoảng | ELO5 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO4) | Hiểu về các kiến thức cơ bản của rủi ro và khủng hoảng | T |
| CO2 (ELO4) | Hiểu về các yếu tố của một rủi ro, khủng hoảng | T |
| CO3 (ELO5) | Nhận dạng được các rủi ro và khủng hoảng của một vấn đề, sự việc | T,U |
| CO4 (ELO5) | Biết cách nhìn nhận rủi ro và khủng hoảng trong hoạt động thương mại | T |
| CO5 (ELO5) | Có khả năng đo lường các ảnh hưởng của rủi ro và khủng hoảng trong doanh nghiệp | T,U |
| CO6 (ELO5) | Phân tích các yếu tố giúp kiểm soát rủi ro và khủng hoảng | T,U |
| CO7 (ELO5) | Phân tích các rủi ro và khủng hoảng cần thiết tài trợ và cách thức tài trợ | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KHỦNG HOẢNG**  1.1 Giới thiệu chung  1.2 Khái niệm rủi ro, khủng hoảng | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1 và 1.2 cho điểm cộng (10%) |
| 2 | 1.3 Phân loại rủi ro và khủng hoảng  1.3.1 Rủi ro thuần túy và rủi ro suy đoán | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.3 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | 1.3.2 Rủi ro cơ bản và rủi ro cá biệt | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.3** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.3 cho điểm cộng (10%) |
| 4 | 1.4 Quản trị rủi ro tổ chức | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.4** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 5 | **CHƯƠNG 2: NHẬN DẠNG RỦI RO VÀ KHỦNG HOẢNG**  2.1 Giới thiệu chung các thành phần của rủi ro và khủng hoảng | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.5** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.1 cho điểm cộng (10%) |
| 6 | 2.2 Đối tượng của rủi ro và khủng hoảng | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.6** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.2 cho điểm cộng (10%) |
| 7 | 2.3 Nguồn gốc của rủi ro và khủng hoảng | CO2, CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.7** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.3 cho điểm cộng (10%) |
| 8 | 2.4 Phương pháp nhận dạng rủi ro và khủng hoảng  2.4.1 Phương pháp báo cáo tài chính | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn logic các phương pháp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.8** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.4 cho điểm cộng (10%) |
| 9 | 2.4.2 Phương pháp sơ đồ | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn logic các phương pháp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.9** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.4 cho điểm cộng (10%) |
| 10 | 2.4.3 Phương pháp thanh tra hiện trường | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn logic các phương pháp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.10** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.4 cho điểm cộng (10%) |
| 11 | 2.4.4 Phương pháp thông qua tư vấn 2.4.5 Phương pháp phân tích tổng hợp | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn logic các phương pháp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.11** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.4 cho điểm cộng (10%) |
| 12 | 2.4.6 Phương pháp nghiên cứu các số liệu thống kê | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn logic các phương pháp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.12** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.4 cho điểm cộng (10%) |
| 13 | **CHƯƠNG 3:**  **ĐO LƯỜNG RỦI RO VÀ KHỦNG HOẢNG**  3.1 Các khái niệm cơ bản | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.13** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 3.1 cho điểm cộng (10%) |
| 14 | 3.2 Phương pháp đo lường rủi ro  3.2.1 Thang đo ảnh hưởng | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A3.1** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 3.2.2 Thang đo khả năng xảy ra | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A3.2** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 3.2.3 Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A3.3** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | **CHƯƠNG 4:**  **KIỂM SOÁT RỦI RO VÀ KHỦNG HOẢNG**  4.1 Khái niệm  4.2 Chuỗi rủi ro và khủng hoảng | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A3.4** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 4.3 Các phương pháp về kiểm soát rủi ro và khủng hoảng  4.3.1 Phương pháp né tránh  4.3.2 Phương pháp ngăn ngừa tổn thất | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A3.5** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 4.3.3 Phương pháp giảm thiểu  4.3.3 Phương pháp chuyển giao | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A3.6** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | **CHƯƠNG 5: TÀI TRỢ RỦI RO VÀ KHỦNG HOẢNG**  5.1 Khái quát chung  5.2 Một số phương pháp tài trợ rủi ro và khủng hoảng | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.14** Đưa những câu hỏi nhỏ và bài tập cho điểm cộng (10%) |
| 21 | 5.2.1 Lưu giữ tổn thất  5.2.2 Chuyển giao bảo hiểm | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.15** Đưa những câu hỏi nhỏ và bài tập cho điểm cộng (10%) |
| 22 | Ôn tập (3 tiết) | CO3,CO4,CO5,CO6,  CO7 | **Dạy**: Giải đáp, nêu các lỗi thường gặp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng | **A2.15**  - Đưa những bài tập tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | *CO2,CO3,CO4,CO7* | *10%* |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | *CO5,CO6* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | *CO3,CO4,CO5,CO6,CO7* | *60%* |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

Nguyễn Quang Thu, Ngô Quang Huân, Võ Thị Quý, Trần Quang Trung, *Quản trị rủi ro*, NXB Giáo Dục, 1998.

Đoàn Thị Hồng Vân (2007), *Quản Trị Rủi Ro và Khủng Hoảng*, Nhà Xuất Bản Lao Động – Xã Hội.

Tập thể tác giả (2011), CEO Và Quản Trị Rủi Ro, Nhà Xuất Bản Thanh Niên.

**Tài liệu tham khảo**

David L.Olson & Desheng Dash Wu, *Enterprise Risk Management*, World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd, 2008.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126031 – KHỞI NGHIỆP VÀ ỨNG DỤNG TRONG DU LỊCH >**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Khởi nghiệp và ứng dụng trong du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Startup and entrepreneurship in Tourism |
| Mã môn học: | 126031 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | NCS. Lưu Ngọc Liêm  Email: liemln@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Phan Đặng Ngọc Yến Vân  Email: vanphan@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: |  |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học trang bị kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp và ứng dụng cho sinh viên đại học thuộc ngành quản trị kinh doanh: Môi trường kinh doanh, tố chất, kỹ năng cần có của chủ doanh nghiệp; các phương pháp lựa chọn ý tưởng kinh doanh, nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp; triển khai các hoạt động kinh doanh từ lý thuyết vào thực tiễn, đồng thời đánh giá những trách nhiệm và những rủi ro thường gặp của việc khởi nghiệp.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoc xong sinh viên phải có được kiến thức và kỹ năng phân tích, lựa chọn ý tưởng kinh doanh, biến những ý tưởng kinh doanh đó thành những cơ hội kinh doanh thực sự, từ đó lập kế hoạch khởi nghiệp và bắt đầu tiến hành kinh doanh; trang bị cho sinh viên những kỹ năng trình bày và bảo vệ một dự án kinh doanh. Giúp sinh viên có những kỹ năng nghiêu cứu và đánh giá các dự án kinh doanh, tính khả thi của một dự án kinh doanh

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu môi trường kinh doanh xung quan, những tố chất và kỹ năng cần có của các nhà khởi sự để tìm ra các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh | ELO6 |
| CEO2: Hiểu về quy trình lựa chọn, đánh giá các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh, hiểu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh khởi sự. | ELO7 |
| CEO3: Áp dụng vào trong hoạt động kinh doanh thực tiễn của mình (Hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh) | ELO10 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO6) | Hiểu môi trường kinh doanh xung quan, những tố chất và kỹ năng cần có của các nhà khởi sự để tìm ra các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh | T |
| CO2 (ELO7) | Hiểu về quy trình lựa chọn, đánh giá các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh, hiểu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh khởi sự. | T |
| CO3 (ELO10) | Áp dụng vào trong hoạt động kinh doanh thực tiễn của mình (Hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh) | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1:**  **TỔNG QUAN VỀ   KHỞI NGHIỆP VÀ ỨNG DỤNG**  1.1. Khái quát  về hoạt động kinh doanh | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1 cho điểm cộng (10%) |
| 2 | 1.2. Doanh nhân trong nền kinh tế thị trường  1.3. Nhà khởi nghiệp và chủ doanh nghiệp | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.2, 1.3 cho điểm cộng (10%)  **A3.1** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2:**  **CƠ HỘI KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH KHỞI NGHIỆP**  2.1.Ý tưởng kinh doanh và lựa chọn ý tưởng kinh doanh.  2.2.Cơ hội và phương pháp nhận biết  cơ hội kinh doanh | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.3** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.1, 2.2 cho điểm cộng (10%) |
| 4 | BÀI TẬP | CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.11**  Đưa những bài tập tình huống trong chương 1,2 để sinh viên làm, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống (30%)  **A3.5** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 5 | 2.3.Đánh giá mức độ chắc chắn của cơ hội kinh doanh  2.4. Kế hoạch kinh doanh khởi sự | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.4** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.2, 2.3 cho điểm cộng (10%)  **A2.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.2. Đưa những bài tập tình huống tại lớp.  Cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống, nhận định vấn đề (30%) |
| 6 | BÀI TẬP | CO4 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.11**  Đưa những bài tập tình huống trong chương 1, 2 để sinh viên làm, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống (30%)  **A3.5** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 7 | **CHƯƠNG 3:**  **LỰA CHỌN HÌNH THỨC KHỞI NGHIỆP VÀ TẠO LẬP DOANH NGHIỆP**  3.1. Các hình thức khởi sự kinh doanh | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huốn vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.5** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 3.1, cho điểm cộng (10%)  **A2.2** Đưa những bài tập tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống, nhận định vấn đề (30%) |
| 8 | BÀI TẬP | CO4 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.11**  Đưa những bài tập tình huống trong chương 2,3 để sinh viên làm, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống (30%)  **A3.5** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 9 | 3.2. Tạo lập doanh nghiệp mới cho khởi nghiệp |  | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huốn vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.3** Đưa những bài tập tình huống tại lớp, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống, nhận định vấn đề (30%)  **A3.2** Đưa những câu hỏi ôn tập về mục 3.1; 3.2 để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 10 | BÀI TẬP | CO4 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.11**  Đưa những bài tập tình huống trong chương 2,3 để sinh viên làm, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống (30%)  **A3.5** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 11 | **CHƯƠNG 4:**  **TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  4.1. Tổ chức bộ máy quản trị và nhân sự | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.6** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 4.1 cho điểm cộng (10%) |
| 12 | BÀI TẬP | CO4 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.11**  Đưa những bài tập tình huống trong chương 2,3,4 để sinh viên làm, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống (30%)  **A3.5** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 13 | 4.2. Thiết kế trụ sở và mua sắm trang thiết bị  4.3. Marketing và mạng lưới bán hàng | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.7** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 4.2; 4.3 cho điểm cộng (10%)  **A3.3** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 14 | BÀI TẬP | CO4 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.11**  Đưa những bài tập tình huống trong chương 2,3,4 để sinh viên làm, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống (30%)  **A3.5** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 15 | 4.4. Nguồn vốn đề khởi sự kinh doanh  4.5. Triển khai các hoạt động khác | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.8** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 4.4; 4.5 cho điểm cộng (10%)  **A2.4** Đưa những bài tập tình huống tại lớp, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống, nhận định vấn đề (30%) |
| 16 | BÀI TẬP | CO4 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.11**  Đưa những bài tập tình huống trong chương 2,3,4 để sinh viên làm, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống (30%)  **A3.5** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 17 | **CHƯƠNG 5:**  TRÁCH NHIỆM VÀ RỦI RO CỦA CÁC NHÀ KHỞI SỰ KINH DOANH  5.1.Trách nhiệm pháp lý của chủ doanh nghiệp | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.9** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 5.1 cho điểm cộng (10%)  **A2.5** Đưa những bài tập tình huống tại lớp, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống, nhận định vấn đề (30%) |
| 18 | 5.2.Rủi ro trong kinh doanh và trong khởi nghiệp | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.6** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 5.2 cho điểm cộng (30%), cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống(30%) |
| 19 | BÀI TẬP | CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.11**  Đưa những bài tập tình huống trong chương 2,3,4 để sinh viên làm, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống (30%)  **A3.5** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 20 | BÀI TẬP | CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.12**  Đưa những bài tập tình huống trong chương 5 để sinh viên làm, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống (30%)  **A3.6** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 21 | BÀI TẬP | CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.12**  Đưa những bài tập tình huống trong chương 2,3,4,5 để sinh viên làm, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống (30%)  **A3.6** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |
| 22 | BÀI TẬP | CO3 | **Dạy**: GV hướng dẫn bài tập tình huống  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà | **A2.12**  Đưa những bài tập tình huống trong chương 2,3,4, 5 để sinh viên làm, cho SV điểm cộng nếu có câu trả lời nhanh và đúng trong bài tập tình huống (30%)  **A3.6** Đưa những câu hỏi ôn tập trong chương để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO2,CO3 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO1,CO2,CO3 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1,CO2,CO3 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

1. Giáo trình: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền, Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp, NXB đại học kinh tế quốc dân, 2011

2. Lập kế hoạch kinh doanh từ A đến Z của Mike McKeever, nhà xuất bản tổng hợp TP HCM, 2010;

3. Khởi nghiệp thành công của Michael Morris, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2010

4. Tài liệu tham khảo/ bài đọc: Tham khảo các tài liệu do giảng viên cung cấp, thông qua các tình huống thực tế hoặc do giảng viên biên soạn

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

# <126011 – LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI>

## THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Lịch sử văn minh Thế giới |
| Tên môn học (tiếng Anh): | History of World Civilization |
| Mã môn học: | 126011 |
| Thuộc khối kiến thức: | Cơ sở ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Việt Nam học |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phạm Thị Bích Hằng  Email: minhtruc218@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trương Cầm Tú |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Tự học: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | *Bắt buộc* |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

## MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn Lịch sử văn minh thế giới thuộc khối kiến thức khoa học xã hội dành cho mọi sinh viên làm việc trong ngành dịch vụ. Nghiên cứu lịch sử văn minh là một cách thức đánh dấu trình độ phát triển về hiểu biết của con người. Qua đó, bản chất của con người cũng được khẳng định. Bởi vì, chỉ có con người sau khi đã phát triển ở một mức độ nhất định mới đủ khả năng tìm hiểu về chính mình và cuộc sống xã hội.

## MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Bảng 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu và nắm vững kiến thức về: - Nguyên nhân phát sinh các nền văn minh là do con người tìm cách thỏa mãn những nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của mình.  - Quá trình hình thành và phát triển tư duy của con người thong qua lịch sử tưởng của vùng Phương Đông  - Việc nhận diện được mặt tích cực và hạn chế của các quốc gia trong việc kế thừa những tinh hoa của các nền văn minh. Từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm cho hôm nay. | ELO4 |
| CEO2: Biết và vận dụng những kiến thức trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này. | ELO4 |
| CEO3: Có kỹ năng học tập tích cực như kỹ năng đọc và tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm. | ELO4 |

## CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

(*Các chuẩn đầu ra môn học CĐRMH tương ứng với các mục tiêu từ bảng trên. Mỗi mục tiêu có thể được thể hiện bằng 1 hoặc nhiều CĐRMH*)

Bảng 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[1]** | **Mô tả CĐRMH (mục tiêu cụ thể) [2]** | **Mức độ giảng dạy**  **[3]** |
| *CO1 (ELO4)* | Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến văn minh, so sánh với các thuật ngữ liên quan. | I,T |
| *CO2 (ELO4)* | Nắm được đặc điểm chung của từng giai đoạn văn minh | I,T |
| *CO3 (ELO4)* | Phân tích được mức độ phát triển của từng nền văn minh | T,U |
| *CO4 (ELO4)* | Nhận diện đặc điểm của từng nền văn minh | T,U |
| *CO5(ELO4)* | Xây dựng kế hoạch làm việc nhóm, nghiên cứu độc lập và thuyết trình trước đám đông. | T,U |

## NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học (***2* **tiết) [1]** | **Nội dung [2]** | **CĐRMH [3]** | **Hoạt động dạy và học [4]** | **Hoạt độngđánh giá [5]** |
| Buổi 1 | Chương 1. Khái niệm và các cách tiếp cận - Khái niệm  - Cách tiếp cận  + Cách tiếp cận địa lý | CO1 | **Dạy**: Trình bày khái niệm và cách tiếp cận, phân tích ưu điểm và hạn chế của cách tiếp cận được nêu trong buổi học.  Giới thiệu sách tham khảo  Đưa chủ đề cho SV nghiên cứu để thuyết trình  **Học ở lớp**: trao đổi về cách hiểu các vấn đề đặt ra  **Học ở nhà**: Đọc sách tham khảo, thiết lập đề cương nghiên cứu. | A1.1 |
| Buổi 2 | Chương 2. Thời Tiền sử  - Các quan niệm về thời cổ  + Quan niệm của Hesiod  + Quan niệm của Platon  + Quan niệm của người Do Thái | CO2  CO5 | **Dạy**: ôn lại kiến thức cũ,  Phân tích từng quan niệm và rút ra đặc điểm chung của các quan niệm đã trình bày.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo, từng bước thực hiện bài thuyết trình | A1.2  A1.3  A2.1 |
| Buổi 3 | Chương 2. (tt) - Phát hiện thời tiền sử bằng khảo cổ học | CO3  CO5 | **Dạy**: ôn kiến thức cũ,  Giới thiệu quá trình phát hiện thời Tiền sử bằng khảo cổ.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo, từng bước thực hiện bài thuyết trình | A1.2  A2.1 |
| Buổi 4 | Chương 3. Các nền văn minh trong giai đoạn từ 3500 đến 500 năm trước công nguyên - Nền văn minh Sumer  - Nền văn minh Babylon  - Nền văn minh Assyria | CO3  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Phân tích đặc điểm từng nền văn minh.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A1.2  A2.1 |
| Buổi 5 | Chương 3. (tt) - Nền văn minh Minoen (Crète) hay còn gọi là văn minh Egée  - Nền văn minh Minoi - Kriti  - Nền văn minh Hittile | CO3  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Phân tích đặc điểm từng nền văn minh.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A1.2  A2.1 |
| Buổi 6 | Chương 3. (tt) - Nền văn minh Lydia  - Nền văn minh Phénicie  - Nền văn minh Hebrew | CO3  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Phân tích đặc điểm từng nền văn minh.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A1.2  A2.1 |
| Buổi 7 | Chương 3. (tt) - Nền văn minh Ai Cập  - Nền văn minh Ấn Độ | CO3  CO4  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Phân tích đặc điểm từng nền văn minh.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A1.2  A2.1 |
| Buổi 8 | Chương 3. (tt) - Nền văn minh Trung Hoa | CO3  CO4  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Phân tích đặc điểm từng nền văn minh.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A1.2  A2.1  A2.2 |
| Buổi 9 | Chương 4. Các nền văn minh phát triển trong giai đoạn từ 500 BC đến 500 năm sau công nguyên - Nền văn minh Persia (Ba Tư) | CO3  CO4  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Phân tích đặc điểm từng nền văn minh.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A1.2  A2.1  A2.2 |
| Buổi 10 | Chương 4. (tt) - Nền văn minh Ấn Độ  + Hindus giáo | CO4  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Trình bày quá trình hình thành, phân tích đặc điểm của tôn giáo và mức độ ảnh hưởng của nó.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A1.2  A2.1  A2.2 |
| Buổi 11 | Chương 4. (tt) - Nền văn minh Ấn Độ  + Phật giáo + Đạo Jain | CO1  CO4  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Trình bày quá trình hình thành, phân tích đặc điểm của tôn giáo và mức độ ảnh hưởng của nó.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A1.2  A2.1  A2.2 |
| Buổi 12 | Chương 4. (tt) - Nền văn minh Trung Hoa  + Nhà Tần  + Nhà Hán  + Thành tựu văn minh | CO1  CO4  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Phân tích đặc điểm từng giai đoạn trong nền văn minh.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A1.2  A2.1  A2.2 |
| Buổi 13 | Chương 5. Những nền văn minh phát triển trong giai đoạn từ 500 năm đến 1500 năm  - Nền văn minh Byzantin | CO1  CO4  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Phân tích đặc điểm từng nền văn minh.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A1.2  A2.1  A2.2 |
| Buổi 14 | Chương 5. (tt) - Nền văn minh Ảrập – Islam  **Thuyết trình: so sánh 2 nên văn minh** | CO1  CO4  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Phân tích đặc điểm từng nền văn minh.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề.  Thuyết trình  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A2.3 |
| Buổi 15 | Chương 6. Những nền văn minh phát triển trong giai đoạn từ 1500 năm đến nay  - Nền văn minh Trung Quốc  - Nền văn minh Ấn Độ  Nền văn minh Châu Âu | CO1  CO4  CO5 | **Dạy**: Ôn kiến thức cũ  Phân tích đặc điểm từng nền văn minh.  **Học ở lớp**: Sinh viên ghi chép, nắm bắt ý chính, trình bày tóm tắt vấn đề  **Học ở nhà**: Đọc tài liệu tham khảo | A1.2  A2.1  A2.2 |

## ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 5.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá [1]** | **CĐRMH (COx)**  **[2]** | **Tỷ lệ (%)**  **[3]** |
| A1.1 Trả lời câu hỏi trực tiếp để kiểm tra mức độ nhớ và hiểu.  A1.2 Trả lời câu hỏi liên quan đến kiến thức đã học.  A1.3 Nêu ví dụ minh họa cho phần học | *CO1,CO2* | *10%* |
| A2.1 Tóm tắt phần vừa học.  A2.2 Đọc giáo trình và trình bày ý chính.  A2.3 Thuyết trình bài tự nghiên cứu theo chủ đề cho trước. | *CO3 – CO5* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | *CO1 – CO5* | *60%* |

## QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

## - Sinh viên vắng trên 20% thời lượng của môn học sẽ không được tham gia thi cuối kỳ.

- Ngoài thời gian học trên lớp, người học phải tự học thêm ở nhà. Vận dụng những kiến thức được học ở lớp để có thể tự đọc thêm sách, và tự nghiên cứu tốt những loại sách được giảng viên giới thiệu.

- Thực hành bài nghiên cứu liên quan đến môn học với sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn nhằm thực tập ứng dụng các phương pháp nghiên cứu đã học vào một đề tài cụ thể do giảng viên yêu cầu. Qua đó, học viên biết cách mở sách, đọc sách, truy tìm tài liệu, xử lý tài liệu và hệ thống hóa vấn đề.

## TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

1. Vũ Dương Ninh (cb), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, 2004

2. Shijie Congshu, Trần Kiết Hùngvà một số tác giả, *Những nền văn minh thế giới*, NXB. Văn học – TP.HCM, 2006

3. Tập thể tác giả, *Almanach: Những nền văn minh thế giới*, NXB. Văn hóa thông tin, 2007

## PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

1. Bảng, phấn hoặc bút lông.
2. Máy chiếu.
3. Laptop.

*Đồng Nai, ngày tháng năm 20*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126031 – KHỞI NGHIỆP VÀ ỨNG DỤNG >**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Khởi nghiệp và ứng dụng |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Startup and entrepreneurship |
| Mã môn học: | 126031 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | NCS. Lưu Ngọc Liêm  Email: liemln@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Phan Đặng Ngọc Yến Vân  Email: vanphan@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 1 |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 1 |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học trang bị kiến thức và kỹ năng phân tích, lựa chọn ý tưởng kinh doanh, biến những ý tưởng kinh doanh đó thành những cơ hội kinh doanh thực sự, từ đó lập kế hoạch khởi nghiệp và bắt đầu tiến hành kinh doanh; trang bị cho sinh viên những kỹ năng trình bày và bảo vệ một dự án kinh doanh. Giúp sinh viên có những kỹ năng nghiêu cứu và đánh giá các dự án kinh doanh, tính khả thi của một dự án kinh doanh/du lịch.

## 3. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra môn học

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH**  **[3]** | **CĐR của chương trình** | **Mô tả CĐRMH** |
| CO1 | ELO2 | Mô tả được quy trình lựa chọn, đánh giá các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh, hiểu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh khởi sự. |
| CO2 | ELO5 | Áp dụng để lựa chọn, đánh giá các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh, mô tả được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh/du lịch |
| CO3 | ELO6 | Vận dụng vào trong hoạt động kinh doanh thực tiễn của mình thông qua các hoạt động du lịch (Hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh) |

## 4. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

Bảng 2. Kế hoạch giảng dạy

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2****tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1:**  **TỔNG QUAN VỀ   KHỞI NGHIỆP VÀ ỨNG DỤNG**  1.1. Khái quát  về hoạt động kinh doanh | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng (30%) |
| 2 | 1.2. Doanh nhân trong nền kinh tế thị trường  1.3. Nhà khởi nghiệp và chủ doanh nghiệp | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng (30%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2:**  **CƠ HỘI KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH KHỞI NGHIỆP**  2.1.Ý tưởng kinh doanh và lựa chọn ý tưởng kinh doanh.  2.2.Cơ hội và phương pháp nhận biết  cơ hội kinh doanh | CO1,  CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng (30%) |
| 4 | BÀI TẬP | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ, bài tập nhỏ ứng dụng cho điểm cộng (30%) |
| 5 | 2.3.Đánh giá mức độ chắc chắn của cơ hội kinh doanh  2.4. Kế hoạch kinh doanh khởi sự | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng (30%) |
| 6 | BÀI TẬP | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ, bài tập nhỏ ứng dụng cho điểm cộng (30%) |
| 7 | **CHƯƠNG 3:**  **LỰA CHỌN HÌNH THỨC KHỞI NGHIỆP VÀ TẠO LẬP DOANH NGHIỆP**  3.1. Các hình thức khởi sự kinh doanh | CO1,  CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng (30%) |
| 8 | BÀI TẬP | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ, bài tập nhỏ ứng dụng cho điểm cộng (30%) |
| 9 | 3.2. Tạo lập doanh nghiệp mới cho khởi nghiệp | CO1,  CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng (30%) |
| 10 | BÀI TẬP | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ, bài tập nhỏ ứng dụng cho điểm cộng (30%) |
| 11 | **CHƯƠNG 4:**  **TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  4.1. Tổ chức bộ máy quản trị và nhân sự | CO1,  CO2, CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng (30%) |
| 12 | BÀI TẬP | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ, bài tập nhỏ ứng dụng cho điểm cộng (30%) |
| 13 | 4.2. Thiết kế trụ sở và mua sắm trang thiết bị  4.3. Marketing và mạng lưới bán hàng | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng (30%) |
| 14 | BÀI TẬP | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ, bài tập nhỏ ứng dụng cho điểm cộng (30%) |
| 15 | 4.4. Nguồn vốn đề khởi sự kinh doanh  4.5. Triển khai các hoạt động khác | CO1,  CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng (30%) |
| 16 | BÀI TẬP | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ, bài tập nhỏ ứng dụng cho điểm cộng (30%) |
| 17 | **CHƯƠNG 5:**  TRÁCH NHIỆM VÀ RỦI RO CỦA CÁC NHÀ KHỞI SỰ KINH DOANH  5.1.Trách nhiệm pháp lý của chủ doanh nghiệp | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng (30%) |
| 18 | 5.2.Rủi ro trong kinh doanh và trong khởi nghiệp | CO1,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ cho điểm cộng (30%) |
| 19 | BÀI TẬP | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ, bài tập nhỏ ứng dụng cho điểm cộng (30%) |
| 20 | BÀI TẬP | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ, bài tập nhỏ ứng dụng cho điểm cộng (30%) |
| 21 | BÀI TẬP | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ, bài tập nhỏ ứng dụng cho điểm cộng (30%) |
| 22  (3 tiết) | BÀI TẬP | CO2,  CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà.  - Xem lại các câu hỏi nhanh của GV trên lớp | **A1** Điểm danh (10%)  **A2** Đưa những câu hỏi nhỏ, bài tập nhỏ ứng dụng cho điểm cộng (30%) |

## 5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | *CO1,CO2,CO3* | *10%* |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | *CO1,CO2,CO3* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ (Tự luận) | *CO1,CO2,CO3* | *60%* |

## 6. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

1. Giáo trình: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền, Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp, NXB đại học kinh tế quốc dân, 2017

2. Lập kế hoạch kinh doanh từ A đến Z của Mike McKeever, nhà xuất bản tổng hợp TP HCM, 2018;

3. Khởi nghiệp thành công của Michael Morris, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2018

4. Tài liệu tham khảo/ bài đọc: Tham khảo các tài liệu do giảng viên cung cấp, thông qua các tình huống thực tế hoặc do giảng viên biên soạn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126039 – QUẢN TRỊ KINH DOANH DỊCH VỤ LƯU TRÚ>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Quản trị kinh doanh dịch vụ lưu trú |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Hotel Operations Management |
| Mã môn học: | 126039 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| Giảng viên phụ trách: | NCS. Lưu Tiến Dũng  Email: [dunglt@lhu.edu.vn](mailto:dunglt@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trần Thị Thu Hiền  Email: hienttt@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 3 |
| Lý thuyết: | 45 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 0 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: |  |
| Môn học trước: | Kinh tế du lịch |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Tổng quan về kinh doanh khách sạn, Cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình đầu tư xây dựng khách sạn. Tổ chức bộ máy của khách sạn. Tổ chức kinh doanh lưu trú của khách sạn. Marketing trong kinh doanh khách sạn. Quản trị chất lượng dịch vụ của khách sạn. Tổ chức hoạt động kinh doanh Resort. Quản trị nguồn nhân lực của khách sạn. Phân tích kết quả kinh doanh và tài chính của khách sạn.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Biết các kiến thức, kĩ năng cơ bản và nâng cao trong hoạt động quản trị điều hành khách sạn, cơ sở lưu trú | EL06 |
| CEO2: Vận dụng kiến thức tổ chức, điều hành hoạt động của các bộ phận trong khách sạn, cơ sở lưu trú đáp ứng nhu cầu khách hàng | EL06 |
| CEO3: Phối hợp với các cơ sở kinh doanh khác đáp ứng nhu cầu của khách hàng sử dụng dịch vụ du lịch trong và ngoài nước | EL06 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (EL06) | Hiểu biết được khái niệm về khách sạn và kinh doanh khách sạn; các đặc trưng cơ bản của kinh doanh khách sạn cũng như sự phát triển của kinh doanh khách sạn trên thế giới và Việt Nam. | T |
| CO2 (EL06) | Biết được cơ sở vật chất, các trang thiết bị trong khách sạn. Qua đó nắm được các tiêu chí phân hạng khách sạn, nhận diện các loại hình khách sạn, biết về các khu vực chức năng quan trọng trong khách sạn, nắm chắc quy trình xây dựng một khách sạn mới. Đồng thời biết đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất của khách sạn. | T |
| CO3 (EL06) | Nắm chắc và vận dụng kiến thức cơ bản về tổ chức bộ máy và ứng dụng vào thực tế của một khách sạn. | T |
| CO4 (CL06) | Nắm rõ kiến thức về tổ chức, điều hành bộ phận kinh doanh lưu trú, phối hợp với các bộ phận liên quan khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng lưu trú tại khách sạn | T |
| CO5 (EL06) | Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của kinh doanh ăn uống - nhà hàng đối với khách sạn. Hiểu được cách tổ chức bộ máy cũng như chức năng, nhiệm vụ của các chức danh quan trọng trong bộ phận ăn uống của khách sạn. | T |
| CO6 (EL06) | Nhận thức được các phương pháp quản lý chất lượng dịch vụ khách sạn. | T |
| CO7 (EL06) | Nắm chắc các kiến thức cơ bản về phân tích, thực hiện và kiểm tra giám sát trong quản lý và điều hành tài chính và các hoạt động kinh doanh của khách sạn. | T |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH KHÁCH SẠN TRÊN THÊ GIỚI VÀ VIỆT NAM**  1.1 Các khái niệm  1.2 Lịch sử và xu hướng kinh doanh khách sạn | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.2 cho điểm cộng (10%) |
| 2 | 1.3 Đặc điểm, vai trò của kinh doanh khách sạn  1.4 Mối quan hệ của kinh doanh khách sạn với các thành phần khác trong chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.3, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT CỦA KHÁCH SẠN**  2.1 Khái niệm  2.2 Một số loại hình cơ sở lưu trú chính khác ngoài khách sạn | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.1 và 2.2 cho điểm cộng (30%) |
| 4 | 2.3 Phân loại và xếp hạng khách sạn  2.4 Bố trí các khu vực và hệ thống trang thiết bị tiện nghi bên trong khách sạn | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.3, 2.4 cho điểm cộng (30%) |
| 5 | 2.5 Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật trong kinh doanh khách sạn | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | 2.6 Quy trình đầu tư xây dựng khách sạn | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | **CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC BỘ MÁY**  **CỦA KHÁCH SẠN**  3.1 Tổng quan lý thuyết cơ cấu tổ chức khách sạn | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 3.2 Một số cơ cấu tổ chức khách sạn chủ yếu | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 3.3 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, chức danh chủ yếu trong khách sạn | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 3.4 Mối quan hệ của bộ phận kinh doanh lưu trú và các bộ phận khác trong khách sạn | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.8** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | **CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ BỘ PHẬN KINH DOANH LƯU TRÚ**  4.1 Tổ chức bộ phận kinh doanh lưu trú  4.2 Quản trị bộ phận lễ tân  4.3 Quản trị bộ phần buồng | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.9** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 4.4 Kinh doanh lưu trú | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | **CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ BỘ PHẬN ĂN UỐNG VÀ NHÀ HÀNG**  5.1 Tổ chức bộ phận  5.2 Kế hoạch thực đơn | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 5.3 Quản trị hậu cần kinh doanh nhà hàng và quầy bar  5.4 Quản trị quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | **CHƯƠNG 6: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHÁCH SẠN**  6.1 Khái niệm  6.2 Đo lường chất lượng dịch vụ trong khách sạn  6.3 Nâng cao chất lượng dịch vụ | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 6.4 Đánh giá chất lượng dịch vụ  6.5 Quản lý chất lượng dịch vụ | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | **CHƯƠNG 7: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN**  7.1 Doanh thu trong khách sạn, nhà hàng  7.2 Chi phí trong khách sạn, nhà hàng  7.3 Phân tích kết quả kinh doanh khách sạn, nhà hàng | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 7.4 Nâng cao hiệu quả kinh doanh khách sạn, nhà hàng | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. 2014. Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.

Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương. 2008. Quản trị kinh doanh khách sạn. Hà Nội: NXB. ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.

Alan T.Stutts. 2006. Hotel and Lodging Management. USA: John Wiley & Son, INC.

Calgary Immigrant Women’s Association. 2010. Custormer Care for Housekeepers, Training Materials for Hotel Housekeeping Staff.

David K. Hayes – Jack – Ninemeier. 2006. Hotel Operation Management. Upper Sadle River New Jersey.

Denny G.Rutherford, Michael J. O’Fallon. 2005. Hotel management and operations. USA: John Wiley & Son, INC.

James A. Bardi, Ed.D., CHA. 2003. Hotel Front Office Management. The Pennsylvania State University.

Sue Baker, Jerenry Huyton and Pam Bradley. 1994. Principles of Hotel Front Office Operations. Cassel.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126041 – QUẢN TRỊ KINH DOANH LỮ HÀNH>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Quản trị kinh doanh lữ hành |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Business administration of travel |
| Mã môn học: | 126041 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Lưu Tiến Dũng  Email: luutiendung@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 3 |
| Lý thuyết: | 45 tiết |
| Thực hành: | 0 tiết |
| Bài tập: | 0 |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Quản trị kinh doanh lữ hành là bộ môn nghiên cứu về phương pháp quản lý và điều hành doanh nghiệp lữ hành

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về sự ra đời và phát triển của lữ hành | ELO4 |
| CEO2: Hiểu được cơ cấu tổ chức và các mối quan hệ của doanh nghiệp lữ hành | ELO4 |
| CEO3: Vận dụng được kiến thức vào xây dựng, quảng bá và bán sản phẩm của doanh nghiêp lữ hành | ELO6 |
| CEO4: Vận dụng kiến thức vào việc quản lý chất lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp lữ hành | ELO6 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO4) | Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển của lữ hành | T |
| CO2 (ELO4) | Hiểu được nội dung cơ bản của tổ chức kinh doanh lữ hành | T |
| CO3 (ELO4) | Hiểu được cơ cấu tổ chức và nhân lực của doanh nghiệp lữ hành | T |
| CO4 (ELO4) | Hiểu được mối quan hệ giữa nhà cung cấp và doanh nghiệp lữ hành | T |
| CO5 (ELO6) | Vận dụng được kiến thức vào xây dựng chương trình du lịch của doanh nghiệp lữ hành | T,U |
| CO6 (ELO6) | Vận dụng được kiến thức vào hoạt động xúc tiến, bán và thực hiện sản phẩm lữ hành | T,U |
| CO7 (ELO6) | Vận dụng được kiến thức vào quản lý chất lượng sản phẩm lữ hành | T,U |
| CO8 (ELO6) | Ứng dụng được sự tiến bộ của thông tin trong kinh doanh lữ hành | T,U |
| CO9(ELO6) | Vận dụng được kiến thức vào xây dựng các chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm lữ hành | T,U |
| CO10(ELO6) | Vận dụng được kiến thức vào việc đánh giá môi trường và xây dựng chiến lược cho doanh nghiệp | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN KINH DOANH LỮ HÀNH**  1.1. Nguồn gốc kinh doanh lữ hành  1.2. Một số xu hướng kinh doanh lữ hành trên thế giới | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.3. Một số tổ chức quốc tế về lữ hành  1.4. Một số doanh nghiệp lữ hành nổi tiếng trên thế giới | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2: NỘI DUNG CƠ BẢN TỔ CHỨC KINH DOANH LỮ HÀNH**  2.1. Vai trò của kinh doanh lữ hành  2.2. Định nghĩa kinh doanh lữ hành và phân loại kinh doanh lữ hành | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 2.3. Hệ thống sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành  2.4. Thị trường khách của kinh doanh lữ hành | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | **CHƯƠNG 3: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC CỦA DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH**  3.1. Cơ sở lý luận về cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp lữ hành  3.2. Quản trị nguồn nhân lực ở doanh nghiệp lữ hành | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | **CHƯƠNG 4: QUAN HỆ GIỮA NHÀ CUNG CẤP VỚI DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH**  4.1. Nhà cung cấp của doanh nghiệp lữ hành  4.2. Doanh nghiệp lữ hành – kênh phân phối sản phẩm cho nhà cung cấp | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 4.3. Các hình thức quan hệ của doanh nghiệp lữ hành và nhà cung cấp  4.4. Một số vấn đề trong quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành và nhà cung cấp  4.5. Kinh doanh đại lý lữ hành | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | **CHƯƠNG 5: XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH**  5.1. Định nghĩa và phân loại chương trình du lịch  5.2. Quy trình xây dựng một chương trình du lịch trọn gói | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 5.3. Giới thiệu một số chương trình du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 5.4. Xác định giá thành, giá bán và các quy định của một chương trình du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | 5.4. Xác định giá thành, giá bán và các quy định của một chương trình du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | **CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC XÚC TIẾN HỔN HỢP, BÁN VÀ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH**  6.1. Hoạt động tổ chức xúc tiến hỗn hợp chương trình du lịch  6.2. Hoạt động tổ chức xúc tiến hỗn hợp chương trình du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 6.3. Tổ chức thực hiện các chương trình du lịch tại doanh nghiệp lữ hành  6.4. Tổ chức các hoạt động sau khi kết thúc chuyến đi của khách | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | **CHƯƠNG 7: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỦA DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH**  7.1. Khái niệm chất lượng sản phẩm lữ hành  7.2. Đánh giá chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 7.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm lữ hành  7.4. Các yếu tố đảm bảo và hoàn thiện chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | **CHƯƠNG 8: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LỮ HÀNH**  8.1. Một số khái niệm  8.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh lữ hành | CO8 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | 8.3. Lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh lữ hành  8.4. Thương mại điện tử trong kinh doanh lữ hành | CO8 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | **CHƯƠNG 9: HỆ THỐNG CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH**  9.1. Hệ thống các chỉ tiêu tuyệt đối để đánh giá kết quả kinh doanh  9.2. Hệ thống các chỉ tiêu tương đối để đánh giá thị phần và tốc độ tăng trưởng | CO9 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 9.3. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh | CO9 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | **CHƯƠNG 10: MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH**  10.1. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành  10.2. Các chiến lược tổng thể | CO10 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 21  (5tiết) | Thực tế doanh nghiệp | CO10 | Ứng dụng các kiến thức đã học vào tìm hiểu thực tiễn | **A2.18**  - Đưa những tình huống. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6, CO7, CO8,CO9,CO10 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5,CO6,CO7, CO8, CO9 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6, CO7, CO8,CO9,CO10 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Nguyễn Văn Mạnh (2012), Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

[2]. Hà Nam Khánh Giao (2011), Giáo trình Marketing du lịch, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

[3], Nguyễn Ngọc Huyền (2013), Giáo trình Quản trị kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126015 – NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Nghiệp vụ nhà hàng – khách sạn |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Room Division |
| Mã môn học: | 126015 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Trần Thị Thu Hiền  Email: hienttt@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Lưu Tiến Dũng  Email: dunglt@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 tiết |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Nghiệp vụ nhà hàng – khách sạn là môn học hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng về cơ bản trong ngành nhà hàng – khách sạn như nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ phục vụ bàn, nghiệp vụ buồng, nghiệp vụ giám sát.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Thực hành được các nghiệp vụ lễ tân | ELO6, ELO9 |
| CEO2: Thực hành được các nghiệp vụ phục vụ bàn. | ELO6, ELO9 |
| CEO3: Thực hành được các nghiệp vụ phục vụ buồng. | ELO6, ELO9 |
| CEO4: Thực hành được các nghiệp vụ giám sát | ELO6, ELO9 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO6, ELO9) | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ lễ tân. | T,U |
| CO2 (ELO6, ELO9) | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ phục vụ phòng. | T,U |
| CO3 (ELO6, ELO9) | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ phục vụ buồng. | T,U |
| CO4 (ELO6, ELO9) | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ giám sát. | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | CHƯƠNG 1: NGHIỆP VỤ LỄ TÂN KHÁCH SẠN  1.1 Bộ phận lễ tân 1.1.1 Giới thiệu về bộ phận lễ tân1.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ phận lễ tân | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.2 Hoạt động của bộ phận lễ tân qua các giai đoạn trong một chu trình phục vụ khách  1.2.1 Giai đoạn trước khi khách đến | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | 1.2.2 Giai đoạn khách đến | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 1.2.3 Giai đoạn khách lưu trú tại khách sạn | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 1.2.4 Giai đoạn khách trả buồng | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | Thực hành tại lớp | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | CHƯƠNG 2: NGHIỆP VỤ BUỒNG KHÁCH SẠN  2.1 Bộ phận buồng | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 2.2 Giới thiệu một số trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất dùng trong bộ phần buồng | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 2.3 Quy trình hoạt động của bộ phận buồng | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 2.4 Hoạt động tại bộ phận giặt là  2.5 Xử lý sinh vật gây hại | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | Thực hành tại lớp | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | CHƯƠNG 3: NGHIỆP VỤ PHỤC VỤ TRONG NHÀ HÀNG  **3.1 Bộ phận nhà hàng**  **3.2 Các loại hình phục vụ trong nhà hàng** | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | **3.3. Một số quy tắc và kỹ thuật trong phục vụ** | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | **3.4 Hoạt động phục vụ tại bộ phận nhà hàng** |  | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | **3.4 Hoạt động phục vụ tại bộ phận nhà hàng**  (tiếp theo) |  | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | Thực hành tại lớp | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | CHƯƠNG 4: NGHIỆP VỤ GIÁM SÁT KHÁCH SẠN  4.1. Khái niệm về quản lý trong kinh doanh khách sạn hiện đại  4.2. Tổng quan giám sát khách sạn | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 4.3. Giải quyết vấn đề | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 4.4. Giải quyết mâu thuẫn | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | Thực hành tại lớp | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 21  (5tiết) | Thực tế doanh nghiệp | CO1, CO2, CO3, CO4 | Ứng dụng các kiến thức đã học vào tìm hiểu thực tiễn | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Nguyễn Thị Tú (2005), Nghiệp vụ phục vụ khách sạn, NXB Thống kê.

Nguyễn Văn Đính (2004), Giáo trình Công nghệ phục vụ trong khách sạn - nhà hàng, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam.

Phạm Thị Cúc (2005), Giáo trình nguyên lý và nghiệp vụ lễ tân, NXB Hà Nội.

Tổng cục Du lịch, Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (2007), “Nghiệp vụ Buồng”, Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam.

Tổng cục Du lịch (2007), Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam “Nghiệp vụ đặt giữ buồng khách sạn”, Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam.

Tổng cục Du lịch (2007), Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam “Nghiệp vụ lễ tân khách sạn”, Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam.

Tổng cục Du lịch (2007), Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam “Nghiệp vụ nhà hàng”, Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam.

Vũ An Dân (2001), Quản trị buồng khách sạn, Viện Đại học Mở Hà Nội.

Vũ Thị Bích Phượng (2005), Giáo trình nghiệp vụ phục vụ buồng, Nhà xuất bản Hà Nội.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126048 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 3>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Tiếng Hàn cho du lịch 3 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Korean for Tourism 3 |
| Mã môn học: | 126048 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Nguyễn Hoàng Kim Ngân  Email: hoangngan65@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Nguyễn Hoàng Kim Ngân  Email: hoangngan65@gmail.com |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | 0 |
| Môn học trước: | 0 |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ sơ cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như việc mua sắm, đi lại sử dụng phương tiện công cộng, gọi điện thoại... Trong quá trình học, sinh viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu và nắm vững từ vựng | ELO3 |
| CEO2: Hiểu và nắm vững ngữ pháp | ELO3 |
| CEO3: Sử dụng thành thạo các câu nói trong một số tình huống cụ thể như mua sắm, sử dụng phương tiện công cộng, gọi điện thoại, du lịch,...ở mức độ tiền sơ cấp. | ELO3 |
| CEO4: Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp để sử dụng đúng mẫu câu tiếng Hàn trong giao tiếp căn bản | ELO3 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | Hiểu và vận dụng những từ vựng về văn hóa, xã hội Hàn Quốc ở trình độ sơ cấp | T |
| CO2 (ELO3) | Nghe và trả lời được những tình huống hỏi đáp | T |
| CO3 (ELO3) | Hiểu được ngữ pháp Tiếng Hàn, sử dụng đúng mẫu câu tiếng Hàn trong giao tiếp căn bản | T,U |
| CO4 (ELO3) | Hiểu và sử dụng tiếng Hàn trong giao tiếp du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(4tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | Tên bài: 6과: 물건사기  6.1. 선물을사러갑시다.  Hoạt động chính: 물건사러가기  Từ vựng: 가게이름  Ngữ pháp: -으러가다, 과/와 | CO1 | -Nghiên cứu trước:  +Học thuộc bảng chữ Kana  + Ôn tập các nguyên tắc đọc | **A1.1** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 2 | Tên bài: 6.2. 좋지만좀비싸요.  Hoạt động chính: 물건의질과크기말하기  Từ vựng: 형용사 3 trang 191  Ngữ pháp: V + 지만 , Adj 은/ㄴ N  ㅎ동사  Nghe: CD2: 04 ~05 trang 190 | CO1 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.2** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 3 | Tên bài: 6.3. 얼마예요?  Hoạt động chính: 물건값묻기  Từ vựng : 여러가지단위명사  Ngữ pháp: V 어주다  단위명사  Nghe : CD2: 07~08 trang 198 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 4 | Tên bài: 6.4. 깎아주세요.  Hoạt động chính:물건값깎기  Từ vựng: 선물관련어휘  Ngữ pháp: 에게, 관형사형어미 (-은/-는/-을)  Nghe: CD2: 10~11 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 5 | Tên bài: 6.5. 정리해봅시다. (cùng ôn tập)  Hoạt động chính: ôn tập lại những mẫu câu đã học (trang 214 ~217) | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.4** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 6 | Tên bài: 7과: 교통 (Giao thông)  7.1. 실례지만길좀묻겠습니다.  Hoạt động chính: 위치, 길묻기  Từ vựng: 위치및방향관련어휘  Ngữ pháp: -으로, -어서  Luyện nghe: CD2: 13~14 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.5** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 7 | Tên bài:  7.2. 지하철로 40분쯤걸립니다.  Hoạt động chính: 교통편과걸리는시간묻기  Từ vựng: 교통수단  Ngữ pháp: -으로/로, -에서~-까지, -어서  Nghe: CD2: 16~17 trang 232 | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.6** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 8 | Tên bài:  7.3. 사람이많으니까조심하세요.  Hoạt động chính:  교통수단이용하기  Từ vựng: 교통수단이용관련어휘  Ngữ pháp: -으니까, -지말다  Nghe CD2: 18~19  THI GIỮA HỌC PHẦN | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1  + | **A1.7** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 9 | Tên bài: 7.4. 과일가게앞에세워주세요.  Hoạt động chính: 택시이용하기  Từ vựng: 택시이용관련어휘  Ngữ pháp: ㄷ동사, 르동사 | CO3 | Chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ, tự ôn tập từ bài 1 | **A1.8** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 10 | Tên bài: 7.5. 정리해봅시다  (Ôn tập)  Hoạt động chính: ôn tập những mẫu câu đã học và sửa bài tập | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 2 | **A1.9** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 11 | Tên bài: 8과 : 전화  8.1. 전화번호좀가르쳐주세요.  Hoạt động chính: 전화번호말하기  Từ vựng: 전화번호관련어휘  Ngữ pháp: -을게요, 이나  Nghe: CD2: 25~26 | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 2 | **A1.10** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 12  **(1tiết)** | Tên bài: 8.2. 정민철씨계세요?  Hoạt động chính: 전화걸기  Từ vựng: 전화관련어휘  Ngữ pháp: -는데요, -은데요  Nghe: CD2: 28~29 trang 272 | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 3 | **A1.11** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO2,CO3,CO4 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1] 연세한국어 1-1, YONSEI KOREAN 1-1 (English Version)연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007 [Tiếng Hàn 1-1 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007.]

[2] 연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version)연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007. [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007].

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126052 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 3>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Tiếng Nhật du lịch 3 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Japannish for Tourism 3 |
| Mã môn học: | 126052 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Nguyễn Thị Như Thường  Email: thuongntn@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Như Thường  Email: thuongntn@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | 0 |
| Môn học trước: | 0 |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Học phần gồm 4 bài (từ bài 8-11) của giáo trình みんなの日本語初級I (Minna no Nihongo Shokyu I) tập trung vào việc phân loại tính từ, lượng từ, từ chỉ thời lượng, các cách biến đổi thì, thể của tính từ, các cấu trúc diễn đạt thái độ yêu, ghét, giỏi, dở việc nào đó, cách đếm số lượng người, đồ vật theo từng chủng loại.

Trong mỗi bài, SV được giải thích những điểm ngữ pháp mới, sau đó luyện tập và vận dụng vào thực tế thông qua nhiều hình thức như hỏi đáp với GV, đàm thoại với bạn trong lớp, dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật, đọc hiểu và trả lời câu hỏi…

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1:Hiểu thêm vốn từ vựng (khoảng 100 từ) về danh từ chỉ đồ vật, danh từ chỉ nơi chốn, động từ chỉ sự tồn tại, sở hữu, nhận thức, tính từ, lượng từ, thời lượng… | ELO3 |
| CEO2: Hiểu rõ các từ vựng và biến đổi thì của động từ, tính từ | ELO3 |
| CEO3: Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp được cung cấp từ tiếng Nhật 1 đến tiếng Nhật 3 | ELO3 |
| CEO4: Vận dụng tốt những kiến thức vào tình huống giao tiếp thực tế phù hợp với trình độ | ELO3 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | Hiểu được thêm khoảng 100 từ vựng | T |
| CO2 (ELO3) | Biết được biến đổi thì của động từ, tính từ | T |
| CO3 (ELO3) | Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp được cung cấp từ tiếng Nhật 1 đến tiếng Nhật 3 | T,U |
| CO4 (ELO3) | Vận dụng tốt những kiến thức vào tình huống giao tiếp thực tế phù hợp với trình độ | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(4tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | - Làm quen lớp, giới thiệu đề cương, phương pháp học và tự học  - Ôn tập Tiếng Nhật 2 | CO1 | -Nghiên cứu trước:  +Học thuộc bảng chữ Kana  + Ôn tập các nguyên tắc đọc | **A1.1** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 2 | **Bài 8:**  - Đọc từ vựng mới (phần tính từ)  - Phân loại tính từ  - Cách biến đổi tính từ:  + Khi bổ nghĩa cho danh từ.  Cấu trúc  イ形容詞／ナ形容詞**＋**名詞  + Thì hiện tại dạng khẳng định  Cấu trúc  **イ形容詞**です  **ナ形容詞**　です  + Thì hiện tại dạng phủ định.  Cấu trúc  **イ形容詞**くないです  **ナ形容詞**　じゃありません | CO1 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.2** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **Bài 8 (tt):**  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 2 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Từ để hỏi tính chất như thế nào どう、どんな. Từ để hỏi cái nào どれ  - Các từ chỉ mức độ とても、あまり  - Cách liên kết 2 tính chất cùng chiều, trái chiều | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 4 | **Bài 8 (tt):**  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 3 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Bài tập nghe bài 8  - Luyện đàm thoại sử dụng cấu trúc bài 8, chủ đề tự do | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 5 | **Bài 9:**  - Đọc, ghi nhớ từ vựng mới  - Cấu trúc biểu đạt ý thích/ ghét/ giỏi/ dở/ hiểu/ có cái gì  - Các từ chỉ mức độ hiểu: hiểu rõ (よく), hiểu đại khái　(だいたい), hiểu một chút　(すこし), không hiểu lắm (あまり), hoàn toàn không hiểu (ぜんぜん ) | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.4** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 6 | **Bài 9 (tt):**  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 5 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Cấu trúc chỉ quan hệ nguyên nhân – kết quả  Mệnh đề nguyên nhân + から+ Mệnh đề kết quả  - Từ để hỏi どうして(vì sao) và cách trả lời lý do | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.5** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 7 | **Bài 9 (tt):**  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 6 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Bài tập nghe bài 9  - Luyện đàm thoại sử dụng cấu trúc bài 9, chủ đề tự do | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1 | **A1.6** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 8 | **- Kiểm tra tổng hợp bài 8 + 9**  **Bài 10:**  - Đọc, ghi nhớ từ vựng mới, đặc biệt là các từ chỉ vị trí  - Cấu trúc biểu đạt ý “**Có** cái gì/ai/con gì **ở nơi nà**o” và “Cái gì/ai/con gì ở nơi nào”.  - Phân biệt điểm giống và khác nhau của hai cấu trúc trên | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 1  + | **A1.7** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 9 | **Bài 10 (tt):**  - Trả và sửa bài kiểm tra  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 8 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Bài tập nghe bài 10  - Luyện đàm thoại sử dụng cấu trúc bài 10, chủ đề tự do | CO3 | Chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ, tự ôn tập từ bài 1 | **A1.8** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 10 | **Bài 11:**  - Đọc, ghi nhớ từ vựng mới, tập trung vào lượng từ  - Cách đưa lượng từ vào câu  N1 + Trợ từ + Lượng từ + Động từ.  - Cách kết hợp nhiều lượng từ của nhiều đối tượng trong cùng 1 câu  Cấu trúc: N1 + Trợ từ + Lượng từ 1 + と + N2 + Trợ từ + Lượng từ 2 + Động từ. | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 2 | **A1.9** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 11 | **Bài 11 (tt):**  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 10 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Đọc, ghi nhớ từ vựng mới thời lượng: số giờ, số ngày, số tuần, số tháng, số năm và số lần  - Cách biểu đạt ý “thực hiện hành động nào đó **bao nhiêu lần** trong 1 đơn vị thời gian nhất định (1 ngày/ 1 tuần/ 1 tháng/ 1 năm …)  - Cách biểu đạt ý “đã hoặc sẽ thực hiện hành động nào đó **trong thời gian bao lâu**” | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 2 | **A1.10** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 12  **(1tiết)** | **- Kiểm tra tổng hợp bài 10 + 11**  **Bài 11 (tt):**  - Trả và sửa bài kiểm tra, tập trung những điểm SV sai nhiều  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 12 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Bài tập nghe bài 10  - Nhắc lại những điểm NP trọng tâm trong học phần Tiếng Nhật 3 | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp bài 3 | **A1.11** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO2,CO3,CO4 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Minna nonihongo shoukyu I 2004),[みんなの日本語初級I,スリーエーネットワーク、2002 I]、NXB 3A Corporationスリーエーネットワーク.

[2]. みんなの日本語初級I標準 問題集 (2002)　１ (*Minna no Nihongo Shokyu I hyojun mondaishu 1*), (NXB 3A Corporation.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126032 – KỸ NĂNG HOẠT NÁO - SƠ CỨU>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Kỹ năng hoạt náo và sơ cứu |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Game skill and first aid |
| Mã môn học: | 126032 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Huỳnh Thúc Hiếu  Email: hieuht@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 tiết |
| Bài tập thực hành: | 30 |
| Tính chất của môn | Tự chọn đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Hoạt náo là một kỹ năng vô cùng cần thiết đối với các bạn sinh viên, đặc biệt là sinh viên du lịch. Môn học hình thành cho sinh viên sự hài hước, giao tiếp duyên dáng, biết cách tổ chức các trò chơi nhằm mang đến không khí vui vẻ và thoải mái cho du khách, tự tin hơn trong giao tiếp, khả năng nói, thuyết minh và làm chủ một vấn đề đang nói, có khả năng giải quyết được các tình huống cơ bản thường gặp khi dẫn tour…

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu rõ được khái niệm và vai trò của hoạt náo | ELO9 |
| CEO2: Hiểu rõ được các kỹ thuật hoạt náo cơ bản | ELO9 |
| CEO3: Hiểu rõ được khái niệm và vai trò của | ELO9 |
| CEO4: Hiểu rõ được các kỹ thuật sơ cứu cơ bản | ELO9 |
| CEO5: Vận dụng các nội dung kiến thức kỹ năng để có thể tổ chức hoạt náo du lịch | ELO9 |
| CEO6: Vận dụng các nội dung kiến thức kỹ năng để có thể sơ cứu khi du khách gặp nạn | ELO9 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO9) | Hiểu được khái quát về hoạt động hoạt náo du lịch | T |
| CO2 (ELO9) | Hiểu được những lưu ý của HDV khi hoạt náo | T |
| CO3 (ELO9) | Hiểu và phân tích được các bước khi tổ chức hoạt náo | T,U |
| CO4 (ELO9) | Vận dụng được cơ sở lý thuyết và kỹ năng để thực hiện được hoạt động hoạt náo du lịch | T,U |
| CO5 (ELO9) | Hiểu được khái niệm, vai trò và những dụng cụ cần thiết của hoạt động sơ cứu du lịch | T |
| CO6 (ELO9) | Vận dụng được cơ sở lý thuyết và kỹ năng để thực hiện được hoạt động sơ cứu trong du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **PHẦN I: KỸ NĂNG HOẠT NÁO DU LỊCH****CHƯƠNG 1: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ HOẠT NÁO TRONG DU LỊCH****1.1. Khái niệm về hoạt náo và kỹ năng hoạt náo** | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | **1.2. Yêu cầu của kỹ năng hoạt náo** **1.3. Vai trò của hoạt náo trong du lịch** | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN VIÊN KHI TỔ CHỨC HOẠT NÁO**  **2.1.** Mục đích thực hiện  2.2. Xác định thời gian để chơi trò chơi  2.3. Số lượng người tham gia trò chơi | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | **CHƯƠNG 3: CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ HOẠT NÁO**  **3.1. Công tác chuẩn bị** | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 3.2. Hoạch định phương hướng rõ ràng  3.3. Thử và tập luyện trước | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | **CHƯƠNG 4: THỰC HÀNH MỘT SỐ TRÒ CHƠI HOẠT NÁO TRONG DU LỊCH** 4.1. Thực hành nhóm trò chơi làm quen | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 4.1. Thực hành nhóm trò chơi làm quen | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 4.2. Thực hành nhóm trò chơi phản xạ | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 4.2. Thực hành nhóm trò chơi phản xạ | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 4.3. Thực hành nhóm trò chơi tạo sự bất ngờ | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | 4.3. Thực hành nhóm trò chơi tạo sự bất ngờ | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 4.4. Thực hành nhóm trò chơi tạo sự thi đua | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 4.4. Thực hành nhóm trò chơi tạo sự thi đua | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | **PHẦN II: KỸ NĂNG SƠ CỨU TRONG DU LỊCH****CHƯƠNG 5: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ SƠ CỨU TRONG DU LỊCH** 5.1. Khái niệm cơ bản về sơ cứu  5.2. Vai trò của sơ cứu trong nghề hướng dẫn viên du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 5.3. Một số dụng cụ thiết bị y tế cần thiết của hướng dẫn viên du lịch 2 | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | **CHƯƠNG 6: THỰC HÀNH MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG SƠ CỨU CƠ BẢN TRONG DU LỊCH** **6.1. Thực hành các phương pháp cầm máu thông thường** | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | **6.2. Thực hành các phương pháp cố định tạm thời khi gãy tay và gãy chân** | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | **6.3. Thực hành các sơ cứu khi khách bị rắn cắn, bị ong đốt** | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | **6.4. Thực hành các sơ cứu khi khách bị điện giật** | CO6 | **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. |
| 20 | **6.5. Thực hành khi khách bị vật đường thở** | CO6 | **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. |
| 21 | **6.6. Thực hành các cách xử trí khi khách đuối nước** | CO6 | **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng | **A2.19**  - Đưa những tình huống tại lớp. |
| 21  (1tiết) | **6.7. Thực hành các cách xử trí bỏng do nhiệt** | CO6 | **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng | **A2.20**  - Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5,CO6 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Đinh Trung Kiên (2008), [Nghiệp vụ Hướng Dẫn Du lịch](http://thuvien.vanlanguni.edu.vn/component/content/article/69-sach/29852-nghiep-vu-huong-dan-du-lich-01?Itemid=363), NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Văn Quảng, (2007), Để trở thành người hướng dẫn viên du lịch giỏi, NXB Trẻ

[2].<http://vietnamtourism.gov.vn/dmdocuments/VTOS2013TourGuidingVN.pdf> - VTOS, Tiêu chuẩn nghề Hướng dẫn du lịch

[3].<http://vietnamtourism.gov.vn/dmdocuments/VTOS2013OnsiteTourGuidingVN.pdf> - VTOS, Tiêu chuẩn nghề Thuyết minh du lịch

[4].<https://www.facebook.com/groups/169566599744287/?fref=nf> – Facebook

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126036 – QUẢN TRỊ BÁN HÀNG TRONG DU LỊCH>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Quản trị bán hàng trong du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Sales Management in Tourism |
| Mã môn học: | 126036 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| Giảng viên phụ trách: | NCS. Lưu Tiến Dũng  Email: [dunglt@lhu.edu.vn](mailto:dunglt@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trần Thị Thu Hiền  Email: hienttt@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: |  |
| Môn học trước: | Quản trị học |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; kỹ năng bán hàng và quản lý chế độ khách hàng lớn; lập kế hoạch bán hàng; tổ chức địa điểm bán; kiểm soát bán hàng; chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Biết các kiến thức, kĩ năng cơ bản và nâng cao trong hoạt động quản trị bán hàng trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch. | EL06 |
| CEO2: Vận dụng kiến thức tổ chức, điều hành hoạt động của bộ phận kinh doanh trong các doanh nghiệp du lịch. | EL06 |
| CEO3: Phối hợp với các bộ phận khác trong doanh nghiệp du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng | EL06 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (EL06) | Hiểu biết được khái niệm về bán hàng, quản trị bán hàng, nghề bán hàng. | T |
| CO2 (EL06) | Nắm và vận dụng các kỹ năng bán hàng và quản lý khách hàng trọng điểm | T |
| CO3 (EL06) | Nắm chắc và lập kế hoạch bán hàng | T |
| CO4 (EL06) | Nắm rõ kiến thức về tổ chức, điều hành đội ngũ bán hàng | T |
| CO5 (EL06) | Nắm rõ kiến thức về thiết lập và tổ chức các địa điểm bán hàng | T |
| CO6 (EL06) | Nắm rõ kiến thức về kiểm soát hoạt động bán hàng | T |
| CO7 (EL06) | Nắm rõ và quản lý hoạt động chăm sóc khách hàng và dịch vụ sau bán hàng | T |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ BÁN HÀNG VÀ QUẢN TRỊ BÁN HÀNG**  1.1 Tổng quan về bán hàng  1.2 Khái luận về quản trị bán hàng  1.3 Nghề bán hàng | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.2, 1.3 cho điểm cộng (10%) |
| 2 | **CHƯƠNG 2: KỸ NĂNG BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ BÁN HÀNG**  2.1 Hành vi mua hàng của khách hàng  2.2 Kỹ năng bán hàng cá nhân  2.3 Quản lý khách hàng trọng điểm | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.1 và 2.2, 2.3 cho điểm cộng (30%) |
| 3 | **CHƯƠNG 3: LẬP KẾ HOẠCH BÁN HÀNG**  3.1 Phân tích tình hình thị trường và dự báo bán hàng  3.2 Thiết lập mục tiêu | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 3.2 Xây dựng và lựa chọn phương án bán hàng | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 3.4 Thiết lập ngân sách bán hàng | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | **CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ ĐỘI NGŨ BÁN HÀNG**  4.1 Xác định nhân sự đội ngũ bán hàng và tổ chức đội ngũ | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 4.2 Tuyển chọn đội ngũ bán hàng | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 4.3 Đào tạo và huấn luyện đội ngũ bán hàng | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 4.4 Đãi ngộ và tạo động lực cho đội ngũ bán hàng  4.5 Đánh giá kết quả công việc của đội ngũ bán hàng | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | **CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC ĐIỂM BÁN HÀNG**  5.1 Lựa chọn địa điểm bán hàng  5.2 Tổ chức không gian và xây dựng hình ảnh | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.8** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | **CHƯƠNG 6: KIỂM SOÁT BÁN HÀNG**  6.1 Khái niệm và vai trò của kiểm soát bán hàng  6.2 Quy trình kiểm soát bán hàng  6.3 Các công cụ kiểm soát bán hàng | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.9** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | **CHƯƠNG 7: CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG VÀ DỊCH VỤ SAU BÁN HÀNG**  7.1 Khái quát về chăm sóc khách hàng  7.2 Cung cấp dịch vụ sau bán hàng | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. 2014. Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.

Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương. 2008. Quản trị kinh doanh khách sạn. Hà Nội: NXB. ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126027 – ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH DU LỊCH>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Anh văn chuyên ngành du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | English for Tourism |
| Mã môn học: | 126027 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Văn Thị Bích  Email: bichvt@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Hoàn thành English 1 - 6 |
| Môn học trước: | English 6 |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Tiếng Anh chuyên ngành du lịch là một môn học cần thiết dành cho sinh viên trong lĩnh vực dịch vụ du lịch – lữ hành, đam mê du lịch. Môn học giúp cho sinh viên có thể quảng bá hình ảnh của đất nước Việt Nam đến với du khách và bạn bè quốc tế. Sinh viên sau khi học xong môn học có thể giao tiếp, sử dụng thành thạo các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong công việc của một hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp ở các tour trong và ngoài nước.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Sử dụng tiếng Anh một cách thành thạo trong giao tiếp với khách du lịch | ELO3 |
| CEO2: Vận dụng các nội dung kiến thức, văn hóa chuyên ngành du lịch, kết hợp các kỹ năng về tiếng Anh trong công việc thực tiễn. | ELO4 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | Sử dụng tiếng Anh giới thiệu về thông tin du lịch | T |
| CO2 (ELO3) | Sử dụng tiếng Anh trong các ngành nghề liên quan đến du lịch một các thành thạo | T |
| CO3 (ELO3) | Vận dụng các kỹ năng tiếng Anh trong việc tổ chức tour du lịch | T,U |
| CO4 (ELO3) | Hiểu và sử dụng tiếng Anh trong việc đặt tour trong và ngoài nước | T |
| CO5 (ELO4) | Nắm rõ các địa điểm du lịch và sử dụng tiếng Anh để giới thiệu khách du lịch | T,U |
| CO6 (ELO4) | Sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn đối với khách du lịch | T,U |
| CO7 (ELO4) | Nắm bắt và tìm hiểu nhu cầu và động cơ du lịch của khách nước ngoài | T,U |
| CO8 (ELO3) | Vận dụng tiếng Anh, liên hệ các đại lý du lịch, tìm hiểu về tour | T,U |
| CO9 (ELO3) | Vận dụng tiếng Anh một cách hiệu quả, hướng dẫn khách du lịch về di chuyển, đi lại… | T,U |
| CO10 (ELO3) | Sử dụng tiếng Anh để giới thiệu tên các món ăn, các dịch vụ ở nhà hàng, khách sạn trong du lịch. | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **Unit 1. Tourist information** | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.1** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 2 | **Unit 2: Careers in Tourism** | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.2** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **Unit 3: Tour operators** | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 4 | **Unit 4: Tour booking** | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.4** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 5 | **Unit 5: Destinations** | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.5** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 6 | **Unit 6: Hotel Facilities** | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.6** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 7 | **Unit 7: Tourist motivations** | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.7** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 8 | **Unit 8: Travel agencies** | CO8 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn logic các phương pháp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.8** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 9 | **Unit 9: Transport in tourism** | CO9 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn logic các phương pháp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.9** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 10 | **Unit 10: Restaurant and their service** | CO10 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn logic các phương pháp  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV đã cung cấp. | **A1.10** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO2,CO4,CO7 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO5,CO6, CO10, CO9 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO3,CO4,CO5,CO6,CO7 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

# Nguyễn Thanh Chương, Tiếng Anh Chuyên Ngành Khách Sạn Và Du Lịch, Nhà xuất bản thời đại, 2017.

Robin Walker (2009), Oxford English For Careers Tourism 1 Student’s Book, NXB Oxford.

**Tài liệu tham khảo**

LiveABC (2010), Restaurant English: A Hands-on course for restaurant professionals, Nhà xuất bản tổng hợp TP.HCM.

LiveABC (2011), Tourism English: A Hands-on course for tourism professionals, Nhà xuất bản tổng hợp TP.HCM.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126035 – NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Tourism Guideline |
| Mã môn học: | 126009 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trần Thị Thu Hiền  Email: hienttt@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 3 |
| Lý thuyết: | 45 tiết |
| Thực hành: | 0 tiết |
| Bài tập: | 0 |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Môn học này giúp sinh viên hiểu được các yêu cầu cần có của một người hướng dẫn viên du lịch, các khái niệm, quy trình và các phương pháp hướng dẫn du lịch, cách giải quyết các tình huống thực tế phát sinh.

Bên cạnh đó, môn học này giúp sinh viên thực hành nghiệp vụ hướng dẫn khách tham quan tại các loại điểm tham quan khác nhau, tự tin hơn trong giao tiếp, khả năng nói, thuyết minh và làm chủ một vấn đề đang nói, có khả năng giải quyết được các tình huống cơ bản thường gặp khi dẫn tour…

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu rõ tính chất công việc của nghề HDV | ELO4 |
| CEO2: Hiểu được quy trình và các phương pháp hướng dẫn của một HDV chuyên nghiệp | ELO4 |
| CEO3: Hiểu được những yêu cầu đạo đức nghề nghiệp, những yếu tố góp phần tạo nên sự thành công và phát triển trong nghề HDV | ELO4 |
| CEO4: Vận dụng các nội dung kiến thức để thực hiện hoạt động hướng dẫn và giải quyết các tình huống phát sinh | ELO9 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO4) | Hiểu được khái quát về hoạt động hướng dẫn du lịch | T |
| CO2 (ELO4) | Hiểu được những yêu cầu về phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp của người hướng dẫn viên | T |
| CO3 (ELO4) | Hiểu và phân tích được những nộ dung cơ bản của nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | T,U |
| CO4 (ELO9) | Vận dụng được cơ sở lý thuyết và kỹ năng để thực hiện được hoạt động chuẩn bị và hướng dẫn tham quan đạt kết quả tốt | T,U |
| CO5 (ELO9) | Vận dụng được những cơ sở khoa học để giải quyết các tình huống phát sinh trong công việc | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN DU LỊCH**  1.1. Khái niệm hoạt động hướng dẫn du lịch  1.2. Những hoạt động cụ thể của công tác hướng dẫn du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.3. Ý nghĩa của hoạt động hướng dẫn du lịch  1.4. Những yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch  1.5. Nghề hướng dẫn du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2. NHỮNG YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA HƯỚNG DẪN VIÊN**  2.1. Khái niệm và phân loại hướng dẫn viên du lịch  2.2. Vai trò và nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 2.3. Những điều kiện cần có của người hướng dẫn viên du lịch  2.4. Quy chế hướng dẫn viên du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | **CHƯƠNG 3. NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH**  3.1. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận hướng dẫn  3.2. Quy trình chuẩn bị trước khi tiếp xúc với đoàn khách | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | 3.3. Quy trình đón khách  3.4. Quy trình tổ chức hoạt động vận chuyển | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 3.5. Quy trình tổ chức phục vụ khách  3.6. Quy trình tổ chức hướng dẫn tham quan | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 3.7. Quy trình tổ chức việc tiễn khách  3.8. Những công việc sau chuyến đi | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | **CHƯƠNG 4. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH HƯỚNG DẪN THAM QUAN DU LỊCH**  4.1. Công tác chuẩn bị hướng dẫn tham quan du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 4.2. Nội dung và những nguyên tắc cơ bản của phương pháp tiến hành hướng dẫn tham quan du lịch. | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | 4.3. Một số nét cơ bản trong kỹ thuật diễn đạt và trình bày | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 4.4. Phương pháp thuyết minh tại các điểm tham quan | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 4.4. Phương pháp thuyết minh tại các điểm tham quan (tiếp) | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 4.4. Phương pháp thuyết minh tại các điểm tham quan (tiếp) | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 4.4. Phương pháp thuyết minh tại các điểm tham quan (tiếp) | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 4.4. Phương pháp thuyết minh tại các điểm tham quan (tiếp) | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | **CHƯƠNG 5. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ TÌNH HUỐNG TRONG HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN DU LỊCH**  5.1. Phương pháp trả lời câu hỏi của khách du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 5.2. Nguyên tắc xử lý các tình huống  5.3.Các yêu cầu chung trong xử lý tình huống | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 5.4. Một số tình huống thường gặp trong hoạt động hướng dẫn du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | 5.4. Một số tình huống thường gặp trong hoạt động hướng dẫn du lịch | CO5 | **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. |
| 21  (5tiết) | Thực tế doanh nghiệp | CO5 | Ứng dụng các kiến thức đã học vào tìm hiểu thực tiễn | **A2.18**  - Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Đinh Trung Kiên (2008), [Nghiệp vụ Hướng Dẫn Du lịch](http://thuvien.vanlanguni.edu.vn/component/content/article/69-sach/29852-nghiep-vu-huong-dan-du-lich-01?Itemid=363), NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Văn Quảng, (2007), Để trở thành người hướng dẫn viên du lịch giỏi, NXB Trẻ

[2].<http://vietnamtourism.gov.vn/dmdocuments/VTOS2013TourGuidingVN.pdf> - VTOS, Tiêu chuẩn nghề Hướng dẫn du lịch

[3].<http://vietnamtourism.gov.vn/dmdocuments/VTOS2013OnsiteTourGuidingVN.pdf> - VTOS, Tiêu chuẩn nghề Thuyết minh du lịch

[4].<https://www.facebook.com/groups/169566599744287/?fref=nf> – Facebook

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126044 – THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH TOUR>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Thiết kế và điều hành tour |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Tour design and operation |
| Mã môn học: | 126044 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Lưu Tiến Dũng  Email: luutiendung@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 3 |
| Lý thuyết: | 45 tiết |
| Thực hành: | 0 tiết |
| Bài tập: | 0 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

## Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kĩ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch, công tác tổ chức thực hiện và những công việc của một nhân viên điều hành tour

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về lữ hành và thiết kế tour du lịch | ELO6 |
| CEO2: Hiểu được phương pháp định giá chương trình du lịch | ELO6 |
| CEO3: Hiểu được hoạt động xúc tiến hỗn hợp trong kinh doanh du lịch | ELO6 |
| CEO4: Vận dụng các nội dung trong môn học để thiết kế, bán và tổ chức quản lý và điều hành các chương trình du lịch | ELO6 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO6) | Hiểu về các kiến thức cơ bản về **thiết kế tour du lịch** | T |
| CO2 (ELO6) | Hiểu được và thực hiện các phương pháp định giá tour du lịch | T,U |
| CO3 (ELO6) | Hiểu được nội dung của công tác xúc tiến quảng bá tour du lịch | T |
| CO4 (ELO6) | Vận dụng được cơ sở khoa học để thực hiện tour du lịch | T,U |
| CO5 (ELO6) | Vận dụng được cơ sở khoa học để quản lý điều hành tour du lịch | T,U |
| CO6 (ELO6) | Vận dụng được cơ sở khoa học để quản lý và nâng cao chất lượng tour du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: THIẾT KẾ TOUR DU LỊCH**  1.1. Khái niệm tour du lịch  1.2. Đặc điểm, phân loại tour du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.3. Quy trình thiết kế một tour du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | 1.4. Yêu cầu của việc thiết kế tour du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 1.5. Một số tour du lịch hấp dẫn ở Việt Nam | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | **CHƯƠNG 2: ĐỊNH GIÁ TOUR DU LỊCH**  2.1. Xác định giá thành tour du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | 2.2. Xác định giá bán tour du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 2.3. Những điều cần lưu ý khi định giá tour du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | **CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN VÀ BÁN TOUR DU LỊCH**  3.1. Khái niệm về xúc tiến, quảng cáo tour du lịch  3.2. Thiết kế, xuất bản và phân phối brochure | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 3.3. Các hoạt động quảng cáo tour du lịch  3.4. Lựa chọn kênh phân phối | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 3.5.Các hình thức bán tour du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | 3.6. Các điều kiện bán tour du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | **CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN TOUR DU LỊCH**  4.1. Giai đoạn thỏa thuận với khách  4.2. Giai đoạn chuẩn bị thực hiện | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 4.3. Giai đoạn tổ chức thực hiện  4.4. Giai đoạn kết thúc thực hiện tour du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 4.5. Hợp đồng du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | **CHƯƠNG 5: ĐIỀU HÀNH TOUR DU LỊCH**  5.1. Khái niệm về quy trình điều hành Tour du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 5.2. Nội dung quy trình điều hành Tour du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | 5.3. Công việc của nhân viên điều hành Tour du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 5.4. Một số nghiệp vụ trong điều hành du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | **CHƯƠNG 6 : QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TOUR DU LỊCH**  6.1. Khái niệm chất lượng tour du lịch, quản lý chất lượng tour du lịch  6.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tour du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
|  | 6.3. Các biện pháp đảm bảo và nâng cao chất lượng tour du lịch  6.4. Hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng tour du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 21  (5tiết) | Thực tế doanh nghiệp | CO6 | Ứng dụng các kiến thức đã học vào tìm hiểu thực tiễn | **A2.19**  - Đưa những tình huống. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Nguyễn Văn Đính, TS Trần Thị Minh Hòa (2004), Giáo trình “Kinh tế du lịch. NXB Lao động xã hội, Hà Nội

[2]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành – NXN Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Văn Mạnh, ThS. Hoàng Thị Lan Hương (2004) Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn. NXB Lao động xã hội, Hà Nội

[2]. Philip Kotler, John T.Bowen, James C. Makens (2006), Marketing for Tourism and Hospitality, Peason, USA.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126040 – QUẢN TRỊ KINH DOANH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Quản trị kinh doanh dịch vụ nhà hàng |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Restaurant Operations Management |
| Mã môn học: | 126040 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| Giảng viên phụ trách: | NCS. Lưu Tiến Dũng  Email: [dunglt@lhu.edu.vn](mailto:dunglt@lhu.edu.vn) |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Trần Thị Thu Hiền  Email: hienttt@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 3 |
| Lý thuyết: | 45 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 0 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Kinh tế du lịch |
| Môn học trước: | Kinh tế du lịch |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Là học phần bắt buộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung về quản trị nhà hàng, quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại nhà hàng; kế hoạch thực đơn; quản trị hoạt động phục vụ trong nhà hàng, phòng tiệc của khách sạn.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Biết các kiến thức, kĩ năng cơ bản và nâng cao trong hoạt động quản trị điều hành nhà hàng trong và ngoài khách sạn | EL06 |
| CEO2: Vận dụng kiến thức tổ chức, điều hành hoạt động của bộ phận nhà hàng đáp ứng nhu cầu khách hàng | EL06 |
| CEO3: Phối hợp với các bộ phận khác trong khách sạn nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống của khách hàng | EL06 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (EL06) | Hiểu biết được khái niệm về nhà hàng và kinh doanh nhà hàng; các đặc trưng cơ bản, nội dung của kinh doanh nhà hàng, quản trị nhà hàng. | T |
| CO2 (EL06) | Biết và quản lý các cơ sở vật chất, các trang thiết bị, dụng cụ, lao động của nhà hàng và quầy bar. | T |
| CO3 (EL06) | Nắm chắc và vận dụng kiến thức cơ bản về thực đơn, lên kế hoạch thực đơn, quản lý chi phí, giá bán dựa trên thực đơn. | T |
| CO4 (EL06) | Nắm rõ kiến thức về tổ chức, điều hành hoạt động phục vụ ăn uống cho khách theo các kế hoạch thực đơn và tiệc khác nhau. | T |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG**  1.1 Khái quát về hoạt động nhà hàng  1.2 Nội dung quản trị nhà hàng | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.2 cho điểm cộng (10%) |
| 2 | **CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ LAO ĐỘNG VÀ TRANG THIẾT BỊ DỤNG CỤ TẠI NHÀ HÀNG**  2.1 Quản lý lao động tại nhà hàng  2.2 Quản lý trang thiết bị dụng cụ tại nhà hàng | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 2.1 và 2.2 cho điểm cộng (30%) |
| 3 | **CHƯƠNG 3: KẾ HOẠCH THỰC ĐƠN**  3.1 Khái quát về món ăn, đồ uống | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 3.2 Tâm lý, khẩu vị, tập quán ăn uống | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 3.3 Khái niệm và phân loại thực đơn | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | 3.4 Xây dựng thực đơn | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 3.5 Quản lý hệ thống thực đơn | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | **CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ PHỤC VỤ ĂN UỐNG**  4.1 Kỹ thuật phục vụ ăn uống | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 4.2 Tổ chức phục vụ món ăn | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 4.3 Tổ chức phục vụ đồ uống | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.8** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | 4.4 Kiểm soát hoạt động phục vụ và xử lý tình huống | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn bài tập vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những bài tập tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.9** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO2,CO3,C04, CO5,CO6 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. 2014. Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.

Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương. 2008. Quản trị kinh doanh khách sạn. Hà Nội: NXB. ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.

Alan T.Stutts. 2006. Hotel and Lodging Management. USA: John Wiley & Son, INC.

David K. Hayes – Jack – Ninemeier. 2006. Hotel Operation Management. Upper Sadle River New Jersey.

Denny G.Rutherford, Michael J. O’Fallon. 2005. Hotel management and operations. USA: John Wiley & Son, INC.

John Cousin, David Lilicrap Suzanne Weekes. 2014. Food and Beverage Service-9 editions. USA: Hodder Education UR.

Trường Đại học Thương Mại. 2013. 555 món ăn Việt Nam. Hà Nội: NXB. Thống kê.

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126056 – TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Tuyến điểm du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Itineraries and Destinations |
| Mã môn học: | 126056 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Lưu Tiến Dũng  Email: luutiendung@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 3 |
| Lý thuyết: | 45 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 0 tiết |
| Tính chất của môn | Bắt buộc đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Tuyến điểm du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nhằm phát triển du lịch ở nước ta, các điểm du lịch, tuyến du lịch tại các vùng du lịch với những sản phẩm du lịch đặc trưng và hướng khai thác ở Việt Nam.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nhằm phát triển du lịch ở nước ta | ELO4 |
| CEO2: Hiểu được các điểm, tuyến du lịch tại các vùng và liên vùng du lịch của đất nước | ELO4 |
| CEO3: Hiểu được những sản phẩm đặc trưng và địa bàn khai thác du lịch chủ yếu tại các vùng du lịch | ELO4 |
| CEO4: Vận dụng sự hiểu biết của mình nhằm xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng và khai thác lãnh thổ du lịch phù hợp, hiệu quả | ELO4 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO4) | Hiểu được những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nhằm phát triển du lịch ở nước ta | T |
| CO2 (ELO4) | Hiểu và vận dụng được sự kiến thức về các tuyến điểm du lịch nhằm xây dựng sản phẩm du lịch và khai thác lãnh thổ du lịch hợp lý tại vùng du lịch Bắc Bộ | T,U |
| CO3 (ELO4) | Hiểu và vận dụng được sự kiến thức về các tuyến điểm du lịch nhằm xây dựng sản phẩm du lịch và khai thác lãnh thổ du lịch hợp lý tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ | T,U |
| CO4 (ELO4) | Hiểu và vận dụng được sự kiến thức về các tuyến điểm du lịch nhằm xây dựng sản phẩm du lịch và khai thác lãnh thổ du lịch hợp lý tại vùng du lịch Nam Trung Bộ | T,U |
| CO5 (ELO4) | Hiểu và vận dụng được sự kiến thức về các tuyến điểm du lịch nhằm xây dựng sản phẩm du lịch và khai thác lãnh thổ du lịch hợp lý tại vùng du lịch Tây Nguyên | T,U |
| CO6 (ELO4) | Hiểu và vận dụng được sự kiến thức về các tuyến điểm du lịch nhằm xây dựng sản phẩm du lịch và khai thác lãnh thổ du lịch hợp lý tại vùng du lịch Đông Nam Bộ | T,U |
| CO7 (ELO4) | Hiểu và vận dụng được sự kiến thức về các tuyến điểm du lịch nhằm xây dựng sản phẩm du lịch và khai thác lãnh thổ du lịch hợp lý tại vùng du lịch Tây Nam Bộ | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG TẠI VIỆT NAM**  1.1. Khái quát về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của nước ta | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.2. Khái quát về tài nguyên du lịch Việt Nam  1.3. Cơ sở hạ tầng du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2: ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH NỘI VÙNG VÀ LIÊN VÙNG CỦA VÙNG DU LỊCH BẮC BỘ**  2.1. Khái quát về vùng du lịch Bắc Bộ | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 2.2. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 2.3. Định hướng khai thác và xây dựng sản phẩm du lịch của vùng | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | **CHƯƠNG 3: ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH NỘI VÙNG VÀ LIÊN VÙNG CỦA VÙNG DU LỊCH BẮC TRUNG BỘ**  3.1. Khái quát về vùng du lịch Bắc Trung Bộ | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 3.2. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 3.3. Định hướng khai thác và xây dựng sản phẩm du lịch của vùng | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | **CHƯƠNG 4: ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH NỘI VÙNG VÀ LIÊN VÙNG CỦA VÙNG DU LỊCH NAM TRUNG BỘ**  4.1. Khái quát về vùng du lịch Nam Trung Bộ | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 4.2. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | 4.3. Định hướng khai thác và xây dựng sản phẩm du lịch của vùng | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | **CHƯƠNG 5: ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH NỘI VÙNG VÀ LIÊN VÙNG CỦA VÙNG DU LỊCH TÂY NGUYÊN**  5.1. Khái quát về vùng du lịch Tây Nguyên | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 5.2. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 5.3. Định hướng khai thác và xây dựng sản phẩm du lịch của vùng | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | **CHƯƠNG 6: ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH NỘI VÙNG VÀ LIÊN VÙNG CỦA VÙNG DU LỊCH ĐÔNG NAM BỘ**  6.1. Khái quát về vùng du lịch Đông Nam Bộ | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 6.2. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | 6.3. Định hướng khai thác và xây dựng sản phẩm du lịch của vùng | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | **CHƯƠNG 7: ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH NỘI VÙNG VÀ LIÊN VÙNG CỦA VÙNG DU LỊCH TÂY NAM BỘ**  7.1. Khái quát về vùng du lịch Tây Nam Bộ | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 7.2. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch | CO7 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | 7.3. Định hướng khai thác và xây dựng sản phẩm du lịch của vùng |  | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 21  (5tiết) | Thực tế doanh nghiệp | CO7 | Ứng dụng các kiến thức đã học vào tìm hiểu thực tiễn | **A2.19**  - Đưa những tình huống . Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6, CO7 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5, CO6, CO7 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6, CO7 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Minh Tuệ và nnk (2013), Địa lý du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội

[2]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (2008), Quy hoạch du lịch quốc gia và vùng, Khoa Du lịch, Viện Đại học Mở Hà Nội

[3]. Trần Đức Thanh (2017), Giáo trình Địa lý du lịch, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

[4]. Bùi Thị Hải Yến (2006), Tuyến điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126049 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 4>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Tiếng Hàn cho du lịch 4 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Korean for Tourism 4 |
| Mã môn học: | 126049 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Nguyễn Hoàng Kim Ngân  Email: hoangngan65@gmail.com |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Nguyễn Hoàng Kim Ngân  Email: hoangngan65@gmail.com |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | 0 |
| Môn học trước: | 0 |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ trung cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như mùa, thời tiết, gọi điện thoại, sở thích... Ngoài phần từ vựng, ngữ pháp, sinh viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại,nhằm giúp sinh viên hứng thú rèn luyện và phát triển các kĩ năng nghe, nói để có thể giao tiếp được với khách du lịch người Hàn Quốc.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu và nắm vững từ vựng, ngữ pháp | ELO3 |
| CEO2: Luyện nghe, nói và viết được những chủ đề liên quan đến nội dung bài học. | ELO3 |
| CEO3: Sử dụng thành thạo các câu nói trong một số tình huống cụ thể như mua sắm, sử dụng phương tiện công cộng, gọi điện thoại, du lịch,...ở mức độ tiền sơ cấp. | ELO3 |
| CEO4: Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp để sử dụng đúng mẫu câu tiếng Hàn trong giao tiếp căn bản | ELO3 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | Hiểu và vận dụng những từ vựng về văn hóa, xã hội Hàn Quốc ở trình độ sơ cấp | T |
| CO2 (ELO3) | Nghe và trả lời được những tình huống hỏi đáp | T |
| CO3 (ELO3) | Hiểu được ngữ pháp Tiếng Hàn, sử dụng đúng mẫu câu tiếng Hàn trong giao tiếp căn bản | T,U |
| CO4 (ELO3) | Hiểu và sử dụng tiếng Hàn trong giao tiếp du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(4tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **Ôn tập bài trước**  **8.3** Tên bài:늦으면전화할게요  Hoạt động chính: 전화로약속하기  Từ vựng:약속관련어위 trang 279  Ngữ pháp: 에게서, 한테서, -으면trang 280 | CO1 | -Nghiên cứu trước:  +Học thuộc bảng chữ  + Ôn tập các nguyên tắc đọc | **A1.1** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 2 | **8.4**  Tên bài:웨이씨좀바꿔주세요  Hoạt động chính: 전화로상대방바꿔달라고말하기  Từ vựng:통화관련어위 trang 287  Ngữ pháp: -을거예요, 만 trang 288 | CO1 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.2** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **8.5**  Tên bài:정리해봅시다 trang 292~297  Hoạt động chính: Ôn tập | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 4 | **제9과: 날씨와계절**  **9.1**  Tên bài:저는스키를탈수있는겨울이좋아요  Hoạt động chính: 계절에대해말하기  Từ vựng:계절관련어위 trang 301  Ngữ pháp: -는데, -은데trang 302, -을수있다 trang 302, 303 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 5 | **9.2**  Tên bài:날씨가조금흐린데요  Hoạt động chính: 오늘날씨말하기  Từ vựng:날씨관련어위 trang 309  Ngữ pháp: -은후에trang 310, -겠 trang 311 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.4** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 6 | **9.3**  Tên bài:오늘보다따뜻할것같아요  Hoạt động chính: 날씨비교하여말하기  Từ vựng:날씨관련어휘trang 317  Ngữ pháp: 보다 trang 318, -을것같다 trang 319 | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.5** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 7 | **9.4**  Tên bài:저기에서사람들이운동을하고있어요.  Hoạt động chính: 계절활동말하기  Từ vựng:계절활동관련어휘 trang 325  Ngữ pháp: -는군요,-고있다 trang 326, 327 | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.6** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 8 | **9.5**  Tên bài:정리해봅시다 trang 332  Hoạt động chính: Ôn tập  THI GIỮA HỌC PHẦN | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.7** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 9 | **제10과: 휴일과방학**  **10.1**  Tên bài:설악산에가려고해요  Hoạt động chính: 계획말하기  Từ vựng:휴일관련어휘trang 339  Ngữ pháp: -으려고하다, 동안trang 340, 341 | CO3 | Chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ, tự ôn tập từ | **A1.8** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 10 | **10.2**  Tên bài:시간이있을때는여행을가요  Hoạt động chính:취미활동말하기  Từ vựng: 취미활동관련어휘trang 347  Ngữ pháp: -을때, 중에서~제일 trang 348, 349 | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.9** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 11 | **10.3**  Tên bài:극장에자주못가요  Hoạt động chính:취미활동말하기  Từ vựng:영화관련어휘 trang 355, 356  Ngữ pháp: 에~쯤, 못trang 357  Nghe: CD2: 53~54 trang 354  Luyện nghe: CD2: 56 trang 358  Luyện nói và viết: trang 359 | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.10** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 12  **(1tiết)** | **10.4**  Tên bài:산책을하고집에서쉬었어요.  Hoạt động chính: 주말활동이야기하기  Từ vựng:운동관련어휘trang 363  Ngữ pháp: -기전에, -지못하다  trang 364, 365  **10.5**  Tên bài:정리해봅시다 trang 370 | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.11** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO2,CO3,CO4 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1] 연세한국어 1-2, YONSEI KOREAN 1-2 (English Version)연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007 [Tiếng Hàn 1-2 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007.]

[2] 연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version)연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007. [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007].

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126053 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 4>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Tiếng Nhật du lịch 4 |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Japannish for Tourism 4 |
| Mã môn học: | 126053 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Quản trị - Kinh tế quốc tế |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Nguyễn Thị Như Thường  Email: thuongntn@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Như Thường  Email: thuongntn@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | 0 |
| Môn học trước: | 0 |

## 2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Học phần gồm 4 bài (từ bài 12-16) của giáo trình みんなの日本語初級I (Minna no Nihongo Shokyu I) tập trung vào việc phân loại, cách chia và so sánh các tính từ; giới thiệu cấu trúc câu mục đích, giới thiệu thể て, và cách sử dụng; giới thiệu mẫu câu xin phép, cấu trúc câu cấm đoán; giới thiệu cấu trúc câu khả năng, sở thích; giới thiệu cấu trúc câu liên kết động từ, tính từ.

Trong mỗi bài, SV được giải thích những điểm ngữ pháp mới, sau đó luyện tập và vận dụng vào thực tế thông qua nhiều hình thức như hỏi đáp với GV, đàm thoại với bạn trong lớp, dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật, đọc hiểu và trả lời câu hỏi…

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1:Hiểu thêm vốn từ vựng (khoảng 100 từ) về danh từ chỉ thời tiết, danh từ chỉ các bộ phận của cơ thể người; động từ chỉ các hoạt động vui chơi, giải trí, làm việc; du lịch; các tính từ chỉ sự so sánh… | ELO3 |
| CEO2: Hiểu rõ sự biến đổi thì của động từ, tính từ | ELO3 |
| CEO3: Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp được cung cấp từ tiếng Nhật 1 đến tiếng Nhật 4 | ELO3 |
| CEO4: Vận dụng tốt những kiến thức vào tình huống giao tiếp thực tế phù hợp với trình độ | ELO3 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO3) | Hiểu được thêm khoảng 100 từ vựng về cuộc sống công việc và du lịch | T |
| CO2 (ELO3) | Biết được biến đổi thì của động từ, tính từ | T |
| CO3 (ELO3) | Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp được cung cấp từ tiếng Nhật 1 đến tiếng Nhật 4 | T,U |
| CO4 (ELO3) | Vận dụng tốt những kiến thức vào tình huống giao tiếp thực tế phù hợp với trình độ | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(4tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | -Làm quen lớp, giới thiệu đề cương, phương pháp học và tự học  - Ôn tập Tiếng Nhật 3 | CO1 | -Nghiên cứu trước:  +Học thuộc bảng chữ  + Ôn tập các nguyên tắc đọc | **A1.1** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 2 | **Bài 12:**  - Đọc từ vựng mới  - Phân loại tính từ (ôn lại)  - Cách biến đổi tính từ:  + Thì quá khứ dạng khẳng định  Cấu trúc  **イ形容詞　bỏ**い + かった  **ナ形容詞**　でした  + Thì quá khứ dạng phủ định.  Cấu trúc  **イ形容詞**くなかったです  **ナ形容詞**じゃありませんでした | CO1 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.2** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **Bài 12 (tt):**  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 2 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Hướng dẫn cấu trúcso sánh:  + So sánh hơn: N1は N2より+ イ形容詞/ナ形容詞です  + Câu hỏi so sánh: N1と N2と+ どちらが＋イ形容詞/ナ形容詞ですか  ＋So sánh nhất: N1で＋なに/だれ/どこ/いつ+がいちばん+イ形容詞/ナ形容詞ですか | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 4 | **Bài 12 (tt):**  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 3 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Bài tập nghe bài 12  - Luyện đàm thoại sử dụng cấu trúc bài 12, chủ đề tự do | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.3** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 5 | **Bài 13:**  - Đọc, ghi nhớ từ vựng mới  - Cấu trúc dùng dể biểu thị ý muốn 1 cái gì đó: ものが　ほしいです và cách chia như イ形容詞  -Cấu trúc nói lên ước muốn được làm gì đó: なに+ が/を/に + Vます(bỏ ます)+たいです(か) | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.4** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 6 | **Bài 13 (tt):**  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 5 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Cấu trúc chỉ dùng để biểu thị mục đích ý rằng đi đến đâu để làm cái gì đó: N (place) +　へ　+　N/ V (bỏ ます) + に　+　いきます/きます/かえります | CO2 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.5** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 7 | **- Kiểm tra tổng hợp bài 12 + 13**  **Bài 14:**  - Đọc, ghi nhớ từ vựng mới, đặc biệt là các từ ghi nhóm I, II, III  - Phân biệt động từ ở nhóm nào và cách chia động từ ở thể て  - Cấu trúc: Hãy (yêu cầu ai làm gì đó) てください  - Cấutrúc: đang làm gì đó ています | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.6** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 8 | **Bài 14 (tt):**  - Trả và sửa bài kiểm tra  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 8 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Bài tập nghe bài 14  - Luyện đàm thoại sử dụng cấu trúc bài 14, chủ đề tự do  - Hướng dẫn SV tự ôn luyện Kanji | CO3 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.7** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 9 | **Bài 15:**  - Đọc, ghi nhớ từ vựng mới  - Cấu trúc: Hỏi 1 người nào rằng mình có thể làm 1 điều gì đó? Hay bảo một ai rằng học có thể làm điều gì đó? 　Vて+もいいです＋か  - Cấu trúc: Nói với ai đó rằng họ không được phép làm điều gì đó.  Vて+　は +　いけません | CO3 | Chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ, tự ôn tập từ | **A1.8** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 10 | **Bài 15 (tt):**  - Ôn tập, kiểm tra bài học buổi 10 thông qua việc sửa bài tập nhà  - Bài tập nghe bài 15  - Luyện đàm thoại sử dụng cấu trúc bài 15, chủ đề tự do  - Hướng dẫn SV tự ôn luyện Kanji | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.9** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 11 | **Bài 16:**  - Đọc, ghi nhớ từ vựng mới  - Cấu trúc ghép các câu đơn thành câu ghép bằng cách dùng thể て:  V1て, V2て, ........Vます  - Cấu trúc: sau khi làm V1 thì làm V2=> V1てから+V2  - Cấu trúc: nói về đặc điểm của ai đó, của cái gì đó hoặc 1 nới nào đó=> N1はN2 が +イ形容詞/ナ形容詞です  - Cách nối câu đối với tính từ đuôiい bỏ いthêmくて; tính từ đuôiなbỏ な thêmで | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.10** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |
| 12  **(1tiết)** | **- Kiểm tra tổng hợp**  **Bài 16 (tt):**  - Trả và sửa bài kiểm tra, tập trung những điểm SV sai nhiều  - Hướng dẫn SV tự ôn luyện Kanji | CO4 | -Nghiên cứu trước:  + ôn từ vựng và ngữ pháp | **A1.11** Thảo luận, thực hành về chủ đề, cho điểm cộng (10%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1,CO2,CO3,CO4 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1,CO2,CO3,CO4 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1].みんなの日本語初級I (2002) (Minna no Nihongo Shokyu I), スリーエーネットワーク3A Corporation.

[2]. みんなの日本語初級I ベトナム語語彙訳（Minna no Nihongo Shokyu I betonamugo goiyaku）

[3]. みんなの日本語初級I (Minna no Nihongo Shokyu I), 漢字 I (英語版)

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126042 – QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ LỄ HỘI >**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Quản trị sự kiện và lễ hội |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Management of festival and event |
| Mã môn học: | 126042 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Lưu Tiến Dũng  Email: luutiendung@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 tiết |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn đối với sinh viên ngành |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Quản trị sự kiện và lễ hội là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức về các loại hình du lịch sự kiện và hội nghị, lễ hội, các loại hình tổ chức quản lý thực hiện loại dịch vụ này. Quy trình phục vụ khách hàng đối với mỗi loại dịch vụ cho từng loại khách hàng và kích thích sự tái sử dụng dịch vụ của khách hàng.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về các loại hình du lịch sự kiện và hội nghị, lễ hội | ELO6 |
| CEO2: Hiểu được các các loại hình tổ chức quản lý thực hiện loại dịch vụ du lịch đặc thù này | ELO6 |
| CEO3: Hiểu được cách thức lập kế hoạch, triển khai tổ chức thực hiện hoạt động du lịch lễ hội và sự kiện | ELO6 |
| CEO4: Vận dụng các nội dung trong bài để có thể thiết kế sản phẩm, bán và tổ chức thực hiện sản phẩm du lịch lễ hội và sự kiện | ELO6 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO6) | Hiểu được những kiến thức cơ bản về du lịch lễ hội và sự kiện | T |
| CO2 (ELO6) | Hiểu được cách lập kế hoạch cho sự kiện và lễ hội | T |
| CO3 (ELO6) | Hiểu được nội dung về hoạt động marketing cho sự kiện và lễ hội | T |
| CO4 (ELO6) | Hiểu và phân tích được nội dung quản trị dự án cho sự kiện và lễ hội | T,U |
| CO5 (ELO6) | Vận dụng được các quy tắc để triển khai dự án sự kiện và lễ hội | T,U |
| CO6 (ELO6) | Vận dụng được vào hoạt động kinh doanh du lịch sự kiện và lễ hội trong kinh doanh khách sạn | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ SỰ KIỆN VÀ LỄ HỘI**  1.1. Các khái niệm về sự kiện và lễ hội  1.2. Phân loại sự kiện sự kiện và lễ hội | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.3. Những tác động của sự kiện đối với kinh tế - xã hội  1.4. Khái niệm về du lịch sự kiện, lễ hội MICE | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | **CHƯƠNG 2 : LẬP KẾ HOẠCH CHO SỰ KIỆN VÀ LỄ HỘI**  2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò kế hoạch trong tổ chức sự kiện và lễ hội | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 2.2. Thiết kế ý tưởng về sự kiện và lễ hội | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 2.3. Các bên liên quan trong tổ chức sự kiện và lễ hội | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | **CHƯƠNG 3 : TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG MARKETING CHO SỰ KIỆN VÀ LỄ HỘI**  3.1. Tổng quan về marketing sự kiện và lễ hội | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 3.2. Tiến trình ra quyết định mua của khách hàng sự kiện và lễ hội | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 3.3. Xây dựng chiến lược marketing cho sự kiện và lễ hội | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 3.4. Marketing hỗn hợp cho sự kiện và lễ hội | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 3.4. Marketing hỗn hợp cho sự kiện và lễ hội | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | **CHƯƠNG 4 : QUẢN TRỊ DỰ ÁN SỰ KIỆN VÀ LỄ HỘI**  4.1. Các kỹ thuật quản trị dự án sự kiện và lễ hội  4.2. Kiểm soát và ngân sách | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 4.3. Nhân lực  4.4. Quản trị rủi ro và những vấn đề pháp lý trong tổ chức sự kiện | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | **CHƯƠNG 5 : TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN SỰ KIỆN VÀ LỄ HỘI**  5.1. Hậu cần sự kiện và lễ hội | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | 5.2. Dàn dựng sự kiện và lễ hội | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 5.3. Khai mạc và điều hành diễn biến sự kiện và lễ hội | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 5.3. Khai mạc và điều hành diễn biến sự kiện và lễ hội | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | 5.4. Đánh giá và kết thúc sự kiện và lễ hội | CO5 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | **CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC KINH DOANH DU LỊCH MICE TRONG KHÁCH SẠN**  6.1. Trình tự yêu cầu của một đoàn khách MICE  6.2. Tổ chức nhân sự và các bộ phận phục vụ | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 6.3. Nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh  6.4. Sản phẩm bán cho thị trường MICE | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | 6.5. Các nhà cung cấp các dịch vụ bổ trợ  6.6. Đào tạo bồi dưỡng nhân viên sales và nhân viên chuyên phục trách thị trường MICE  6.7. Quảng bá khách sạn cho thị trường MICE | CO6 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 21  (5tiết) | Thực tế doanh nghiệp | CO6 | Ứng dụng các kiến thức đã học vào tìm hiểu thực tiễn | **A2.19**  - Đưa những tình huống . Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6 | 10% |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | CO2,CO3,CO4,CO5, CO6 | 30% |
| A3. Thi cuối kỳ | CO1, CO2,CO3, CO4, CO5,CO6 | 60% |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

[1]. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2015) Quản trị sự kiện và lễ hội, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội

**Tài liệu tham khảo**

[1] Milton .T. Astroff and James .R. Abbey (1998), Convention Sales and Services, Waterbury Press

[2] Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2015), Marketing du lịch. NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**<126028 – BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH>**

## 1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học (tiếng Việt): | Bảo vệ môi trường du lịch |
| Tên môn học (tiếng Anh): | Invironmental protectin of tourism |
| Mã môn học: | 126028 |
| Thuộc khối kiến thức: | Chuyên ngành |
| Khoa/Bộ môn phụ trách: | Nhà hàng – Khách sạn |
| Giảng viên phụ trách: | ThS. Phan Văn Hải  Email: haipv@lhu.edu.vn |
| Giảng viên tham gia giảng dạy: | ThS. Lưu Tiến Dũng  Email: luutiendung@lhu.edu.vn |
| Số tín chỉ: | 2 |
| Lý thuyết: | 15 tiết |
| Thực hành: | 0 |
| Bài tập: | 30 tiết |
| Tính chất của môn | Tự chọn |
| Môn học tiên quyết: | Không |
| Môn học trước: | Không |

**2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)**

Bảo vệ môi trường du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường và môi trường du lịch, tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường trong du lịch. Đồng thời đưa ra được các giải pháp nhằm phát triển du lịch bền vững.

## 3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course Goals)

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả | **Ánh xạ tới CĐR của CTĐT** |
| CEO1: Hiểu được những vấn đề cơ bản về môi trường và môi trường du lịch. | ELO4 |
| CEO2: Hiểu được các các giải pháp nhằm phát triển du lịch bền vững | ELO4 |
| CEO3: Hiểu được vai trò của công tác bảo vệ môi trường trong du lịch | ELO10 |
| CEO4: Vận dụng được các kiến thức về bảo vệ môi trường du lịch và phát triển du lịch bền vững | ELO4 |

## 4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐRMH** | **Mô tả CĐRMH** | **Mức độ**  **giảng dạy** |
| CO1 (ELO4) | Hiểu được những kiến thức cơ bản về môi trường và môi trường du lịch | T |
| CO2 (ELO4) | Hiểu được các nội dung cơ bản về du lịch bền vững | T |
| CO3 (ELO4) | Hiểu và phân tích đánh giá được nội dung về phát triển du lịch tại các vùng du lịch sinh thái bền vững | T,U |
| CO4 (ELO4) | Vận dụng được cơ sở lý luận của bảo vệ môi trường du lịch trong công tác phát triển du lịch | T,U |

## 5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, Lesson plan)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi học**  **(2tiết)** | **Nội dung** | **CĐRMH** | **Hoạt động**  **dạy và học** | **Hoạt động**  **đánh giá** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG**  1.1 Môi trường và môi trường du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. |  |
| 2 | 1.1 Môi trường và môi trường du lịch | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn đọc tài liệu  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A1.1** Đưa những câu hỏi nhỏ về mục 1.1, 1.4 cho điểm cộng (10%) |
| 3 | 1.2 Ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến môi trường | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.1** Đưa những câu hỏi tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.1** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 4 | 1.2 Ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến môi trường | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.2** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.2** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 5 | 1.2 Ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến môi trường | CO1 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.3** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.3** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 6 | **CHƯƠNG 2. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG**  2.1 Khái quát về phát triển du lịch bền vững | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.4** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.4** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 7 | 2.1 Khái quát về phát triển du lịch bền vững | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.5** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.5** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 8 | 2.2 Thực trạng quản lý bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.6** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.6** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 9 | 2.2 Thực trạng quản lý bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.7** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.7** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 10 | 2.3 Định hướng thúc đẩy phát triển du lịch bền vững | CO2 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.8**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 11 | **CHƯƠNG 3. DU LỊCH BỀN VỮNG Ở CÁC KHU DU LỊCH SINH THÁI NHẠY CẢM**  3.1 Du lịch bền vững ở vùng biển | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.9**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 12 | 3.2 Du lịch bền vững ở vùng núi | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.8** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.10** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 13 | 3.3 Du lịch bền vững ở các vùng sinh thái hoang sơ | CO3 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.9** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.11** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 14 | **CHƯƠNG 4. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG DU LỊCH**  4.1 Khái quát về bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm bài tập vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm tình huống về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.10** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.12** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 15 | 4.1 Khái quát về bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.11** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.13** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 16 | 4.2 Một số nguyên tắc quản lý tài nguyên nhằm bảo vệ môi trường trong du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.12** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.14** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 17 | 4.2 Một số nguyên tắc quản lý tài nguyên nhằm bảo vệ môi trường trong du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.13** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.15** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 18 | 4.3 Một số biện pháp quản lý tài nguyên nhằm bảo vệ môi trường trong du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A3.14** Đưa những tình huống tại lớp để hướng dẫn thi cuối kỳ (60%)  **A2.16** Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 19 | 4.3 Một số biện pháp quản lý tài nguyên nhằm bảo vệ môi trường trong du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.17**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV điểm cộng nếu có đáp án nhanh và đúng (30%) |
| 20 | 4.3 Một số biện pháp quản lý tài nguyên nhằm bảo vệ môi trường trong du lịch | CO4 | **Dạy**: GV thuyết giảng và hướng dẫn tình huống vận dụng  **Học ở lớp**:  - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;  - Làm tình huống vận dụng  **Học ở nhà**:  - Làm bài tập về nhà  - Xem trước tài liệu GV cung cấp trước ở nhà. | **A2.18**  - Đưa những tình huống tại lớp. Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |
| 21  (5tiết) | Tham quan thực tế | CO4 | Ứng dụng các kiến thức đã học vào tìm hiểu thực tiễn | **A2.19**  - Đưa những tình huống . Cho SV tìm hiểu thực tiễn và báo cáo cộng điểm (30%) |

## 6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **CĐRMH** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Quá trình (tham gia xây dựng bài, bài tập ở lớp, bài tập về nhà) | *CO1, CO2,CO3, CO4* | *10%* |
| A2. Thi/ Kiểm tra/ Bài tập lớn giữa kỳ | *CO2,CO3,CO4* | *30%* |
| A3. Thi cuối kỳ | *CO1, CO2,CO3, CO4* | *60%* |

## 7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo quy định của nhà trường

- Sinh viên đọc nghiên cứu tài liệu môn học do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn và bài tập nhanh trên lớp: sẽ được cho điểm cộng vào điểm quá trình 10% hoặc điểm 30% của sinh viên.

## 8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

**Giáo trình**

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Luật du lịch Việt Nam 2017. NXB Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội

# [2]. Nghị định 28/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo

[3] [Lê Văn Thăng](http://www.minhkhai.com.vn/store2/index.aspx?ss&ShopID=0&searchText=L%c3%aa+V%c4%83n+Th%c4%83ng) và nnk (2008), *Giáo trình Du lịch và Môi trường,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

*Đồng Nai, ngày ..... tháng ......năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/ bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |  | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

|  |
| --- |
|  |

**PHỤ LỤC**

**1. Tài liệu tham khảo**

- Chương trình đào tạo và tài liệu của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

- Chương trình đào tạo và tài liệu của Trường Đại học Hoa Sen.

**2. CTĐT tham khảo đối chiếu với chương trình này**

**BẢNG 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **ĐỐI CHIẾU** | **Đại học Lạc Hồng** | **Đại học Kinh tế Thành phố HCM** | **Tỉ lệ giống**  **%** |
| Khối kiến thức giáo dục đại cương | **33** | **37** |  |
| Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | **78** | **87** |
| Trong đó: |
| **+ Cơ sở ngành** | **33** | **34** |
| **+ Chuyên ngành** | **45** | **53** |
| **Môn học tương đồng:** |  |  |  |
| +Môn học lý luận chính trị | 11 | 10 | 100% |
| + Môn học Khoa học, xã hội học  + Ngoại ngữ | 2  12 | 2  12 | 100%  108% |
| + Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên | 5 | 10 | 80% |
| + Cơ sở ngành | 27 | 29 | 93% |
| + Chuyên ngành | 34 | 37 | 92% |
|  |  |  |  |

**BẢNG 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **ĐỐI CHIẾU** | **Đại học Lạc Hồng** | **Đại học Hoa Sen** | **Tỉ lệ giống**  **%** |
| Khối kiến thức giáo dục đại cương | **33** | **35** |  |
| Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | **78** | **85** |
| Trong đó: |
| **+ Cơ sở ngành** | **33** | **25** |
| **+ Chuyên ngành** | **45** | **60** |
| **Môn học tương đồng:** |  |  |  |
| +Môn học lý luận chính trị | 11 | 10 | 100% |
| + Môn học Khoa học, xã hội học  + Ngoại ngữ | 2  12 | 2  14 | 100%  93% |
| + Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên | 5 | 10 | 80% |
| + Cơ sở ngành | 33 | 25 | 88% |
| + Chuyên ngành | 45 | 34 | 88% |
|  |  |  |  |